LÊ VĂN VỊ

Ghi chép về NHÀ GIÁO – LIỆT SĨ

(TẬP 1)

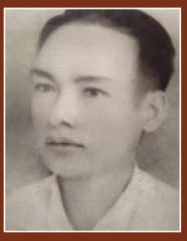

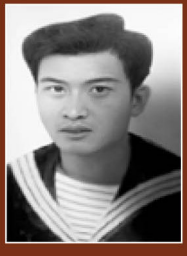

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

LÊ VĂN VỊ

Sinh ngày: 25/5/1955

- Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam.
- Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.
- Ủy viên BBT Tạp chí Nhà văn và Cuộc sống, Hội Nhà văn Việt Nam.
- Chi hội trưởng Chi hội Nhà văn Việt Nam tại Hà Tĩnh.

TÁC PHẨM:

- Hoa xương rồng (Tập thơ, 2001).
- Lời của cây (Tập thơ, 2004).
- Nhặt (Tập thơ, 2007).
- Ngộ (Tập thơ, 2009).
- Xuyến chi (Tập thơ, 2012).
- Đi qua nỗi buồn (Tập thơ , 2014).
- Tự khúc (Tập thơ, 2016).
- Thưa mẹ (Tập thơ, 2014).
- Xách giày cao gót cho em (Tập thơ, 2017).
- Người biết việc (Tập bút ký, phóng sự, 2005).
- Muôn nỗi vui buồn (Tập bút ký, phóng sự, 2008).
- Sơn Kim ơi (Ghi chép, 2016).
- Khởi nghiệp từ giọt nước (Tập phóng sự, 2020).
- Hoa sim Đồng Lộc (Tập bút ký, phóng sự, 2023).
- Ghi chép về nhà giáo - liệt sĩ (tập 1, 2025).

GIẢI THƯỞNG:

- Giải C Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam cho tập thơ: "Ngộ" (2010).
- Giải A cuộc thi về giáo dục do báo Văn nghệ, Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức với 5 bút ký, phóng sự.
- Và gần 20 giải báo chí, văn học khác.

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào nếu không được phép của Nhà xuất bản Nghệ An

GHI CHÉP VỀ NHÀ GIÁO - LIỆT SĨ

(TẬP 1)

TÁI BẢN LẦN THỨ NHẤT, CÓ BỔ SUNG

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung
Giám đốc, Tổng biên tập ThS. BÙI THỊ NGỌC

Biên tập: **ThS. Trịnh Thị Thuỳ**

Bìa: **Hoạ sĩ Đặng Thiện Chân**

Chấp nhận đăng ký XB số: 1109-2026/CXBIPH/03-12/NA.
Quyết định xuất bản số: 53/QĐĐT-NXBNA, cấp ngày 31/3/2026.
ISBN: 978-632-629-099-8
Nộp lưu chiểu quý II năm 2026.

Ghi chép về

NHÀ GIÁO - LIỆT SĨ

Tái bản lần thứ nhất, có bổ sung

"Máu đào của các liệt sĩ đã làm cho lá cờ cách mạng thêm đỏ chói. Sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ đã chuẩn bị cho nước ta nở hoa độc lập, kết quả tự do. Nhân dân ta đời đời ghi nhớ công ơn các liệt sĩ và chúng ta phải luôn luôn học tập tinh thần dũng cảm của các liệt sĩ để vượt tất cả mọi khó khăn, gian khổ, hoàn thành sự nghiệp cách mạng mà các liệt sĩ đã chuyển lại cho chúng ta".

(Phát biểu tại Lễ kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh)

LỜI THƯA!

Ý tưởng ghi chép về nhà giáo - liệt sĩ được nung nấu từ lâu, nhưng phải đến năm 2025, tôi mới bắt đầu thực hiện.

Trong quá trình thu thập tư liệu, tôi gặp quá nhiều khó khăn. Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, nhiều người thân, đồng nghiệp, bạn bè của các nhà giáo - liệt sĩ đã không còn. Hồ sơ, tài liệu về các nhà giáo - liệt sĩ cũng bị thất lạc, mất mát…

Để có được những tư liệu tin cậy, tôi đã trải qua một hành trình âm thầm, lặng lẽ, kiên nhẫn kết nối, liên hệ, trao đổi và xác minh thông tin… Trong hành trình ấy, tôi đã được lãnh đạo Sở Giáo dục & Đào tạo Hà Tĩnh, lãnh đạo các cơ sở Giáo dục, đồng nghiệp, bạn bè đã nghỉ hưu hay còn công tác, đặc biệt là thân nhân, đồng nghiệp, học sinh cũ, đồng đội của các nhà giáo - liệt sĩ đã tin cậy trao cho những tư liệu vô giá, để tôi có tư liệu hoàn thành bản thảo…

Tôi tin là mình đã được "*âm phù, dương trợ*". Có lẽ hồn vía các nhà giáo - liệt sĩ đã phù hộ độ trì cho tôi sức khỏe để "*chân cứng đá mềm*", hoàn thành bản thảo trước thời gian dự đinh gần 3 tháng.

Nhân dịp tái bản cuốn sách: GHI CHÉP VỀ NHÀ GIÁO - LIỆT SĨ - Tập 1, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến tất cả những người đã đồng hành. Cảm ơn Họa sĩ Đặng Thiện Chân đã thiết kế bìa sách, cảm ơn Họa sĩ Trần Vinh, Đặng Thiện Chân đã thiết kế phụ bản cho tập 1 cuốn sách; cảm ơn Trần Thanh Cần đã nhận chỉnh sửa một số ảnh tư liệu về các liệt sĩ.

Đặc biệt chúng tôi cảm ơn bà Đinh Thị Nguyên, ông Nguyễn Xuân Lam, ông Nguyễn Văn Quang, ông Đào Thanh Anh đã hỗ trợ một phần kinh phí tái bản, phát hành tác phẩm.

Nhân dịp tái bản cuốn sách, chúng tôi đã sửa chữa những lỗi mà Luật sư Trần Hữu Huỳnh, ông Nguyễn Công Cũng (em trai liệt sĩ Nguyễn Công Việt), bà Nguyễn Thị Xuân (chị dâu liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông) đã góp ý, đồng thời chúng tôi bổ sung vào sách phần: Phản hồi từ độc giả, là những cảm nhận của nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình văn học cũng như độc giả sau khi đọc tác phẩm.

Trân trọng cảm ơn!

TÁC GIẢ

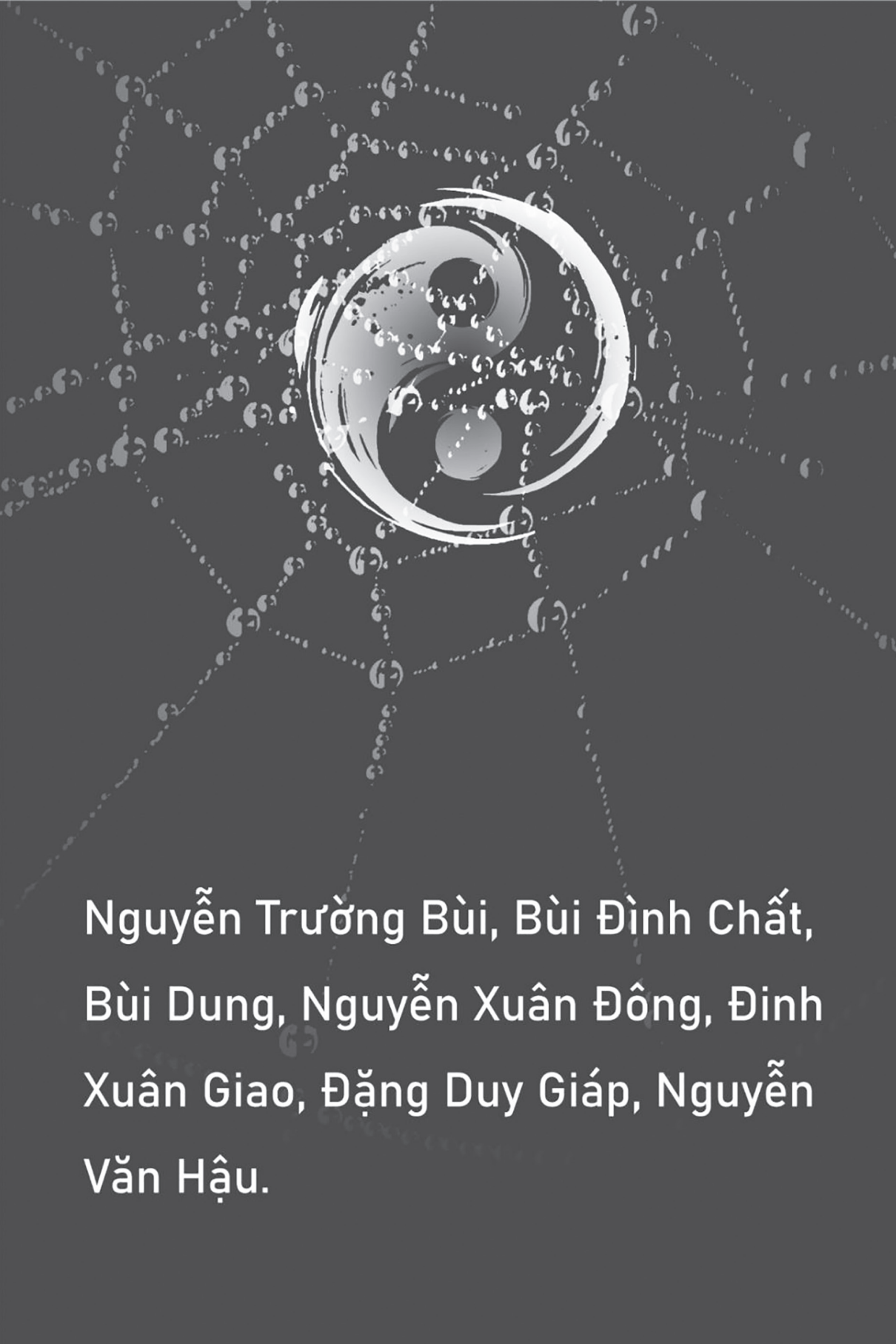

Nguyễn Trường Bùi, Bùi Đình Chất, Bùi Dung, Nguyễn Xuân Đông, Đinh Xuân Giao, Đặng Duy Giáp, Nguyễn Văn Hậu.

NGỌN LỬA...

Sinh ra, lớn lên trong một gia đình yêu nước, cách mạng tại xã Cẩm Trung huyện Cẩm Xuyên (cũ), Nguyễn Trường Bùi (1941-1968) đã tiếp nối truyền thống gia đình, say mê bút nghiên, dấn thân vào con đường độc lập dân tộc, để rồi hy sinh cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Thân sinh của liệt sĩ là ông Nguyễn Trường Căn (1923-1957) - nguyên Cán bộ kiểm tra Tỉnh ủy Hà Tĩnh và bà Nguyễn Thị Thịnh (1923-1984) - nguyên Hội trưởng Hội Phụ nữ xã Cẩm Trung. Ông bà đã hướng sáu người con đi theo con đường cách mạng.

Tuổi thơ tài hoa

Trong ký ức của gia đình, người thân, thời hoa niên của Nguyễn Trường Bùi là một chàng trai:*"Anh hoa phát tiết ra ngoài"*. *"Học giỏi. Sáo hay. Vẽ tài. Lại khéo tay! Hội tụ nhiều năng khiếu"*. Thầy giáo Nguyễn Trường Biều luôn tự hào khi nhắc đến người anh trai cả của mình.

Một chiều mùa hè 2025, những mẩu chuyện chân thực, sinh động của thầy Biều về người anh trai khiến tôi mê mải nghe, mà quên đi cái nắng oi nồng đầu hè đổ lửa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ Nguyễn Cường Bùi

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Rằng trong 6 anh em, người nào học cũng khá giỏi, nhưng anh Bùi *"nhỉnh"* hơn. *"Anh học giỏi các môn khoa học tự nhiên. Riêng môn Toán, anh giỏi Số và Đại. Còn Hình, học thường thường. Anh học lớp trên. Tôi (Nguyễn Trường Biểu) học lớp dưới. Tôi ngưỡng mộ anh lắm. Về nhà, thỉnh thoảng anh ra bài cho tôi làm. Có lần, anh ra bài toán về Hình học. Tôi gặm không ra. Nhưng anh cũng cắm bút không giải được. Rồi bất chợt anh khóc! Sau đó, anh kiên trì luyện tập, phấn đấu đạt mức siêu Hình học. Chuyện này tôi nhớ mãi"*. Thầy Biểu tâm sự.

Ngày ấy, phương tiện học tập thiếu thốn. Nhớ lắm, đam mê món vẽ, anh Bùi sáng tạo, nhặt quả mua cho màu tím, củ nghệ cho màu vàng, quả dầu máu cho màu đỏ … để vẽ. Hồi đó, có được bút chì xanh đỏ hai màu là đẳng cấp lắm rồi. Ấy

vậy mà những bức vẽ của Bùi vẫn hiện lên sinh động: Cánh đồng mùa gặt, bãi cỏ, chăn trâu, cánh cò trắng, đường đi học... Đó là cả một thế giới tuổi thơ đã đi vào hội họa thuở học trò của Bùi.

Bùi cũng ham chơi. Thả diều, đánh cụ, chọi gụ, thổi sáo, gì cũng ham. *"Ấn tượng nhất là anh tự làm diều, tự đẽo gụ. "Nhất si, nhì đa, ba ổi". Những con gụ được anh đẽo từ cành ổi thật đẹp, thật bóng. Nhớ lắm, hồi nhỏ, anh đẽo cho tôi một con, quấn bằng dây chuối xe săn. Hai anh em chốt gụ xoay tít giữa sân. Như vừa hôm qua!. Làm sao quên được!"*. Thầy Biểu nhớ lại.

Từ rau má lớn lên

Năm 1954, Nguyễn Trường Bùi tốt nghiệp cấp hai, ra Nam Định tu nghiệp ngành Ngân hàng. Cũng trong năm đó, bố ông là Nguyễn Trường Căn (cán bộ Tỉnh ủy) bị quy sai địa chủ và giam cầm trong nhà lao. Cô Nguyễn Thị Phương (con thứ 4, em gái LS Nguyễn Trường Bùi) nhớ lại: *"Trong tù, bố gửi thư về nhắc mẹ con chỉ ăn rau má, đừng ăn rau khoai. Nhớ lời bố dặn, bảy mẹ con bà Nguyễn Thị Thịnh vâng lời. Mỗi lần đi học về, mấy chị em thay nhau lên rừng, ra đồng đào rau má. Anh Bùi siêng năng chăm chỉ. Rau má, chủ yếu băm nấu cháo, khi thì với mít non, khi với ngô, khi thì gạo, thỉnh thoảng ăn sống, hoặc trộn với hoa chuối. Cứ thế bảy mẹ con sống qua ngày đoạn tháng"*. Phương buồn bã kể.

Tháng 8/1956, sửa sai, ông Căn được trả lại tự do. Nhưng bệnh tật, ốm đau, phải vào nhà thương Thị xã Hà Tĩnh. Ngày 16/2/1957, ông Nguyễn Trường Căn trút hơi thở cuối cùng. *"Lúc ấy, bố tôi vẫn chưa được phục hồi đảng viên"*. Thầy Biểu tiếc nuối.

Trước bàn thờ tổ tiên và Liệt sĩ Nguyễn Trường Bùi
Ảnh (từ trái sang): Ông Nguyễn Trường Biểu (em trai LS),
tác giả, thầy Trần Hữu Doãn (CGC)

Cũng trong thời gian tận cùng xót xa đó, Nguyễn Trường Bùi ốm đau, bệnh tật, không đủ sức khỏe để dự tuyển vào ngành Ngân hàng. Bao nhiêu buồn đau chồng chất. *"Mẹ con chúng tôi bình tĩnh, bản lĩnh, không oán trách, không gục ngã để đi qua những năm tháng cam go ấy, nhất là không dao động, một lòng tin vào sự sáng suốt của Đảng, cho nên sáu anh em của tôi (hai trai, bốn gái) đều tiếp tục học hành, trở thành cán bộ CNV nhà nước. Chúng tôi phận rau má, trưởng thành, vươn lên hữu ích"*. Thầy Biểu rưng rưng xúc động.

Trong thời gian đau thương đó, anh Nguyễn Trường Bùi đầu đơn vào lớp Sư phạm cấp tốc ở Thạch Trung, Thị xã Hà

Tĩnh. Tháng 3 năm 1958, Nguyễn Trường Bùi được phân công về trưởng cấp Một Kỳ Bắc. Sau một năm thì lại được điều động về cấp Một Kỳ Tiến. Ba năm sau, thầy Nguyễn Trường Bùi vinh dự được đứng trong hàng ngũ Đảng. Tháng 1 năm 1964, Nguyễn Trường Bùi viết đơn tình nguyện gia nhập quân ngũ. Thầy Nguyễn Trường Biểu nhớ lại: *"Ngày em lên đường, mẹ mua khúc lòng lợn, luộc lên, chia cho hai anh em, đứng ăn dưới gốc mít với nắm rau má. Không ngờ đó là bữa ăn cuối cùng của tôi với anh"*. Nói xong thầy lau nước mắt.

Tại môi trường mới, kiến thức cơ bản về Khoa học tự nhiên thời phổ thông đã giúp chiến sĩ Nguyễn Trường Bùi (sư 325, Trung đoàn 101) phát huy tác dụng ở ngành vô tuyến. Từ chiến sĩ, Nguyễn Trường Bùi trở thành Trưởng đài 15 W. Cuối năm 1964, Nguyễn Trường Bùi đoạt danh hiệu Chiến sĩ giỏi toàn quân trong cuộc thi chuyên môn kỹ thuật cấp Sư đoàn. Ngày 01/02/1968, trong cuộc tổng tiên công nổi dậy mùa Xuân Mậu Thân (1968), Nguyễn Trường Bùi cùng đồng đội tấn công vào Sài Gòn và thầy đã anh dũng hy sinh ở quận Gò Vấp khi đang làm nhiệm vụ. Máu của thầy giáo và đồng đội tô thắm lá cờ đỏ của Tổ quốc.

Bức ảnh và nỗi ân hận của người yêu

Thời gian về dạy học ở Kỳ Anh, Nguyễn Trường Bùi phải lòng Nguyễn Thị Ngoan, người cùng làng. *"Trai anh hùng, gái thuyền quyên"* gặp nhau. Ngoan mê Bùi học giỏi, thổi sáo hay, nhất là đọc đọc tấu bài *"Cây trúc xinh"* đã hút hồn cô. Ngoan theo đuổi ngành y, ra trường về công tác tại Trạm y tế Nông trường Thạch Ngọc, Thạch Hà. Gia đình hai bên nội, ngoại, bạn

bè, xóm làng vun vén cho đôi lứa. Trước lúc Bùi lên đường nhập ngũ, bên ngoại đã tính đến chuyện tác hợp cho đôi lứa, nhưng bên nội ái ngại chiến tranh, sợ lỡ duyên đời con gái của Ngoan.

Và không ngờ, linh cảm ấy là sự thật đau lòng. Mất người yêu, Ngoan đau xót. Thứ 7 hàng tuần, cô về nhà Bùi, săn sóc mẹ già thay người yêu. Các em của Bùi khuyên Ngoan lấy chồng, nhưng cô không còn tha thiết.

Khi Nguyễn Trường Bùi mất, kỷ vật duy nhất là bức ảnh chụp toàn thân tại Hiệu ảnh ông Dương (Thị trấn Cẩm Xuyên). Ngoan đã nài nỉ gia đình mang ảnh của Bùi để phục chế ảnh chân dung. Phạm Thị Ngoan đã bọc ảnh người yêu vào áo, dấu trong rương gỗ. Không may, khu tập thể Trạm xá Nông trường Thạch Ngọc bị hỏa hoạn. Ngôi nhà, tài sản, quần áo đều bị ngọn lửa thiêu rụi. Đau đớn xót xa nhất là bức ảnh duy nhất của người yêu cũng bị ngọn lửa tàn ác hóa tro. Ngoan đau khổ, ân hận. Một thời gian cô rơi vào trầm cảm. Các cô, chú (em nhà giáo - liệt sĩ) Nguyễn Trường Bùi thương cảm, săn sóc, an ủi, động viên em dâu (chưa cưới), làm tất cả những gì có thể để Ngoan nguôi ngoai.

Ngọn lửa có thể thiêu rụi kỷ vật cuối cùng của Nguyễn Trường Bùi, nhưng không thể xoá nhoà hình ảnh người con của mảnh đất Cẩm Trung, với trái tim yêu nước, thương nòi, bản lĩnh kiên cường, trí tuệ ngời sáng. Nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Trường Bùi vẫn sống mãi trong tâm hồn người con gái anh yêu, trong tình cảm sâu nặng của anh em, nội thân, gia đình, làng xóm...

Hà Tĩnh ngày 1/6/2025

CÕNG TRÒ ĐI HỌC

Chuyện những đôi bạn cõng nhau đến lớp không hiếm. Trong đời, chúng ta đã từng nghe, chứng kiến. Nhưng, cõng trò đi học, hiếm có, khó tìm...

"Cậu Chất à! Cậu Chất!"

Nhà giáo - Liệt sĩ Bùi Đình Chất (1945-1969) sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo thôn Nam Sơn, xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, nay là Tổ dân phố (TDP) 2, xã Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Bố là Bùi Đình Chắn. Mẹ là Nguyễn Thị Em. Hai ông bà sinh được sáu người con. Nhà giáo- liệt sĩ Bùi Đình Chất là con trai duy nhất. Sáu anh chị em, giờ còn hai: Bà Bùi Thị Quý đầu quân vào TNXP. Ra quân, xây dựng gia đình, sinh sống tại Hương Sơn, Hà Tĩnh, Bà Bùi Thị Lý đang thờ cúng tổ tiên, ông bà và em trai liệt sĩ Bùi Đình Chất tại Tổ dân phố 2, xã Can Lộc, Hà Tĩnh.

Một buổi chiều, bà Bùi Thị Lý đón chúng tôi vào nhà. Tất cả thân phận dường như lưu lại trên khuôn mặt khắc khổ, ở dáng đi tất tưởi, vội vàng, ở tiếng nói không còn lưu loát. Bà vừa trải qua

Chân dung Nhà giáo - Liệt sĩ Bùi Đình Chất
Ảnh gia đình cung cấp. Nguyễn Thanh Cần chỉnh sửa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ : Bùi Đình Chất

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

bạo bệnh. Nhớ nhớ, quên quên. Lấy chồng, sinh con. Chồng mất, ôm con về nhà ngoại cậy nhờ. Một nách hai con nhỏ, may có làng chiếu cói Nam Sơn mà bà có công ăn việc làm, có bữa rau bữa cháo. Khi bố mẹ mất, nội tộc xây nhà thờ, chùm cho mẹ con bà ngôi nhà cấp 4 có nơi ở và nơi thờ tự ông bà và anh trai Bùi Đình Chất.

Hiện bà Lý sống với hai con. Con gái cũng bệnh tật. Tất cả sinh hoạt gia đình, thuốc men cho mẹ trông cậy vào đứa con trai. Anh đã ba mươi tuổi, cuộc sống khó khăn quá, vẫn chưa lập gia đình. Khi tôi hỏi bà về nhà giáo -liệt sĩ Bùi Đình Chất, bà ứa hai hàng nước mắt, khuôn mặt khắc khổ đượm buồn. Bà chẳng còn nhớ gì, chỉ liên tục lẩm bẩm: **Cậu Chất à! Cậu Chất!".** Trước hoàn cảnh ấy, chúng tôi không khỏi xót xa, nghẹn lòng.

Cõng trò đi học

Chuyện những đôi bạn cõng nhau đến lớp không hiếm. Trong đời, chúng ta đã từng nghe, chứng kiến. Nhưng, thầy cõng trò đi học, hiếm có, khó tìm...

Năm học 1963, sau khi ra trường, thầy Bùi Đình Chất được phân công về trường Cấp 2 Tây Sơn, Tiền Hải, Thái Bình. Thầy được phân công chủ nhiệm giảng dạy lớp 5A, trong đó có học sinh Trần Ngọc Toản. Nhà Toản cách trường hơn một ki lô mét. Tôi đã có cuộc trao đổi trực tiếp với anh Toản, người học sinh cũ của thầy Bùi Đình Chất.

Văn Lê:

Chào anh Trần Ngọc Toản. Tôi là Lê Văn Vy, ở Hà Tĩnh đang biên soạn cuốn sách: **"Nhà giáo- liệt sĩ".** Được biết, anh

từng là học sinh của thầy Chất (năm 1963-1964), xin anh vui lòng cho biết một số thông tin về thầy Bùi Đình Chất ạ!?

Trần Ngọc Toản:

Vâng! Thầy Bùi Đình Chất và cả thầy Trần Đình Cư (Đồng Lộc, Hà Tĩnh) không chỉ là thầy mà như là người cha nuôi nấng, chăm sóc tôi. Biết tôi là con liệt sĩ, ham học nên các thầy thương lắm! Tôi còn nhớ, khoảng tháng 8 năm 1963, ra nhận công tác, thầy Chất ở trọ nhà dì (em mẹ), gần nhà tôi. Vài tháng sau, các thầy chuyển ra khu nội trú. Vừa mới ra trường, các thầy trẻ trung, hồn nhiên, vô tư, thương tôi như ruột thịt.

Văn Lê:

Với anh, kỷ niệm nào sâu sắc nhất trong thời gian học với thầy?

Trần Ngọc Toản:

Nhiều lắm! Nhớ nhất là tôi bị nẩy u gót chân, tấy mủ, viêm nhiễm, chẳng thể đến trường được. Mẹ thì bận đi làm. Thầy Chất và thầy Cư cõng tôi về ở cùng các thầy tại khu nội trú. Tôi ăn ở cùng thầy. Sáng, cháo hay bánh gì đó. Trưa tối, thầy báo thêm suất ăn tập đoàn cho tôi. Cũng chính thầy cõng tôi lên lớp. Tối, bên ngọn đèn dầu, thầy dạy tôi học. Tôi ở hàng tháng trời như vậy. Trong lúc lương thầy chỉ được 42 đồng năm hào. Thầy coi tôi như ruột thịt, hồn nhiên, vô tư, trong sáng vô cùng.

Kỷ niệm thứ 2 là hè năm 1964, hai thầy đưa tôi về xứ Nghệ quê thầy chơi. Lần đầu tiên tôi đi xa như vậy, cũng lần đầu tiên tôi được đi tàu hỏa (từ Nam Định đi Vinh), rồi đi ô tô từ Vinh về quê thầy. Ở nhà thầy Chất, tôi được gia đình đón tiếp ân cần. Ở

đây, tôi quen bạn Bùi Văn Đệ, em họ thầy Chất. Sau này, năm 1969, tôi du học sang Hung gari chuyên ngành dầu khí, còn bạn Đệ đi bộ đội, về tu nghiệp tại Đại học Nông nghiệp, rồi trở thành Giám đốc Nông trường chè Hòa Bình. Sau này, nhờ Đệ mà tôi biết thông tin về thầy Chất và gia đình thầy. Năm 2009, tôi trở lại Can Lộc, người xưa cảnh cũ, tất cả đã đổi thay. Bố mẹ thầy đã qua đời. Thầy Bùi Đình Chất đã hy sinh. Thắp hương cho tổ tiên và thầy giáo, lòng tôi ngổn ngang muôn nỗi: Thương nhớ thầy không biết để đâu cho hết! Thầy đã nghiêng lưng cho tôi ôm vai, mỗi lần lên lớp hay về phòng là thầy xoay người, cúi xuống cho tôi đặt chân lên thềm trước. Đến bây giờ, tay tôi đang quàng vào cổ thầy đây này!...(Im lặng).

Văn Lê: ...

(Tôi im lặng, không muốn làm ảnh hưởng đến không khí thiêng liêng này, và muốn để cho người học trò cũ có được khoảnh khắc thương nhớ, hồi ức nguyên vẹn về thầy giáo của mình).

Vài ngày sau, chúng tôi nối điện thoại, tiếp tục câu chuyện về thầy Bùi Đình Chất.

Văn Lê:

Nghe nói, thầy Chất có mối tình đầu với cô gái nào đó ở địa phương phải không!?

Trần Ngọc Toản:

Cũng "*Gió thoảng mây bay thôi!*". Thời ấy nghiêm lắm. Cô gái mà anh nói là dì Thủy (em út mẹ tôi). Dì Thủy (Nguyễn Thị Thủy; sinh năm 1946; da trắng, mắt đen, tóc dày, mượt, đoan trang, ít nói) phải lòng thầy giáo Chất. Mới bén tiếng,

tháng 8/1964, thầy Chất lên đường nhập ngũ. Dì Thủy mượn hai xe đạp, một xe thầy chở dì, một xe tôi đi, đến bến xe Tiền Hưng (cách thị xã Thái Bình khoảng 5 km; cách trường cấp 2 Tây Sơn, Tiền Hải khoảng 30 km) để tiễn đưa thầy lên đường nhập ngũ. Năm 1966, sau thời gian huấn luyện, thầy lên đường đi B, đơn vị có cho về phép, nhưng chiến tranh ác liệt, thầy không thể về quê vì khu Bốn lúc ấy là *"chảo lửa túi bom"*, nên thầy về Tiền Hải Thái Bình. Hết phép, thầy trở lại đơn vị. Đó là lần gặp nhau cuối cùng!

Văn Lê:

Thời gian thầy Chất ở quân ngũ, thầy trò có thông tin, liên lạc với nhau không?

Trần Ngọc Toản:

Thời gian ấy tôi du học ở Hung gari. Chiến tranh, thư từ không dễ, nhất là thầy ở đơn vị đặc biệt nữa. Về nước, tôi mới biết tin và đã liên hệ với anh Nguyễn Viết Tịnh (con cô của thầy Chất) khâu nối với đơn vị, đồng đội để tìm mộ thầy, nhưng cho đến hiện nay vẫn biệt vô âm tín.

Bạn "5 cùng"

Hẹn hò mãi, đầu tháng 7, tôi và NGƯT Võ Đức Đại mới tìm đến nhà thầy Trần Đình Cư. Nhà thầy cách Khu di tích lịch sử Ngã Ba Đồng Lộc chưa đầy cây số. Theo thầy Cư, thầy và nhà giáo Bùi Đình Chất có *"5 cùng"*: *" Cùng quê Can Lộc, cùng học cấp hai Đại Lộc, cùng vào Trung cấp Sư phạm Hà Tĩnh; ra trường cùng nhận Quyết đinh về trường cấp 2 Tây Sơn, Tiền Hải, Thái Bình; cùng lên đường nhập ngũ một ngày…"*.

Bên phải là Bùi Đình Chất, bên trái là bạn của Bùi Đình Chất
Ảnh: Thầy Trần Đình Cư cung cấp, Trần Xuân Cần chỉnh sửa

Đồng hành với nhau từ thuở hoa niên đến khi trưởng thành, hai người bạn hiểu nhau tường tận chân tơ kẽ tóc. *"Chất cao to, đẹp trai, hiền lành. Đặc biệt, Chất học rất giỏi. Học giỏi mà lại khiêm tốn, sẵn lòng giúp bạn bè. Thời chúng tôi, đi học được kết nạp vào Đảng, có mấy ai!? Chất nằm trong số ít ỏi đó. Phải nói là cậu ta là đối tượng "vừa hồng, vừa chuyên"*. Thầy Cư kể.

Theo thầy Cư, sở dĩ tình cảm bạn bè gắn bó, thân thiết vì giữa hai người có duyên đồng hành với nhau. Mặt khác, tình cảm bạn bè được xây dựng từ tình yêu quê hương đất nước, từ niềm say mê lý tưởng của tuổi trẻ cũng như dấn thân vì sự nghiệp. *" Sống với nhau, chúng tôi tôn trọng cá tính nhau, giúp đỡ nhau trong công việc, chia sẻ vui buồn, góp ý thẳng thắn những khuyết điểm. Nhất là khi cả hai người xa nhà, xa quê ra công tác ở Thái Bình "đất khách quê người" tình bạn ấy càng keo sơn, gắn bó"*. Thầy Cư giãi bày.

Ngày 5/8/1964, bị thua to ở miền Nam, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc *"nhằm kéo miền Bắc về thời đồ đá cũ"*. Lệnh Tổng động viên, thầy Chất, thầy Cư là một trong số hàng vạn thanh niên lên đường nhập ngũ. *"Chúng tôi nhập ngũ cùng ngày. Đó là ngày 10/8/1964. Tôi vào Binh chủng Công binh. Chất vào Binh chủng Hải quân. Cùng chung chiến hào chống đế quốc Mỹ, nhưng mỗi người một con đường, một ngã rẽ khác nhau"*. Thầy Cư chậm rãi kể, rồi lặng lẽ bước vào nhà rưng rưng cầm trên tay bức ảnh đen trắng; kỷ vật hơn nửa thế kỷ thầy gìn giữ. Đó là bức ảnh Bùi Đình Chất tặng thầy Trần Đình Cư khi chia tay tại thị trấn Tiền Hải, Thái Bình. Hơn nửa thế kỷ, bức ảnh đã ố màu, nhưng vẫn còn rõ nét. Người cao to bên phải là Bùi Đình Chất, bên trái là bạn của Bùi Đình Chất.

Thỉnh thoảng nhớ bạn, thầy Cư lại đưa bức ảnh ra nhìn cho vơi nhớ. Theo thầy Cư, còn có những kỷ vật khác như cuốn sổ tay, nhưng thời gian trôi qua, thất lạc, may mắn còn có bức ảnh vô giá này. Sau khi chia tay, hai người có liên lạc thư từ. Nhưng chỉ năm đầu. Năm sau, chiến tranh, nhiệm vụ cuốn mỗi người theo một hướng. Là người của đơn vị công binh, thầy Cư học tập, rèn luyện, đào tạo kỹ thuật. Năm 1973, Trần Đình Cư cùng đơn vị vào Tây Nam Bộ tiếp tục chiến đấu. Còn Bùi Đình Chất, năm 1969 đã hy sinh ở chiến trường. *"Năm 1983, tôi còn sống sót, ra quân trở về quê hương; còn bạn tôi Bùi Đình Chất nằm lại chiến trường, mãi mãi tuổi 24. Cho đến bây giờ, chẳng biết bạn ở đâu! Từng học tập, công tác, từng ăn, từng ngủ với nhau, vậy mà bây giờ vĩnh viễn một đứa một ngã. Chất ơi! Mày ở đâu!?"*

Hà Tĩnh 8/7/2025

CHUYỆN ÍT BIẾT VỀ NHÀ GIÁO - LIỆT SĨ BÙI DUNG

Nhà giáo - liệt sĩ Bùi Dung (1939-1968) sinh ra, lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo ở thôn Phú Thọ, xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh, nay là thôn Sơn Phú, xã Đồng Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Ông Bùi Đình Tuế (1919-1985) và bà Nguyễn Thị Ba (1921-1996) sinh được năm người con, nuôi bốn, đều là trai, Bùi Dung là con cả.

Năm 2014, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng bà Nguyễn Thị Ba - Mẹ Việt Nam anh hùng, vì có 2 con hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước là Bùi Dung, hy sinh năm 1968 và Bùi Tiến Phúc, hy sinh năm 1971 tại Mặt trận phía Nam.

Cưới trước, yêu sau

Để có tư liệu viết về nhà giáo - liệt sĩ Bùi Dung, chúng tôi đã trực tiếp đến nhà bà Võ Thị Xuân (sinh năm 1935; vợ liệt sĩ Dung) hiện trú quán tại thôn Sơn Phú, xã Đồng Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Thấy có khách, bà Xuân mở cửa mời chúng tôi vào nhà. Ngôi nhà thấp, lợp ngói, nóng bức ngột ngạt. Sau vài câu giới thiệu, chúng tôi xin phép thắp nén nhang cho liệt sĩ Bùi Dung, rồi thưa chuyện.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUY TẶNG DANH HIỆU
BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

Bà NGUYỄN THỊ BA

Xã Thường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh

Đã có nhiều công hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2014
CHỦ TỊCH

Trương Tấn Sang

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Kỷ niệm 78 năm ngày TB-LS, thầy Nguyễn Ngọc Lê Nam tri ân Mẹ Việt Nam anh hùng và mẹ Liệt sĩ Võ Thị Xuân
Ảnh: Văn Lê

Nhà chật, ngột ngạt, quây ghế ra sân ngồi. Bà Xuân giục con trai cắm quạt điện và tự tay bà rót nước mời chúng tôi...

Văn Lê:

Thưa bà, năm nay, bà bước sang mấy mươi rồi ạ?

Bà Võ Thị Xuân:

Chín mươi (90).

Văn Lê:

U 90 mà bà vẫn rắn rỏi, mắt tinh, tai tỏ, lưng không còng, chưa phải chống gậy, trí tuệ vẫn minh mẫn. Thật tuyệt vời! Chúc bà gắng thêm 10 năm nữa cho chẵn trăm (100).

Bà Võ Thị Xuân:

Người ta *chúc "Bách niên giai lão"* chứ một mình như tôi, sung sướng nỗi gì. Ông nhà ra đi khi tôi mới 30, không trẻ, nhưng chưa tra (già). Một mình làm dâu, làm con, chăm sóc phụng dưỡng bố mẹ chồng, nuôi hai con khôn lớn. Tôi sống là vì để làm những gì ông nhà tôi chưa kịp làm!

Văn Lê:

Vâng! Những hy sinh thầm lặng của bà nói riêng và của các bà mẹ, bà vợ liệt sĩ vô cùng to lớn, không thể nào nói hết được! Thưa bà, bà yêu và kết hôn với ông nhà vào năm nào ạ?

Bà Võ Thị Xuân:

Tui (tôi) cưới rồi mới yêu! Thời tôi nỏ (không) yêu đương chi trơn (gì hết)! Mà tôi cũng nỏ biết ông nhà. Ông ấy học Sư phạm, ra trường về dạy cấp 1 Thượng Lộc trong làng. Một bữa

chiều, tôi thấy cha mẹ, anh em và ông ấy mang sính lễ đến nhà. Tui (tôi) đang ở trong bếp. Chân đất, hé cửa nhìn ra. Ông ấy mặc áo trắng, quần xi mi li. Thư sinh. Ngồi trong góc, mắt nhìn lên trần nhà. Còn tôi, rầy rà (e thẹn), mẹ vô (vào) giục bưng cơi trầu ra chào họ. Rồi hai, ba tháng sau là đám cưới. Cha mẹ đặt mô (đâu) con ngồi đó. Tôi không dám cãi.

Nhà giáo - liệt sĩ Bùi Dung. Ảnh gia đình cung cấp

Văn Lê:

Lấy vợ là cưới liền tay/ Chớ để lâu ngày lắm kẻ dèm pha.

Bà Võ Thị Xuân:

Người ta nói : *"Nhít (nhất) gái hơn hai, nhì trai hơn một"*. Tui hơn ông ấy những 4 tuổi. Mẹ tui bảo: Phúc nhà mới lấy được thầy học. Có chữ thì có nghĩa. Tui nỏ biết chi, chỉ thấy lễ cưới nhà chồng sắm tư trang đầy đủ nào là 2 bộ đồ, quần lụa, áo xanh chỉ giang, nón, dép… nghĩ thầm mình cũng được tôn trọng, được yêu thương là vui rồi. Cha thì nói vợ chồng là duyên số. Về nhà chồng, *"làm dâu một nhà, thông gia cả họ"*, lo nết ăn, điều ở, kính trên, nhường dưới... Tôi chỉ biết vâng lời.

*

* *

Về làm dâu nhà họ Bùi, Võ Thị Xuân là nhân lực lao động chính của gia đình. Mỗi sáng, chiều, bà Xuân đi làm với tổ đội công theo phân công của tổ, Hợp tác xã. Bà tham gia mọi việc từ cày, bừa, cấy, làm cỏ, bón phân, gặt, đập không nề hà việc gì. Nhưng năng suất kém, mỗi công chỉ vài lạng thóc, đời sống người lao động thấp. Chồng bà - thầy Bùi Dung, gắn bó việc trường. Ban ngày lên lớp. Ngoài dạy học, còn phụ trách công tác Đội thiếu niên của trường. Tối soạn bài. *"Tôi cũng chẳng phiền ông, tạo điều kiện để ông chăm lo nghề dạy học của mình"*. Bà Xuân tâm sự.

Vợ chồng thầy Bùi Dung sống chung với gia đình, sinh hoạt đạm bạc. Cơm độn khoai. Thức ăn rau canh, hiếm có cá thịt. Thương vợ mang thai, thầy Bùi Dung san sẻ phần cơm của

mình cho vợ. Cuộc sống vất vả, bà Xuân hai lần sẩy thai. Năm 1965, chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ leo thang ác liệt. Ngã Ba Đồng Lộc lúc đó là một trong những trọng điểm đánh phá ác liệt. Xã Vượng Lộc cách Đồng Lộc không xa. Những năm tháng đó, ngoài ra đồng, bà Võ Thị Xuân còn tranh thủ cắt bổi (lá cây, vọt, sim, mua) để giúp cho đội thanh niên xung phong lấp hố bom.

Năm 1965, thầy Bùi Dung được điều động về trường tiểu học xã Xuân Giang, Nghi Xuân. Từ Thượng Lộc đi Xuân Giang, phải qua cầu Nhe, qua đường 8A, đường 1A, gần phà Bến Thủy, phải đối mặt với bom đạn, nên thầy Bùi Dung không mấy khi về thăm nhà. Ngày 27/5/1968, máy bay Mỹ thả bom bi vào khu vực trường. Nhà văn phòng trúng bom, phát hỏa. Lửa cháy lên mái nhà. Khi lửa vừa bén đến chiếc tủ, nơi cất giữ hồ sơ, tài liệu, giấy tờ quan trọng của nhà trường, thì bất chấp ngọn lửa, thầy Bùi Dung đạp cửa xông vào, giật cánh tủ, ôm tài liệu lao ra. Nhanh như sóc, thầy tiếp tục lao vào, lấy thêm được tập hồ sơ nữa rồi lăn ra sân. Cũng vào khoảnh khắc đó, máy bay Mỹ vòng quay lại thả bom sát thương. Thầy Bùi Dung đã anh dũng hy sinh khi làm nhiệm vụ. Đồng nghiệp, học sinh, phụ huynh, Nhân dân Xuân Giang vô cùng thương tiếc thầy, an táng thầy trên đất Xuân Giang, Nghi Xuân.

"Chiến tranh, thông tin khó khăn. Ba ngày sau, lãnh đạo trường tìm về nhà báo tin cho gia đình, mang theo đồ đạc, tư trang của chồng tôi. Lúc ấy con gái Bùi Thị Tuyết Mai chưa đầy 4 tuổi và con trai Bùi Đình Thúy vừa lên một. Chồng tôi ra đi, để lại bố mẹ già, vợ dại, con thơ. Tôi cắn răng sống, săn sóc cha mẹ chồng, nuôi con trưởng thành, giữ trọn lời hứa với chồng". Bà Xuân nhớ lại.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ Bùi Dung

Giáo viên (Trường phổ thông cơ sở cấp 1
Nguyên quán xã Thượng Lộc huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh
Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước
ngày 27 tháng 5 năm 1968

Hà nội, ngày 13 tháng 8 năm 1996
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Võ Văn Kiệt

Quyết định số 550 -T.Tg
Ngày 13 tháng 8 năm 1996
Bằng số Đo. 061 ưu

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Năm 1970, gia đình nội ngoại quyết định bốc hài cốt nhà giáo - liệt sĩ Bùi Dung về an táng tại nghĩa địa gia tộc Rú Con, Thượng Lộc; quê nhà.

Tự lực, tự cường

Sau khi chồng mất, cuộc sống của mẹ con bà Võ Thị Xuân không chỉ thiếu thốn vật chất mà còn thiếu thốn tình cảm. Vóc người nhỏ nhắn, nhưng bà Xuân tự lực, tự cường. Năm 1971, chiến tranh các liệt, mẹ con bà lại ôm nhau sơ tán ra đồng Rú Con. Lại dựng lều, chặt gỗ, đẵn tre làm hầm chữ A. Lại một nách hai con nhỏ, *"vừa chém, vừa vác"*. *"Lúc khó khăn trông cậy vào chính mình"*. Câu ấy đúng vào mọi hoàn cảnh, bà Xuân không ngoại lệ.

Năm 1977, công trình thủy lợi Vách Nam *"thay trời chuyển đất, sắp xếp lại giang sơn"*, nhà bà thuộc diện di dời, nhường chỗ cho lòng hồ. Có người mách nước: *"Nhà bà có hai liệt sĩ, thế nào chính quyền cũng ưu tiên"*. Bà lặng lẽ không nói gì. Cha mẹ chồng cũng lặng lẽ chấp hành chủ trương của Đảng, Nhà nước. Chính quyền phân đâu, ở đó, không đòi hỏi gì!

Ngày 27/7/2025, thầy Nguyễn Ngọc Lê Nam - Phó GĐ sở GD&ĐT Hà Tĩnh thắp hương trước bàn thờ LS Bùi Dung
Ảnh: Văn Lê

Gia đình ngoại thương con gái, cắt cho phần đất, chụm cho túp nhà. Từ đó, ba mẹ con ra ở riêng, nương tựa vào nhau, nhưng vẫn ngược xuôi đi về chăm sóc cha mẹ chồng, giữ trọn chữ hiếu.

Thương mẹ, hai con ngoan ngoãn, chăm học. Hai chị em Bùi Thị Tuyết Mai và Bùi Đình Thúy tốt nghiệp 10/10. Bùi Thị Tuyết Mai đã theo học trường Sư phạm mầm non. Thầy Trần Đình Sửu; nguyên Trưởng phòng GD&ĐT huyện Can Lộc tiếc rẻ: *"Tiếc thật! Trường hợp con liệt sĩ như Tuyết Mai, Hội đồng tuyển viên chức thế nào chẳng ưu tiên. Không hiểu tại sao không nạp hồ sơ!?"*. Tôi hỏi bà Xuân. Bà nhỏ nhẹ: *"Tôi tùy cháu, và không muốn liên lụy đến chồng, để ông ấy yên giấc ngàn thu"*.

Con trai Bùi Đình Thúy, sau khi tốt nghiệp 10/10, về địa phương, cũng là một cán bộ Đoàn có năng lực, nhiệt tình. Tôi không dấu thắc mắc, trực tiếp hỏi Thúy: *"Sao cháu không tiếp tục phấn đấu để có một công việc gì đó có lương, ổn định lại nhàn thân!"*. Thúy thẳng thắn trả lời không chút do dự: *"Như vậy, chắc gì cha cháu đã vui! Vả lại cháu và vợ cháu thích cày cuốc. Mình làm ra hạt lúa, củ khoai, ăn cái từ bàn tay, mồ hôi lao động của mình có cái thú riêng, chú ạ!"*.

Chị Nguyễn Thị Hằng (vợ Thúy) đang quạt thóc, dừng tay, trao đổi*: "Nhà, vườn này, vợ chồng cháu mới tậu. Sân mới làm để phơi thóc cho thoải mái. Nhà nông, không có sân phơi cực lắm! Cũng có người tư vấn cho vợ chồng là làm đơn xin chính quyền ưu tiên gia đình liệt sĩ bán rẻ cho mảnh vườn, nhưng chồng cháu không chịu. Cả làng, cả nước hy sinh vì Tổ quốc chứ riêng gì nhà cháu"*.

Có lẽ câu nói giản dị, từ trái tim chân thành, ngay thẳng này, làm nhiều người, trong đó có tôi giật mình và ngộ ra lắm điều về nhân sinh, thế sự.

Hà Tĩnh 11/7/2025

NHỮNG LÁ THƯ TỪ CHIẾN TRƯỜNG

Vòng vèo mãi, năm bảy lần dừng xe hỏi thăm, chúng tôi tìm đến được gia đình nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông (1942-1968) thôn 13, xã Song Lộc, huyện Can Lộc (cũ), từ ngày 1/7/2025 tên mới là thôn Tam Đình, xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh. Mấy đứa trẻ nghỉ hè không đến trường và hai người phụ nữ đang ở nhà. Người già hơn là bà Nguyễn Thị Em (1933) vợ của ông Nguyễn Xuân Đôn và người thứ 2 là con dâu trưởng của ông Đôn.

Vừng ơi! Mở ra!

Chúng tôi tìm đến được đến gia đình nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông, nhưng thất vọng, vì 6 anh em đã về cõi bên kia.

Cha Nguyễn Đình Tố và mẹ Nguyễn Thị Thuần đã mất từ lâu. Năm anh trai: Nguyễn Đình Diệm (1918-2000), Nguyễn Đình Giản (1921-1991), Nguyễn Đình Viên (1925-1964), Nguyễn Xuân Đán (1930-2014), Nguyễn Xuân Đôn (1934-2024) và chị gái Nguyễn Thị Nhiệu (1938-2006) đã qua đời. *"Bố chồng tôi, ông Nguyễn Xuân Đôn; người hiểu rõ "ngọn nguồn lạch sông", biết tường tận những thông tin của liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông nhưng vừa qua đời*

cách đây một năm. Hai bác chậm chân mất một chút. Tiếc quá!". Bà Nguyễn Thị Xuân - con dâu trưởng ông Nguyễn Xuân Đôn tiếc rẻ.

Tôi lựa lời hỏi:

- Về làm dâu ông Đôn, bà có nghe bố chồng kể về chú Nguyễn Xuân Đông không?

- Thỉnh thoảng, cũng loáng thoáng. Nhưng tôi nghe câu được câu mất, chẳng còn nhớ gì?. Bà Xuân bộc bạch.

- Bàn thờ nhà giáo - liệt sĩ đặt ở đâu? Hiện nay ai là người hương khói cho liệt sĩ? Tôi hỏi.

- Từ trước đến nay, bàn thờ tổ tiên ở tại nhà ông bà nội ở đây. Nhưng gia đình bác cả, bác hai, ba, bốn đã tách hộ, nên thờ tự và tâm linh do bố chồng tôi đảm nhận. Bây giờ bố chồng đã mất, việc thờ cúng chú Đông giao cho vợ chồng chú út Nguyễn Xuân Điệp đảm nhận.

- Thưa bà, bà có biết, chú Đông dạy học ở đâu không?

- Nghe bảo ở Kỳ Anh, còn cụ thể trường nào, tôi không rõ lắm!

Đã hơn 11 giờ trưa, biết ở lại cũng chẳng khai thác được gì thêm, tôi và thầy Trần Đình Sửu buồn bã chào bà Xuân ra về. Bước ra sân, bỗng một người áo nắng kín mít xuống xe, chào chúng tôi. Qua câu chuyện, chúng tôi được biết đó là Ngô Thị Khuyên; cháu dâu liệt sĩ Đông, hiện đang công tác tại Trung tâm y tế Can Lộc, Hà Tĩnh; người thờ phụng, hương khói cho nhà giáo liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông. Tôi trao đổi nhanh với cháu về mong muốn tìm kiếm thông tin nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông. Cháu nhẹ nhàng: *"Mời hai bác nán lại một lát, để cháu tìm xem!"*.

VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ Nguyễn Xuân Đông

Đã hi sinh trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước

ngày 18 tháng 12 năm 1968

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông
Ảnh do gia đình cung cấp

Khuyên dẫn chúng tôi đến bên bàn thờ liệt sĩ. Chúng tôi kính cẩn, trước anh linh liệt sĩ, xin ông phù hộ độ trì để có cơ duyên tiếp cận được thông tin về ông. Sau đó, cả hai chúng tôi ra sân, thầm mong chờ một *"phép màu"* đến qua tìm kiếm của cháu Khuyên. Khoảng 15 phút sau, cháu Khuyên tất tưởi ôm ra một cặp đen, buộc dây cẩn thận. Khuyên phủi bụi, tháo dây, mở cặp. Tôi và thầy Sửu hồi hộp, đổ dồn ánh mắt vào chiếc cặp. Linh cảm có điều gì đó, tôi giúp cháu Khuyên mở cặp, lấy từ trong cặp ra một túi tài liệu. Tôi nhẹ nhàng, cẩn trọng, mở từng tài liệu. Đây là toàn bộ giấy tờ liên quan đến ông Nguyễn Xuân Đôn, anh trai liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông. Có thể nói, ông Nguyễn Xuân Đôn là người cẩn thận. Ông đã từng nhập ngũ, tham gia chiến trường C, thương binh 4/4. Những giấy tờ tùy thân; Hồ sơ; Lý lịch Đảng viên; Lý lịch quân nhân; Hồ sơ khám, thẩm định thương tật của ông không thiếu một thứ gì.

Gói thứ 2 toàn bộ giấy tờ liên quan đến Quyền sử dụng đất; Hóa đơn nạp tiền; giấy tờ liên quan đến các thành viên trong gia đình. Tịnh không có bất cứ hiện vật nào liên quan đến liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông.

Vét ngăn chính cặp, còn một bao ni lon, không có giấy tờ gì. Chúng tôi thở dài. Tôi cầm cặp, dốc ngược. Ở ngăn phụ, có một bọc nhỏ, xếp cẩn thận, gói trong bao bóng rơi ra. Tôi lẩm bẩm: *"Vừng ơi! Xin mở ra!"*. Có điều gì đó linh thiêng, làm bàn tay tôi run run. Cháu Ngô Thị Khuyên reo lên: *"Hồ sơ chú Đông đây rồi!"*. Chúng tôi cẩn trọng mở ra. Phía ngoài cùng, ông Nguyễn Xuân Đôn ghi chú: *"Hai thư cuối cùng của cậu ngày 27/8/1968. Có cả Hòm thư. Bì ngoài dán tem. Bì trong là đơn vị*

chính". Phía dưới là một số địa chỉ: địa chỉ ông Tiếp - nguyên Chính ủy Trung đoàn 101, hiện nghỉ hưu ở xã Tùng Ảnh, Đức Thọ; một địa chỉ khác là ông Võ Trần Siêu, cùng quê ông Tiếp ở Cục đồ bản và địa chỉ *"Nguyễn Bá Tam, Quận 16, báo hậu cứ đơn vị Dương Minh Châu, Tây Ninh. Hy sinh xã Thanh An, ấp 1, Bến Cát, huyện Lái Thiêu, Thủ Dầu Một"*. Hai tờ sau vẽ sơ đồ hướng dẫn người nhà tìm mộ Nguyễn Xuân Đông. Sơ đồ vẽ tay, chằng chịt đường nét, địa danh, chẳng biết giải mã thế nào cho chính xác?

Giữa dòng cuối trang, ông Đôn căn dặn: *"Đừng bỏ mất thư cậu"*. Đó là những bức thư được viết trên giấy pơ luya mỏng, đã úa, nhàu nát, có chỗ đã mục, mất nội dung, có chỗ chữ phai, phải cố gắng mới đọc hết (Chúng tôi sẽ trở lại những bức thư này).

Ngoài ra còn **Giấy báo tử, Thư** của Cục cán bộ, Tổng cục Chính trị ngày 01 tháng 11 năm 1971 kính gửi cụ Nguyễn Đình Tố (bố liệt sĩ) và gia đình; **Giấy bảo lĩnh trợ cấp** của Quân khu 4 cho gia đình liệt sĩ, **Quyết định** thưởng Huân, Huy chương và ảnh chân dung nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông. Có được ngần này tư liệu, tôi chụp hết và không bỏ sót bất cứ một tư liệu nào.

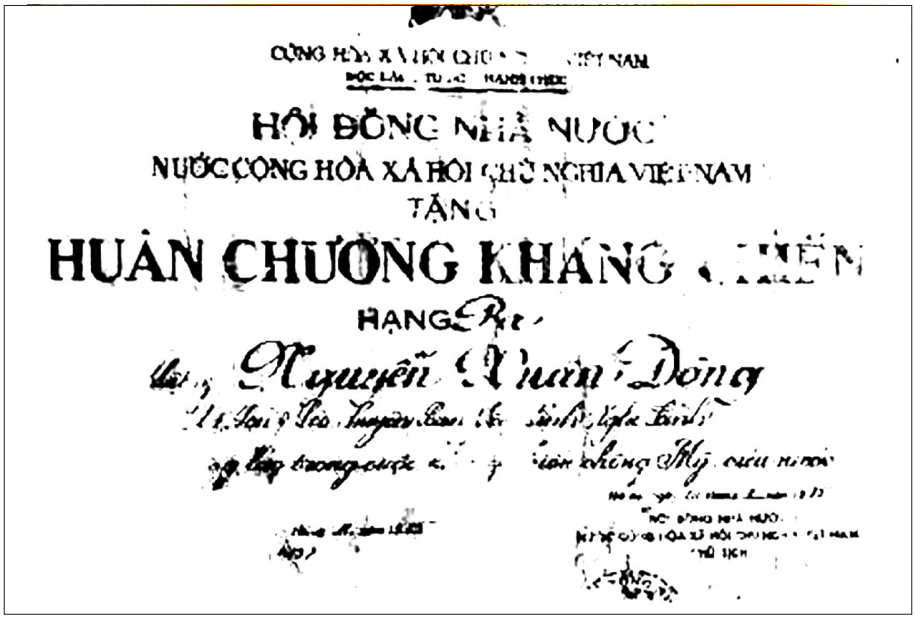

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Những bức thư từ chiến trường

Những bức thư của nhà giáo- liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông ám ảnh tôi mãi. Những con chữ như ánh mắt nhìn, soi rọi vào tôi. Tôi nối điện thoại với máy tính, phóng con chữ to lên để có thể đọc được cả những chữ mờ nhòe.

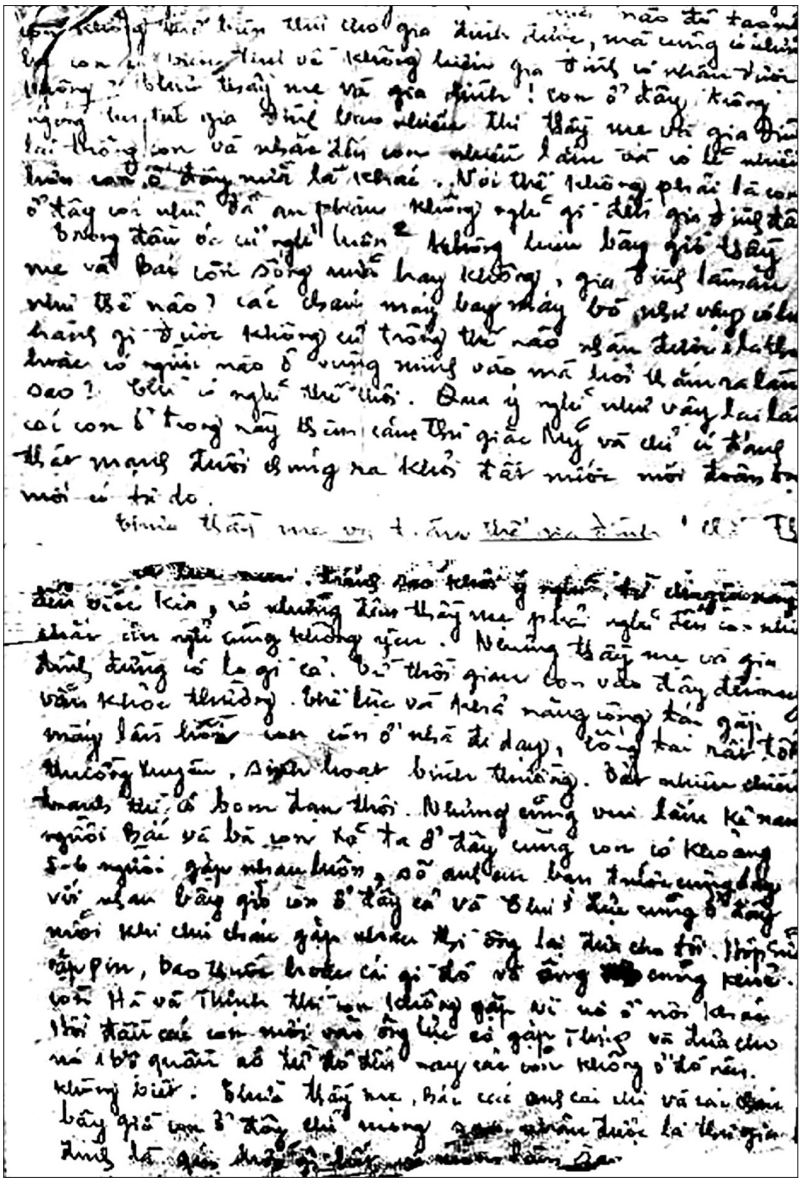

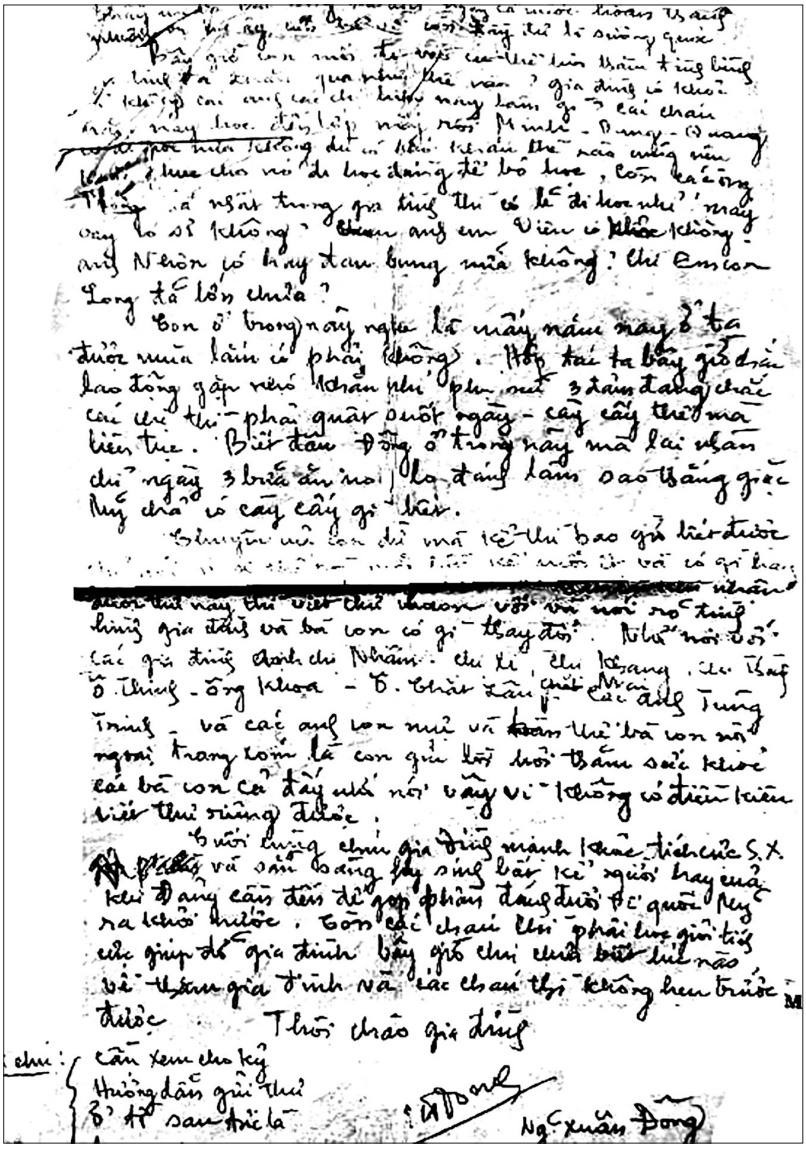

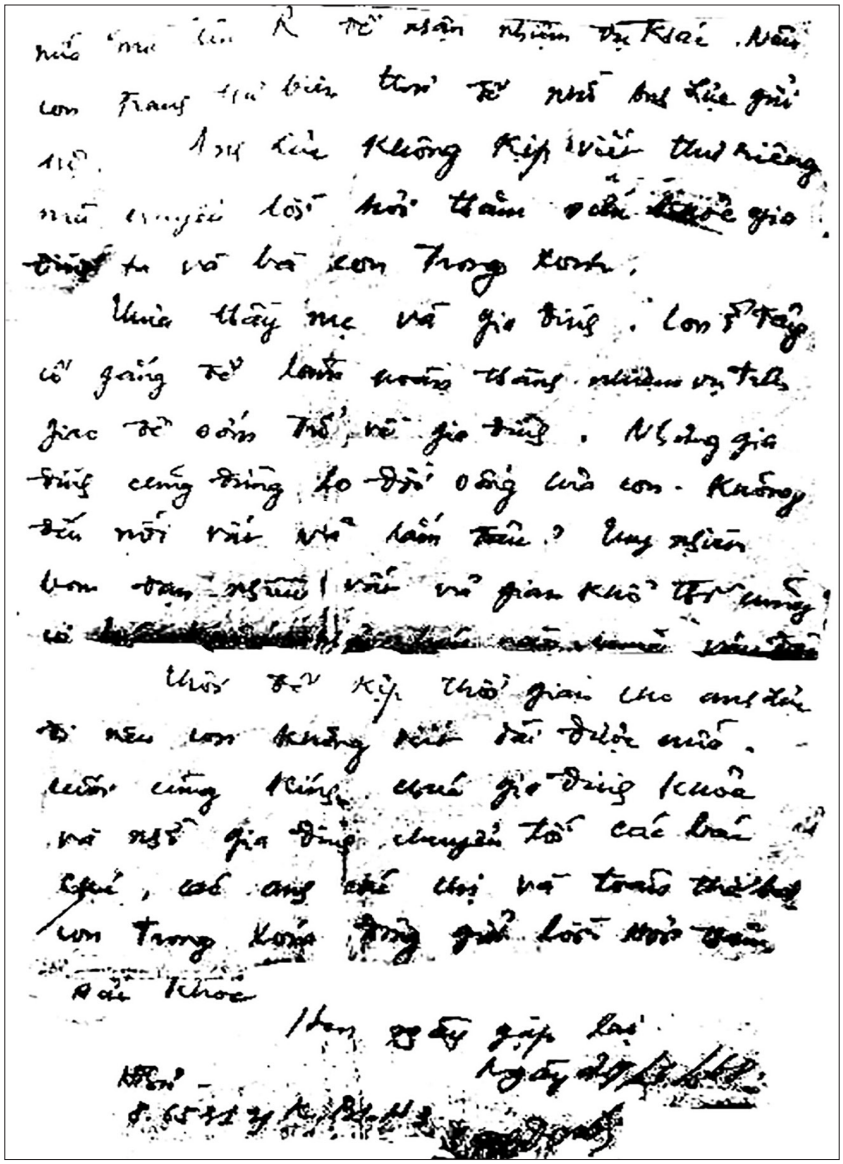

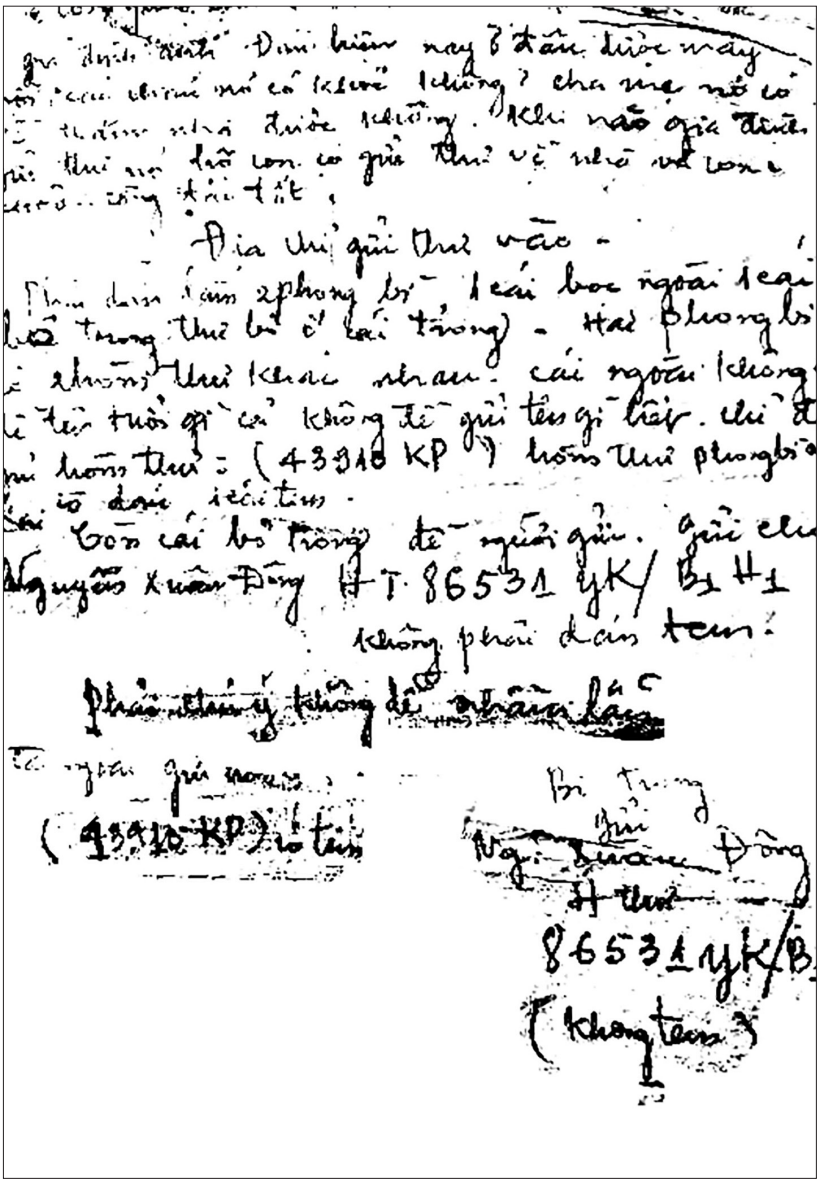

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Qua những bức thư này, tôi cũng như bạn hiểu được phần nào, để có bức thư, người lính như Nguyễn Xuân Đông phải xin từng tờ giấy pơ luya. *"Giấy được 1 tờ, xin nữa là hai thôi, không có tờ thứ ba nên con tạm dừng bút"*. Những tờ giấy pơ luya nâu hay xanh, mỏng mảnh, viết bằng bút Kim sin hay ca lô mực xanh, chỉ viết được một mặt. Nguyễn Xuân Đông nắn nót từng chữ, cố nén lại cho nhỏ để chứa được nhiều chữ hơn, nhưng giới hạn chỉ có thế. Bao nhiêu thương nhớ, bao nhiêu tình cảm dồn nén trong mỗi chữ. Không phải ngẫu nhiên mà nửa lá thư mà xuất hiện nhiều câu hỏi. Hỏi dồn dập, hỏi thăm tất cả mọi thành viên trong gia đình rồi bà con xóm giềng, bạn bè trang lứa. Hỏi sức khỏe, hỏi làm ăn, hỏi phong trào Hợp tác xã, phong trào Ba đảm đang của mẹ, của chị… với bao khao khát muốn được biết. Trong những lá thư ấy, nguyễn Xuân Đông cũng dành phần lớn nói về niềm vui trong chiến trường khi được gặp những người quen cùng làng, cùng xã, những chú Lực, *"thằng Đống, em ông Quế"* vv... và khao khát *"trông nhận thư hoặc có người nào ở vùng mình vào hỏi thăm ra làm sao"*. Phần nói về mình, thư nào Nguyễn Xuân Đông cũng làm an lòng người thân, ruột thịt với thông tin về bản thân luôn khỏe mạnh, công tác tốt, lại còn mua được cái đài để nghe thời sự. Trong thư gửi ngày 20/6/1968 (có lẽ là thư cuối cùng gửi cho gia đình), Nguyễn Xuân Đông không dấu được khốc liệt của chiến tranh*: "Thưa thầy mẹ và gia đình! Hàng ngày, hàng giờ sống trên chiến trường không lúc nào hết tiếng bom đạn giặc Mỹ trút xuống xóm làng, đồng ruộng. Những cụ già, những trẻ em cũng phải chết vì bom đạn Mỹ, nhân dân sống vất vả, thậm chí có nơi phải bỏ nhà cửa chạy trốn. Bom đạn Mỹ càng ném xuống nhiều. Mỗi lúc nhìn tới các cụ già, các em nhỏ thì đầu óc con lại nghĩ*

tới thầy mẹ và các cháu nhỏ hồi còn ở nhà. Cuộc sống gian khổ của đồng bào miền Nam, không hiểu cuộc sống của gia đình bây giờ ra làm sao? Hàng ngày giặc Mỹ cứ đem bom trút xuống quê hương. Lúc ra đi, thầy mẹ, bác đã già lắm rồi, không hiểu bây giờ còn sống không? Các anh các chị bây giờ được mấy cháu nữa, rồi các cháu có khỏe không, bây giờ có học hành gì được không. Cha mẹ của các cháu hiện nay làm gì? Ba năm rồi từng giờ từng phút trông ngóng tin tức gia đình. Gia đình trông con bao nhiêu thì con ở đây mong nhận được một tin gia đình bấy nhiêu".

Nhưng có lẽ, tinh thần chủ đạo của các bức thư là lòng lạc quan, tinh thần, ý chí chiến đấu, niềm tin thắng lợi vào một ngày tổ quốc thống nhất, gia đình đoàn tụ, sum họp: *"Chỉ có đánh thật mạnh, đuổi chúng ra khỏi đất nước mới đoàn tụ, mới có tự do". "Sẵn sàng hy sinh bất kể người hay của khi Đảng cần đến, để góp phần đánh đuổi đế quốc Mỹ ra khỏi đất nước".*

Chiến tranh, những cánh thư đến người thân ở chiến trường đi qua bom đạn, không dễ dàng đến được tay người nhận, thậm chí có khi nhuốm máu đồng đội. Tôi cầm bức thư, lặng lẽ miên man với bao suy nghĩ không dứt, cố hình dung khuôn mặt tâm trạng của Nguyễn Xuân Đông đang cầm bút biên thư trên chiến hào, sau trận đánh, hoặc những buổi chiều nôn nao mong chờ một bức thư từ người thân. Đâu rồi những vân tay, những ngón tay gấp thư bỏ vào phong bì. Còn nghe hơi thở gấp gáp, bước chân vội vàng, giọng nói líu lưỡi: *"Chờ tí! Chờ tí! Xong rồi",* kịp trao cho đồng đội phong thư qua trạm trung chuyển gửi về cho gia đình. Đâu rồi mùi mồ hôi, nước mắt, mùi khét lẹt khói bom, mùi bụi đỏ đường xa… Những bức thư cho tôi nhận diện không

chỉ những khuôn mặt mà còn có cả những vui buồn, lo lắng, sức mạnh của tình yêu quê hương, đất nước, bạn bè, gia đình của Nguyễn Xuân Đông và đồng đội của anh.

Trong thư gửi về gia đình, Nguyễn Xuân Đông đã dặn dò không chỉ một lần cách gia đình gửi thư cho anh. Thư bỏ vào hai phong bì. **"Phải dán làm 2 phong bì, 1 cái bọc ngoài, 1 cái bỏ trong thư bỏ ở cái trong. Hai phong bì có hai hòm thư khác nhau, cái ngoài không cần đề tên tuổi gì cả, không đề gửi tên gì hết chỉ đề gửi hòm thư: (43910 KP) hòm thư phong bì ngoài có dán 1 cái tem.**

Còn cái bỏ trong đề người gửi, gửi cho Nguyễn Xuân Đông HT: 86531YK/B1H1, không phải dán tem"

Hòm thư phong bì ngoài là địa chỉ trung chuyển. Phong bì trong, chuyển đến cá nhân, đơn vị qua giao liên, qua quân bưu.

Cũng qua thư của nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông, chúng tôi truy cập internet, kết nối với thầy giáo Trần Nguyên Trực - nguyên Trưởng Phòng GD Kỳ Anh và Nguyễn Giảng- nguyên Chủ tịch Công đoàn Phòng GD Kỳ Anh, nhưng cả hai không có thông tin về thầy giáo Nguyễn Xuân Đông. *"Nếu anh Đôn gửi hộ cho tôi tới thằng Chuẩn xóm Lạc Trung, xã Kỳ Văn, huyện Kỳ Anh bức thư là Đông có gửi thư về nhà và gửi lời hỏi thăm với....(mất chữ)"*. Lần theo địa danh, tên người trong thư, tôi tìm cách kết nối với bạn bè, độc giả, nhờ tìm kiếm người có tên Chuẩn trong thư là ai? Hiện còn sống không? Nếu sống giờ ở đâu? Có biết gì về nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông? Cô giáo Nguyễn Thị Hằng, anh Phạm Hồng Định (Kỳ Anh) lặng lẽ tìm kiếm thông tin giúp tôi. Theo anh Định, thầy Chuẩn quê Kỳ Văn,

vợ là bà Niêm, quê Kỳ Thư. Những năm 60, thầy dạy cấp 1, có dạy ở Kỳ Thư một thời gian. Về hưu, thầy chuyển vào miền Nam tại C1, Nông trường 719 Krông Pắc, Đắc Lắc. Thầy đã mất cách đây 10 năm. Thầy Chuẩn cùng thế hệ với thầy Trạch. Ở tuổi 94, thầy Trạch vẫn minh mẫn. Chúng tôi nối điện thoại với thầy Trạch, nhưng thông tin về thầy Đông vẫn bỏ ngõ. Nhưng mấy ngày sau, may mắn thay, cháu Huyền (con thầy Nguyễn Viết Hồng - học trò thầy Nguyễn Xuân Đông) cung cấp cho tôi thông tin về liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông. Năm 1961, thầy Đông vào dạy tại Phân hiệu cấp 1 Kỳ Văn 2. Lúc ấy, Nguyễn Viết Hồng (sinh năm 1951) học lớp 2A, thầy Đông trực tiếp chủ nhiệm và giảng dạy. *"Lớp 2A của tôi có 25 bạn. Thầy Đông giảng dạy. Thầy đẹp trai, hiền lành, tâm huyết với học trò, bày vẽ tường tận từng con chữ"*. Anh Hồng nhớ lại.

Thầy ở trọ nhà ông Nguyễn Hưu (bố anh Nguyễn Viết Hồng), thôn Văn Hạ, xã Kỳ Văn. Gia đình giúp thầy cơm nước, sinh hoạt. Thầy siêng năng, chăm chỉ, làm việc nhà như con cháu trong nhà. *"Tối đến, thầy bày vẽ cho tôi học, nhất là môn Toán, tôi không được khá lắm. Kỷ niệm của tôi với cả lớp là thầy tập cho chúng tôi bài hát: "Em yêu miền Nam". Chúng tôi thuộc đến giờ. Thầy chỉ dạy tôi lớp 2, lên lớp 3 tôi học với thầy khác. Năm sau đó, thầy đi bộ đội. Trong trường còn có thầy Trần Văn Cương (quê Cẩm Xuyên) cùng nhập ngũ thời gian đó"*. Anh Hồng cho biết.

Hậu chiến tranh, biết bao việc phải làm. Mộ nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông ở đâu? Người thân đã vất vả lặn lội khắp Nam, Bắc kiếm tìm, nhưng vẫn *"bặt vô âm tín"*. Sơ đồ phác họa, con đường, địa danh vẫn im lìm trên giấy. Hôm qua,

người thân gia đình lại điện thoại trao đổi với tôi khát khao làm sao tìm được hài cốt liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông *"Có cách gì không? Tâm linh cũng rồi. Thực địa cũng rồi, mà chưa có kết quả!"*. Người nhà liệt sĩ hỏi tôi. Tôi hỏi trời, hỏi đất rồi hỏi mình: **"Có cách gì không?"**

Hà Tĩnh 15/7/2025

* Đây là bức thư của nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông gửi cho gia đình ngày 20/6/1968. Gần năm tháng sau thì anh hy sinh (ngày 14/11/1968). Bức thư do Ngô Thị Khuyên, cháu dâu nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông đánh máy lại và gửi cho chúng tôi.

Thưa thầy mẹ, bác và các anh, chị. Toàn thể các cháu kính mến. Từ buổi ban đầu con rời khỏi quê hương miền Bắc thân yêu đi làm nhiệm vụ, tính cho đến nay nữa đã hơn 3 năm trời.

Thưa thầy mẹ và gia đình! Hàng ngày, hàng giờ sống trên chiến trường không lúc nào hết tiếng bom đạn, giặc mỹ trút xuống xóm làng, đồng ruộng. Những cụ già, những trẻ em cũng phải chết vì bom đạn Mỹ, nhân dân sống vất vả, thậm chí có nơi phải bỏ nhà cửa chạy trốn. Bom đạn mỹ càng ném xuống nhiều. Mỗi lúc nhìn tới các cụ già, các em nhỏ thì đầu óc lại nghĩ tới Thầy mẹ và các cháu nhỏ hồi còn ở nhà. Cuộc sống gian khổ của đồng bào miền Nam, không hiểu cuộc sống của gia đình bây giờ ra làm sao? Hàng ngày giặc Mỹ cứ đem bom trút xuống quê hương. Lúc ra đi, Thầy mẹ, Bác đã già lắm rồi, không hiểu bây giờ còn sống không? Các anh các chị bây giờ được mấy cháu nữa, rồi các cháu có khỏe không, bây giờ có học hành gì được không. Cha mẹ của các cháu hiện nay làm

gì? Ba năm rồi từng giờ từng phút trông ngóng tin tức gia đình. Gia đình trông con bao nhiêu thì con ở đây mong nhận được một tin gia đình bấy nhiêu.

Thưa thầy mẹ và gia đình!

Không hiểu gia đình có hiểu cho con không, thời gian và điều kiện viết một lá thư về nhà khó khăn lắm, con ở đây cũng đã được tạo mọi điều kiện để biên thư về nhà, để gia đình khỏi trông đến con đấy, nhưng không hiểu có nhận được không.

Kể từ ngày con vào đây, đến nay sức khỏe trường, công tác tốt, nói chung hoàn thành nhiệm vụ, từ ngày vào đến nay anh em vẫn sống với nhau, anh em cùng quê ở với nhau vui lắm. Nhờ gia đình nói hộ chị Lực, anh Lực vẫn khỏe, ở chung với Đông một đơn vị. Thông thường Đông không có tiền tiêu thì ông cũng cho được một ít tiêu, nên cũng không đến nỗi vất vả lắm, mà hiện nay Đông cũng xin xỏ được một ít tiền tiêu và cũng mua được cái Đài để nghe, nên lúc nào chiến đấu về, có cái đài mở nghe tin tức cho nó vui thêm được một tý.

Nay anh Lực không ở đơn vị này nữa, mà lên R để nhận nhiệm vụ khác. Nên con tranh thủ biên thư để nhờ anh Lực gửi hộ. Anh Lực không kịp viết thư riêng mà chuyển lời hỏi thăm sức khỏe gia đình và bà con trong xóm.

Thưa thầy mẹ và gia đình, con ở đây cố gắng để làm hoàn thành nhiệm vụ trên giao, để sớm trở về với gia đình. Nhưng gia đình cũng đừng lo đời sống của con, không đến nỗi vất vả lắm đâu. Tuy nhiên, bom đạn nhiều, vất vả gian khổ thì cũng có lúc, không phải lúc nào cũng vậy đâu.

Thôi để kịp thời gian cho anh Lực đi, nên con không viết dài hơn được nữa, cuối cùng kính chúc gia đình khỏe và nhờ gia đình chuyển tới các chú, các anh chị và toàn thể bà con trong xóm Đông gửi lời hỏi thăm sức khỏe.

Hẹn ngày gặp lại
Ngày 20/6/68
HThư
8.6531YK.B1.H3
Ký tên
Đông

ĐIỀU KHÔNG THỂ THÀNH CÓ THỂ

Tình yêu thương thấu chín cõi, hành trình tâm linh đã giúp vợ chồng bà Đinh Thị Nguyên biến điều không thể thành có thể. Vợ chồng bà đã tìm được thi hài bố tại khu vực con suối ở tỉnh Quảng Trị. Năm 2013, gia đình hoàn tất thủ tục, đưa thi hài nhà giáo - liệt sĩ Đinh Xuân Giao từ Quảng Trị về an táng tại nghĩa trang quê nhà. Nghĩa trang cách Đồng Đạng, Cửa Vườn, Đầu Nương, hói Đình, kênh nhà Lê không xa. Chắc đêm đêm, nhà giáo - liệt sĩ Đinh Xuân Giao vẫn nghe tiếng ếch kêu, tiếng tôm búng càng, cá quẫy trên đồng, dưới sông…

Gia đình

Nhà giáo - liệt sĩ Đinh Xuân Giao (1937-1969) sinh ra trong một gia đình có truyền thống yêu nước, cách mạng.

Bố ông là Đinh Huyên (1913-1975) hoạt động cộng sản bị bắt ngày 15/7/1931. Ngày 12/ 3/1998, Giám đốc Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh Phan Xuân Thành đã ký **Giấy xác nhận** số: LT/BT: 03: *"Căn cứ vào những tài liệu lưu trữ tại Kho Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh, nay xác nhận: Ông Đinh Huyên; sinh năm 1913; quê*

quán làng Quang Chiêm, Đức Thọ, Hà Tĩnh; Hoạt động cộng sản bị bắt ngày 15/7/1931; bị kết án 01 năm tù theo bản án số 130 ngày 20/8/1931. Thời gian được thả 15/7/1931 của Tuần vũ Hà Tĩnh trên cơ sở Quyết định ngày 18/11/1931 của Khâm sứ Trung kỳ".

SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN NGHỆ AN
BẢO TÀNG XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH

Số : LT/ BT: 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

Vinh, ngày 12 tháng 3 năm 1998

GIẤY XÁC NHẬN

Căn cứ vào những tài liệu lưu trữ tại Kho Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh , nay xác nhận:

- Ông: Đinh Huyên
- Bí danh:
- Năm sinh: 1913
- Quê quán: Làng Quang Chiêm - Đức Thọ - Hà Tĩnh
- Cha: ..... Mẹ: .....
- Vợ: .....

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:

Hoạt động Cộng sản bị bắt ngày 15/7/1931. Bị kết án 01 năm tù theo bản án số 130 ngày 20/8/1931. Thời gian được thả 15/7/1932.

Theo báo cáo số 1874 ngày 21/11/1931 của Tuần vũ Hà Tĩnh trên cơ sở quyết định ngày 18/11/1931 của Khâm sứ Trung kỳ.

GIÁM ĐỐC BẢO TÀNG XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH

Phan Xuân Thành

Tư liệu gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Ngày 22/2/2022, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nhĩa Việt Nam đã truy tặng Huân chương Độc lập Hạng Ba cho ông Đinh Huyên *"Đã tham gia cách mạng từ năm 1935 về trước, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRUY TẶNG

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
HẠNG BA

Ông ĐINH HUYÊN

Xã Đức Thịnh (nay là xã Thanh Bình Thịnh), huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
Đã tham gia cách mạng từ năm 1935 về trước,
đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022
CHỦ TỊCH

Quyết định số: 254 /QĐ - CTN ngày 22 tháng 02 năm 2022
Vào sổ vàng số: 3

Nguyễn Xuân Phúc

Tư liệu gia đình cũng cấp. Ảnh: Văn Lê

Truyền thống cách mạng của gia đình là ngọn nguồn nuôi dưỡng lòng yêu nước, yêu cách mạng của nhà giáo - liệt sĩ Đinh Xuân Giao, sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu khi Tổ quốc cần. Hai năm trong quân ngũ, chiến sĩ Đinh Xuân Giao đã vinh dự được Nhà nước trao tặng thưởng Huân, Huy chương cao quý, ghi nhận những đóng góp to lớn của anh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Dẫu những tấm Bằng khen theo thời gian đã không còn nguyên vẹn, nhưng đó là những chứng tích quý giá mà gia đình còn lưu giữ được, khiến chúng tôi vô cùng xúc động.

Tư liệu gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

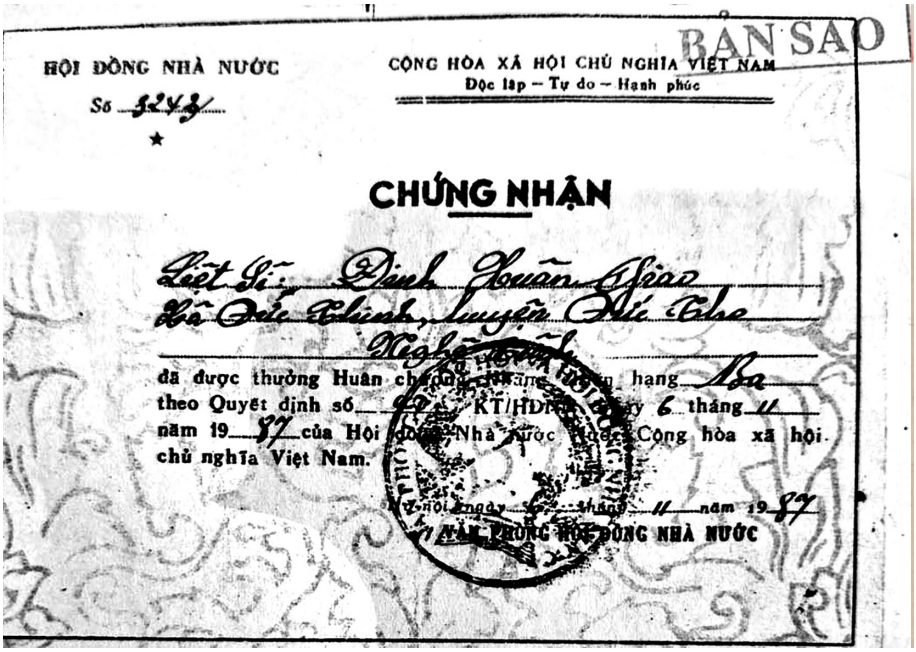

BẢN SAO

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
Số 3243

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN

Liệt Sĩ: Đinh Xuân Giao
Xã Đức Thịnh, huyện Đức Thọ
Nghệ Tĩnh

đã được thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba
theo Quyết định số 20 KT/HĐNN ngày 6 tháng 11
năm 1987 của Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội
chủ nghĩa Việt Nam.

Hà Nội ngày 6 tháng 11 năm 1987
T/M HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

Tư liệu gia đình cũng cấp. Ảnh: Văn Lê

Sau một thời gian, nhờ thầy Nguyễn Viết Hưởng (CGC xã Đức Thịnh) liên lạc, chúng tôi hẹn gặp được thân nhân nhà giáo - liệt sĩ Đinh Xuân Giao tại tư gia thôn Quang Tiến, xã Đức Thịnh, Hà Tĩnh.

Liệt sĩ Đinh Xuân Giao là con thứ hai trong gia đình có năm anh em. Chị cả là Đinh Thị Thu đã mất. Em gái Đinh Thị Tứ nghỉ hưu tại Quảng Ninh. Em trai út Đinh Văn Đề, nghỉ hưu tại Vũ Quang, Hà Tĩnh. Việc thờ cúng tổ tiên tại tư gia do em trai thứ 4 Đinh Văn Thành (về hưu tại thôn Quang Tiến, xã Đức Thịnh) đảm nhận.

VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ Đinh Xuân Giao

Đã hy sinh

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

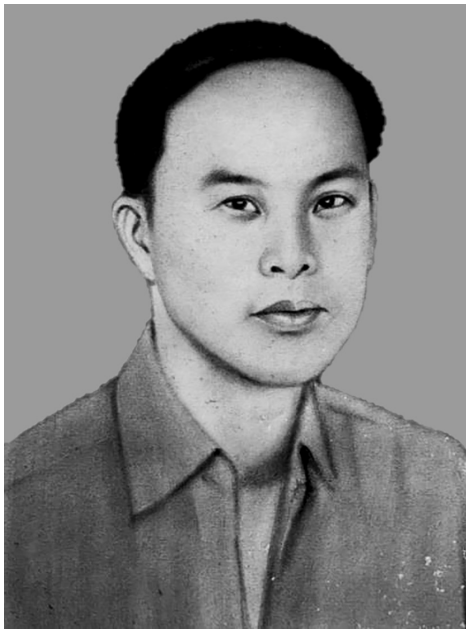

Nhà giáo - liệt sĩ Đinh Xuân Giao

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Bà Đoàn Thị Hoàn (vợ liệt sĩ Giao) hiện sinh sống với vợ chồng con gái đầu Đinh Thị Nguyên (sinh năm 1958) và Nguyễn Ánh Quang tại Hà Nội. Ảnh, Bằng Tổ quốc ghi công của liệt sĩ Đinh Xuân Giao được vợ và con gái lập bàn thờ, hương khói tại đây.

Những kỷ vật thiêng liêng, vô giá

Ông Đinh Văn Thành cho biết: Hiện nay, trong gia đình có ba kỷ vật vô giá là ngôi nhà gỗ ba gian đã trên một thế kỷ; bộ bàn ghế gỗ tràng kỷ và bể đựng nước được xây vào năm 1937. *"Bể đựng nước có hai cái. Hiện còn cái hình chữ nhật, chân quỳ dài 1.2m, rộng 0,8m, cao 0,5m để trước sân, còn cái hình tròn năm 1992, đói quá, có người mua, gia đình bán mất"*. Ông Đinh Văn Thành tiếc rẻ.

Tôi cố gắng khơi gợi ký ức ngày xưa. Ngày xưa, ông Đinh Huyên lo hoạt động cách mạng. Sau cách mạng, làm chủ nhiệm hợp tác xã *"đứng mũi chịu sào"*, việc nhà, con cái, một tay cậy nhờ bà Lương Thị Bốn - người vợ tần tảo đảm đang. *"Góc vườn kia, mấy đụn rơm rạ. Ở xứ đồng quê chiêm trũng này, thức ăn mùa đông của trâu bò, nhiên liệu đun nấu, cho đến cái ổ lót cho gà đẻ, ổ ấm của người chống chọi ba tháng mùa đông, trông chờ vào rơm rạ cả. Ngày mùa, mẹ lo hạt lúa, còn con cái lo rơm rạ. Là anh cả, nên công việc đụn rơm, anh Giao làm, lũ em út chúng tôi đứng quanh phụ thêm"*. Ông Thành chia sẻ.

Đoạn ông Thành dẫn chúng tôi ra xem và giới thiệu về cái bể. Đã gần 90 năm trôi qua. Đây là cái bể được xây bằng vôi, mật mía, cát. Những nét hoa văn, nhất là chữ số 1937 vẫn còn rõ. Thời gian trôi qua, đáy bể bị rấm, ông Thành cho tráng lớp mỏng xi măng để đựng nước, còn bên ngoài vẫn nguyên hiện trạng.

Ngày xưa, ông bà Đinh Huyên xây bể chứa nước mưa. Nhưng anh Đinh Xuân Giao đã biến cái bể thành dụng cụ trữ tôm, cá, ếch. Rằng, trong mấy anh em, anh Giao năng động, tháo vát, có tài giăng lưới, thả câu, bắt ếch. Không phải ngẫu nhiên mà thời đó, bà con trong làng gắn cho anh biệt danh *"tấy cạn"*[1]

Tháng 3 mưa rào, tháng 4 lũ tiểu mãn, nước trắng đồng Đầu Nương, Cửa Vườn, Đồng Đạng (những cánh đồng thôn Quang Chiêm, Đức Thọ), ếch râm ran, qua chập choạng, một bó đuốc ruột nứa khô, bùi nhùi rơm, một cái nơm, một cái giỏ buộc ngang bụng, anh Giao đi hết đồng dưới lên đồng trên, bắt được đầy giỏ, khuya về, anh thả vào bể, cẩn thận lấy nia đậy bên trên. Thế mà sáng mai ếch nhảy đi hết.

Cũng cái bể này, đựng cá thì ổn. Mùa hè, anh thả lưới, chăng câu, tát đìa xung quang hói Đình (bắt nguồn từ sông nhà Lê) bắt được nào là cá chuối, trê, chép, diếc, rô; thứ để ăn, thứ đưa bà Bốn (mẹ) ra chợ bán. Mùa Đông, gió heo may, bất chấp lạnh cắt da, cắt thịt, anh Đinh Xuân Giao lại đốt đuốc, ra đồng bắt cá đi heo. Mùa cá heo, được nhiều nhất là chuối, trê, ít khi được cá trắng (diếc, gáy, trắm, mè). Có khi trữ đầy nửa bể cá!

Cá nhiều, ngạt khí, nhiều con chết, phải san sang cả bề tròn. *"Cái bể đối với chúng tôi là di vật vô giá về anh trai. Tôi đang liên hệ để chuộc lại. Chắc không khó!"*. Ông Thành chia sẻ.

Xong, ông Thành cùng chúng tôi vào nhà. Bộ bàn ghế được đặt ở gian giữa nhà. Bàn làm bằng gỗ lim, chân tiện, mặt liền. Ghế tràng kỷ không chạm, chỉ có uốn tay, sau lưng tựa có hoa văn đơn

[1] Con rái cá.

giản; gỗ dỗi. Cũng trên bộ bàn ghế này, một thời, mấy anh em chen chúc nhau học. *"Ban ngày thì bận. Tối đến khi thì đèn dầu lạc, khi đèn dầu hỏa như đom đóm đực, mấy anh em chen chúc nhau nghêu ngao tí, rồi lăn ra ngủ, chứ học hành được mấy"*. Ông Thành nhớ lại.

Cái bể gắn liền với ký ức bắt cá, bắt ếch của nhà giáo - liệt sĩ Đinh Xuân Giao. Trong ảnh: Ông Đinh Văn Thành (em liệt sĩ (trái) thầy Nguyễn Viết Hưởng (phải). Ảnh: Văn Lê

Nhưng cũng tại cái bàn này, Đinh Xuân Giao đã dạy Toán, làm Văn cho các em. *"Sau này, các cháu Đinh Thị Nguyên, Đinh Thị Liệu (con LS. Giao) cũng ngồi học trên bàn này. Vì vậy, cái bàn gợi thương, gợi nhớ về anh Đinh Xuân Giao"*. Ông Thành xúc động.

Trai anh hùng, gái thuyền quyên

Về Quang Tiến, Đức Thịnh, những người già vẫn nhắc *"đôi lứa xứng đôi"* Đinh Xuân Giao và Đoàn Thị Hoàn.

Tốt nghiệp lớp 7, Đinh Xuân Giao đầu đơn vào sư phạm. Năm 1956, tốt nghiệp ra trường, anh được điều động về dạy học tại trường tiểu học huyện miền núi Bình Liêu phía Bắc tỉnh Quảng Ninh, có đường biên với Trung Quốc.

Sinh ra lớn lên trong gia đình cách mạng, lại khôi ngô, tuấn tú, chăm học, chăm làm, thầy giáo trẻ Đinh Xuân Giao là hình mẫu lý tưởng của nhiều cô gái.

Cô Đoàn Thị Hoàn con thứ ba trong gia đình có bốn cô con gái sắc nước hương trời nổi tiếng xứ Quang Chiêm. Con trai lớn đã có nghề nghiệp, ông bà Đinh Huyên *"đánh tiếng"* với ông bà Đoàn Bảy. Hàng xóm thấy hai gia đình "*môn đăng hộ đối*" nên càng vun vào. Hè 1957, về quê, thầy giáo Đinh Xuân Giao được gia đình đưa đến nhà gái chạm ngõ. Cũng dịp hè đó, nhà trai được nhà gái đồng thuận mang sính lễ đến nạp tài. Theo tục lệ người Hà Tĩnh, sính lễ ngoài cau trầu, rượu chè, bánh gai, nếp, tư trang, còn có thủ, lòng, đuôi lợn. Do sơ suất của người sắm lễ, thiếu mất đuôi lợn, nhà gái thấy *"sái" thiếu đuôi nghĩa là "đầu đi, đuôi không lọt"* nên đòi hỏi nhà trai giải thích.

Nhà trai đã thành thật nhận thiếu sót và bổ sung ngay. Sau này, khi thành gia thất, thỉnh thoảng vợ chồng thầy Đinh Xuân Giao lại nhắc lại chuyện xưa vui vẻ: *"Thiếu cái đuôi, suýt mất vợ!"*.

Khát vọng đoàn tụ

Sau *"tuần trăng mật"*, Đinh Xuân Giao chia tay vợ trẻ trở lại trường với con em đồng bào dân tộc Nùng, Dao, Tày, Sán Chỉ - nơi vùng cao giáp ranh biên giới Trung Quốc.

Một năm sau, con gái chào đời. Lựa chọn tên Nguyên đặt cho con gái, vợ chồng Đinh Xuân Giao gửi gắm mơ ước về sự nguyên vẹn, không chia lìa. Bởi vậy, một năm sau, anh đón vợ con ra rẻo cao. Lương tháng 48 đồng không đủ trang trải cuộc sống gia đình, vợ không có việc làm, lại mang thai, sinh thêm bé thứ hai. Trong muôn vàn khó khăn, vợ chồng bàn gửi hai con về quê cho ông bà nội để cô Đoàn Thị Hoàn đi học lớp Kế toán Tây Bắc. Gia đình lại *"một chốn ba nơi"*. Học xong, cô Hoàn được bố trí kế toán kiêm thủ kho ở Đại Từ, Bắc Thái. Vợ chồng trẻ như sao Hôm sao Mai.

Năm 1964, bị thua to ở miền Nam, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, nhằm *"kéo miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá cũ"*. Khu bốn *"chảo lửa túi bom"*. Nhằm chi viện cho khu 4, Bộ Giáo dục điều động giáo viên ở miền Bắc vào dạy học tại Thanh, Nghệ, Tĩnh. Năm 1965, Đinh Xuân Giao được điều chuyển về quê nhà Hà Tĩnh. Ngỡ về quê sẽ được gần con, nhưng thầy giáo Đinh Xuân Giao được phân công về dạy học ở Cẩm Nhượng, cách gia đình trên trăm cây số. Từ Cẩm Nhượng, Cẩm Xuyên về Đức Thịnh, Đức Thọ qua bao trọng điểm đánh phá ác liệt của kẻ thù, trường học phải sơ tán, thầy giáo Đinh Xuân Giao khó có thể về để săn sóc con. Điều có thể làm được là mang em trai Đinh Văn Thành vào Cẩm Nhượng học lớp 2. *"Khi ấy tôi mới 8 tuổi. Anh mang vào, ở trọ nhà ông Hoàn. Ăn uống, sinh hoạt nhờ*

nhà chủ lo. Tôi học lớp 2, sau đó, anh chuyển về Đức Thọ công tác, tôi cũng về quê". Ông Thành nhớ lại.

Về Đức Thọ, nhưng dạy Đức Phong, chưa ấm chỗ, Ty Giáo dục Hà Tĩnh lại điều Đinh Xuân Giao vào dạy Nghèn, Can Lộc, cách nhà 40 km.

Năm 1967, khi có lệnh Tổng động viên, thầy giáo Đinh Xuân Giao đã viết đơn tình nguyện lên đường nhập ngũ. Sau này, nhớ lại năm tháng xa bố mẹ, bà Đinh Thị Nguyên vẫn không dấu được xúc động: *"Hai chị em cháu về ở với ông bà nội, xa bố mẹ, thấy con hàng xóm bố kiệu, thơm, nựng mà thèm được như vậy. Nhất là sau này, về ở khu tập thể, các bạn cùng trang lứa được bố sắm quần áo mới, những chiếc nơ đẹp, chị em tôi thèm nhỏ dãi"*.

Ngày bố lên đường, em gái út mới một tháng tuổi. Mẹ đang ở cữ. Vào đơn vị, thầy giáo Đinh Xuân Giao được biên chế vào Trung đoàn 958 với nhiệm vụ trinh sát. Những năm tháng chiến đấu trên đất bạn vô cùng gian khổ và khốc liệt. Khi đang ghi chép những dòng này, tôi vẫn chưa thể liên hệ được với ai là đồng đội của nhà giáo Đinh Xuân Giao để biết được một cách chân thực những đóng góp, cống hiến của ông. Nhưng qua Huân chương kháng chiến hạng Nhất, Huân chương chiến công hạng Ba của Chính phủ và Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặc biệt là Bằng ghi công trạng của của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đối với những đóng góp xuất sắc của nhà giáo - chiến sĩ Đinh Xuân Giao, chính là những minh chứng thuyết phục về những cống hiến to lớn của ông.

Bằng Nhà nước Lào ghi công liệt sĩ Đinh Xuân Giao
Tư liệu: thầy Hưởng (CGC) cung cấp

Cựu chiến binh Nguyễn Trọng Đắc đã giúp tôi phiên dịch những thông tin trong tấm bằng ghi công trạng từ tiếng Lào ra tiếng Việt như sau:*" Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào/ Hòa bình - Độc lập - Dân chủ - Thống nhất - Thịnh vượng/ Văn phòng Chủ tịch nước; Số 8843/VPCTN;* **Nhà nước Lào ghi công***; Đồng chí: Đinh Xuân Giao; Quốc tịch: Việt Nam; Quê quán: xã Đức Thịnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Nghệ Tĩnh; Nhà nước Lào ghi công đồng chí đã cống hiến sức lực, trí tuệ của mình vào sự nghiệp giải phóng, bảo vệ và xây dựng nước Lào. Công lao của đồng chí đã được ghi nhận tại sổ vàng lịch sử của đất nước Lào; Viêng Chăn ngày 05/09/1980; Chủ tịch nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (Đã ký) Xu-pha-nu-vông".*

Qua thầy Nguyễn Viết Hưởng, tôi liên lạc được với bà Đinh Thị Nguyên (con cả nhà giáo - liệt sĩ Đinh Xuân Giao). Hiện bà cư trú ở Hà Nội. Bà dành nhiều thời gian kể về bố mẹ mình. *"Bố mẹ từ khi lấy nhau cho đến khi bố hy sinh, ngày hạnh phúc bên nhau chẳng được bao nhiêu? Thương bố mẹ quá. Còn với mẹ, vì đẹp, hiền lành lại tốt bụng nên mẹ khổ. Mẹ góa chồng khi sung mãn nhất, vậy mà mẹ vượt qua được cám dỗ. Mẹ đã biến điều không thể thành có thể. Chúng tôi kiêu hãnh vì mẹ giữ tấm lòng son. Sau này, có người tử tế, nửa đường đứt gánh dạm hỏi, tôi bàn mẹ "đi bước nữa", mẹ im lặng lắc đầu, không thích cảnh rổ rá cạp lại. "Vả lại đã chịu đến nước này, ở vậy cho lành"*. Bà Đinh Thị Nguyên xúc động kể.

Con gái Đinh Thị Nguyên (trái) tại lễ mừng thọ mẹ Đoàn thị Hoàn 90 tuổi - vợ nhà giáo - liệt sĩ Đinh Xuân Giao
Ảnh: Gia đình cung cấp

Tôi đã nghe thầy Hưởng và người thân trong gia đình kể về vợ chồng ông Nguyễn Ánh Quang và bà Đinh Thị Nguyên, là tấm gương hiếu nghĩa với ông bà, cha mẹ. Mười hai năm (1986-1998), hai vợ chồng đã săn sóc bà nội Lương Thị Bốn từ bữa ăn, giấc ngủ khi bà ra ở cùng vợ chồng tại Hà Nội. *"Bà Nguyên thì đã đành, còn ông Nguyễn Ánh Quang là cháu rể, vệ sinh, đổ bô hàng ngày cho bà nội, đời này hiếm có, khó tìm"*. Thầy Hưởng tấm tắc.

Thương mẹ, lặng lẽ hy sinh, tuổi già vẫn côi cút ở khu tập thể Kim Liên, năm 1999, vợ chồng đã mang bà Đoàn Thị Hoàn về chung nhà để dễ dàng chăm sóc khi tuổi già xế bóng. Khi được hỏi: "*Nếu cầu được ước thấy, bà ước điều gì?",* Bà Nguyên không ngần ngại: "*Tôi ước cả nhà đoàn tụ, ăn với nhau một bữa cơm. Nhưng điều có thể đã thành không thể*". Bà Đoàn Thị Hoàn buồn rầu nói*: "Thôi, không đoàn tụ dương gian thì đoàn tụ nơi suối vàng".*

Thương bố, mẹ, vợ chồng bà Đinh Thị Nguyên hàng năm trời lặn lội từ khắp nơi, bàn chân đặt đến hầu hết nơi trên mảnh đất Trung bộ. Tình yêu thương thấu chín cõi, hành trình tâm linh đã giúp vợ chồng bà biến điều không thể thành có thể. Vợ chồng bà đã tìm được thi hài bố tại khu vực con suối ở tỉnh Quảng Trị. Năm 2013, gia đình hoàn tất thủ tục, đưa thi hài nhà giáo - liệt sĩ Đinh Xuân Giao từ Quảng Trị về an táng tại nghĩa trang quê nhà. Nghĩa trang cách Đồng Đạng, Cửa Vườn, Đầu Nương, hói Đình, kênh nhà Lê không xa. Chắc đêm đêm, nhà giáo - liệt sĩ Đinh Xuân Giao vẫn nghe tiếng ếch kêu, tiếng tôm búng càng, cá quẫy trên đồng, dưới sông…

Hà Tĩnh 11/7/2025

LẤY THÂN MÌNH CHE SỰ SỐNG CHO HỌC SINH

Đó là hành động dũng cảm, vô cùng cao đẹp của thầy giáo - liệt sĩ Đặng Duy Giáp - Giáo viên Trường cấp 1 Xuân Hải, Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

Trong ký ức của anh Trần Đức Thiện (Tiên Điền, nguyên học sinh lớp 4A, trường tiểu học Xuân Hải), thầy Đặng Duy Giáp là giáo viên chủ nhiệm lớp 4A. Sĩ số lớp 4A lúc đó có 21 học sinh, trong đó có Trần Đức Thiện.

Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, xã Xuân Hải (làng quê bãi ngang ven biển, thuộc huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh; gần thành phố Vinh, phà Bến Thủy) trở thành trọng điểm đánh phá của giặc Mỹ. Nhằm đảm bảo an toàn cho thầy và trò, nhà trường và phụ huynh đã đào hào, đắp lũy. Từ lớp học 4A, có 2 ngả thông với giao thông hào đến hầm chữ A.

Vào lúc 15h ngày 09 tháng 05 năm 1968, thầy Đặng Duy Giáp đang say sưa giảng bài thì tiếng máy bay gầm rú, xé nát bầu trời. Kẻng báo động liên hồi. *"Cúi xuống! Nhanh chóng bò ra giao thông hào, đến hầm chữ A!"*. Thầy hét lên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ : Đặng Duy Giáp

Giáo viên cấp 1

Nguyên quán: xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước

ngày 25 tháng 9 năm 1968

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2017

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Quyết định số: 199/TTg
Ngày 26 tháng 4 năm 1974
Bằng số MM 074 KL

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Vì đã được thầy tập dượt nhiều lần, nên chớp mắt, 21 em học sinh đã vào được hầm chữ A, trú ẩn. Nép hai mươi mốt (21) học sinh vào hầm, trấn an tinh thần các em, thầy đứng quay lưng ra cửa hầm, lấy thân mình trám cửa, tay phải nắm chặt kèo tre, che chắn cho các em học sinh.

Bỗng căn hầm rung lên. Đất cát vùi lấp. Khói bom mịt mù. Khét lẹt. Hầm chữ A bị vùi lấp. Lớp học bị cháy. Ngay tức thì, dân quân, nhân dân quanh trường, phụ huynh đổ về lớp học, người thì dập lửa cứu trường; người thì đến giao thông hào, hầm trú ẩn, bới đất cứu thầy trò. Thầy Đặng Duy Giáp, bị mảnh bom chặt đứt cánh tay phải, máu chảy lênh láng. Tay trái vẫn còn ôm học trò. Đó là em Trần Đức Thiện. Máu của thầy hòa lẫn đất, cát, thấm

vào áo và người em Thiện. *"Thầy bị mất máu, sức ép, nên bị ngất. Dân quân xé áo, tạm băng ca rô, cầm máu, thở nhân tạo rồi đưa thầy đến trạm xá. Phụ huynh bế các em học sinh ra khỏi hầm, trấn an các em. Hai mươi mốt học sinh an toàn"*. Anh Thiện nhớ lại.

Sau đó, thầy Đặng Duy Giáp được chuyển đến Bệnh viện huyện, thời đó di tản về xã Xuân Mỹ. Thầy bị thương quá nặng, bệnh viện khẩn cấp gọi xe hồng thập tự đến chuyển thầy đến bệnh viện tuyến trên cấp cứu, nhưng thật không may, xe cứu thương đi Hương Sơn, bị kẹt ở phà Linh Cảm, do phà Linh Cảm cũng bị máy bay Mỹ đánh phá, phà hư hỏng, xe không qua được, nên thầy Giáp nằm lại bệnh viện tuyến huyện, quá thiếu phương tiện để chữa trị...

Cô Nguyễn Thị Thái (1940-2022, vợ nhà giáo Giáp) vẫn chưa hết bàng hoàng: *"Nghe anh bị thương, tôi hoảng hồn, chạy một mạch đến bệnh viện Xuân Mỹ. Trời ơi! Anh bị mất cánh tay. Máu vẫn còn bê bết. Người xanh rớt mồng tơi. Tôi thức trắng bên anh. Anh thì thào: "Anh có mệnh hệ gì, em ráng nuôi con, chăm mẹ. Gặp duyên thì đi bước nữa, đừng ở vậy, cô đơn, khổ! Nghe anh nói mà lòng tôi như muối xát. Không! Không! Không! Anh, không thể chết! Anh phải sống với mẹ con em"*. Cô Thái đau đớn, xót xa.

Sau này, thỉnh thoảng, khi tâm sự với dâu con về người chồng, người cha tài giỏi, mẫu mực, cô Thái kể rằng: Trưa ngày 9/5/1968, sau khi ăn cơm, bố Giáp tắm rửa, chải chuốt mặc áo trắng để đến lớp. Thương chồng, cô Thái giục chồng ăn quả trứng gà luộc cho có sức để lên lớp. Bố Thái không ăn cả, mà xẻ cho vợ một nửa, đút cho vợ ăn. Nhà neo đơn. Mẹ già, con nhỏ, cô

Thái thỉnh thoảng chạy về nấu cho chồng bát cháo. Vết thương chảy máu quá nhiều, Thầy Giáp luội đi và hy sinh, bỏ lại vợ con, mẹ già…

Thi hài thầy được an táng tại nghĩa địa họ tộc tại Am Bà Sư, Tiên Điền. Một thời gian sau, con cháu, gia tộc di chuyển hài cốt về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ Nghi Xuân.

Chân dung thầy giáo - liệt sĩ Đặng Duy Giáp
Ảnh: con dâu Vũ Thị Thanh Hải cung cấp

Nhớ về thầy Đặng Duy Giáp, đồng nghiệp, học sinh, phụ huynh ấn tượng về người thầy tài giỏi đức độ. Thầy Giáp là người dành trọn trái tim cho thế hệ trẻ. Hành động lấy thân mình che chở sự sống cho học sinh khiến cho chúng ta liên tưởng đến gà mẹ xòe cánh che chở, bao bọc cho đàn con trước sự tấn công của diều, quạ. Chúng ta ngưỡng mộ, khâm phục lòng quả cảm trước một Tô Vĩnh Diện lấy thân chèn pháo, Phan Đình Giót lấp lỗ châu mai, Bế Văn Đàn lấy thân làm giá súng, Nguyễn Viết Xuân: *"Nhằm thẳng quân thù mà bắn"*, và biết bao chiến sĩ anh hùng đã hy sinh thân mình cho Tổ quốc, Nhân dân. Hành động lấy thân mình bảo vệ cho học sinh của nhà giáo Đặng Duy Giáp cần được lan tỏa, ngợi ca. Đó là hành động của người *"hy sinh tất cả chỉ quên mình"*, hành động của người anh hùng, xuất phát từ trái tim yêu thương học sinh đến hết mình.

Mẹ anh hùng. Con liệt sĩ. Dâu thương binh

Bố thầy giáo - liệt sĩ Đặng Duy Giáp (1934-1968) là ông Đặng Duy Thắng (1880-1953) có tám con với vợ cả. Năm năm sau khi vợ cả qua đời, tại Tiên Điền, Nghi Xuân, ông Thắng kết hôn với bà Phan Thị Mơ; quê quán ở Xuân Viên, Nghi Xuân và sinh ra Đặng Duy Giáp.

Đặng Duy Giáp khôi ngô, tuấn tú, nên từ nhỏ đã được bố mẹ cho ăn học và bộc lộ năng khiếu học tập cũng như chơi đàn, đá bóng. Được gửi học ở trường Cao Xuân Dục, Vinh nên thầy Đặng Duy Giáp nói tiếng Pháp sành sõi. Thầy đã lựa chọn nghề sư phạm để dấn thân và sau khi học lớp đào tạo cấp tốc, thầy được phân công về giảng dạy cấp 1, Xuân Hải, một làng bãi ngang ven biển, nghèo khó, sóng gió.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM
TRUY TẶNG DANH HIỆU
BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

Bà Phan Thị Mơ
Thôn Trấn Nghi Xuân, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
Đã có con đầu nhất hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc

Hà nội, ngày 24 tháng 4 năm 1995
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Lê Đức Anh

Quyết định số 438 KT/CTN ngày 24 tháng 4 năm 1995
VÀO SỔ VÀNG SỐ 101

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN
HẠNG Ba

Liệt sỹ Đặng Duy Giáp
Xã Tiên Điền huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ Tĩnh
Đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Hà nội ngày 6 tháng 11 năm 1984
HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỦ TỊCH
Trường Chinh

Nghị quyết số 37 KT/HĐNN ngày 6 tháng 11 năm 1984
VÀO SỔ VÀNG SỐ 919

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Bố mất sớm. Bao nhiêu tình thương, bà Mơ dành cho con trai. Sau khi con trai mất, bà Mơ *"sốc nặng"*, ốm đau, nhưng rồi vượt lên nỗi đau đớn, bà làm chỗ dựa cho con dâu nuôi cháu. Hai người đàn bà, một già, một trẻ tựa vào nhau mà sống, đi qua năm tháng khó khăn nhất của cuộc đời! Bà đã nuốt nước mắt vào trong, cùng con dâu chăm bẵm, nuôi nấng, chăm sóc, dạy dỗ đứa cháu, *"giọt máu"* con trai để lại, nên người.

Năm 1995, bà được Chủ tịch nước phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Và thiết nghĩ con trai bà - Liệt sĩ-Nhà giáo Đặng Duy Giáp xứng đáng được phong tặng anh hùng.

Con dâu bà, vợ Liệt sĩ Đặng Duy Giáp là giáo viên cấp 1 Tiên Điền -người vợ thủy chung, giàu đức hy sinh. Mất chồng ở tuổi 25, xinh đẹp, nết na, nhiều nơi để mắt, ấy vậy mà bà Nguyễn Thị Thái (1940-2022) vẫn quyết ở vậy thờ chồng nuôi con, giữ vẹn nguyên tấm lòng chung thủy.

Tôi đã lắng nghe vài lần câu chuyện đứt nối về liệt sĩ- thầy giáo Đặng Duy Giáp do cô con dâu Vũ Thị Thanh Hải- Giáo viên môn Lịch sử, Trường THCS Nguyễn Trãi (Nghi Xuân) kể: Về làm dâu gia đình anh hùng, liệt sĩ, ngoài niềm tự hào, ngoài trách nhiệm con dâu, cô Thanh Hải thấu cảm, chia sẻ những mất mát hy sinh của người mẹ và ngưỡng mộ phẩm chất quý giá của người phụ nữ Việt Nam nơi mẹ chồng. Thỉnh thoảng bà Thái lại kể cho con dâu những ký ức đẹp đẽ về người chồng, thầy giáo-liệt sĩ thương yêu. Nào là, khi đã sinh con, nhờ chồng kèm cặp mà cô Nguyễn Thị Thái, ngày làm đồng, tối một tay ôm con, một tay bút sách, tự học, hoàn thành chương trình cấp 2 (lớp 7/10, tương đương lớp 9/12 bây giờ). Sau đó, cô Thái đầu đơn vào

trường sư phạm đóng tại Đức Bồng, Đức Thọ. Tốt nghiệp, cô được phân về dạy trường cấp 1 Tiên Điền, Nghi Xuân. Giấc mơ trở thành cô giáo để sát cánh bên chồng của cô Nguyễn Thị Thái thành hiện thực. Hai vợ chồng thương yêu nhau đằm thắm, viết nên cổ tích giữa đời thường.

Chứng kiến những khi mẹ chồng khóc một mình, cô Hải thương mẹ không nói nên lời, chỉ âm thầm lặng lẽ làm những gì có thể để bù đắp cho mẹ chồng. Có những lúc, bà chia sẻ: *"Giá như những ngày ở viện, mẹ không về nấu cháo để ở bên bố con thêm được giây phút nữa. Nhưng nhà mình neo đơn quá!"*. Hoặc có khi, thấy ảnh cháu ôm đàn, bà Thái chợt nhớ quay quắt những đêm trăng sáng chồng bà ôm đàn đọc tấu những ca khúc về Hà Tĩnh yêu thương. Có lần, nghe cháu nội luyện nói tiếng Anh, bất chợt bà hỏi: "*Cháu học ngoại ngữ giỏi không đó? Chơ ông mi (cháu) ngày xưa siêu ngoại ngữ đó. Cháu ông, không giống lông cũng giống cánh!*".

Riêng chuyện này, nếu cô Thanh Hải không kể thì làm sao tôi biết được. Đó là có lần trên đường đến lớp, cô Nguyễn Thị Thái bị thương do mảnh bom Mỹ gây chấn thương vùng đầu, phải đưa vào viện cấp cứu. Sau này, cô được công nhận là thương binh. Cuối đời, sức khỏe cô sa sút trầm trọng. Con trai Đặng Duy Thương- GV trường PTTH Nguyễn Du xin nghỉ hưu trước tuổi, chăm sóc mẹ. Được năm tháng thì mẹ mất (tháng 2/2022).

Và câu chuyện về học trò Trần Đức Thiện được thầy Đặng Duy Giáp dành sự sống, có lẽ vì một cơ duyên đặc biệt. Sau này, Đức Thiện cũng vào sư phạm, rồi về dạy cùng cô Hải (con dâu liệt sĩ) tại trường THCS Xuân Yên. Những câu chuyện về bố

chồng, cô Hải thường được nghe qua thầy Trần Đức Thiện. *"Có lẽ quy luật nhân quả là có thật"* - Cô Hải xác nhận và tiếp tục câu chuyện: *"Em còn nhớ, lúc bà nội (mẹ Liệt sĩ Giáp) lâm chung, không chỉ nội ngoại mà thầy Thiện cũng có mặt. Thầy cùng gia đình đã lo tang gia cho bà nội về nơi an nghỉ cuối cùng chu đáo... Chuyện tâm linh là có thật. Và bây giờ, thầy Thiện cũng đã về miền mây trắng"*. Nói xong cô Vũ Thị Thanh Hải nhìn về phía đông. Xa xa, biển rì rầm, ngày đêm vỗ sóng hòa với gió thông, mang đi câu chuyện đời thực cõi Người mà lãng đãng sương khói huyền hoặc vào cõi vô biên, bất tận...

Hà Tĩnh 0 giờ 12 phút ngày 23/6/2025

DẠY HỌC
ĐỂ HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG

Chúng ta đã từng biết đến Chủ tịch Hồ Chí Minh với bí danh Nguyễn Tất Thành, từng dạy học ở trường Dục Thanh trước khi bắt đầu hành trình ra nước ngoài tìm đường cứu nước.

Năm 1922, sau khi đỗ đầu kỳ thi Thành chung, đồng chí Trần Phú đã về TP. Vinh (Nghệ An) dạy học tại trường Tiểu học Pháp- Việt Cao Xuân Dục. Tại đây, đồng chí Trần Phú đã tích cực tuyên truyền, giác ngộ cách mạng, bồi dưỡng lớp tri thức trẻ,, đào tạo được nhiều học trò xuất sắc, đồng thời kết nối với các tổ chức Cộng sản trong nước và nước ngoài… góp phần lãnh đạo phong trào cách mạng của nhân dân...

Trong số những nhà giáo cộng sản, có thể kể đến Nguyễn Văn Hậu (1900-1929) quê quán Gia Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Hương Phố, tỉnh Hà Tĩnh).

Hoạt động cách mạng trước khi chưa có Đảng

Về Gia Phố, Hương Khê (nay là Hương Phố), nhiều người vẫn nhắc đến thầy giáo Nguyễn Văn Hậu. Là con út trong gia

đình nông dân có sáu người con, nên ông Nguyễn Canh (bố) và bà Nguyễn Thị Mai (mẹ) đặt tên con út là Hậu.

Xuất thân trong một gia đình nghèo, đông con, nhưng Nguyễn Văn Hậu sáng dạ, thông minh, nên được cha mẹ tạo điều kiện cho theo đuổi con đường chữ nghĩa. Nguyễn Văn Hậu đã đậu bằng Díp lôm và chuẩn bị thi tú tài Tây.

Con đường mà Nguyễn Văn Hậu lựa chọn chính là con đường tri thức gắn liền với lý tưởng yêu nước. Từ một tri thức, Nguyễn Văn Hậu đã tìm gặp các chí sĩ yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, những người cùng thời như Lê Viết Lượng vv…

Năm 1919, thầy giáo Nguyễn Văn Hậu khi công tác tại trường tiểu học Gia Phố, Hương Khê, được cụ Lê Văn Lượng (người Can Lộc) giác ngộ, kết nối với Nguyễn Duy Phương (Hà Linh) tổ chức ra Hội bài Pháp, hướng đến thành lập một nước dân chủ.

Hội bài Pháp bước đầu đã tổ chức tuyên truyền, vận động, thức tỉnh nhân dân đấu tranh chống sưu cao thuế nặng và chống lại chủ trương chính sách của thực dân Pháp cấu kết với phong kiến, địa chủ bóc lột nhân dân.

Năm 1920, Nguyễn Văn Hậu được cử sang Xiêm, gặp gỡ tìm mối liên kết, giúp đỡ để gây dựng phong trào. Một năm sau, Nguyễn Văn Hậu trở về Hương Khê, gây dựng phong trào, tổ chức cho công nhân đường sắt, giáo viên ở Hương Khê tham gia hoạt động cách mạng.

Nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Văn Hậu

Ảnh tại Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh do gia đình cung cấp

Từ đây, Nguyễn Văn Hậu tích cực tham gia các hoạt động, chuẩn bị cho sự ra đời của tổ chức Tân Việt Cách mệnh Đảng. Ngày 14/7/1928, tại Huế, Tân Việt Cách mệnh Đảng chính thức được thành lập, đồng chí Đào Duy Anh được bầu làm Bí thư Hội, đồng chí Nguyễn Văn Hậu giữ cương vị Phó Bí thư, đặc trách công tác giáo dục và giao thông.

Để mở rộng địa bàn hoạt động, lan tỏa ảnh hưởng tích cực, kết nối với phong trào yêu nước của công nhân, nông dân, thầy

Nguyễn Văn Hậu ra Nghi Xuân dạy học. Dạy học không phải là mục đích chính mà là phương tiện để hoạt động cách mạng.

Tại Nghi Xuân, thầy Nguyễn Văn Hậu có điều kiện kết nối với đồng chí Lê Duy Điếm - thành viên Đảng Tân Việt, và được đồng chí cung cấp tài liệu, gợi ý phương hướng cũng như phương pháp hoạt động, bắc chiếc cầu để Nguyễn Văn Hậu đến với tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội. Đây là tổ chức cách mạng do Nguyễn Ái Quốc sáng lập tại Trung Quốc, nhằm truyền bá Chủ nghĩa Mác-Lê nin, chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng cộng sản.

Từ tổ chức Tân Việt cách mạng Đảng, Nguyễn Văn Hậu đã chuyển sang hoạt động trong tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội. Từ Nghi Xuân, mang theo ánh sáng của tổ chức mới, Nguyễn Văn Hậu tiếp tục về Hương Khê xúc tiến thành lập Việt Nam Thanh Niên Cách mạng Đồng chí Hội với 15 hội viên. Sau này, đồng chí Nguyễn Văn Hâu trở thành Phó Bí thư Tổng bộ Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội.

Lịch sử Đảng bộ huyện Hương Khê (1930-2025) đã viết về hoạt động của nhà giáo- liệt sĩ Nguyễn Hậu như sau: *"Năm 1925, đồng chí Nguyễn Hậu trong khi đang dạy học ở Nghi Xuân đã được đồng chí Lê Duy Điếm*[1] *cung cấp cho các tài liệu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*[2] *và chủ trương cứu nước, cứu dân theo con đường cách mạng vô sản của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Có tài liệu và*

---

[1] *Lê Duy Điếm - người huyện Nghi Xuân, đã sang Quảng Châu, Trung Quốc dự lớp tập huấn của Nguyễn Ái Quốc.*

[2] *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là tên chính thức, sau cùng. Trước đó có tên Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội.*

phương hướng hoạt động mới, đúng đắn, đồng chí Nguyễn Hậu[1] *xin về dạy học ở huyện nhà và vận động thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên ở Hương Khê.*

Tháng 9/1926, nhóm Hội- Việt Nam cách mạng Thanh niên đầu tiên ở Hương Khê được thành lập, gồm 15 hội viên. Sau khi ra đời, Hội đã ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào yêu nước, phong trào công nhân.

Sau khi phát hiện dấu hiệu hoạt động mới của tổ chức này, đế quốc, phong kiến đã tìm cách phá hoại. Do đó, hoạt động chưa được bao lâu thì đồng chí Nguyễn Hậu và một số hội viên của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên bị bắt, tổ chức này bị mất liên lạc, phải ngừng hoạt động".

Mặc dầu, tồn tại trong thời gian ngắn, nhưng *"Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên là sự kiện chính trị quan trọng, đánh dấu mốc mở đầu cho sự hình thành Đảng bộ Hương Khê sau này. Từ đây, tư tưởng cách mạng được hình thành và lớn lên không chỉ trong các chí sĩ, nhà Nho yêu nước, trong đội ngũ công nhân giao thông đường sắt, đường bộ mà quan trọng hơn là thâm nhập mạnh vào tầng lớp học sinh, giáo chức, dấy lên phong trào yêu nước trong học sinh các trường tiểu học theo khuynh hướng cách mạng vô sản"*[2]

Hy sinh anh dũng

Vào ngày thương binh - liệt sĩ 27/7/2025, tôi và cô Nguyễn Thị Hạnh- Hiệu trưởng Trường Tiểu học Phú Gia đến gia đình ông Nguyễn Hữu Lực (cán bộ hưu trí). Ông Nguyễn Hữu Lực là

---

[1] *Nguyễn Hậu còn có tên Nguyễn Văn Hậu.*

[2] *Lịch sử Đảng bộ huyện Hương Khê (1930-2025), tr. 33-34.*

cháu nội ông Nguyễn Văn Hậu, hiện đang thờ cúng tổ tiên và hương khói cho liệt sĩ Nguyễn Văn Hậu. Theo ông Lực, ông Nguyễn Văn Hậu kết hôn với bà Nguyễn Thị Chút, sinh được con trai Nguyễn Hưng. Khi Nguyễn Hưng mới 6 tháng tuổi thì Nguyễn Văn Hậu bị thực dân Pháp bắt và đày đi nhà lao Lao Bảo.

Di tích hiện nay của nhà giáo, nhà hoạt động cách mạng Nguyễn Văn Hậu chỉ còn lại mảnh vườn. *"Trong vườn, có còn lại cây cối gì cụ Nguyễn Văn Hậu trồng không?"*. Tôi hỏi. *"Thưa có! Còn lại cây mít"*. Ông Nguyễn Hữu Lực đáp.

Cây mít có hai nhánh, một nhánh đã gãy do bão, còn một nhánh vẫn phát triển tốt. Đây là cây mít dai, rất ngon, do bố ông Nguyễn Văn Hậu trồng. Những năm tháng dạy học và hoạt động ở Hương Khê, thầy giáo Nguyễn Văn Hậu thường đưa học trò về dạy học ngay trong nhà mình. Thầy vừa dạy học vừa tuyên truyền, giác ngộ lý tưởng cách mạng, hun đúc tinh thần yêu nước cho học sinh. Một số học sinh của thầy sau này đã trở thành thành viên của Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội hoặc trở thành lực lượng nòng cốt trong các phong trào đấu tranh. Những lúc họp kín, thầy giáo Nguyễn Văn Hậu thường phân công hai người leo lên cây mít để canh gác, bảo đảm an toàn cho tổ chức. *"Tôi nghe kể, mùa mít, bà Chút khi thì nấu canh mít với lạc, khi thì luộc mít, rang vừng giã nhỏ cho đồng đội ông ăn vào những lúc họp khuya. Cho nên cây mít là chứng nhân lịch sử"*. Ông Nguyễn Hữu Lực kể.

Ông bà Nguyễn Canh và Nguyễn Thị Mai có ngôi nhà gỗ ba gian. Sau khi Nguyễn Văn Hậu bị thực dân Pháp bắt và kết án, ngôi nhà này bị chúng dỡ ra, đưa đến nhà ga Chu Lễ. Bà Nguyễn Thị Chút, phải ôm con Nguyễn Hưng mới 6 tháng tuổi bỏ trốn, lánh nạn.

Ông Nguyễn Hữu Lực (cháu LS, phải) và Phạm Hồng Lĩnh (cháu rể, trái) dưới gốc mít, gắn với nhiều kỷ niệm của nhà giáo - liệt sỹ Nguyễn Văn Hậu. Ảnh: Văn Lê

Vừa kể chuyện, ông Nguyễn Hữu Lực vừa mở khóa, lấy trong tủ tài liệu về ông Nguyễn Văn Hậu cho tôi xem. Đây là những tài liệu được lưu giữ cẩn trọng. Ông Nguyễn Hữu Lực cho biết, những tài liệu này lấy từ nguồn lưu trữ ở các cơ quan có thẩm quyền như Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh.

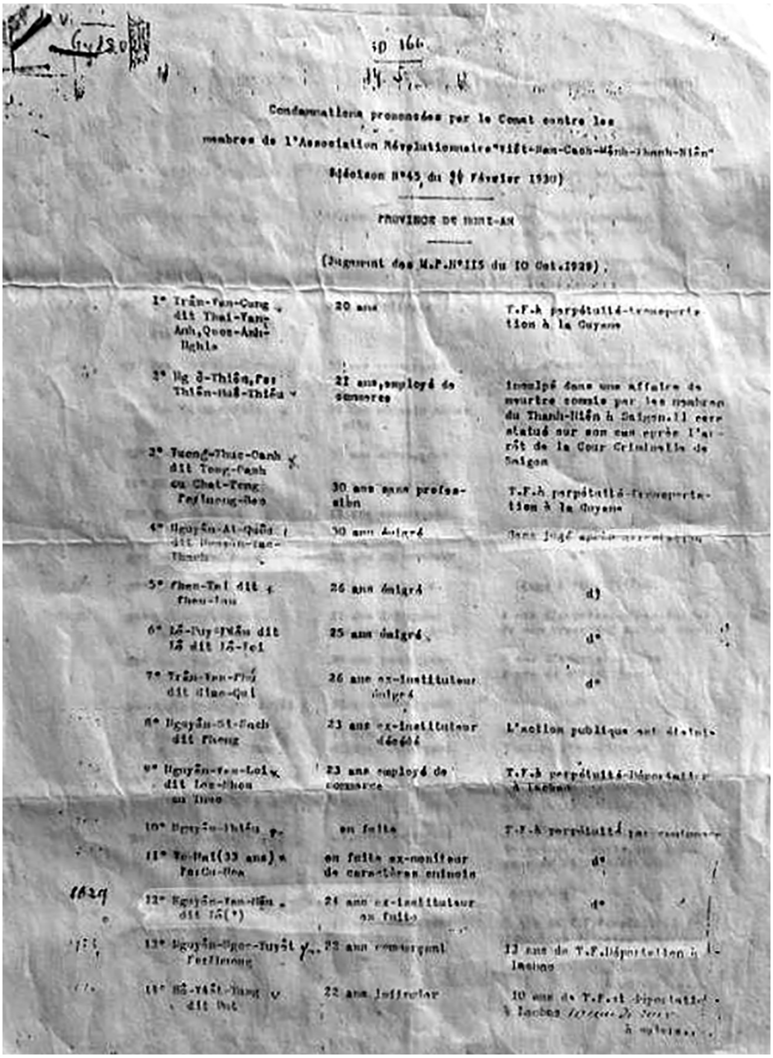

Condamnations prononcées par le Conseil contre les membres de l'Association Révolutionnaire "Việt-Nam-Cách-Mệnh-Thanh-Niên" (Décision N°43, du 10 Février 1930)

PROVINCE DE NGHỆ-AN

(Jugement des M.P. N°115 du 10 Oct. 1929).

1° Trần-Văn-Cung dit Thái-Văn-Anh, Quốc-Anh-Nghĩa	20 ans	T.F. à perpétuité-transportation à la Guyane
2° Ng ô-Thiện, Pseudo Thiện-Huê-Thiều	21 ans, employé de commerce	Inculpé dans une affaire de meurtre commis par les membres du Thanh-Niên à Saigon. Il sera statué sur son cas après l'arrêt de la Cour Criminelle de Saigon
3° Tương-Thúc-Oanh dit Tong-Oanh ou Chat-Tong Pseudo [illegible]	30 ans sans profession	T.F. à perpétuité-transportation à la Guyane
4° Nguyễn-Ái-Quốc dit [illegible]	30 ans émigré	[illegible]
5° Phan-Tai dit Phan-lan	26 ans émigré	d°
6° Lê-Duy-Điếm dit [illegible]	25 ans émigré	d°
7° Trần-Văn-Phú dit [illegible]	26 ans ex-instituteur émigré	d°
8° Nguyễn-Sĩ-Sách dit Phong	23 ans ex-instituteur décédé	L'action publique est éteinte
9° Nguyễn-Văn-Lợi dit [illegible]	23 ans employé de commerce	T.F. à perpétuité-Déportation à Lachao
10° Nguyễn-Thiệu	en fuite	T.F. à perpétuité par contumace
11° Võ-Mai (33 ans) Pseudo [illegible]	en fuite ex-moniteur de caractères chinois	d°
12° Nguyễn-Văn-Hậu dit [illegible](*)	24 ans ex-instituteur en fuite	d°
13° Nguyễn-Ngọc-Tuyết Pseudo [illegible]	23 ans commerçant	13 ans de T.F. Déportation à Lachao
14° Hồ-Viết-Thắng dit [illegible]	22 ans infirmier	10 ans de T.F. et déportation à Lachao [illegible]

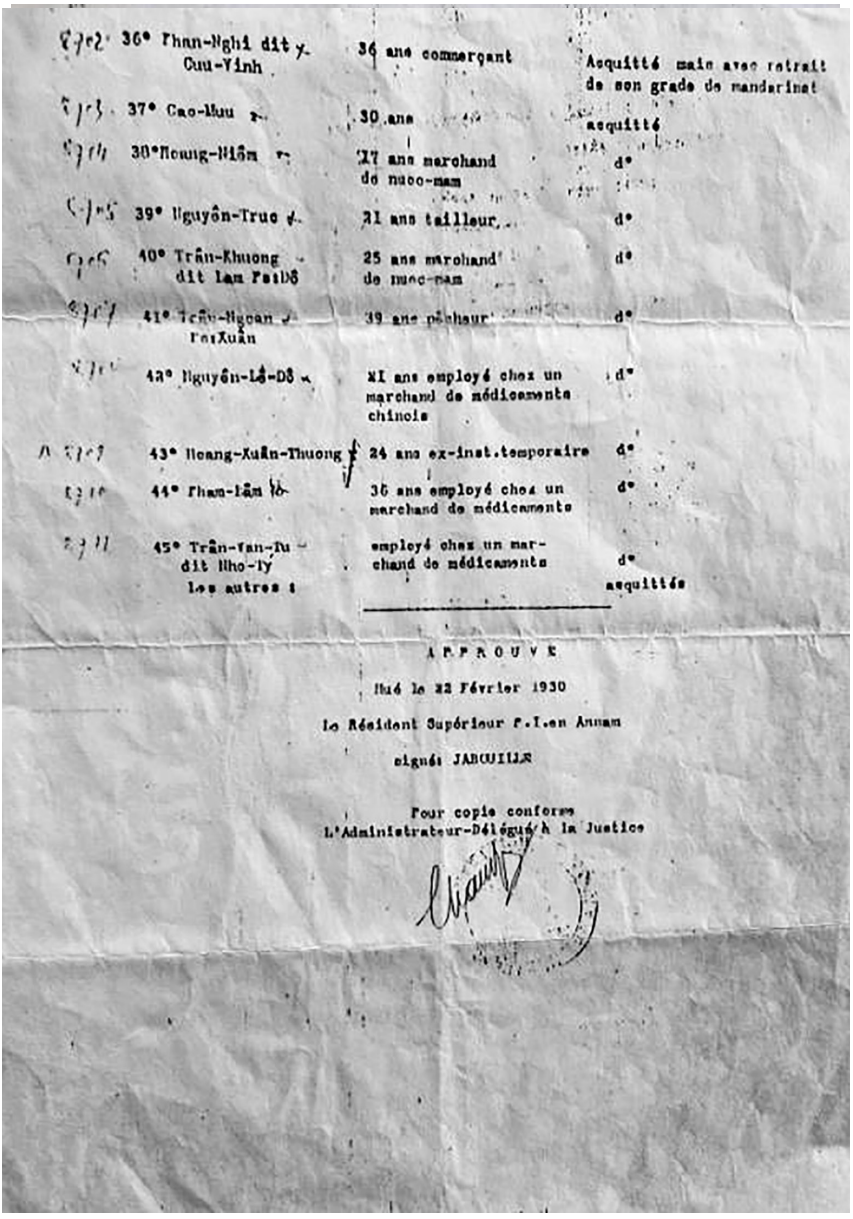

36°	Phan-Nghi dit Y-Cuu-Vinh	36 ans commerçant	Acquitté mais avec retrait de son grade de mandarinat
37°	Cao-Huu	30 ans	acquitté
38°	Hoang-Hiêm	27 ans marchand de nuoc-mam	d°
39°	Nguyên-Truc	21 ans tailleur	d°
40°	Trân-Khuong dit Lam Fai Dô	25 ans marchand de nuoc-nam	d°
41°	Trân-Ngoan Fai Xuân	39 ans pêcheur	d°
42°	Nguyên-Lê-Dô	XI ans employé chez un marchand de médicaments chinois	d°
43°	Hoang-Xuân-Thuong	24 ans ex-inst.temporaire	d°
44°	Pham-Lâm	36 ans employé chez un marchand de médicaments	d°
45°	Trân-Van-Tu dit Nho-Ly	employé chez un marchand de médicaments	d°
	Les autres :		acquittés

APPROUVE

Hué le 22 Février 1930

Le Résident Supérieur P.I.en Annam

signé: JABOUILLE

Pour copie conforme
L'Administrateur-Délégué à la Justice

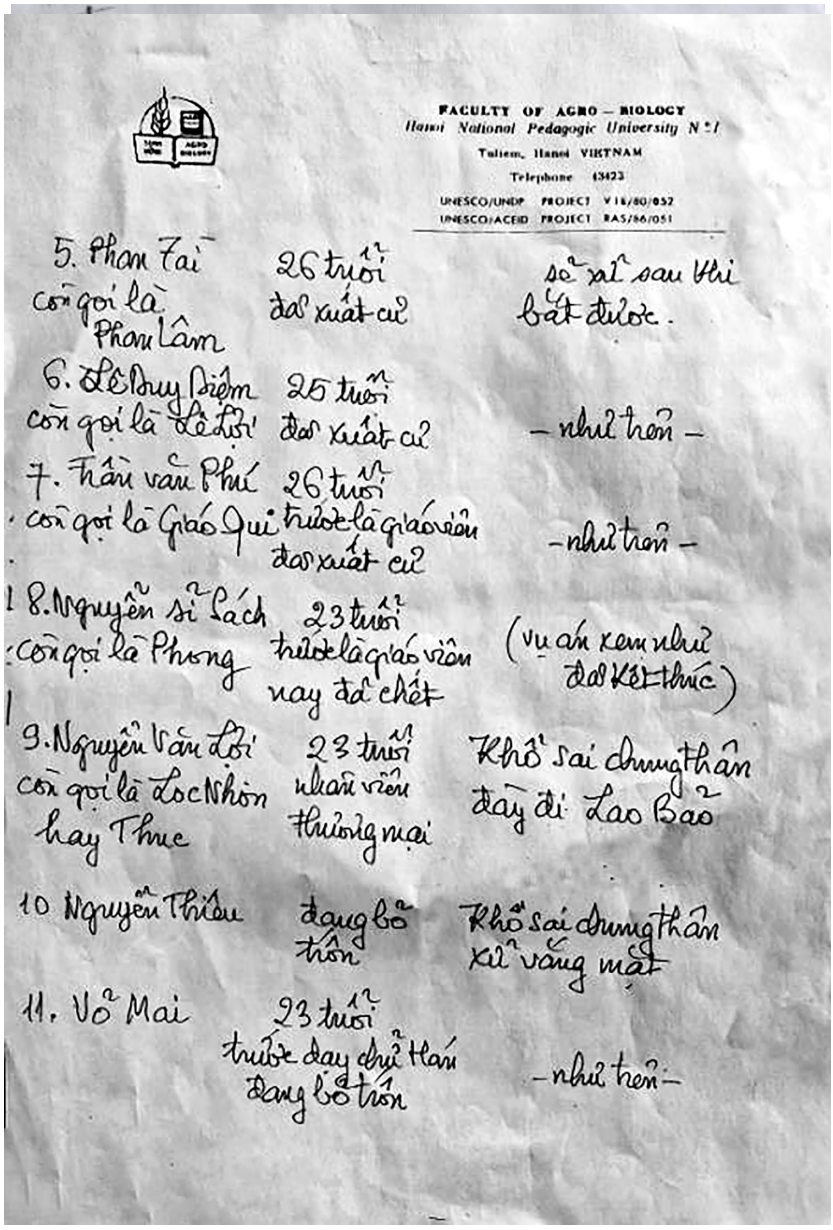

FACULTY OF AGRO – BIOLOGY
Hanoi National Pedagogic University N°1
Tuliem, Hanoi VIETNAM
Telephone 63423
UNESCO/UNDP PROJECT V 16/80/052
UNESCO/ACEID PROJECT RAS/86/051

5. Phan Tài còn gọi là Phan Lâm	26 tuổi đã xuất cư	sẽ xử sau khi bắt được.
6. Lê Duy Diệm còn gọi là Lê Lợi	25 tuổi đã xuất cư	– như trên –
7. Trần văn Phú còn gọi là Giáo Qui	26 tuổi trước là giáo viên đã xuất cư	– như trên –
8. Nguyễn sĩ Cách còn gọi là Phong	23 tuổi trước là giáo viên nay đã chết	(vụ án xem như đã kết thúc)
9. Nguyễn Văn Lợi còn gọi là Lộc Nhơn hay Thục	23 tuổi nhân viên thương mại	Khổ sai chung thân đày đi Lao Bảo
10 Nguyễn Thiều	đang bỏ trốn	Khổ sai chung thân xử vắng mặt
11. Võ Mai	23 tuổi trước dạy chữ Hán đang bỏ trốn	– như trên –

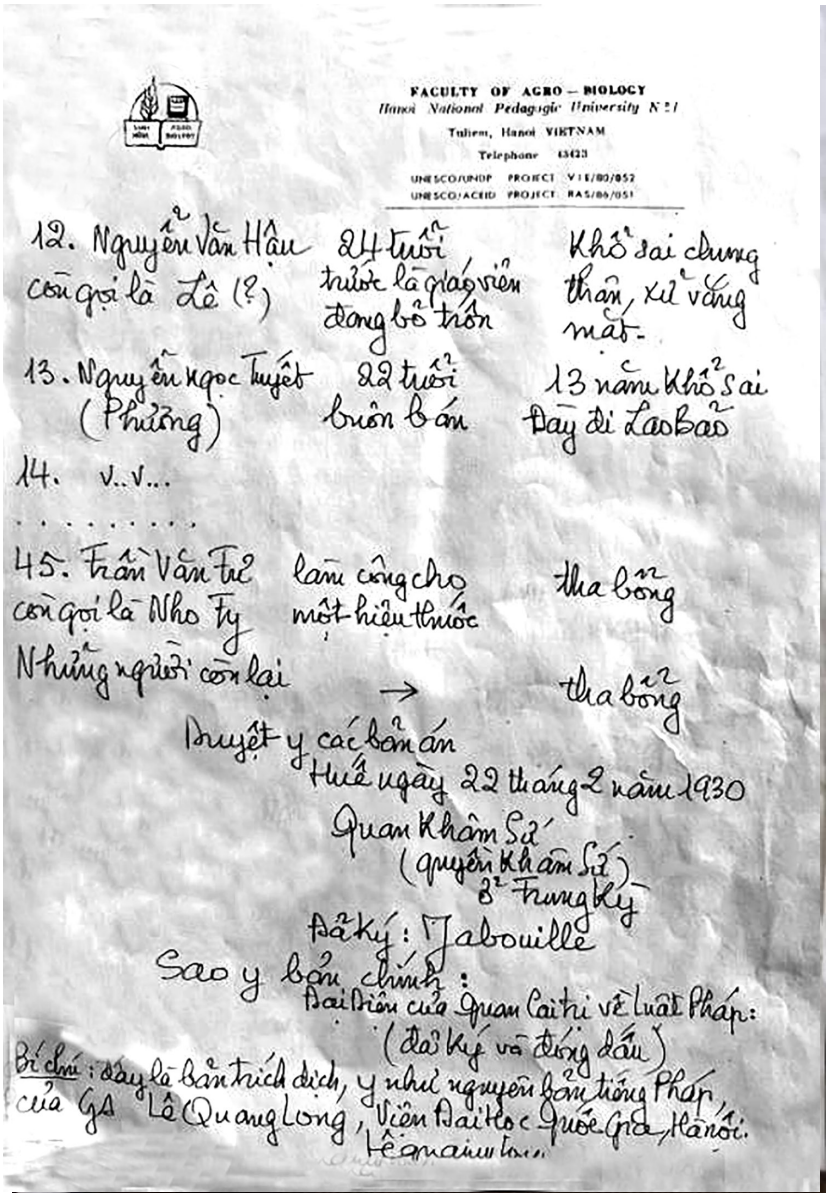

FACULTY OF AGRO – BIOLOGY
Hanoi National Pedagogic University N°1
Tuliem, Hanoi VIETNAM
Telephone 43423
UNESCO/UNDP PROJECT V18/80/052
UNESCO/ACEID PROJECT RAS/86/051

12. Nguyễn Văn Hậu còn gọi là Lê (?) — 24 tuổi trước là giáo viên đang bỏ trốn — Khổ sai chung thân, xử vắng mặt.

13. Nguyễn Ngọc Tuyết (Phương) — 22 tuổi buôn bán — 13 năm Khổ sai Đày đi Lao Bảo

14. v..v...

. . . . . .

45. Trần Văn Tư còn gọi là Nho Ty — làm công cho một hiệu thuốc — tha bổng

Những người còn lại → tha bổng

Duyệt y các bản án
Huế ngày 22 tháng 2 năm 1930
Quan Khâm Sứ
(quyền Khâm Sứ)
Ở Trung Kỳ
Đã ký: Jabouille
Sao y bản chính:
Đại Diện của Quan Cai trị về Luật Pháp:
(đã ký và đóng dấu)

Bí chú: đây là bản trích dịch, y như nguyên bản tiếng Pháp, của GS Lê Quang Long, Viện Đại học Quốc Gia, Hà Nội.
Lê Quang Long

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Sau khi Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hà Tĩnh có Công văn gửi Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh *"Đề nghị xác minh các đồng chí hoạt động cách mạng trước 1945 để bổ sung chế độ cho thân nhân"*, ngày 15/2/1995, Giám đốc Bảo Tàng Xô viết Nghệ Tĩnh đã có văn bản trả lời xác minh đồng chí Nguyễn Văn Hậu; sinh 1900 tại Gia Phổ, tổng Chu Lễ, Hương Khê; bố: Nguyễn Canh; Mẹ: Nguyễn Thị Mai *"bị bắt ngày 2/9/1929; số ảnh: 2.19.2, bị tòa Nam Án Nghệ An kết án khổ sai theo bản án số 115 ngày 10/10/1929 và bị đày đi Lao Bảo"*.

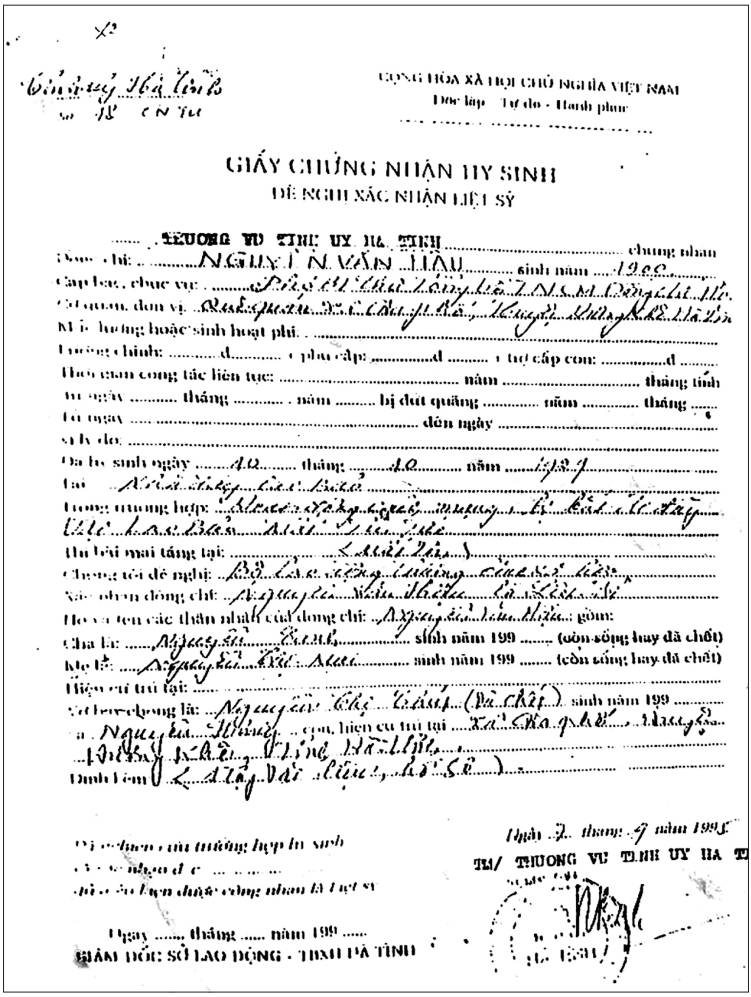

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HY SINH
ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN LIỆT SỸ

THƯỜNG VỤ TỈNH UỶ HÀ TĨNH chứng nhận
Đồng chí: NGUYỄN VĂN HẬU sinh năm 1900
Cấp bậc, chức vụ: Phó Chủ tịch Tổng hội T.N.C.M Đông Chí Hồ
Cơ quan, đơn vị: Quê quán xã Gia Phổ, Huyện Hương Khê Hà Tĩnh
Mức hưởng hoặc sinh hoạt phí:
Trường chính: ..... đ ..... + phụ cấp: ..... đ ..... + trợ cấp con: ..... đ .....
Thời gian công tác liên tục: ..... năm ..... tháng tính
Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... bị đứt quãng ..... năm ..... tháng .....
Từ ngày ..... đến ngày .....
Vì lý do: .....
Đã hy sinh ngày 10 tháng 10 năm 1929
Tại Nhà tù Lao Bảo
Trong trường hợp: Hoạt động cách mạng, bị bắt đi đày Lao Bảo Mất tin tức
Thi hài mai táng tại: (Mất tin)
Chúng tôi đề nghị: Bộ Lao động Thương Binh Xã hội
Xác nhận đồng chí: Nguyễn Văn Hậu là Liệt Sĩ
Họ và tên các thân nhân của đồng chí: Nguyễn Văn Hậu gồm:
Cha là: Nguyễn Canh sinh năm 199 ..... (còn sống hay đã chết)
Mẹ là: Nguyễn Thị Mai sinh năm 199 ..... (còn sống hay đã chết)
Hiện cư trú tại: .....
Vợ hoặc chồng là: Nguyễn Thị Chút (Đã chết) sinh năm 199 .....
Và Nguyễn Thị Mai con, hiện cư trú tại xã Gia Phổ, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh
Đính kèm (Tập Vật liệu, hồ sơ)

Ngày 7 tháng 9 năm 1995
TM/ THƯỜNG VỤ TỈNH UỶ HÀ TĨNH

Ngày ..... tháng ..... năm 199 .....
GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - TBXH HÀ TĨNH

Tại Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh còn lưu giữ bản sao **"Duyệt y bản án"** do quan Quyền Khâm sứ ở Trung kỳ Jabouille ký ngày 22 tháng 2 năm 1930. Bản án gồm 45 người bị kết án, trong đó Nguyễn Ái Quốc số thứ tự thứ 4 và Nguyễn Văn Hậu, số thứ tự 12. Giáo sư Lê Quang Long; Viện Đại học Quốc gia Hà Nội đã trích dịch. Thứ tự 12, Nguyễn Văn Hậu với những thông tin sau: *"Nguyễn Văn Hậu; 24 tuổi, trước là giáo viên đang bỏ trốn; Khổ sai chung thân, xử vắng mặt."*

Ngày 07/9/1995 Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã có Công văn số 48 đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xác nhận đồng chí Nguyễn Văn Hậu là liệt sĩ. Nội dung Công văn như sau: *Đồng chí: Nguyễn Văn Hậu; Cấp bậc, chức vụ: Phó Bí thư Tổng hội Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội; Quê quán: Xã Gia Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Đã hi sinh ngày: 10/10/1929 tại nhà giam Lao Bảo; trong trường hợp: Hoạt động cách mạng, bị bắt đi đày tại Lao Bảo (mất tin tức); thi hài mai táng tại: (mất tin tức).*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ : Nguyễn Văn Hậu

Phó Bí thư Tổng hội thanh niên cách mạng đồng chí Hội
Quê quán: xã Gia Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
Đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc

ngày 10 tháng 10 năm 1929

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2023
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Ngày 13/1/1997 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định 17/Ttg cấp bằng Tổ quốc ghi công cho liệt sĩ Nguyễn văn Hậu. *"Trải qua thời gian, bằng bị ố vàng, cho nên tôi đã đổi bằng mới và ngày 12/12/2023 đã được cấp lại"*. Ông Hữu trao đổi.

Tâm nguyện gia đình

Qua những di vật, tài liệu hiện còn lưu giữ tại Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hà Tĩnh và trong *Lịch sử Đảng bộ huyện Hương Khê*, có thể khẳng định: thầy giáo Nguyễn Văn Hậu là một nhà hoạt động cách mạng có nhiều đóng góp cho phong trào cách mạng và sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Tấm gương chiến đấu kiên cường, bất khuất, phẩm chất kiên trung của đồng chí Nguyễn Văn Hậu là gương sáng cho nhiều thế hệ noi theo.

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG BẰNG
CÓ CÔNG VỚI NƯỚC
Truy tặng bà NGUYỄN THỊ CHÚT
Phan Văn Khải

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Hàng năm vào ngày Thương binh, liệt sĩ 27/7, hay Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, thầy cô giáo trường Tiểu học Gia Phố, nơi thầy Nguyễn Văn Hậu đã có một thời gắn bó thường đến thắp hương tưởng nhớ thầy giáo; vị tiền bối cách mạng với lòng kính trọng và biết ơn.

Bà cụ Nguyễn Thị Chút (vợ) đã được Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng bằng *"***Có công với nước***" "Đã nêu cao tinh thần yêu nước, tích cực giúp đỡ và bảo vệ cách mạng góp phần xứng đáng vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám".*

Tâm nguyện của con cháu, gia đình nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Văn Hậu cũng như nhiều thầy cô giáo, phụ huynh, học sinh, là mong muốn trường Tiểu học Gia Phố - nơi nhà tiền bối đã dạy học, lan tỏa ánh sáng cách mạng và tinh thần cộng sản - được mang tên Người. Đây là nguyện vọng chính đáng không chỉ có ý nghĩa tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng, hun đúc lòng yêu nước, thương dân cho thế hệ trẻ, mà còn thể hiện đạo lý: *"Uống nước nhớ nguồn",* tri ân sâu sắc đối với những cống hiến và hy sinh của các thế hệ cha ông đi trước.

Hà Tĩnh 8/8/2025

Trần Xuân Hoạt, Lê Quốc Hội, Trần Ngọc Lượng, Trần Thị Minh, Lê Văn Minh, Hồ Viết Mười, Nguyễn Ngọc Mỹ, Phan Văn Mỹ

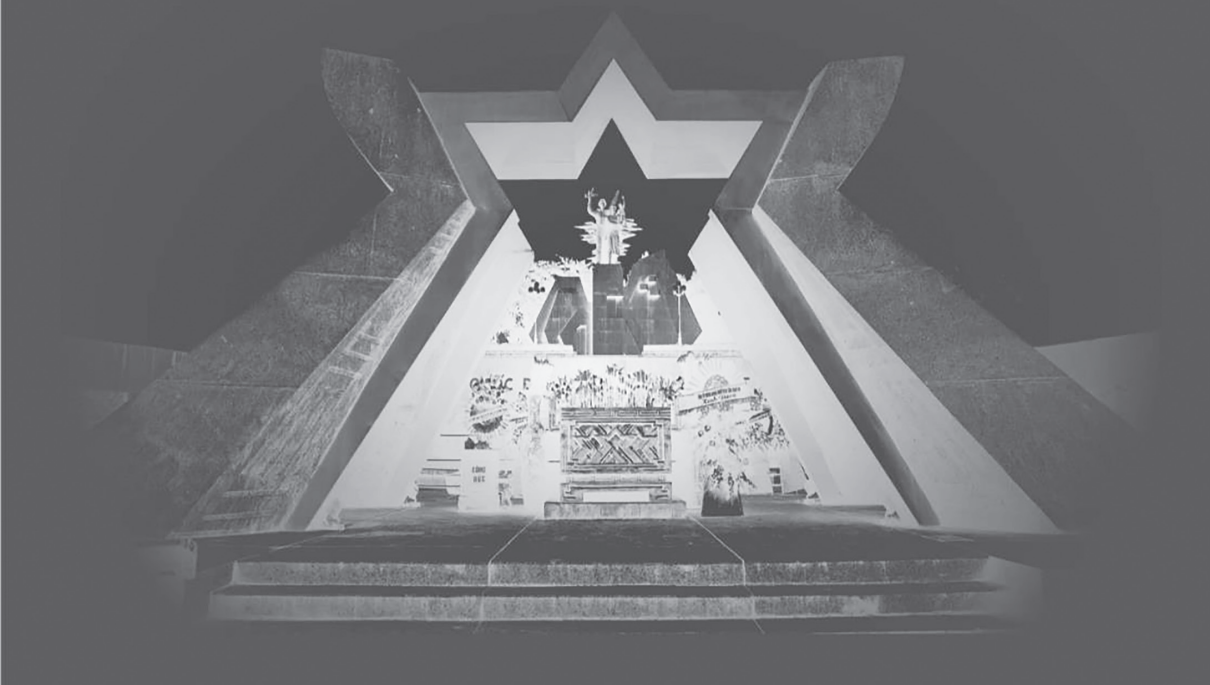

HÓA THÂN VÀO PHƯỢNG VĨ

Tháng năm ơi!/ Sao cứ nghẹn ngào/ Nỗi nhớ thương thầy chưa bao giờ nguôi được/ Giá cuộc đời cho chúng em điều ước/ Em chỉ ước lại là trò nhỏ của thầy thôi![1]

Mỗi lần nhìn phượng là nhớ thầy Trần Xuân Hoạt. Có phải thầy đã hóa thân vào phượng vĩ mà sao lá xanh thắm đến vậy? Có phải thầy hóa thân vào hoa mà sao hoa nồng nàn than lửa cháy đỏ cả góc trời trước sân trường đến vậy? Thầy Hoạt ơi!

Thầy giáo tài năng

Trong con mắt đồng nghiệp, bạn bè, học sinh, phụ huynh, thầy giáo Trần Xuân Hoạt (30/7/1948-17/6/1972) là một nhà giáo vô cùng tài năng, kiệt xuất. Thầy dạy giỏi, tự học đạt trình độ *"siêu"*, làm thơ hay, lại còn đam mê nghiên cứu kỹ thuật, nhất là ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Thời kỳ xã Cẩm Bình nổi tiếng với khẩu hiệu: *"Sản xuất là khóa, văn hóa là chìa"*, thầy Hoạt đã tiên phong tổ chức tổ học sinh gồm 20 em tham gia làm phân xanh, ươm bèo hoa dâu cải tạo đồng ruộng, đưa giống mới vào sản xuất trên cánh đồng thực nghiệm rồi nhân rộng ra toàn xã, mang lại năng suất cao.

---

[1] *Trích bài thơ Ngày giỗ thầy của tác giả Nguyễn Thị Độ.*

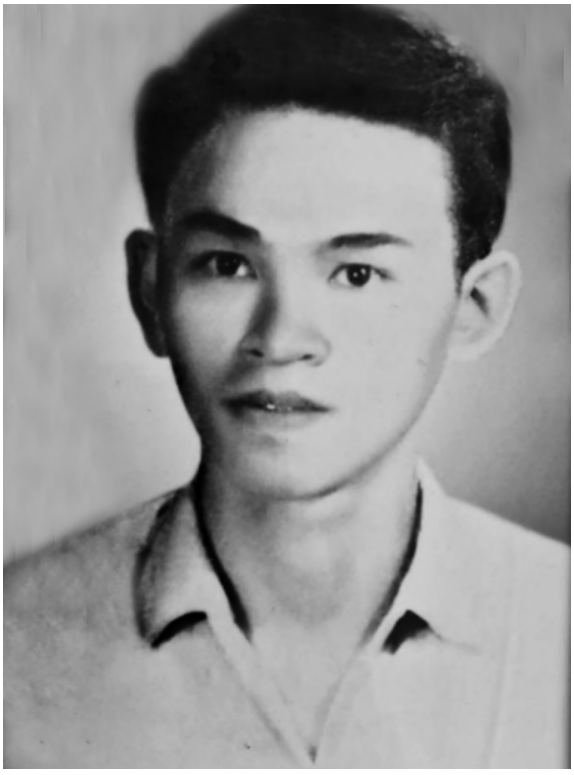

Thầy giáo - liệt sĩ Trần Xuân Hoạt

Năm 1968, tốt nghiệp Khoa Toán, Đại học Sư phạm Vinh, thầy Hoạt được phân công về Trường cấp 2 Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên. Năm đầu tiên "*chân ướt chân ráo*", thầy giáo trẻ Trần Xuân Hoạt đã đạt thành tích xuất sắc, được Sở điều về Trường ba cấp Cẩm Bình. Thập kỷ 60, 70, Cẩm Bình là *"ngọn đèn làng học",* cùng với Bắc Lý, là những điển hình tiên tiến về giáo dục lừng danh trong cả nước. Thầy Trần Xuân Toàn - nguyên Hiệu trưởng Trường THCS Cẩm Bình nhớ lại: *"Thời đó, thầy, cô giáo trường ba cấp Cẩm Bình toàn là anh tài"*. Hạt giống Trần Xuân Hoạt có được mảnh đất màu mỡ để ươm mầm và phát triển.

Anh Nguyễn Mậu Liên (nguyên HS cũ của thầy Hoạt) bổ sung: *"Thầy Hoạt sinh ra, lớn lên trong một gia đình tri thức yêu nước. Bố là giáo viên trường sư phạm. Gia đình thầy Hoạt có truyền thống làm giáo dục. Đây là yếu tố quan trọng định hướng cho thầy Hoạt sớm đạt được những thành tích nổi bật trong lĩnh vực giáo dục".*

Còn cô Lương Thị Bích Liên lại ấn tượng về một thầy giáo trẻ, gương mặt sáng, hiền lành, phúc hậu, nổi danh sớm. Thầy Hoạt dạy tự nhiên nhưng có tâm hồn thơ và sở thích làm thơ. Ở tuổi đôi mươi mà *"Vua biết mặt, Chúa biết tên"*.

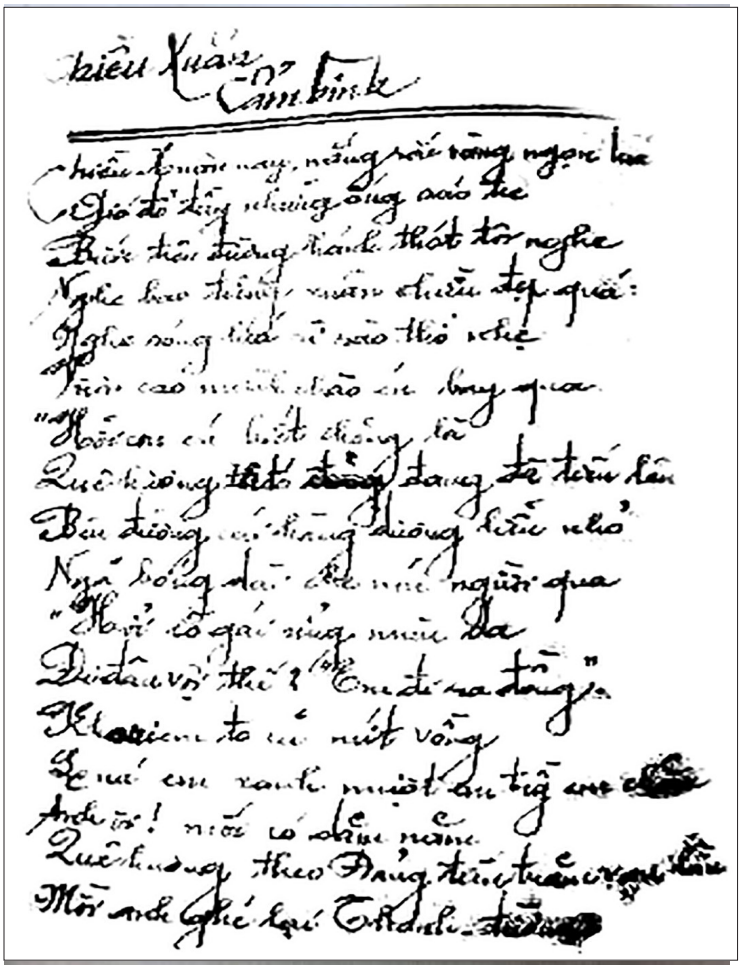

Nhật ký

Về Cẩm Bình

Sáng hôm nay trời xanh trong gió mát
Hương lúa mùa bát ngát nức mùi thơm,
Hẹn bao ngày sau sẽ thành công.

x x x

Sáng hôm nay lên đường tôi đi tới,
Tôi thấy thân-thiết hơn ngọc ánh bình minh
Tôi bước trên đường rộng sáng lung linh
Dáng thanh thản rung rung niềm vui mới.
Hàng phi lao bên đồi nghe phơi phới
Hiểu ý tôi ca khúc nhạc

Giải hoàn

Kỷ niệm ngày về Chiều:
25-9-68.

Văn bản thơ viết tay của thầy Trần Xuân Hoạt

Trường THCS Cẩm Bình dự định xuất bản tập thơ
của thầy Trần Xuân Hoạt, với tên "Tình chúng ta"
Tư liệu do thầy Thái Kim Cương, Hiệu trưởng Nhà trường cung cấp

Còn nhớ, nhân dịp Ty Giáo dục Hà Tĩnh tổ chức tổng kết phong trào giáo dục Cẩm Bình, Thứ trưởng Bộ GD và nhiều lãnh đạo Sở GD tỉnh bạn tham dự, trực tiếp dự giờ dạy của thầy Trần Xuân Hoạt, tấm tắc không chỉ giờ dạy khúc chiết, mà khơi dậy được cảm hứng học tập của học sinh, nhất là gắn bài học với thực tiễn lao

động, sản xuất của địa phương. Sau giờ dạy, Thứ trưởng Lê Liêm biểu dương, chỉ thị cho ông Lê Sỹ Nghĩa - Trưởng ty GD Hà Tĩnh chăm lo bồi dưỡng thầy Hoạt. Danh tiếng thầy Hoạt *"nổi như cồn"*. Báo chí ngợi ca thầy Hoạt là gương điển hình tiên tiến. Các báo cáo của thầy Hoạt về chuyên môn, về kết hợp học với hành, lý luận gắn với thực tiễn ở các Hội nghị chuyên đề, Hội nghị cốt cán tại ngành giáo dục tỉnh cũng như Bộ đã gây được tiếng vang lớn.

Nhưng điều quan trọng hơn cả, chính là thầy Hoạt luôn giáo dục học sinh bằng chính tấm gương tự học, tự rèn luyện của mình. Trong hoàn cảnh khó khăn, thầy Hoạt đặt mua đọc Tạp chí chuyên ngành để nâng cao tay nghề. Câu chuyện thầy Hoạt tự học tiếng Nga để có thể đọc, dịch các bài toán tiếng Nga, nâng cao tay nghề thật sự đáng nể phục.

Hội đồng SP Trường THCS Cẩm Bình năm 1971
Trong ảnh: Thầy Trần Xuân Hoạt; hàng đầu thứ 2 từ trái sang
Ảnh: thầy Thái Kim Cương - Hiệu trưởng Trường Tiểu học
Cẩm Bình cung cấp

Thời Cẩm Bình chưa có hồ Kẻ Gỗ, ruộng đói nước, người đói cơm, thầy Hoạt đã chia sẻ với học sinh nghèo bằng tất cả tấm lòng yêu thương, khơi dậy khát vọng, hoài bão cho các thế hệ học sinh Cẩm Bình. *"Mà không riêng gì thầy Hoạt, các thầy cô giáo Cẩm Bình đều "hồng" và "chuyên" như vậy"*. Thầy Dương Văn Lâm - nguyên Phó Chánh thanh tra sở GD&ĐT Hà Tĩnh chia sẻ.

Ở độ tuổi đôi mươi, thầy giáo Trần Xuân Hoạt được Bác Hồ tặng thưởng. Vinh dự này, mấy ai có được trong đời?

Giỗ thầy

Trong ký ức người thân, bạn bè, đồng nghiệp, thầy Hoạt mất khi đang lao động bốc dỡ mái ngói trường để chuẩn bị đi sơ tán. Trong *"Nhật ký"*, ông Trần Xuân Dục (bố thầy Hoạt) ghi lại: *"Vào lúc 14h ngày 17/6/1972, lúc ấy trường đã nghỉ hè, nhưng tập thể giáo viên (trong đó có Hoạt) dỡ, chuyển ngói để sơ tán. Hoạt ngồi trên mái. Máy bay Mỹ ào qua, ném bom, hất Hoạt từ mái ngói xuống giao thông hào. Hoạt bị đa chấn thương. Đặc biệt vùng bụng, phèo ruột. Máu chảy nhiều. Đồng nghiệp bế thầy đưa lên Trạm xá cấp cứu. Phương tiện cấp cứu của Trạm xá bất cập, đến 21 giờ cùng ngày, Hoạt được chuyển đến Bệnh viện huyện Cẩm Xuyên, nhưng đã quá muộn. Hoạt đã vĩnh biệt người thân, đồng nghiệp, mái trường thân yêu! Lúc ấy là 22h10 phút ngày 17/6/1972"*. Thầy Định - GV môn Thể dục lúc đó đang cùng lao động với thầy Hoạt, đã đưa thầy đến bệnh viện, thầy ám ảnh mãi phút giây sinh tử: *"Bế bạn trên tay. Người mềm nhũn. Mất máu quá nhiều! Da xanh như tàu lá chuối. Đau đớn vô cùng!"*. Thầy Định xúc động.

Còn cô Lương Thị Bích Liên (GV Văn) sửng sốt: *"Thời điểm ấy, thầy Hoạt và các thầy dỡ ngói trên mái nhà. Chúng tôi đàn bà, con gái, chuyển ngói xếp vào trong. Máy bay liệng qua, ném bom lúc nào không ai biết. Khi trở ra, không thấy thầy Hoạt đâu. Đồng nghiệp tá hỏa đi tìm. Thầy bị bom hất vào giao thông hào. Máu loang đỏ cả đất... Tai họa đến quá bất ngờ. Cho đến bây giờ, hình ảnh thầy Hoạt vẫn như đang trước mắt! Thương quá, Vy ạ! Bạn bè, học sinh, phụ huynh, nhân dân ai cũng đau đớn xót xa, và chứng kiến nỗi xót xa tận cùng của thầy Trần Xuân Dục, không ai cầm nổi nước mắt"*. Cô Liên nghẹn ngào kể qua điện thoại.

Người thân, đồng nghiệp, học sinh, phụ huynh, nhân dân Cẩm Bình an táng thầy Hoạt tại nghĩa địa Bình Thắng, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Xuyên. Gắn bó với giáo dục Cẩm Bình, thầy Hoạt yên giấc ngàn thu trên đất Cẩm Bình. Khi sống, thầy nói với bạn bè, đồng nghiệp, Cẩm Bình là quê hương thứ 2 của thầy. Lúc hy sinh, Cẩm Bình giang tay đón thầy về đất Mẹ. Đám tang đẫm nước mắt. Bất chấp chiến tranh, bom đạn, cả rừng người (đồng nghiệp, phụ huynh, học sinh) tiễn đưa thầy về nơi an nghỉ cuối cùng.

Chín năm sau, ngày 21 tháng 3 năm 1981, hài cốt thầy Hoạt chuyển về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ rú Nài, Thị xã Hà Tĩnh. Năm 1987, gia đình thầy chuyển về thành phố Biên Hòa, Đồng Nai, đã đưa hài cốt thầy về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ Đồng Nai. Nhật ký ông Trần Xuân Dục còn ghi: *"Hài cốt an táng vào lúc 14h ngày 15/6/1987"*.

Ngày 18/8/1980, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 558/Ttg công nhận thầy Trần Xuân Hoạt là Liệt sĩ chống Mỹ cứu nước, cấp bằng Tổ quốc ghi công số 4k 737.

Thầy Hoạt hy sinh khi còn rất trẻ, tài năng hiếm có, khó tìm đang thời kỳ nở rộ. *"Một tài năng sư phạm mất đi, thiệt thòi cho bao thế hệ học sinh"*. Thầy Trần Văn Lam (Hiệu trưởng THCS Cẩm Bình) tiếc nuối.

Không chỉ gia đình, người thân mà bạn bè, đồng nghiệp, học sinh, phụ huynh, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân xã Cẩm Bình thương tiếc thầy Hoạt không giấy bút nào chép hết!

Gia đình cụ Nguyễn Mậu Tá, nơi thầy Hoạt từng ở trọ, đã lập bàn thờ để tưởng nhớ thầy. Học sinh cũ Nguyễn Mậu Liên vì thương thầy, căm thù tội ác của giặc Mỹ, đã xung phong lên đường nhập ngũ để trả thù cho thầy. Nhiều đồng nghiệp, học sinh cũng đã biến đau thương thành sức mạnh, tiếp tục con đường mà thầy Trần Xuân Hoạt còn dang dở, viết tiếp hành trình tri thức gắn liền với lý tưởng cách mạng.

Tôi đã đến nhiều trường, nghe và chứng kiến nhiều câu chuyện cảm động về tình thầy trò, nhưng câu chuyện GIỖ THẦY gợi lên trong tôi biết bao xúc động. Tại trường Tiểu học Cẩm Bình, BGH và học sinh cũ đã dành một góc trang trọng trong phòng truyền thống lập bàn thờ thầy giáo Trần Xuân Hoạt. Nguyễn Mậu Liên - học sinh cũ của thầy ở Cẩm Bình chủ động sắm sanh đồ tế lễ. Năm 2014, cô Trần Thị Tý từ Sài Gòn về thay bàn thờ, sắm thêm đồ tế lễ bằng sứ và gần đây (2023), ông Trần Xuân Thạch -em trai nhà giáo- Liệt sĩ Trần Xuân Hoạt đã thay bộ đồ tế lễ bằng đồng.

(Để bạn đọc khỏi bất ngờ, cho phép tôi nói đôi điều về cô giáo Trần Thị Tý, sinh năm 1949, quê Đức Tùng, Đức Thọ. Cô học TCSP, ra trường được phân công về dạy ở cấp Một Cẩm

Bình, cùng thời với thầy Hoạt. Qua đồng nghiệp và lời kể của cô Tý, chúng tôi được biết, cô Tý là mối tình đầu của thầy Hoạt. *"Anh ấy sống giản dị. Quần ka ki, áo trắng. Mùa đông, áo bông xanh, đi dép cao su, nhưng dạy siêu giỏi, bắn tiếng Nga như gió, lại hiền lành, phúc hậu, hay cười, ít nói, làm gì cũng chỉn chu và quyết liệt, nên "phải lòng" là tất nhiên"*. Cô Tý trao đổi qua điện thoại. Và không ngăn được dòng ký ức: *"Anh ấy đã lặn lội về nhà tôi ở Đức Tùng ba ngày. Chịu khó lắm. Bố mẹ tôi cũng ưng bụng. Nhưng rồi, anh ấy ra đi, ở tuổi 24. Thật đau đớn, xót xa"*. Cô Tý nức nở.)

Tri ân thầy giáo - liệt sĩ Trần Xuân Hoạt

Trong ảnh: Hàng trước: Ông Đặng Quốc Hải (áo trắng)- Nguyên Bí thư Đảng ủy Cẩm Bình (cũ); ông Thái Biên Cương (áo sọc) - Hiệu trưởng. Hàng sau: Ông Nguyễn Thiên Toàn (áo xanh)- Nguyên Chủ tịch UBND xã Cẩm Bình; ông Trần Xuân Toàn (áo trắng)- Nguyên Hiệu Trưởng THCS Cẩm Bình. Ảnh: Văn Lê

Hàng năm, cứ đến ngày 7/5 âm lịch, học sinh cũ lại trở về trường làm giỗ thầy. Ngày giỗ thầy không chỉ học sinh Cẩm Bình, Hà Tĩnh mà những học sinh ở xa như Sài Gòn, Hà Nội… cũng trở về. Giỗ thầy, không chỉ sắm hương hoa, ngũ quả mà còn có những bài thơ, tấm lòng thành của những học sinh. Năm nay, được tin, tôi về Cẩm Bình, chứng kiến những học sinh cũ trước bàn thờ thầy. Ngoài di ảnh do học sinh cũ hiện công tác ở Sài Gòn phục chế, các em còn sưu tập được tập thơ viết tay của thầy, đặt trang trọng trên bàn thờ. Thời gian trôi qua, giấy đã ố vàng, mực xanh đã phai, nhưng những nét chữ chân phương, những bài thơ được ghi cẩn thận ngày tháng, tất cả làm sống lại một tâm hồn đa cảm, một trái tim yêu thương. Những vần thơ của thầy như *"tiếng chim gọi bầy"*, truyền cảm hứng cho đồng nghiệp và học sinh, lan tỏa yêu thương và trách nhiệm. Trên bàn thờ nhà giáo - liệt sĩ Trần Xuân Hoạt không chỉ có những vần thơ mộc mạc, chân tình của cô giáo môn Sinh - Hóa Nguyễn Thị Bích Lâm, mà còn có thơ của học sinh Nguyễn Mậu Liên khóc thầy, được đóng khung ngay ngắn đặt bên cạnh Bằng Tổ quốc ghi công. *"Cả đời em, chỉ làm một bài thơ duy nhất là bài thơ viết về thầy Trần Xuân Hoạt"*. Liên chia sẻ.

Không thể có ngôn từ nào diễn tả được tình cảm sâu sắc của học sinh cũ của thầy Trần Xuân Hoạt. Những học sinh tóc bạc trắng, trước bàn thờ thầy nước mắt lã chã rơi. Như thành lệ, giỗ năm nay không chỉ có hoa tươi, mâm ngũ quả, mà còn có thơ kính dâng lên hương linh thầy. Cô giáo Nguyễn Thị Độ (học sinh cũ) nói lên nỗi lòng của bao thế hệ học sinh qua bài thơ xúc động **"Ngày giỗ thầy"**: *// Chúng em lại về đây/ Trước bàn thờ thầy thắp nén hương tưởng niệm/ Sân trường xưa rợp trời hoa phượng thắm/ Nghe đâu đây văng vẳng tiếng thầy// Năm mươi ba*

năm rồi, tất cả đổi thay/ Những đứa trẻ xưa giờ đầu hai thứ tóc/ Bươn chải cuộc đời với bao được mất/ Trước bàn thờ thầy nước mắt vẫn trẻ thơ// Năm mươi ba năm rồi/ Thầy vẫn như xưa/ Neo giữ tuổi hai tư (24) với bao điều mộng ước/ Chúng em lớn lên khắp mọi miền đất nước/ Ấm mãi ân tình ngày ấy thầy trao// Tháng năm ơi!/ Sao cứ nghẹn ngào/ Nỗi nhớ thương thầy chưa bao giờ nguôi được/ Giá cuộc đời cho chúng em điều ước/ Em chỉ ước lại là trò nhỏ của thầy thôi!/ Xin được một lần gọi hai tiếng :Thầy ơi!//.

Hóa thân vào phượng vĩ

Có phải thầy giáo - liệt sĩ Trần Xuân Hoạt hóa thân vào phượng vĩ . Ảnh: Văn Lê

Sinh thời, dạy học ở Cẩm Bình, thầy giáo Trần Xuân Hoạt đã mang nhiều giống cây trồng, trong đó có giống hoa về thử nghiệm. Thầy đã ươm cây phượng vĩ trồng ở cổng sân trường. Phượng vĩ xanh tốt, tán xum xuê. Hè về, hoa bung nở như mâm xôi gấc. Khi phượng vĩ đơm hoa cũng là lúc hè về, mùa chia tay của bao cô cậu học sinh. Nhiều thế hệ học sinh đã hái những bông phượng, ép vở, ngắt những chùm phượng than lửa trao cho nhau trong giờ chia tay, hay ôm những chùm phượng, đứng bên cây, dưới bóng phượng lưu lại những bức ảnh bên nhau ngày chia tay.

Nửa thế kỷ qua, cây phượng mà thầy Trần Xuân Hoạt trồng đã trở thành chứng nhân lịch sử, lưu dấu bao cuộc gặp gặp gỡ, chia ly, bao mùa thi với những vui buồn của học trò. Vài năm trước, cây phượng vĩ ấy đổ xuống trong một trận bão. Ở góc sân trường, đồng nghiệp và học sinh đã trồng thế vào cây phượng khác. Chỉ trong ít năm, phượng mới đã vươn cao, xanh tốt lạ thường. Mới mấy năm mà tán đã tỏa bóng mát một vùng. Hoa đã than lửa góc trời. Mỗi lần nhìn cây phượng, lòng người lại bồi hồi nhớ về thầy Trần Xuân Hoạt. Phải chăng thầy đã hóa thân vào cây phượng vĩ, mà sao lá xanh thắm đến vậy? Có phải thầy hóa thân vào hoa mà sao hoa nồng nàn than lửa cháy đỏ cả góc trời trước sân trường đến vậy? Thầy Hoạt ơi!

Hà Tĩnh 20/6/2025

KỶ VẬT VÔ GIÁ

Trong vài ba di vật còn lại của nhà giáo - liệt sĩ Lê Quốc Hội (1941-1967), cuốn Nhật ký là có thể xem là *"báu vật". "Thỉnh thoảng vợ chồng tôi mang ra đọc. Có nhiều trang mực phai, chữ mờ, bé, không thể nào đọc được, chúng tôi cố hình dung ra cuộc sống trong quân ngũ của anh trai"*. Bà Trần Thị Vy (em dâu liệt sĩ Lê Quốc Hội) nhỏ nhẹ.

Từ cuốn nhật ký của người lính...

Để bạn đọc khỏi đường đột, trước khi nói về cuốn Nhật ký của nhà giáo - liệt sĩ Lê Quốc Hội, tôi xin vắn tắt đôi điều về gia đình liệt sĩ.

Nhà giáo - liệt sĩ Lê Quốc Hội là con thứ 4 trong một gia đình nông dân nghèo ở thôn Tân Phú, xã Hương Xuân, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn Phú Hương 2, xã Hương Xuân, tỉnh Hà Tĩnh). Ông Lê Hữu Khảm (1899-1991), bà Nguyễn Thị Đẹn (1906-1990) đã qua đời. Nhà có năm anh em, giờ chỉ còn Lê Hữu Tựu (con út) đang thờ tự tổ tiên và hương khói cho liệt sĩ Lê Quốc Hội tại Hương Xuân, Hà Tĩnh.

Vợ chồng ông Lê Hữu Tựu tin tưởng trao di vật liệt sĩ Lê Quốc Hội cho Văn Lê. Ảnh: Nguyễn Thị Hạnh

Có lẽ nhờ uy tín của cô Nguyễn Thị Hạnh - Hiệu trưởng Trường Tiểu học Hương Xuân - với gia đình, nên ông bà Tựu đã tin cậy trao cho tôi những di vật vô giá của anh trai. Đây là tấm bằng tốt nghiệp Sư phạm cấp 1 Hà Tĩnh, hơn nửa thế kỷ trôi qua nhưng vẫn còn nguyên vẹn.

- Trưởng Ty giáo dục Hà Tĩnh ký cấp bằng ngày 3/6/1961, nghĩa là tháng 9/1961, thầy giáo Lê Quốc Hội chính thức vào nghề? Tôi hỏi.

- Vâng, tháng 9/1961, anh về dạy cấp 1 Hương Thủy, đến tháng 6/1963 thì lên đường nhập ngũ, vừa tròn hai năm học. Hai năm anh gắn bó với bảng đen, phấn trắng, với đồng nghiệp và học sinh ở vùng quê chưa nắng đã hạn, chưa mưa đã lũ. Bà Trần Thị Vy ngậm ngùi.

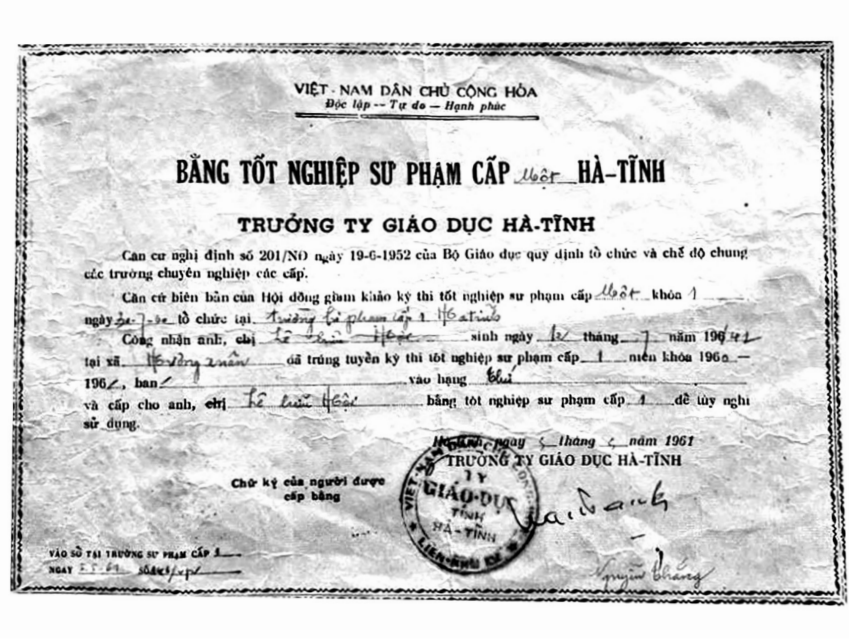

VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BẰNG TỐT NGHIỆP SƯ PHẠM CẤP Một HÀ-TĨNH

TRƯỞNG TY GIÁO DỤC HÀ-TĨNH

Căn cứ nghị định số 201/NĐ ngày 19-6-1952 của Bộ Giáo dục quy định tổ chức và chế độ chung các trường chuyên nghiệp các cấp.

Căn cứ biên bản của Hội đồng giám khảo kỳ thi tốt nghiệp sư phạm cấp Một khóa 1
ngày 2-3-6 tổ chức tại Trường Sư phạm cấp 1 Hà-tĩnh

Công nhận anh, chị Lê [illegible] sinh ngày 12 tháng 7 năm 1941
tại xã Hồng Lĩnh đã trúng tuyển kỳ thi tốt nghiệp sư phạm cấp 1 niên khóa 1960 — 1961, ban [illegible] vào hạng Khá

và cấp cho anh, chị Lê [illegible] bằng tốt nghiệp sư phạm cấp 1 để tùy nghi sử dụng.

Hà-tĩnh, ngày 5 tháng 5 năm 1961
TRƯỞNG TY GIÁO DỤC HÀ-TĨNH

Chữ ký của người được cấp bằng

VÀO SỔ TẠI TRƯỜNG SƯ PHẠM CẤP 1
NGÀY 2-7-61 SỐ 83/SP

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
ĐỘC LẬP — TỰ DO — HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ Lê Quốc Hội

Đã hy sinh cho Tổ Quốc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Run run cầm **"Giấy báo tử"** của Trung đoàn 29, Quân khu 4, bà Trần Thị Vy nức nở: *"Hơn nửa thế kỷ rồi. Giờ chẳng biết hài cốt anh ở đâu? Năm 1967, từ chiến trường Lào về nước, đơn vị đóng quân ở Hòa Hải mà anh cũng không thể về thăm cha mẹ, gia đình được. Thương quá! Anh không bao giờ lại nhà nữa. Cả nhà đỏ mắt chờ thì nhận được Giấy báo tử này đây!"*.

Mỗi di vật, như gợi lại những ký ức đau buồn. Trước khi trao cuốn Nhật ký của anh trai Lê Quốc Hội cho tôi, ông Lê Hữu Tựu nói*: "Cuốn Nhật ký này, vợ chồng tôi xem như báu vật. Có những chỗ mờ nhòe không đọc được nữa, nhưng tôi vẫn mường tượng ra hình ảnh anh trai mình những tháng ngày trong quân ngũ"*.

Tôi rưng rưng đón lấy cuốn Nhật ký. Đây là cuốn Nhật ký bỏ túi, kích cỡ 8cm x 12cm, dày 3cm, không bìa, tự đóng. Cuốn Nhật ký úa vàng, nhưng chưa quăn mép. Ngoài bìa hai chữ in có chân: QUỐC HỘI và con số 04-01-889296, theo ông Nguyễn Thành Liêm là số hiệu của sĩ quan.

Đây không phải là cuốn Nhật ký như ý nghĩa vốn có, ghi chép những sự việc diễn ra hàng ngày, mà là cuốn Nhật ký đặc biệt, dành trọn vẹn cho những công việc trọng tâm…

Chẳng thể một lúc xem hết cuốn Nhật ký, tôi được ông bà Lê Hữu Tựu tin cậy cho mang về nhà. Cầm trong tay cuốn Nhật ký, tôi như bắt gặp bàn tay người chiến sĩ năm nào. Tôi biết những vân tay đang hằn in trên giấy. Cảm nhận được cả ánh mắt, những suy nghĩ, nỗi lòng phập phồng trong từng trang viết. Tôi áp cuốn sổ bé nhỏ vào ngực, nghe tim mình đập rõ hơn. Tôi cất cuốn Nhật ký trong túi áo và khi trở về nhà mình, dành thời gian đọc, giải mã từng ký hiệu. Những chữ mờ nhòe không đọc được,

tôi cố gắng chắp nối với đoạn dưới, đoạn trên và cuối cùng, gấp cuốn Nhật ký lại tôi hình dung rõ nét về cuộc sống, số phận của những người lính năm xưa.

Cuốn Nhật ký bé nhỏ, nhưng chứa đựng cả hành trình ba năm, từ ngày 3/2/1964 đến tháng 7/1966.

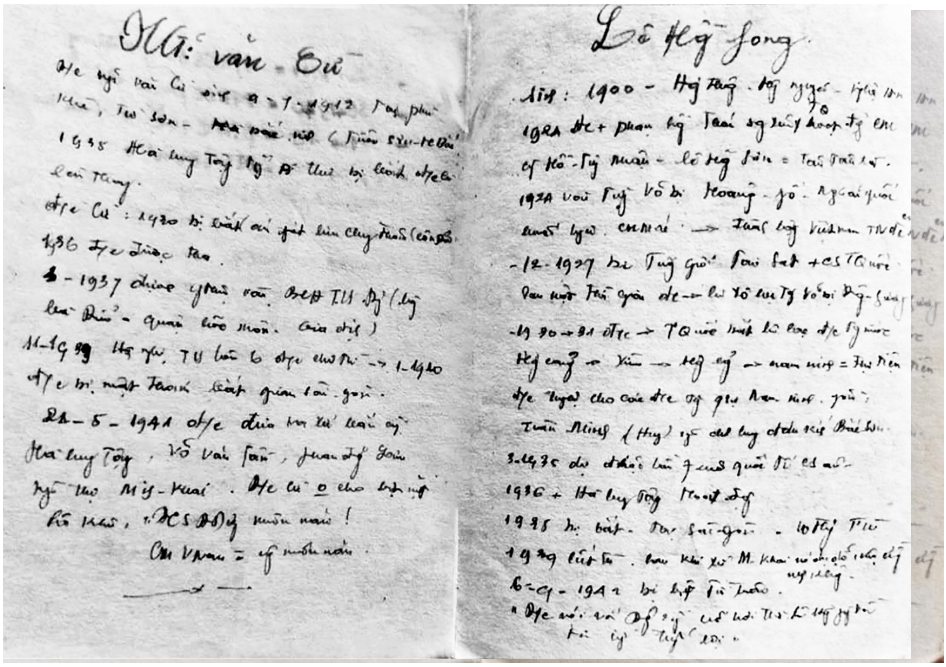

Nhật ký dành những trang ghi chép về tấm gương kiên cường, bất khuất của những nhà hoạt động cách mạng như Nguyễn Văn Cừ, Lê Hồng Phong, Tô Hiệu. Ảnh: Văn Lê

Tháng 6/1963, thầy giáo Lê Quốc Hội nhập ngũ, sau đó được tuyển thẳng vào Trường sĩ quan lục quân Sơn Tây. Năm 1964 và 4 tháng của năm 1965 (từ tháng 1 đến tháng 4) là những ghi chép của một học viên xuất sắc. Những trang đầu cuốn sổ trân trọng ghi chép về tấm gương kiên cường, bất khuất của những nhà hoạt động cách mạng như Nguyễn Văn Cừ, Lê Hồng

Phong, Tô Hiệu và khao khát được cống hiến. Đây là giai đoạn lý tưởng bay trên đôi cánh lãng mạn: *"Đời tuổi trẻ chỉ vinh quang và sung sướng nhất là khi đã hoàn thành được một nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân yêu cầu, tin tưởng giao phó cho…"*.

Nhật ký cũng dành những dòng nắn nót ghi chép về các tiêu chí, các chuẩn mực của chiến sĩ 5 tốt, Chi bộ 4 tốt, Chi đoàn, đoàn viên 4 tốt, đơn vị tốt để tự tu thân hàng ngày: *"Học tập lẫn nhau cùng tiến bộ/ Tích cực rèn luyện sức khỏe, chiến thuật tốt để đánh thắng giặc Mỹ"*.

Trong phần học tập, ngoài chính trị, khí tài, kỹ thuật, dân vận vv… còn có những trang dành học tiếng Lào. Dưới đề mục **tiếng Lào** là mốc thời gian: 19/5/1965.

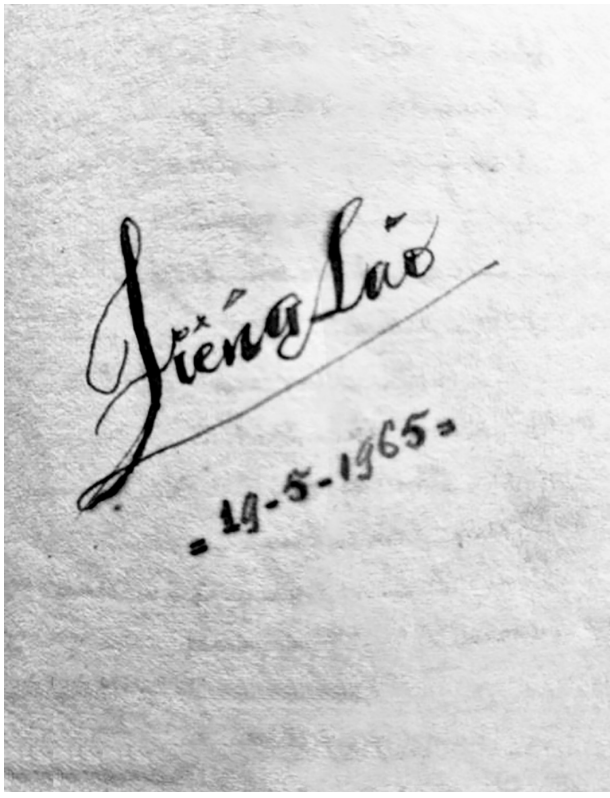

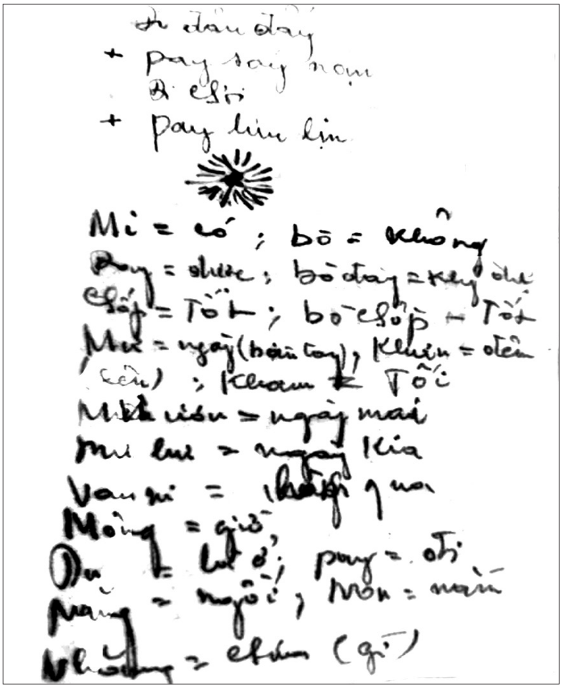

... đầu đây
+ Pay say nạm
Đi chơi
+ Pay lin lịn

Mi = có ; bô = không
Pay = được ; bô đây = không được
Slấp = Tốt ; bô slấp = [illegible] Tốt
Mư = ngày (bàn tay), Khuên = đêm (tối) ; Kham = Tối
Mư uốn = ngày mai
Mư lư = ngày kia
Van ni = hôm qua
Mòng = giờ
Du = ở ; pay = đi
Nằng = ngồi ; Non = nằm
Nhoòng = chơi (gì)

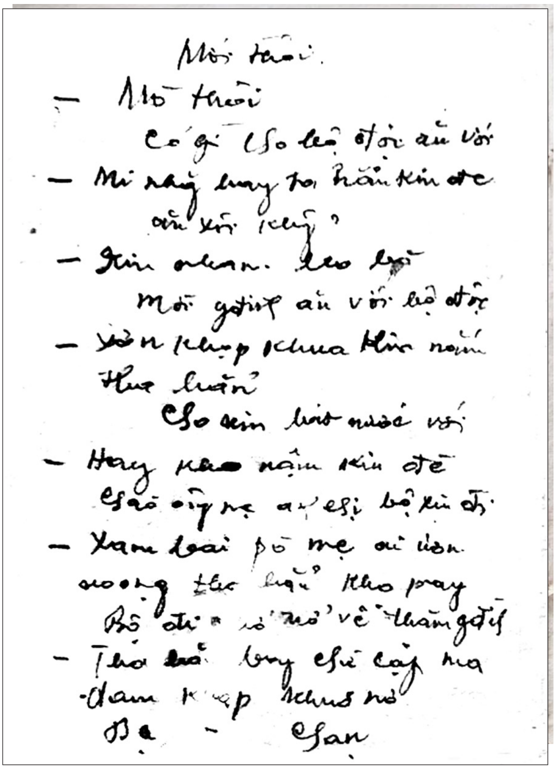

Mời trầu.
— Mô thoải
Có gì cho bọ đôi ăn với
— Mi nẩy [illegible] hẳn kin đe
ăn với [illegible]?
— [illegible] [illegible] [illegible]
Mời gặp ăn với bọ đội
— [illegible] [illegible] [illegible] năm
[illegible]
Cho xin [illegible] với
— Hay [illegible] nặm kin đê
Chào ông mẹ ai chị bộ đội.
— Xam [illegible] pô mẹ ai [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] pay
Bộ đội [illegible] nhớ về thăm gặp
— Thỏ [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] ma
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Bạ - Chạn

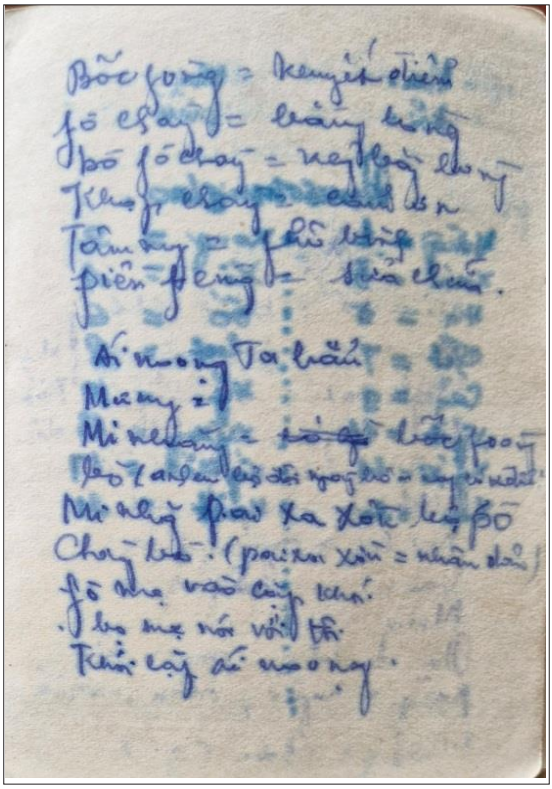

Những trang Nhật ký học tiếng Lào
Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

- Ngày, tháng này chứa đựng ý nghĩa gì? Tôi hỏi

- À, đó là ngày đơn vị C1- D6 E 29 chúng tôi sang nước bạn Lào thực hiện nghĩa vụ Quốc tế. Ông Nguyễn Đình Liêm (đồng đội của liệt sĩ Lê Quốc Hội) cho biết.

Nhật ký dành nhiều trang ghi chép từ mới, những câu hội thoại đơn giản, thông thường trong giao tiếp của người Lào. Với tư cách Đại đội phó C1, Thiếu úy Lê Quốc Hội luôn gương mẫu trong học tập, công tác, cũng như học ngoại ngữ. Với kinh nghiệm của thầy giáo sẵn có, Thiếu úy giúp đỡ, lên lớp chúng tôi tiếng

Lào. *"Anh đã truyền cảm hứng học tiếng Lào bằng cách tạo ra không gian giao tiếp từ đơn giản đến phức tạp, chẳng thế mà đơn vị C1 chúng tôi không phải một mà nhiều người có thể vào bản làm công tác dân vận. Cuộc sống nhờ vậy cũng bớt khó khăn".*

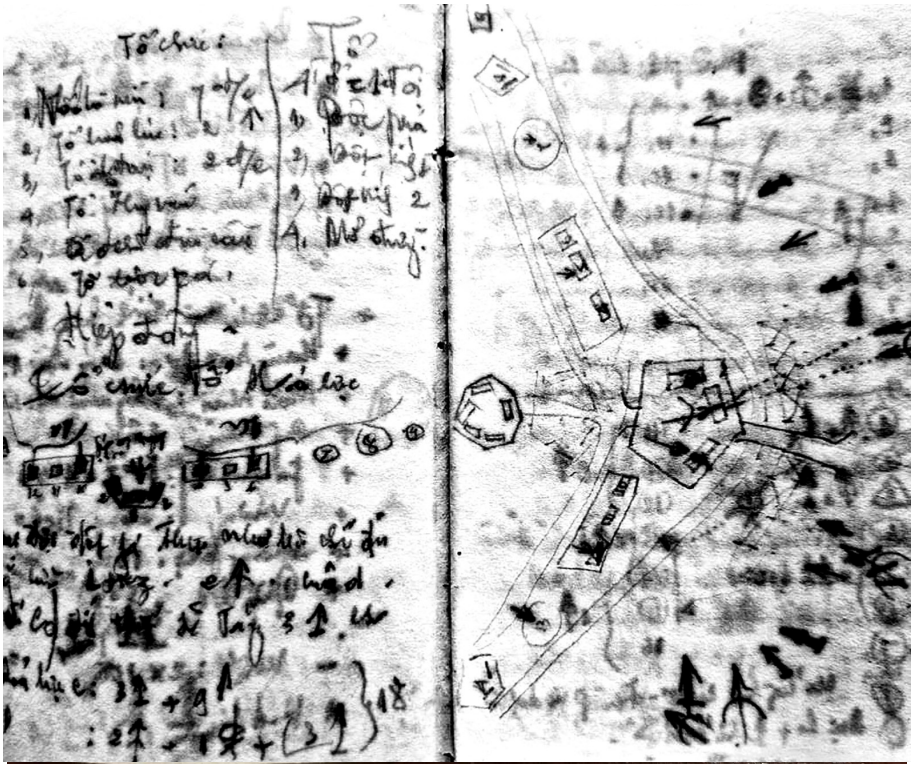

Bài binh bố trận cho một trận đánh của C phó
(Trích Nhật ký)

Nếu như năm 1964, Nhật ký dành những trang ghi chép về khí tài các loại súng, cấu tạo, cách sử dụng, các loại pháo, mìn, lựu đạn, cách sử dụng lưỡi lê đánh giáp lá cà, kỹ thuật tác chiến, bao vây, đánh thọc sâu, kỹ thuật phối hợp pháo, bộ binh, thủy quân, kỹ thuật trinh sát, xây dựng doanh trại, đào hầm, hào, ngụy trang,

giữ bí mật vv… của học viên thì từ tháng 7/1965 đến tháng 6/1966, lại là những ghi chép về tổ chức, tập huấn, bài binh bố trận bao vây, đánh lấn, đánh thọc sâu điểm, cứ điểm; phối hợp hỏa lực được nghiên cứu không chỉ bằng khảo sát thực địa mà bằng bản vẽ, cẩn trọng từng chi tiết, từng phương án để giảm thiểu đến mức thấp nhất hy sinh của đồng đội. Đây là những trang kế hoạch bài binh bố trận của một C phó.

Tất cả những gì học được ở Trường Sĩ quan lục quân 2, được tập luyện trên thao trường đều được thể hiện chi tiết trong từng trận đánh. Có thể nói Nhật ký viết năm 1964 là điều học được trong sách vở, thì Nhật ký viết năm 1965, 1966 là lý thuyết đi vào thực tế chiến đấu.

Gấp cuốn sổ Nhật ký lại, tôi hình dung người chiến sĩ như súng đã lên nòng, sẵn sàng quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh. Cả cuốn sổ tay không có mảy may một dòng nào cho riêng tư, cho cảm xúc cá nhân, không có chỗ cho những yếu đuối và mủi lòng.

đến hồi ức của đồng đội...

Sáng ngày 6/8/2025, tôi hẹn gặp bằng được ông Nguyễn Thành Liêm; đồng đội của thầy giáo-liệt sĩ Lê Quốc Hội tại nhà riêng ở Thạch Linh, Hà Tĩnh. Ở tuổi 79, ông Liêm đón tôi bằng nụ cười, cái bắt tay rất chặt của người lính từng vào sinh ra tử và khi nghe tôi nhắc đến đồng đội, đến C phó Lê Quốc Hội, ký ức ông bỗng tuôn trào!

Nguyễn Thành Liêm:

Cứ đến ngày 30/5 hàng năm, ngày giỗ của C phó Lê Quốc Hội cũng là ngày giỗ của đồng đội tôi, nhớ thương trào nước mắt. Đứa thì đã hóa thân vào đất đai Tổ quốc. Đứa đang ở đâu

giữa rừng Lào? Tôi và vài đồng đội may mắn sống sót trở về, đã rủ nhau trở lại chiến trường xưa, dự định tìm hài cốt đồng đội, nhưng chưa thực hiện được. Áy náy vô cùng. Riêng liệt sĩ Lê Xuân Hội, nhiều giỗ tôi đến nhà để không chỉ thắp hương cho anh mà cho cả đồng đội tôi. Mang theo lời hứa 60 năm với anh Nguyễn Văn Điền (Thôn Đổi Thôn, xã Trường Minh, huyện Nông Cống Thanh Hóa), tôi cùng anh Diệm, Trí, Trúc ra Thanh Hóa. Bố mẹ mất, anh chị em ko còn. Chị dâu thờ cúng. Lòng chúng tôi ngổn ngang vô cùng!

Chân dung nhà giáo - liệt sĩ Lê Quốc Hội năm 1963,
lúc vào học Trường Sĩ quan Lục quân
Ảnh gia đình cung cấp. Trần Thanh Cần chỉnh sửa

Văn Lê:

Thưa ông, ông và nhà giáo - liệt sĩ Lê Quốc Hội gặp nhau lúc nào?

Nguyễn Thành Liêm:

Ngày 19/5/1965, chúng tôi nhận nhiệm vụ trong đoàn quân tình nguyện sang chiến trường C (Lào). Tôi và đồng chí Hội cùng đơn vị C1 D6 E 29. Tôi là chiến sĩ, đồng chí Hội là Đại đội phó. Chúng tôi xuất phát từ xòm Cà, xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đến địa điểm tập kết, mất 27 ngày. Là cán bộ chỉ huy đơn vị, đồng chí Hội thường xuyên đi sau để hỗ trợ các đồng chí yếu và giám sát đoàn. Đã 60 năm trôi qua mà tôi vẫn nhớ hình ảnh Hùng *"ngựa thồ"* mang 6 khẩu súng hỗ trợ đồng đội, lại còn đèo thêm chục quả cối cá nhân nữa.

Văn Lê:

Cuộc sống của bộ đội tình nguyện ở chiến trường C ra sao, thưa ông?

Nguyễn Thành Liêm:

Không thể nói hết gian khổ. Chúng tôi đối mặt với thiên nhiên khắc nghiệt. Ruồi vàng, bọ chó, muỗi, bùi nhùi, vắt rừng nhiều vô kể. Đêm, chúng tôi nằm võng trùm kín đầu. Khắc nghiệt của thiên nhiên quen dần, nhưng sốt rét rụng tóc, trọc đầu… thì thật khủng khiếp. Thuốc men khan hiếm, quấy loãng viên thuốc chia nhau là có thật. Cũng có những đồng đội không qua nổi trận sốt ác tính như Dương Đình Cảnh (quê Thạch Đài, Thạch Hà), Nguyễn Xuân Dung (Thạch Trung, TP Hà Tĩnh) vv...

Văn Lê:

Tôi cũng có biết hiện thực khốc liệt ấy qua những trang sách, chứ không trải nghiệm như ông - người trong cuộc. Sang đó, đơn vị các ông tham gia bao nhiêu trận đánh?

Nguyễn Thành Liêm:

Nhớ sao hết! Hàng trăm trận đánh lớn nhỏ.

Văn Lê:

Ông còn nhớ trận đánh đầu tiên, trận đánh có nhà giáo Lê Quốc Hội tham gia không?

Nguyễn Thành Liêm:

Có! Có chứ! Đó là trận đánh vào đồn Đồng Mót. Vì trận đánh đầu tiên, nên chỉ huy nghiên cứu kỹ địa hình, lực lượng cũng như phương tiện của địch, nên đã đề ra phương án tác chiến phù hợp, bố trí lực lượng, phối hợp đánh bất ngờ, hiệu quả, nên giành thắng lợi hoàn toàn. Sau đó, chúng tôi triển khai trận đánh ở Bãi Đá, phòng tuyến giữa bộ đội Pa thet Lào và quân tình nguyện Việt Nam. Trận này, chúng ta không lường được kẻ thù gài mìn dày đặc, nên đơn vị thương vong nhiều....

Đã rút kinh nghiệm, nhưng đơn vị chúng tôi tiếp tục vướng mìn, đêm khuya đi dân vận trong bản về doanh trại, trên đường bị địch phục kích, chúng dùng mìn cài chéo hai bên đường, hơn 10 đồng chí hy sinh trong đó có C phó Nguyễn Đình Sủng. Đồng chí Lê Quốc Hội tìm mọi cách cứu chữa, đưa đ/c Sủng và thương binh về hậu cứ, nhưng vết thương của đ/c Sủng quá nặng, nên đã hy sinh vào sáng hôm sau... Cũng có lúc, vì không nhớ mật khẩu, mà đêm tối, sáp nhau, anh em suýt *"choảng"* nhau. May mà kịp nhận ra nhau. Không ai thương vong cả. Hú vía!

Ông Nguyễn Thành Liêm (phải) - đồng đội nhà giáo - liệt sĩ Lê Quốc Hội và CCB Trương Quang Khánh. Ảnh: Văn Lê

Văn Lê:

Các ông chiến đấu ở chiến trường C bao lâu?

Nguyễn Thành Liêm:

Chúng tôi ở chiến trường C hơn 2 năm. Năm 1967, đơn vị trở về nước đóng quân ở Hòa Hải, Hương Khê, tiếp tục chỉnh huấn, chỉnh quân. Để giữ bí mật, những đồng chí ở Hương Khê hay gần địa điểm đơn vị đóng quân không được về nhà. Thiếu úy Lê Quốc Hội lúc ấy là C phó cách nhà chỉ 10 km, nhưng chấp hành nghiệm kỷ luật đơn vị. Sau 1 tháng, chúng tôi vào Vĩnh Linh, bổ sung lực lượng, cùng với sư 304, 320, 324, 325 và trung đoàn 246 Quân khu Việt Bắc, tập trung đánh vào cao điểm Miếu

Bái Sơn; Gio Linh; một trong những cao điểm có vị trí chiến lược quan trọng trong cụm cứ điểm của Mỹ-ngụy ở Quảng Trị. Các đơn vị của chúng ta đã phối hợp, tập trung hỏa lực, trút bão lửa vào kẻ thù. Chúng tôi đã đánh bật kẻ thù ra khỏi cao điểm. Trận ấy ta thắng giòn giã.

Văn Lê:

Rồi sao nữa?

Nguyễn Thành Liêm:

Cam go nhất là cao điểm 161. Tại đây, kẻ địch xây lô cốt, bố trí nhiều lớp hàng rào thép gai dày đặc. Chúng bố trí pháo binh, từ trên cao, chúng kiểm soát những con đường, huyết mạch trọng yếu. Chúng phối hợp với không quân, pháo từ cửa Việt, quyết giữ bằng được cao điểm 161. Về phía ta, quyết tử, quyết sinh, bao vây, tấn công, bằng mọi giá đánh bật kẻ thù khỏi cao điểm 161, giành lấy lợi thế, khống chế làng Vây, Cồn Tiên, Dốc Miếu. Trận đánh của bộ đội ta dưới sự chỉ đạo của Trung tá Trần Sỹ Kịch. Chỉ huy trưởng C3 là đồng chí Lê Hòa Dụ; chỉ huy phó là đồng chí Lê Quốc Hội; Chính trị viên là đồng chí Nguyễn Hồng Lịch (quê Diễn Minh, Diễn Châu). Bộ đội ta đã chiếm được cao điểm 161. Kẻ thù điên cuồng, củng cố lực lượng, tập trung vũ khí hiện đại, tập trung các binh chủng, cày nát cao điểm. Pháo từ Cửa Việt xối xả không ngớt. Máy bay trút đủ loại bom đạn suốt ngày đêm. Đại đội của đồng chí Lê Quốc Hội được giao nhiệm vụ trấn giữ phía đông cao điểm 161. Pháo 130 ly của địch rót xuống, máy bay liên tục ném bom sát thương cày nát cả ngọn núi, thì da thịt nào chống đỡ cho được!? Hầu hết đồng đội đã anh dũng hy sinh trong đó có Đại đội phó Lê Quốc Hội. Cao

điểm 161 thấm máu của biết bao đồng đội. Ngày 30/5/1967 trở thành ngày giỗ của đồng đội chúng tôi.

Văn Lê:

Vâng! Tháng 6 vừa qua, tôi và anh em trong Câu lạc bộ nhà báo cao tuổi đã viếng thăm nghĩa trang Trường Sơn, Cồn Tiên, Dốc Miếu, đường 9 Nam Lào, sông Thạch Hãn và thăm thành cổ Quảng Trị, thấm hiểu giá của từng tấc đất Tổ quốc là giá máu; được nghe, chứng kiến 81 ngày đêm chiến đấu quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh của bộ đội ta ở đường 9 Nam Lào, Cồn Tiên, Dốc Miếu, thành cổ Quảng Trị, đặc biệt là cuộc đối đầu khốc liệt ở cao điểm 161. Bây giờ tôi biết thêm máu của nhà giáo- liệt sĩ Lê Quốc Hội và đồng đội của anh đã thấm mảnh đất này!

Nguyễn Thành Liêm:

Có những lúc, sau cuộc chiến, chúng tôi ngồi lại bên nhau, anh Lê Quốc Hội nói với tôi, hòa bình anh muốn trở về trường tiếp tục sự nghiệp trồng người. Tiếc rằng, anh đã ngã xuống... Những người lính, dù đã vĩnh viễn nằm lại sau cuộc chiến hay may mắn được trở về, đều chung một ước nguyện: những hy sinh thầm lặng, những vẻ đẹp ngời sáng của thế hệ cha ông sẽ không rơi vào quên lãng và hy vọng ngòi bút của các anh, sẽ góp phần khơi dậy những tình cảm cao đẹp, những gía trị nhân văn bền vững.

Văn Lê:

Chúng ta có niềm tin và hy vọng, thưa ông!

Hà Tĩnh 6/8/2025.

CÓ PHẢI LƯỢNG VÀ MINH VỀ ĐÓ KHÔNG?

Đó là vợ chồng nhà giáo Trần Ngọc Lượng (1959-1982) và Trần Thị Minh (1959-1982) cùng con gái bị kẻ thù tàn sát đẫm máu trong ngày mồng Ba, là ngày "Tết thầy," trong lúc họ trực bảo vệ trường. Linh hồn họ đã hóa thân vào quê hương, xứ sở...

Tận cùng đau đớn

Trần Ngọc Lượng sinh ra và lớn lên ở xã Xuân Giang 2, Nghi Xuân, Hà Tĩnh, còn Trần Thị Minh, sinh ra, lớn lên tại xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Cả hai cùng học ở Trường Sư phạm Đắk Lắk. Tốt nghiệp, thầy Lượng và cô Minh nhận quyết định công tác tại trường THCS Ea Ktur, huyện Cư Kuin, Đăk lắk - vùng sâu, vùng xa vô cùng khó khăn, gian khổ. Trong quá trình công tác, họ yêu nhau và năm 1980, tổ chức thành hôn. Một năm sau, vợ chồng sinh con gái đầu lòng, đặt tên là Trần Thị Huyền.

Với tri thức và nhiệt tình tuổi trẻ, hai vợ chồng cắm chân vào bản làng, đưa hết tài năng, tâm huyết, gieo cái chữ cho con em đồng bào dân tộc, nên được đồng nghiệp, học sinh, dân bản tin

yêu. Đó là lý do để mặc dầu còn rất trẻ, nhưng thầy Trần Ngọc Lượng được bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Ea Ktur.

Gia đình nhỏ của thầy Lượng sống trong khu nội trú là ngôi nhà lá do thầy cô và phụ huynh xây tạm, nằm sau khuôn viên trường học.

Tết năm 1982, giáo viên, học sinh về nghỉ tết. Vợ chồng nhà giáo Trần Ngọc Lượng, Trần Thị Minh ở lại trực bảo vệ trường. Thầy Trần Ngọc Minh trực lãnh đạo.

Những năm 80, ở Đắk Lắk nói riêng, Tây Nguyên nói chung, sau giải phóng, tình hình trật tự trị an ổn định dần, lực lượng Fulro cơ bản đã bị đánh bật khỏi biên giới, nhưng tàn quân còn sót lại. Chúng hoạt động ngấm ngầm, tinh vi, manh động. Được các thế lực phản động nước ngoài hà hơi, tiếp sức, chúng lập ra nhóm vũ trang phản động lấy tên *"lính Đề ga", tiến hành* khủng bố, phá hoại, táo tợn hơn là lật đổ chính quyền, thành lập cái gọi là *"nhà nước Đề ga"*.

Vào lúc 11 giờ 30 phút, đêm mồng Ba Tết năm 1982, thầy Trần Ngọc Lượng tay súng, tay đèn rời phòng nội trú để kiểm tra trị an trong trường, thì bọn fulro nổ súng sát hại cô giáo Trần Thị Minh. Nghe tiếng súng, biết sự chẳng lành, thầy Minh trở về phòng nội trú, thì xót xa trước cảnh tượng vợ bị sát hại, con gái mới sáu tháng tuổi đang khóc thét lên, thầy chưa kịp định thần thì bọn khát máu xuống tay tàn sát cả hai cha con. Trước khi lẩn trốn vào bóng đêm, chúng tàn độc, châm lửa thiêu rụi nhà nội trú. Nghe tiếng nổ tre, nứa, thấy ngọn lửa cháy, dân bản chạy đến, thì ngôi nhà đã cháy rụi, chỉ còn tro than. Thi thể của ba

người bị thiêu đen… May nhờ tấm tôn che trần nhà đổ xuống, úp lên thi thể ba người, nên dân bản vẫn còn nhận diện được từng người…

Đồng nghiệp, học sinh, dân bản vô cùng xót xa trước cái chết đau đớn của thầy cô giáo, căm phẫn tột độ trước tội ác tàn độc của bè lũ khát máu. *"Trời ơi! Mồng Ba là ngày Tết thầy mà chúng tàn sát cả gia đình thầy đẫm máu thế này đây!"*.

Đám tang của gia đình thầy Trần Xuân Lượng đẫm nước mắt. Thời tiết mùa xuân mà bầu trời ở Ea Ktur, Cư Kuin ngổn ngang màu vẩy cá. Mưa! Không phải mưa phùn mà nặng hạt. Lốc xoáy. Thi hài của thầy, cô, con gái được an táng tại nghĩa địa Ea Ktur cạnh trường, tiện cho việc chăm sóc, hương khói.

"Sau tang lễ, tôi mới vào được! Đứng trước mộ em và cháu, tận cùng nỗi xót xa, đau đớn. Tôi cùng nhà trường, chính quyền giải quyết nốt những vấn đề hậu sự".

TỔ QUỐC GHI CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ: Trần Thị Minh

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Tháng 6/1990, ông Đặng Thanh Bình (anh trai) và người thân đã làm thủ tục, tiến hành cất bốc mộ liệt sĩ Trần Xuân Lượng, Trần Thị Minh và cháu Trần Thị Huyền về an táng tại nghĩa trang Liệt sĩ huyện Nghi Xuân. Cháu Trần Thị Huyền nằm chung với mẹ. Từ đây, gia đình nhà giáo - liệt sĩ Trần Ngọc Lượng lại được đoàn tụ nơi đất Mẹ quê hương, nghe sông Lam vỗ sóng, nghe thông núi Hồng hòa với sóng biển vỗ về ru giấc ngàn thu.

Ở quê, đâu cũng mang hồn vía của em trai

Trần Ngọc Lượng sinh ra, lớn lên trong một gia đình lao động có tám người con (bốn trai, bốn gái). Ngọc Lượng (1959-1982) là con thứ 3. Bố Trần Khâm (1932-2013) đã có thời làm

Chủ nhiệm Hợp tác xã Thủ công nghiệp xã Xuân Giang 2. Mẹ là bà Hồ Thị Sâm (1930-2002) nuôi con, nội trợ.

Xuân Giang 2 (nay gọi là thôn Hồng Lam, xã Xuân Giang; nay mai lại thuộc xã Nghi Xuân rồi) như hòn đảo nhỏ nằm giữa bốn bề sông nước, vừa mang vẻ đẹp mây trời sông nước trữ tình vừa chứa đựng cái dữ dằn, khốc liệt, nhất là mùa mưa bão.

Tuổi thơ của Trần Ngọc Lượng, sáng đến trường, về nhà bỏ sách lên bàn là lao vào công việc, không giữ em thì cũng quét nhà, dọn sân hoặc ra bờ sông câu cá. Tùy vào thời tiết và mùa cói mà Ngọc Lượng phơi, dọn, xếp cói phụ giúp bố mẹ. Bốn bề sông nước, nên Lượng thích bơi lội, thích giăng câu, thả lưới. Những năm 60, 70, Xuân Giang 2 có điểm trường cấp 1, cấp 2 tạo thuận lợi cho các em học sinh kiếm con chữ. Nhưng lên cấp 3, Lượng phải đò ngang sang Tiên Điền. Tảng sáng đã ra bến. Khổ nhất là mùa lũ, nước từ Ngàn Phố (Hương Sơn), Ngàn Sâu (Hương Khê), Ngàn Trươi (Vũ Quang) cuồn cuộn đổ về sông La rồi ra biển cả, khiến ốc đảo Xuân Giang 2 như cồn nhỏ mong manh giữa mênh mông nước bạc. Những ngày mưa lũ, Trần Ngọc Lượng đứng bên sông đau đáu nhìn về mái trường bên kia sông, ước mình có đôi cánh như chim. Mùa hè, cũng có lúc, đi học, thuyền bên kia sông, bác lái đò đi vắng, thế là Ngọc Lượng vo áo trái bưởi, bơi sang sông.

Kể về tuổi thơ của em trai, anh Trần Thanh Bình ngổn ngang tâm trạng. Còn chị dâu Phan Thị Kim Liên (GV về hưu) nhìn vào đâu cũng thấy hồn vía của em trai để lại. Cây bưởi, cây mít, cây ổi trong vườn không chỉ lưu lại dấu ấn chăm sóc của em trai mà còn là nơi ghi dấu những kỷ niệm, khi mỗi mùa hoa trái, em leo lên cây hái quả, chị đứng dưới thấp thỏm lo em ngã. Nhớ lắm, mùa cau, em bện năn bằng dây chuối khô, leo lên lấy cau cho mẹ ăn trầu.

Bây giờ cau vẫn xanh tốt, mùa về lúc lỉu quả. Mít vẫn ra trái, bưởi trĩu cành. Ổi chin vàng cả mùa thu, mà chỉ có chào mào về, còn em chẳng thấy đâu. Ký ức nhắc nhở, khiến chị thấy nhói đau tim mình. Nhưng có lẽ nhớ nhất là cây sung trước bến sông. Cây sung sum suê, lá xanh tốt, rễ chằng chịt, quả chi chít. Những buổi chiều Trần Ngọc Lượng ngồi gốc sung buông cần, câu cá đối. Nhớ nhất là năm 1980, lần đầu tiên, Ngọc Lượng dẫn người yêu là cô giáo Trần Thị Minh (quê Nghi Long, Nghi Lộc, Nghệ An, GV dạy cùng trường) về ra mắt gia đình nội. Sau những giây phút bỡ ngỡ, Minh đã hòa nhập với thiên nhiên. Ba gian nhà gỗ đầy ắp tiếng cười. *" Bây giờ mỗi lần nhìn cây sung nơi bến sông là tôi lại thấy hình ảnh hai em Lượng và Minh leo lên cây hái quả, rồi cùng nhau ngồi bên gốc sung này buông câu, lãng mạn vô cùng!"*. Cô Liên lau nước mắt.

Trần Ngọc Lượng và Trần Thị Minh trước ngày cưới
Ảnh gia đình cung cấp

Thời gian trôi qua, Xuân Giang 2; quê hương của nhà giáo - liệt sĩ Trần Ngọc Lượng - nay đang được đầu tư để trở thành khu vui chơi nghỉ dưỡng, khu du lịch sinh thái giàu tính nhân văn. Dẫu vậy, Xuân Giang 2 vẫn giữ được nét hoang sơ vốn có. Mảnh vườn, ba gian nhà gỗ của gia đình nhà giáo - liệt sĩ Trần Ngọc Lượng vẫn còn nguyên vẹn. Hàng rào mận hảo vẫn xanh tốt. Nơi đây, in đậm dấu ấn của bố mẹ, anh chị em, các cháu, đặc biệt là dấu ấn của liệt sĩ Lượng vô cùng đậm nét. *"Ở đâu, tôi cũng nhận ra hình bóng của em trai và em dâu"* Cô Liên nhỏ nhẹ, rồi nhìn ra sông Lam, nhìn lên bầu trời xanh thẳm. Mây trắng bay. Hướng về núi Hồng, nhìn đôi chim cu gáy bay về làm tổ trên cây cau trước nhà, cô khẽ khàng, chỉ đủ mình nghe: *" Có phải Lượng và Minh về đó không?"*

12h ngày 26/6/2025

KHÚC VĨ THANH CHO THẦY GIÁO - LIỆT SĨ LÊ VĂN MINH (1938-1968)

Sau một thời gian tiếp cận, chúng tôi nhận thấy tư liệu về nhà giáo - liệt sĩ Lê Văn Minh không còn nhiều để có thể cập nhật đầy đủ. Cuốn "Nhật ký" ghi chép những gì diễn ra trong quá trình công tác cũng đã thất lạc. May mắn cho tôi là bà Nguyễn Thị Bảy (vợ liệt sĩ) ở tuổi 86 vẫn còn minh mẫn, và ông Nguyễn Viết Dưỡng (nguyên Thượng tá; học sinh cũ của thầy Minh) đã cung cấp cho chúng tôi nhiều tư liệu chân thực.

Vừa là thầy, vừa là bạn

Năm 1967, tốt nghiệp cấp hai, thầy Minh đầu đơn vào sư phạm. Ra trường, thầy về dạy trường quê. *"Mới ra trường, thầy dạy và chủ nhiệm lớp 1. Lúc ấy, tôi học lớp 3. Thỉnh thoảng thầy dạy thay. Thầy có biệt tài biến cái phức tạp thành đơn giản, biến cái khó thành dễ. Ví như thầy dạy chúng tôi học bảng cửu chương bằng cách chơi (nhảy dây, chơi cụ), bằng đếm ngược, xuôi cách 2 (2/4/ 6/8/... và 20/18/16/" nên dễ nhớ, dễ thuộc"*. Ông Nguyễn Viết Dưỡng (nguyên Thượng tá Công an; học sinh cũ của thầy Minh) nhớ lại.

Nhưng có lẽ, thầy Minh truyền cảm hứng cho học trò chủ yếu từ hoạt động Đội. Là giáo viên trẻ vừa ra trường, hát hay, đàn giỏi, thầy Minh *"hút hồn"* học sinh quê nghèo không chỉ ở những đêm tập, biểu diễn văn nghệ, những sinh hoạt nghi thức đội mà còn ở các hoạt động của phong trào Hợp tác xã măng non tí hon. Tổ chức Hợp tác xã măng non tí hon với hàng loạt phong trào "*nghìn việc tốt*" như: *"Đi bò vàng về bò xanh"*, *"Đoạn đường em chăm"*, *"sạch làng, tốt ruộng"* không chỉ gây quỹ cho hoạt động Đội mà còn mở ra sân chơi bổ ích cho thiếu nhi, ở đó, vai trò của thầy giáo Lê Văn Minh vừa là hạt nhân, vừa là người tổ chức, kiến tạo, vừa là người hướng dẫn, kích hoạt, phát triển lan tỏa phong trào khắp xã.

Tôi đã dành suốt buổi sáng mùa hè, chăm chú lắng nghe những câu chuyện của ông Nguyễn Viết Dưỡng về thầy giáo của mình. Ở tuổi gần 80, tóc bạc trắng, ông Dưỡng nhớ tường tận từng chi tiết, từ những chữ số, từng con chữ chân phương, chuẩn mực thầy viết lên bảng, cho đến dáng đi, cử chỉ, giọng nói của thầy. Rồi bất chợt, ông cao hứng hát lại những bài hát ngày xưa thầy Minh tập cho lớp ông. Tay gõ nhịp (như thầy giáo Minh ngày nào gõ nhịp trên bàn tập hát cho học sinh), mắt hướng lên bầu trời, miệng nhấn nhá từng lời, từng chữ, lúc trầm, lúc bỗng, lúc nhặt lúc khoan, thật sự cuốn hút tôi: *"Có phải thầy Minh ngày xưa nhập vào người học trò này nên lời ca nghe liêu trai đến vậy!?"*. Tôi chợt nghĩ.

"Thầy Minh không chỉ là thần tượng của lũ học trò trường làng chúng tôi ở chỗ dạy giỏi, hát hay, đàn siêu mà còn ở tài tổ chức, tận tụy, khéo tay. Thầy làm việc gì cũng chi chú, cẩn trọng, từ quét sân, cuốc cỏ, trồng cây, đan lát, cày bừa, gặt hái. Không gì là không giỏi. Siêu nhân toàn diện!". Ông Nguyễn Viết Dưỡng thán phục.

Học với thầy, ở cùng làng với thầy là may mắn lớn. *"Sau này, khi thầy vào quân ngũ, tôi cũng học tập, hoạt động trong lực lượng an ninh, thầy trò gắn bó với nhau, chia sẻ vui buồn. Những năm vào quân ngũ, thầy trò vẫn viết thư động viên nhau hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Cho đến giờ, lúc đã chiều tà xế bóng, tình cảm tôi với gia đình thầy vẫn thủy chung, gắn bó như xưa! Thầy đã hy sinh, nhưng tư tưởng, tình cảm, tác phong, linh hồn thầy vẫn nguyên vẹn trong tâm hồn thế hệ học sinh như chúng tôi"*. Ông Dưỡng chia sẻ.

Hậu phương thi đua với tiền tuyến

Lê Văn Minh là con trai trưởng của gia đình nông dân nghèo làng Đan Chế (nay là Thạch Long, Thạch Hà). Ông Lê Văn Tuế (1919-1994) và bà Nguyễn Thị Thiệu (1920-1957) sinh được bảy người con.

Làng Đan Chế *"đồng chua nước mặn"*, chưa mưa đã úng, chưa nắng đã hạn. Năm hai mùa, chỉ một mùa lúa, ám vào câu ca xưa: *"Đan Chế có nghề đan/ Khi bấn túng cơ hàn có nghề đan chế lại"*. "*Nghề đan chế lại*" nhờ vào nghề đan mà tồn tại mưu sinh, những lúc cơ cực bần hàn. Người dân Đan Chế khéo tay, chịu thương, chịu khó và từ nhỏ thầy Lê Văn Minh đã tiếp thu được truyền thống lao động của làng quê và gia đình. Làng Đan Chế đan thúng, mủng dần sàng, nống nia; những vật dụng bằng tre nứa. Lê Văn Minh giỏi lên góc, lận vành nên từng mẻ đan của gia đình thường vẫn chờ Lê Văn Minh đi học về rồi làm vào buổi tối. Nhà đông em, Lê Văn Minh sớm giúp đỡ cha mẹ việc đồng áng, cày, bừa, gặt hái cho đến việc nhà đan lát, làm vườn, bế em. Việc gì cũng không nề hà và làm gọn gàng.

Những tháng ngày hạnh phúc của vợ chồng
nhà giáo - liệt sĩ Lê Văn Minh Ảnh: Gia đình cung cấp

Lê Văn Minh và Nguyễn Thị Bảy *"bén tiếng"* nhau khi học lớp 7 ở trường cấp 2 Thạch Việt, Thạch Hà. Tháng 2/1959, Lê Văn Minh là GV trường cấp 1 Thạch Long. Năm 1957, mẹ mất. Mãn tang mẹ, tháng 2/1959, hai người về chung một nhà. Tháng 11/1959, vợ chồng đã có con trai đầu lòng, đặt tên là Lê Văn Thanh. Con trai vừa ba tháng tuổi, thì Lê Văn Minh lên đường nhập ngũ. Anh được biên chế vào Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 69 Bình Trị Thiên. Thời gian Lê Văn Minh ở trong quân ngũ, thỉnh thoảng anh có gửi thư về, nhưng trong thư dành nói về sức khỏe, chia sẻ nỗi khó khăn vất vả của cha, vợ con, em út trong gia đình, động viên vợ hoàn thành nhiệm vụ và hẹn ngày đoàn tụ, tịnh không có dòng nào nói về gian khổ, khốc liệt của chiến tranh. Sau này, mẹ con cô Nguyễn Thị Bảy được biết, hoạt động đơn vị chồng mình hoàn toàn bí mật ở nơi giới tuyến *"ngày Bắc, đêm Nam"*.

Qua thư, Lê Văn Minh có lời giao ước ngầm thi đua với vợ, thi đua giữa tiền tuyến với hậu phương. Ở tiền tuyến, ban ngày Minh và đơn vị sản xuất, đêm trực chiến nơi giới tuyến. Ở nhà, Bảy một tay bế con, một tay xoay việc nhà, một tay soạn giáo án lên lớp, ngầm thi đua với chồng. Ở tiền tuyến, chồng sẵn sàng cùng đơn vị ra đảo Cồn Cỏ nhận nhiệm vụ mới, thì ở hậu phương, cô Bảy hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trở thành giáo viên giỏi, chiến sĩ thi đua. Ở tiền tuyến, Lê Văn Minh được phong quân hàm Trung sĩ, thì ở hậu phương Nguyễn Thị Bảy được bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường cấp 1 Thạch Thượng…

Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân 1968, đơn vị Lê Văn Minh đánh thọc sâu vào thành phố Huế. Anh đã hy sinh tại Hương Long, TP Huế. Thi hài của anh được đồng đội, nhân dân an táng và sau này được cất bốc vào nghĩa trang Hương Long, TP. Huế.

Ở tuổi 86, bà Nguyễn Thị Bảy vẫn còn minh mẫn
Ảnh: Văn Lê

Từ ngày nhận được tin chồng hy sinh và Giấy báo tử, cô Bảy *"một gánh hai vai"* vừa chăm sóc, phụng dưỡng bố già, nuôi dạy con, vừa làm tốt việc trường, tiếp tục những gì mà chồng cô để lại. Chồng hy sinh lúc cô mới 29 tuổi, đang xuân, cũng

không ít nơi đánh tiếng, nhưng cô vẫn vẹn nguyên tấm lòng thủy chung với chồng. Cho đến bây giờ, khi ở tuổi 86, cô vẫn còn minh mẫn, nhớ không sót bất cứ kỷ niệm nào với người chồng thân yêu! *"Thời trẻ, anh ấy hát hay lắm! Nhất là bài: "Bên ven bờ Hiền Lương". Tiếng hát của anh da diết. Không biết có điều gì vận vào thân phận mà khi vào quân ngũ, cuộc đời anh bó với giới tuyến, với Hiền Lương. Ngày đó, thỉnh thoảng anh gửi cho mẹ con bức ảnh chụp cây cầu này với quyết tâm góp phần đấu tranh thống nhất tổ quốc, để Bến Hải không còn chia cắt, Hiền Lương về một nhà, không còn bên này, bên kia, không còn "ngày Bắc, đêm Nam" nữa! Trong thư anh cũng hẹn thống nhất, ra quân, thế nào cũng sẽ đưa cả nhà đến giới tuyến. Nhưng khi Hiền Lương nối nhịp bờ vui, anh đã không còn nữa!"*. Bà Nguyễn Thị Bảy xót xa, lau nước mắt.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ : Lê Văn Minh

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam
Nguyên quán: xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước
ngày 02 tháng 3 năm 1968

Hà nội, ngày 11 tháng 6 năm 2008
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Nguyễn Tấn Dũng

Quyết định số 241/TTg
ngày 15 tháng 6 năm 1972
Bằng số CĐ 265 /CL

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Trước ngày 27/7/2025, Lê Văn Vy, Nguyễn Viết Dưỡng tặng ảnh chân dung cho gia đình NG-LS Lê Văn Minh

Khúc vĩ thanh

Người con trai duy nhất Lê Văn Thanh an ủi mẹ và kể cho chúng tôi nghe hành trình anh đi tìm mộ bố ra sao. Anh đã đến những nơi ngày xưa cha anh đã chiến đấu và hy sinh. Điều an ủi lớn nhất cho nhà giáo - liệt sĩ Lê Văn Minh là đứa con trai ngoan hiền, chăm chỉ. *"Nó giống cha nó như lột. Ít nói. Thương mẹ, cứ lặng lẽ âm thầm, không nói năng một câu"*. Bà Bảy chia sẻ.

Lê Văn Thanh từng công tác ở Phòng Tài chính huyện Thạch Hà, Kế toán Công ty Xây dựng Hà Tĩnh, giờ đã nghỉ hưu. Lúc nghỉ hưu là lúc 4 người con (3 gái, 1 trai) đã trưởng thành. Ba con

gái tốt nghiệp Đại học, đã có công ăn việc làm gia đình ổn định. Con trai (cháu đích tôn LS Lê Văn Minh) là Lê Bảo Khang (sinh năm 2000) vừa tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Đại học Huế. Đây là cái kết có hậu của gia đình nhà giáo- liệt sĩ Lê Văn Minh, khúc vĩ thanh trong trẻo và ấm áp. Hẳn rằng nhà giáo - liệt sĩ Lê Văn Minh sẽ mỉm cười nơi chín suối.

Hà Tĩnh ngày 29/6/2025

YÊU THƯƠNG Ở LẠI

Tên anh đã thành tên đất nước[1]

Dù vật không còn, nhưng vẫn còn đó tình thương bao la của mẹ, chị em, làng xóm với cậu. Còn đó, tình thương, nỗi lo lắng của cậu với gia đình…

Mẹ góa, con côi

Nhà giáo - liệt sĩ Hồ Viết Mười (1947-1971) là con thứ 3 trong một gia đình nông dân có 4 con (hai trai, hai gái) ở thôn 2, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Từ 1/7/2025, thôn 2, Song Lộc sáp nhập thành đơn vị hành chính mới, thôn Vĩnh Gia, xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh.

Năm 1957, ông Hồ Cường (1915-1957) mất vì trọng bệnh, để lại cho bà Phạm Thị Em (1914-1984) hoàn cảnh vợ góa, con thơ.

Xưa, Trường Lưu nổi tiếng với người đẹp nghề dệt vải quay tơ, nên khách phong lưu tìm về hát ví, hát đối. Điều này càng nổi tiếng với giai thoại Nguyễn Du trèo đèo, vượt núi Hồng sang Trường Lưu hát ví, hát đối với *"thập nhị nữ"* (12 cô

[1] *Dáng đứng Việt Nam - Lê Anh Xuân.*

gái) rồi để lại bài *Văn tế 12 cô gái đất Trường Lưu* được lưu truyền đến nay.

Nhưng trong ký ức của bà Hồ Thị Tâm (sinh 1943) đặc sản của Song Lộc là nghèo *"Nhà tôi thuộc diện nghèo rớt mồng tơi!"*. Này nhé, năm mẹ con chui rúc trong ngôi nhà tranh hai gian, cột gỗ tạp, kèo tre, phên nứa. Mùa nắng chẳng sao. Nhưng mưa bão, nước trong nhà như ngoài trời. Giường ướt, chỉ còn cách lấy áo tơi trùm che mưa. Nhưng mưa không sợ bằng bão. Bão gầm rít, nhà dặt dẹo. Mẹ con mỗi người ôm một cột nhà, khấn vái, cầu xin trời thương tình nhà không sụp đổ. Còn ăn, một mình mẹ đi làm công điểm chẳng được là bao, thóc lúa*"ăn trắt"* (cắn chắt) cũng không đủ. Mẹ phải làm hàng xáo. Đặc sản hàng ngày là món cháo cám và món rau "VAC". Tôi sợ nghe nhầm, hỏi lại*: "Thưa bà, có phải bà vừa nói rau VAC. Rau VAC là rau gì? Cây, lá ra sao? Ăn ngon không? Tôi chưa nghe bao giờ?"*. Bà Tâm chậm rãi *"Rau vac là gọi chung những cây mọc ở bờ ruộng, bờ ao, vệ đường, trâu bò ăn được, mình hái về ăn, chứ phải là một cây cụ thể chi mô (gì đâu). Tựa như rau tập tàng đó"*. Bà Tâm giải bày. *"Chẳng trách! Giờ tôi mới nghe "lần đầu!"*.

"Kỷ niệm nào với cậu em Viết Mười không thể nào quên được?" - Tôi tranh thủ. Bà Hồ Thị Tâm chia sẻ: *"Nhiều không kể hết! Nhưng nhớ nhất là có lần cả hai chị em say sắn. Say mật xanh, mật vàng. Tôi đau đầu như búa bổ. Nôn khan. Tức ngực. Cậu Mười, nôn thốc, nôn tháo. Lại còn ỉa chảy. Mẹ tôi chạy vòng quanh, kêu làng, rồi chạy sang nhà bà Ảnh hàng xóm xin được thìa mật mía, chạy về cạy mồm (miệng) đổ cho cậu trước, tui sau. Nhờ vậy, mà chị em được cứu sống"*. Theo bà Tâm, đó là giống sắn gòng (củ dài, vỏ bạc, trồng trên đất vỡ hoang ở trại Cày, Gia Hanh (trại Hợp tác

xã). *"Có lẽ, vài ba khúc sắn chẳng thấm vào đâu, nên hai chị em ăn luôn cả phần vỏ lụa mẹ hấp để dành cho vật nuôi, nên mới say bí tỉ như vậy! Đến bây giờ tôi vẫn thấy cậu em trai của tôi, nằm bó gối, nước miếng nhờn trào ra miệng, mặt xanh như tàu lá chuối. Thương đứt ruột!"*. Bà Tâm nhớ lại.

Bà Hồ Thị Tâm: Nhớ thương không để đâu cho hết!. Ảnh: Văn Lê

Nhà nghèo, nhưng chị em nhà giáo - liệt sĩ Hồ Viết Mười sáng dạ, chăm học. *"Thi vào cấp ba, cả thôn 2 Song Lộc chỉ có Hồ Viết Mười đỗ vào lớp 8! Bà Phạm Thị Em vui, tự hào nhưng không dấu được nỗi lo lắng, học cấp 3 phải xuống Nghèn, ở trọ, lấy chi ăn ở mà học dây. Dân làng vui lây, người mừng cho hai xu, năm xu, người góp cho cái bút, quyển vở, động viên Hồ Viết Mười nhập học"*.

Chân dung nhà giáo - liệt sĩ Hồ Viết Mười
Ảnh gia đình cung cấp. Trần Thanh Cần chỉnh sửa

Đồng hành với em trai, chị cả Hồ Thị Châu, chị hai Hồ Thị Tâm chỉ học xong lớp 7. Năm 1966, Võ Thị Tâm đã đi làm để phụ giúp em nuôi em ăn học. *"Thương em, tôi mạnh dạn đến Nghèn đi khắp nơi hỏi mượn nhà em trọ. Cũng có người thương hoàn cảnh, cho trọ, không lấy tiền. Hàng tuần, em về được thì mẹ đong vào bao tượng vài ký gạo rồi quàng vai mang đi. Tôi thì giặt cho em chai nước mắm cáy. Chỉ có vậy. Ăn ở cậy nhà người ta cả. Ba năm nhờ chủ trọ cưu mang mà cậu Mười xong được cấp ba"*. Bà Tâm kể.

Thầy Nguyễn Ngọc Lê Nam trao tặng ảnh nhà giáo - liệt sĩ Hồ Viết Mười cho gia đình.
Ảnh: Từ trái qua phải: thầy Trần Đình Sửu; Lê Văn Vỵ; con trai liệt sĩ; T.S. Nguyễn Ngọc Lê Nam; Võ Đức Đại, Trần Anh Tuấn

Nhớ em, bà Tâm nhớ tường tận từng chi tiết. Suốt cả buổi ngồi với chúng tôi, lòng bà như có muối xát. Nỗi thương nhớ ứa tràn nước mắt. Nào là, thương em chỉ có một bộ áo cánh xanh đi học, chả có nỗi bộ thứ hai để thay! Nào là mùa đông cắt da, cắt thịt mà không có cái áo khoác. Nào là, lạnh quá, nằm co quắp, mẹ thương rồi chằm vài cái bì tải, giặt sạch cho cậu làm chăn vv… Mỗi lần nhắc đến những ký ức ấy, bà lại nấc lên. Nào là, xong lớp 10, cậu đi học sư phạm mà chỉ sư phạm 10+1, để mau ra đi làm, đỡ đần mẹ. Nào là, ra dạy cấp 2 ở Hồng Lộc, Can Lộc, cậu ở trọ nhà dân, sinh hoạt tằn tiện, chưa đầy 40 đồng lương tập sự chắt chiu mang về cho mẹ. *"Cũng chẳng dám may bộ quần áo*

tươm tươm lên lớp. Cái cặp cũng không. Chỉ dùng cái xắc vải ngày xưa. Rồi mẹ sai tôi sắm sanh cho cậu. Lúc nhận, cậu cũng chẳng bằng lòng. Khổ!". Nói xong, bà Tâm lại nấc lên nghẹn ngào.

Tháng 8/1970, cậu lên đường nhập ngũ. Có bộ đồ tươm tươm, Hồ Viết Mười để lại cho em Hồ Viết Huề (em út; 1953-1998). Sau này, gia đình mới biết, từ 8/1970 đến 01/1971, Hồ Viết Mười là chiến sĩ đoàn 22 B, QK4. Sau khi huấn luyện xong, tháng 2/1971 được biên chế vào Đại đội 1, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 84, tham gia mặt trận B5. Ngày 21/11/1971, nhà giáo Hồ Viết Mười hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ : Hồ Viết Mười

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam
Quê quán: xã Song Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước
ngày 21 tháng 11 năm 1971

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2023
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Quyết định số 100/TTg
Ngày 20 tháng 3 năm 1973
Bằng số ĐT 959 /CL

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

"Giấy báo tử" liệt sĩ Hồ Viết Mười ghi rõ: *"Hy sinh tại Lệ Thủy, Quảng Bình. Phần mộ: an táng tại Nghĩa trang công nhân quốc phòng Trường Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình"*. Mười hai năm

sau (năm 1983), gia đình hoàn tất thủ tục, cất bốc thi hài về an táng tại nghĩa trang gia tộc ở Nha Tráo, thôn Vĩnh Gia, xã Trường Lưu, Hà Tĩnh.

Tình thương ở lại

Tôi và N.G.Ư.T. Trần Đình Sửu bồi hồi, xúc động, xem lại những di vật nhà giáo - liệt sĩ Hồ Viết Mười để lại. Những di vật này, cháu Hồ Anh Tuấn gìn giữ cẩn thận. Năm 1998, ông Hồ Viết Huề (em trai liệt sĩ, bố Hồ Anh Tuấn) mất, công việc thờ cúng tổ tiên, hương khói cho liệt sĩ Hồ Viết Mười do Hồ Anh Tuấn đảm nhận. Những di vật của bác Mười, cháu Tuấn gói bọc cẩn thận, nên qua thời gian, giấy ố màu, nhiều chỗ rách, nát nhưng vẫn đọc được các thông tin. Tôi rưng rưng đọc lần lượt tám (08) loại giấy tờ: 1. **Giấy chuyển giao di vật tử sĩ**;. **2. Giấy chứng nhận Huân chương; 3. Giấy báo tử; 4. Biên bản bàn giao tài chính và trợ cấp; 5. Giấy báo tử; 6.Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ; 7. Thư Trung đoàn 84 gửi gia đình; 8. Ba Huân, Huy chương.**

Thầy Trần Đình Sửu mân mê tấm Huân chương rồi nói đủ mình nghe*: "Chín tháng (09) trong chiến trường mà phần thưởng cao quý thế này, phải anh dũng, lắm công trạng đây!"*. Còn tôi, đọc không sót một tư liệu nào và dừng lại rất lâu trước Giấy chuyển giao di vật tử sĩ ký ngày 30/7/1972. Chỉ vỏn vẹn 15 (mười lăm) khoản. Giản dị thế này đây. Tôi xin chép lại để bạn đọc biết được đời sống vật chất của anh bộ đội cụ Hồ mộc mạc, giản dị, nhưng trái tim yêu nước thương dân là vô giá, điều đó đã làm nên sức mạnh chiến thắng kẻ thù xâm lược!

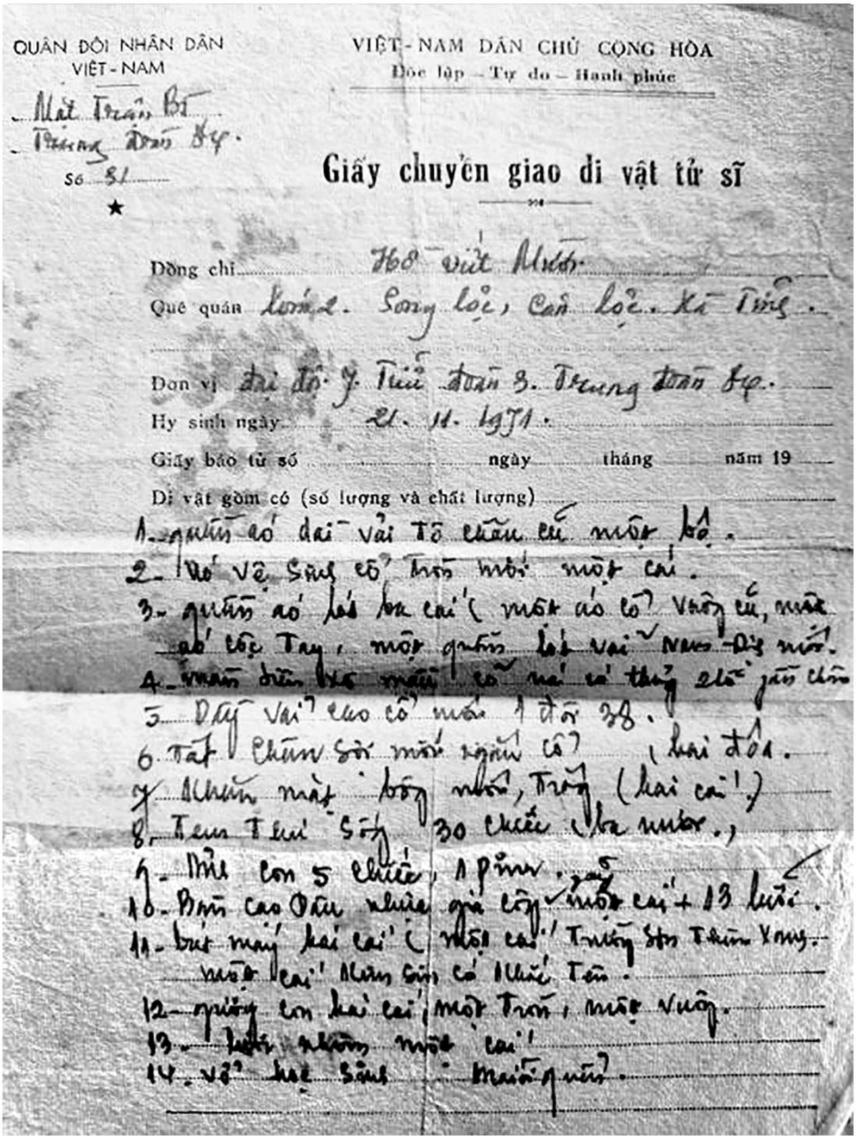

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
VIỆT-NAM
Mặt trận B5
Trung đoàn 84
Số 81
★

VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Giấy chuyển giao di vật tử sĩ

Đồng chí: Hồ Viết Minh.
Quê quán: Xóm 2. Sông Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh.
Đơn vị: Đại đội 7. Tiểu đoàn 3. Trung đoàn 84.
Hy sinh ngày: 21-11-1971.
Giấy báo tử số .... ngày .... tháng .... năm 19....
Di vật gồm có (số lượng và chất lượng)

1. Quần áo dài vải Tô châu cũ một bộ.
2. Bộ vệ sinh có hòm mới một cái.
3. Quần áo lót ba cái (một áo cổ vuông cũ, một áo cộc tay, một quần lót vải Nam-Định mới.
4. Khăn [illegible]
5. Giầy vải cao cổ mới 1 đôi 38.
6. Tất chân sợi mới ngắn cổ (hai đôi.
7. Khăn mặt bông nhỏ, trắng (hai cái.)
8. Tem thư sống 30 chiếc (ba nước.)
9. Thìa con 5 chiếc, 1 phim. [illegible]
10. Bàn cạo râu nhựa giả cốt một cái + 13 lưỡi.
11. Bút máy hai cái (một cái Trường Sơn Thăng Long. một cái Kim Sinh có khắc tên.
12. Gương con hai cái, một tròn, một vuông.
13. Lưới nhôm một cái.
14. Vở học sinh. Màu quần.

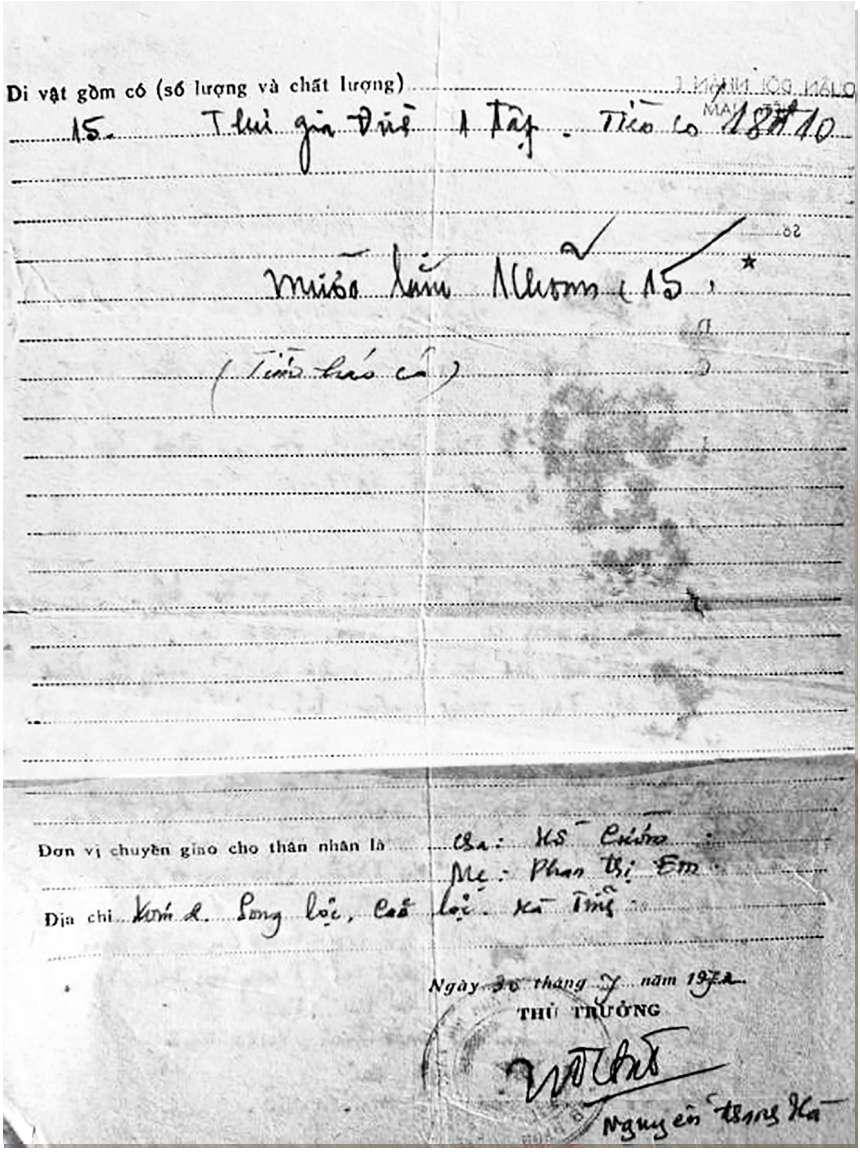
Di vật gồm có (số lượng và chất lượng)
15. Thư gia đình 1 Tập. Tiền có 18$10
Miếng kẹo Nhơm (15).
(Tiền bác cả)
Đơn vị chuyển giao cho thân nhân là Cha: Hồ Chiêm
Mẹ: Phan Thị Em
Địa chỉ Xóm 2. Sông Lội, Cẩm Lội. xã Tiên
Ngày 26 tháng 7 năm 1972
THỦ TRƯỞNG
Nguyễn Văn Hà

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

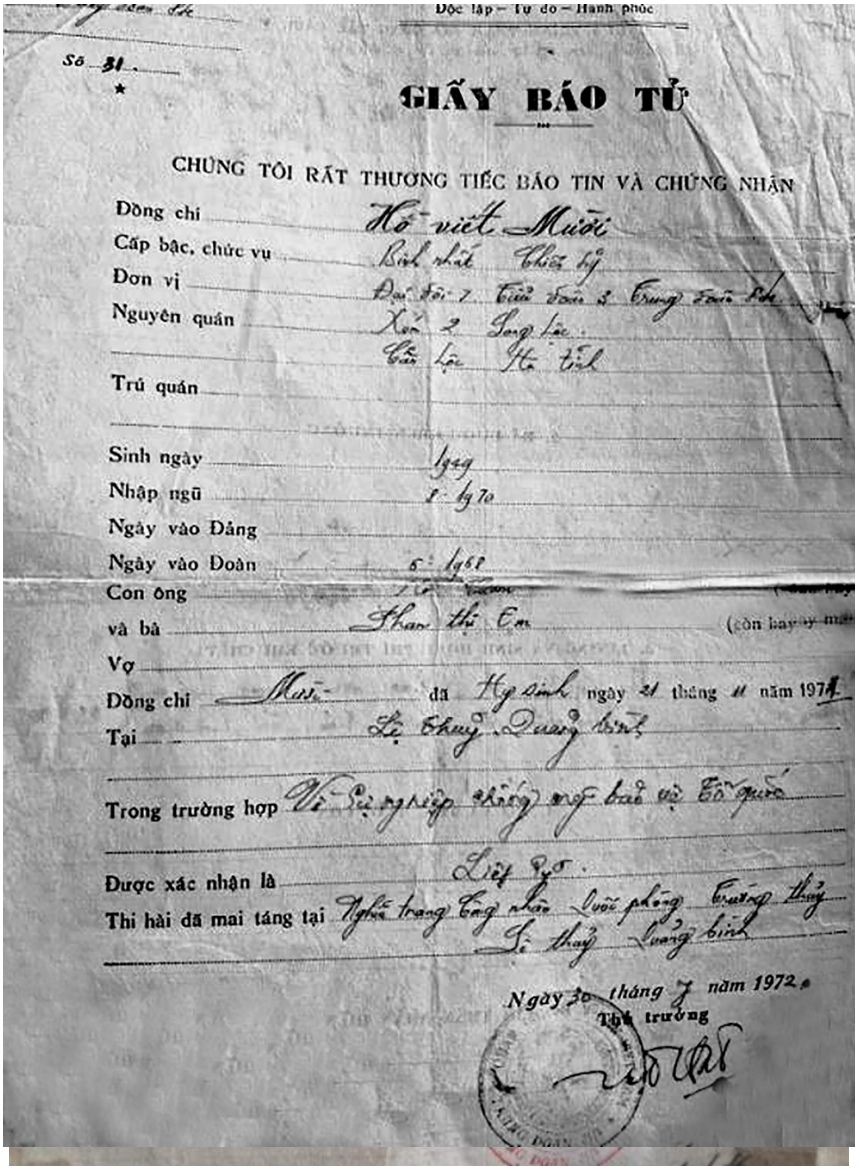

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 31

★

GIẤY BÁO TỬ

CHÚNG TÔI RẤT THƯƠNG TIẾC BÁO TIN VÀ CHỨNG NHẬN

Đồng chí: Hồ viết Mười

Cấp bậc, chức vụ: Binh nhất Chiến sỹ

Đơn vị: Đại đội 7 Tiểu đoàn 3 Trung đoàn [illegible]

Nguyên quán: Xóm 2 Song lộc. Cẩm lộc Hà tĩnh

Trú quán:

Sinh ngày: 1949

Nhập ngũ: 8-1970

Ngày vào Đảng:

Ngày vào Đoàn: 5-1968

Con ông: [illegible] (còn hay [illegible])

và bà: Than thị Em (còn hay [illegible])

Vợ:

Đồng chí: Mười đã Hy sinh ngày 21 tháng 11 năm 1971

Tại: Lệ thuỷ Quảng bình

Trong trường hợp: Về Sự nghiệp chống mỹ bảo vệ Tổ quốc

Được xác nhận là: Liệt sỹ.

Thi hài đã mai táng tại: Nghĩa trang Tăng nhân Quốc phòng Trường thủy Lệ thuỷ Quảng bình

Ngày 30 tháng 7 năm 1972

Thủ trưởng

[signature]

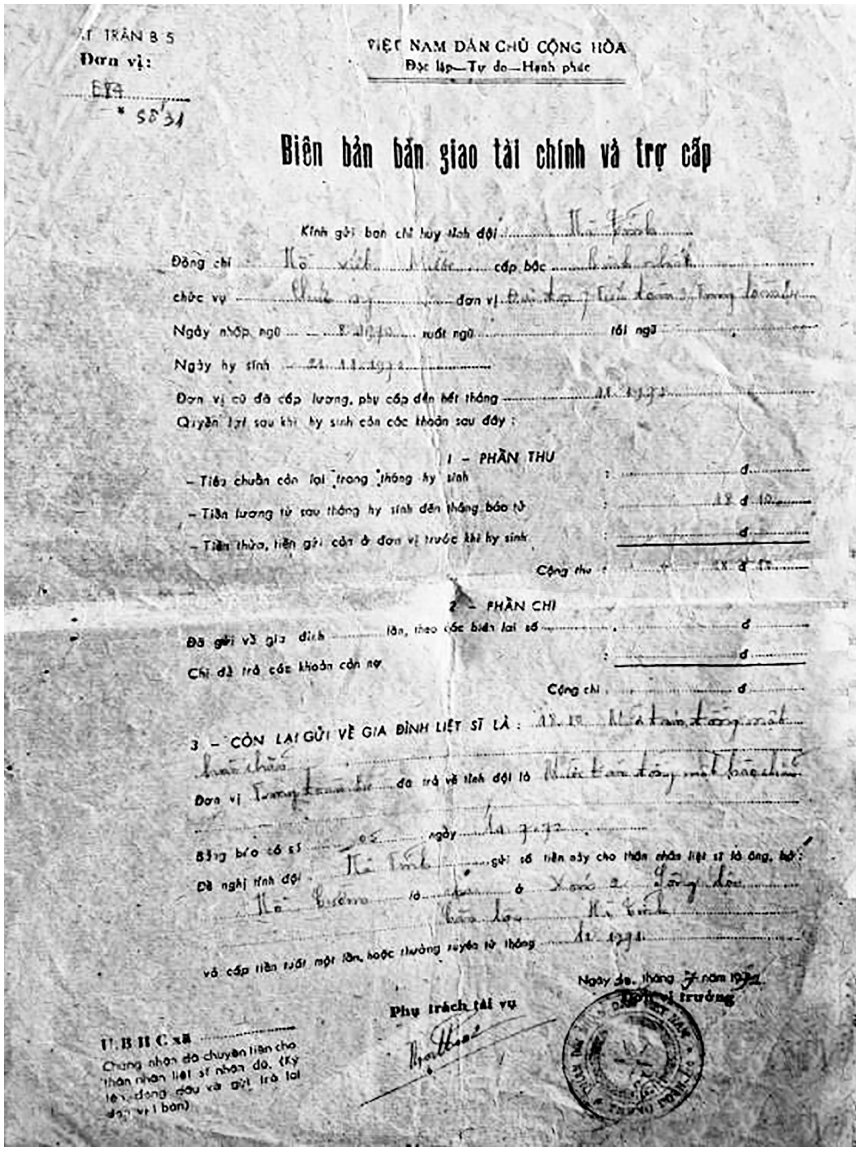

T. TRẦN B 5
Đơn vị:
E84
* 58'31

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập—Tự do—Hạnh phúc

Biên bản bàn giao tài chính và trợ cấp

Kính gửi ban chỉ huy tỉnh đội ...

Đồng chí ... cấp bậc ...

chức vụ ... đơn vị ...

Ngày nhập ngũ ... xuất ngũ ... tái ngũ ...

Ngày hy sinh ...

Đơn vị cũ đã cấp lương, phụ cấp đến hết tháng ...

Quyền lợi sau khi hy sinh còn các khoản sau đây :

1 – PHẦN THU

– Tiêu chuẩn còn lại trong tháng hy sinh : ... đ ...

– Tiền lương từ sau tháng hy sinh đến tháng báo tử : ... đ ...

– Tiền thừa, tiền gửi còn ở đơn vị trước khi hy sinh : ... đ ...

Cộng thu : ... đ ...

2 – PHẦN CHI

Đã gửi về gia đình ... lần, theo các biên lai số ... đ ...

Chi để trả các khoản còn nợ : ... đ ...

Cộng chi ... đ ...

3 – CÒN LẠI GỬI VỀ GIA ĐÌNH LIỆT SĨ LÀ : ...

Đơn vị ... đã trả về tỉnh đội là ...

Bằng báo có số ... ngày ...

Đề nghị tỉnh đội ... gửi số tiền này cho thân nhân liệt sĩ là ông, bà :

... là ... ở ...

và cấp tiền tuất một lần, hoặc thường xuyên từ tháng ...

Ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị trưởng

Phụ trách tài vụ

U.B.H.C xã ...
Chứng nhận đã chuyển tiền cho thân nhân liệt sĩ nhận đủ. (Ký tên đóng dấu và gửi trả lại đơn vị 1 bản)

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Mặt trận B5, Trung đoàn 84. **"Giấy chuyển giao di vật tử sĩ"** cho đồng chí: Hồ Viết Mười; Quê quán: Thôn 2, Song Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh. Di vật gồm mười lăm (15) khoản:

1. Quần áo vải dài Tô châu cũ một (01) bộ

2. Áo vệ sinh cổ tròn mới một cái

3. Quần áo lót ba cái (một (01) áo cổ vuông cũ, một (01) áo cộc tay, một (01) quần lót Nam Định mới.

4. Màn Liên Xô màu cỏ úa (có thủng chỗ gần chân)

5. Giày vải cao cổ mới một (01) đôi 38

6. Tất chân sợi mới ngắn cổ hai (02) đôi

7. Khăn mặt bông mới, trắng hai (02) cái

8. Tem thư sống ba mươi (30) chiếc

9. Ảnh con năm (05) chiếc, một (01) phim cũ

10. Bàn cạo râu nhựa gia công một (01) cái và ba mươi (30) lưỡi

11. Bút máy hai (02) cái. Một (01) cái Trường Sơn thân xanh, một (01) cái Kim sin có khắc tên

12. Gương con hai (02) cái, một (01) tròn, một (01) vuông

13.Lược nhôm một (01) cái

14. Vở học sinh mười (10) quyển

15. Thư gia đình một (01) tập. Tiền có mười tám đồng, một hào (18,1 đ).

Bà Hồ Thị Tâm xuýt xoa tiếc rẻ: *"Tôi có giữ tập Nhật ký của cậu, nhưng lâu rồi nhàu nát. Mấy bức thư cậu em gửi về cũng không còn. Tiếc quá!"*. Tôi hỏi: *"Những di vật được bàn giao ngày 30/7/1972,*

giờ còn cái nào không?". Bà Tâm cho biết: *"Ngày giỗ năm trước (tôi không còn nhớ năm nào), gia đình bàn bạc hỏa thiêu, gửi về dưới đó cho cậu khỏi thiếu thốn, có cái mà dùng"*.

Di vật không còn nhưng vẫn còn đó tình thương bao la của mẹ, của chị em, làng xóm với cậu. Còn đó, tình thương, nỗi lo lắng của cậu với gia đình.

Còn nhớ, *"ngày báo tử cậu, mẹ vẫn còn lặn lội đi dắm lúa ở trên đồng Nhà Nhê. Hàng xóm lên kêu mẹ. Khổ, vô tình họ để lộ thông tin cậu hy sinh. Mẹ bổ (ngã) xuống ruộng, ngất xỉu, phải cõng đi cấp cứu"*. Bà Tâm xót xa.

Còn Hồ Viết Mười thì thương mẹ, thương em, thương chị, thư về hỏi thăm không sót một ai: *"Khi nào cũng dặn mẹ đừng lo làm nhà, để lo cho em Huề (Hồ Viết Huề) kiếm cái chữ. Khi nào thống nhất, con về đi dạy, lại có lương, tiết kiệm làm nhà cho mẹ. Vậy mà em vĩnh viễn ra đi. Vĩnh viễn tuổi 24!"*. Bà Hồ Thị Tâm nức nở.

Hà Tĩnh 14/7/2025

CHỊ EM QUẤN NHAU NHƯ HÌNH VỚI BÓNG

Hành trình tìm kiếm thông tin nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Ngọc Mỹ (1950-1972) thật gian nan. Được thầy Trần Đình Sửu, thầy Võ Đức Đại (CGC xã Can Lộc) giúp đỡ, tôi đã tìm đến gia đình nhà giáo - liệt sĩ. Ông Nguyễn Lương (bố liệt sĩ) đã qua đời hơn 20 năm. Bà Trương Thị Thạc (mẹ liệt sĩ) đã "suối vàng yên giấc ngàn thu" ba mươi năm có lẻ. Nhà có 6 anh chị em ruột, giờ chỉ còn bà Nguyễn Thị Tuyết (cán bộ nghỉ hưu) tại 98 Hàm Nghi, TP Hà Tĩnh. Tôi lại đến Hàm Nghi. Cuộc gặp gỡ với bà Tuyết cho tôi có được những thông tin xác thực, để hầu bạn đọc đôi điều về nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Ngọc Mỹ.

Chị em quấn quýt nhau như hình với bóng

Ông bà Nguyễn Lương, Trương Thị Thạc sinh được 6 người con (ba trai, ba gái). Nhà giáo- liệt sĩ Nguyễn Ngọc Mỹ là con út. Bà Nguyễn Thị Tuyết con thứ 5, kề em trai Ngọc Mỹ. Nhắc đến em trai, bà Tuyết không giữ được bình tĩnh. Câu chuyện liên tục bị ngắt quảng bởi cảm xúc dâng trào, khiến nước mắt bà dàn dụa.

Thấu cảm niềm thương nỗi nhớ của người thân, tôi kiên nhẫn chờ đợi cho lòng bà lắng lại, mới khơi gợi: *"Chắc hồi nhỏ, hai chị em thương nhau lắm!?"*. Tôi nhỏ nhẹ. Bà Tuyết chậm rãi: *"Vâng! Nhà sáu anh chị em, nó quấn tôi nhất! Nó theo tôi như cái đuôi. Còn nhớ, buổi chiều tôi quảy thạp gỗ ra giếng Chạ đầu làng gánh nước, nó cứ níu lấy gióng không cho đi, vì thương chị lỏn tỏn, lè tè, triêng quét đất, nên sợ tôi ngã"*. Bà Tuyết nhớ lại.

Bà Tuyết (chị nhà giáo - liệt sỹ Nguyễn Ngọc Mỹ). Ảnh: Văn Lê

Chị em liền kề nhưng cách nhau 6 tuổi. *"Cả một trời kỷ niệm. Không biết tôi với cậu Mỹ hợp nhau thế nào mà sao cái gì cũng quấn quýt với nhau, từ chơi cụ, chơi chài, đánh đáo, cho đến cả lúc tôi hái rau, thế nào cậu cũng lăng xăng, khi thì ngắt phần già*

rau muống, khi thì tước đọt bầu, khi vặt tai cà… Buồn cười nhất là có những trò chơi nhảy dây dành cho bạn gái, cậu cũng xông vào chơi…".

Cũng theo bà Tuyết, bà chỉ học hết lớp 4 là đi làm, còn cậu học lên lớp 7. *"Hết lớp 4, tôi đi làm. Lúc tôi ra khỏi nhà là cậu bám theo như đuôi. Bố mẹ phải khuyên nhủ, quát mắng, cậu mới chịu cho tôi ra khỏi nhà"*. Sau này, khi bà Tuyết lấy chồng, sinh con, ngày nghỉ, cậu Nguyễn Ngọc Mỹ quấn quýt với cháu. Hết bồng bế lại thơm lên má. Cưng nựng, chiều cháu vô cùng.

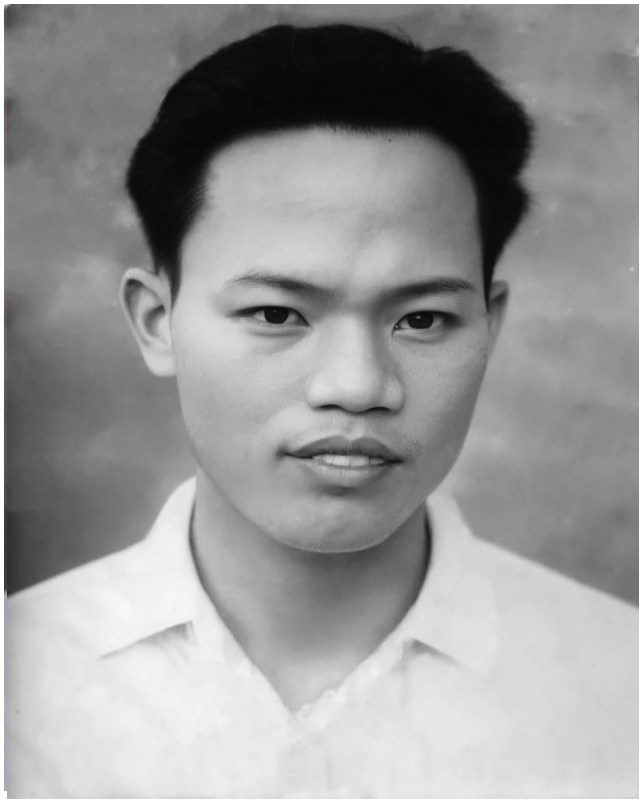

Chân dung nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Ngọc Mỹ
Ảnh: Gia đình cung cấp. Thanh Cần chỉnh sửa

Còn ăn uống, cậu thích nhất là trứng gà luộc. Thỉnh thoảng, mẹ luộc cho cái trứng gà, Nguyễn Ngọc Mỹ không chịu ăn một mình, bẻ đôi, chia cho chị một nửa. Chị từ chối, cậu phải đút vào miệng chị mới thôi.

Học xong lớp 7, Nguyễn Nguyễn Ngọc Mỹ học sư phạm 7+3 Khoa Xã hội. Ra trường, về dạy trường cấp 2 Đại Lộc, Can Lộc. *"Ngày chủ nhật, cậu lên núi Hồng Lĩnh, chặt lá sim, lá mua, gánh về phơi làm củi. Trước khi đi bộ đội, cậu chặt trữ cho bố mẹ cơ man củi. Mỗi lần ôm củi vào nấu, mẹ nhớ cậu thẫn thờ, đứng như trời trồng giữa sân"*. Bà Tuyết rưng rưng.

Chiến tranh, vợ chồng không có cơ hội có con với nhau

Năm 1970, Thái Thị Liên tốt nghiệp Sư phạm, ra trường được phân công về trường cấp 1 Đại Lộc, Can Lộc. Những năm 70, giáo viên trẻ của trường cấp 1, cấp 2 sinh hoạt cùng một Chi đoàn giáo viên, do thầy Nguyễn Quốc Em làm Bí thư và Thái Thị Liên làm Phó Bí thư.

Nhiệm vụ quan trọng của Nhà trường khi ấy là làm sao trường lớp, thầy trò vừa duy trì việc học, vừa đảm bảo an toàn trong thời chiến. Xông xáo, năng nổ, gương mẫu trong hoạt động, thầy giáo Nguyễn Ngọc Mỹ được cô giáo trẻ Thái Thị Liên *"phải lòng"*.

Vừa bén duyên thì có lệnh tổng động viên, thầy giáo Nguyễn Ngọc Mỹ xung phong nhập ngũ. Ngày chia tay, nhà trường, chi đoàn tổ chức liên hoan. Cũng chỉ kẹo và nước. *"Nhiều bạn bè hát đưa tiễn. Anh Mỹ cũng hát tặng. Đến giờ tôi không nhớ tên bài hát, chỉ nhớ câu: "Mẹ thương con/ thương từ khi thai nghén trong lòng..."*. *Liên hoan buổi chiều, tối chúng tôi có gặp nhau. Ngày ấy khờ dại*

lắm. Cả hai không nói gì. Cũng nỏ (chẳng/không) dám cầm tay. Tôi tặng anh ấy bức ảnh chân dung đen trắng chụp ở Hiệu ảnh Hoa phượng, Đại Lộc. Xa nhau, chiến tranh, chẳng thư từ chi trơn". Cô Liên nhớ Lại.

Tháng 10/1970, thầy giáo Nguyễn Ngọc Mỹ gia nhập quân ngũ. Sau thời gian huấn luyện, đơn vị cho về phép hai tuần để chuẩn bị đi B. Nội ngoại hai bên thúc giục cưới vợ. *"Ngày 16/10/1971 đám cưới chúng tôi được tổ chức gọn nhẹ. Năm ngày sau, 21/6 thì chồng tôi hết phép trở lại đơn vị"*. Cô Thái Thị Liên ngậm ngùi.

Vợ chồng trẻ xa nhau, lên lớp hay về nhà; thức hay ngủ; làm hay nghỉ không biết chôn nỗi nhớ vào đâu! Cứ chiều chiều người vợ trẻ lại nhìn về hướng Bắc, lòng bộn bề thương nhớ. *" Cuối năm 1971, trên đường vào B, đơn vị chồng tôi nghỉ tại trạm giao liên, nghe đâu là Thiên Lộc, anh có tạt qua nhà. Hôm ấy tầm 1 hay 2 giờ chiều gì đó. Nhà chật, đông người, cũng chẳng có không gian riêng cho vợ chồng. Đến 4 giờ chiều, anh vội vã về đơn vị để kịp lên đường. Chiến tranh, chúng tôi chẳng có cơ hội để có con với nhau"*. Nói xong, cô úp mặt khóc.

"Sốt rét ác tính cướp sinh mạng bạn tôi"

Đầu tháng 7, tôi may mắn gặp được bà Tuyết; chị nhà giáo-liệt sĩ Nguyễn Ngọc Mỹ.

Sau đó, tôi khâu nối được với ông Nguyễn Tiến Thái (sinh năm 1945, quê Kỳ Bắc, Kỳ Anh) hiện trú quán tại xã Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. Ông Thái ở cùng Tiểu đoàn với nhà giáo Nguyễn Ngọc Mỹ. *"Năm 1970, tôi cùng huấn luyện với anh Mỹ ở dốc Bò Lăn, Như Xuân, Thanh Hóa. Huấn luyện tại Thanh Hóa*

được ba tháng, chúng tôi ra Quế Võ, Bắc Ninh huấn luyện tiếp 10 tháng nữa. Tôi ở Tiểu đoàn bộ, Mỹ ở Đại đội 4. Chúng tôi thuộc binh chủng hợp thành (đa dạng, chiến trường nào cũng tác chiến được). Sau đó, chúng tôi được phiên hiệu vào 2007B, bổ sung cho Lữ đoàn đặc công 429 miền Đông Nam Bộ". Ông Thái nhớ tường tận, kể vanh vách.

VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ Nguyễn Ngọc Mỹ

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt nam

Nguyên quán: xã Đan Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà tĩnh

Đã hy sinh trong [illegible] chống Mỹ, cứu nước

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Cũng theo ông Thái, Nguyễn Ngọc Mỹ được phiên hiệu vào đơn vị KB và đánh trận đầu tiên vào đồi Gió, Bình Long. Trận này, KB đánh bật quân địch khỏi đồi. Nhưng sau đó, địch huy động pháo binh, máy bay yểm trợ, dội bom cày nát đồi. Bộ đội ta buộc phải rút lui về hậu tuyến, trong đó có Nguyễn Ngọc Mỹ. Trận thứ

2, KB xẻ nách, thọc sâu vào Đông thị xã Bình Long. Nguyễn Ngọc Mỹ bị sốt rét ác tính, được chuyển đến Trạm hậu phẫu tiền phương K175 (cách Thị xã Mi nốt Căm pu chia 20km). Mỹ vào Trạm hôm trước, hôm sau tôi cũng được khiêng vào Trạm. Hai anh em nằm chung lán trong rừng. Vài ngày sau, Mỹ không qua khỏi. Đơn vị an táng cậu ở bìa rừng, bên cạnh con suối.

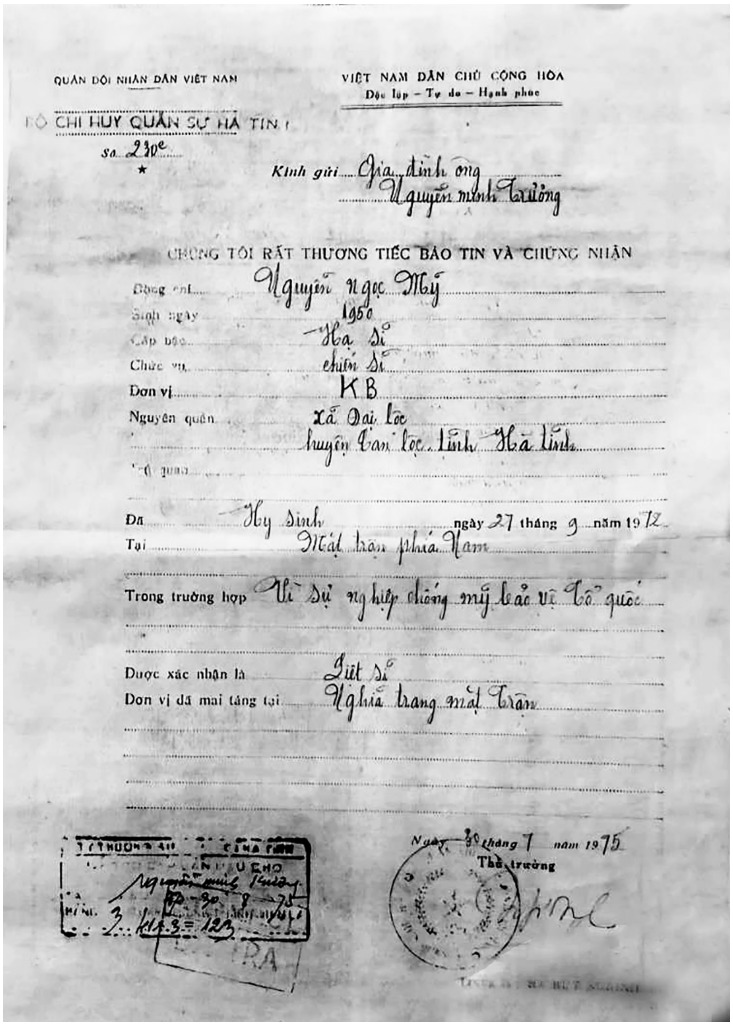

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ HÀ TĨNH

Số 230c

Kính gửi Gia đình ông Nguyễn mình Trường

CHÚNG TÔI RẤT THƯƠNG TIẾC BÁO TIN VÀ CHỨNG NHẬN

Họ và tên Nguyễn ngọc Mỹ
Sinh ngày 1950
Cấp bậc Hạ Sĩ
Chức vụ chiến Sĩ
Đơn vị K B
Nguyên quán xã Đại lộc
huyện Can lộc Tỉnh Hà Tĩnh
Quê quán

Đã Hy sinh ngày 27 tháng 9 năm 1972
Tại Mặt trận phía Nam

Trong trường hợp Vì Sự nghiệp chống mỹ cứu nước vì Tổ quốc

Được xác nhận là Liệt Sĩ
Đơn vị đã mai táng tại Nghĩa trang mặt Trận

Ngày 30 tháng 7 năm 1975
Thủ trưởng

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

"Tôi có biết chị em cháu chắt Nguyễn Ngọc Mỹ lặn lội đi tìm mộ người thân. Có lẽ, mộ Mỹ đã được cất bốc đưa về nghĩa trang hoặc là Tây Ninh hay là một tỉnh gần biên giới nào đó". Ông Nguyễn Tiến Thái cho biết.

"Vâng! Tôi cũng nghe bà Tuyết kể, qua trang web "Người đưa đò" của Nguyễn Sĩ Hồ - người đã lặn lội vào Nam, ra Bắc cung cấp thông tin cho gia đình thân nhân liệt sĩ. Qua thầy Hồ, bà Tuyết và các cháu đã vào nghĩa trang LS. tỉnh Long An, tìm thấy ngôi mộ ghi danh Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mỹ, ngoài ra không có thông tin gì khác. Hiện gia đình đang tìm cách để xét nghiệm ADN để xác định". Tôi trao đổi.

Cả hai chúng tôi lặng lẽ, nhìn ra cửa. Mỗi người đeo đuổi một ý nghĩ riêng. Có lẽ ông Nguyễn Tiến Thái đang nghĩ về đồng đội, còn tôi bị ám ảnh mãi bởi chia sẻ của bà Nguyễn Thị Tuyết mới trưa nay, khi bà tiễn tôi ra cổng: *"Kỳ lạ là đi đâu, làm gì, cậu em tôi cũng lẽo đẽo quấn quýt theo tôi như cái đuôi không rời nửa bước!"*.

Hà Tĩnh, ngày 4/7/2025

THỜI GIAN

Thời gian như nước chảy, mây trôi, vô thủy, vô chung. Đi làm tư liệu viết về liệt sĩ-nhà giáo, tôi càng thấm thía điều đó và ngộ ra rằng nếu không chớp thời gian để ghi lại những gì có thể, rồi tất cả dần dần sẽ trôi vào dĩ vãng. Ký ức chỉ còn là vùng rỗng.

Cảm thức ấy đến vào một sáng đầu thu, khi tôi tìm đến nhà, ngồi tiếp chuyện với bà Võ Thị Lan (sinh năm 1939, vợ liệt sĩ-nhà giáo Phan Văn Mỹ). Nhà giáo - liệt sĩ Phan Văn Mỹ (1939-1972) sinh ra trong gia đình nông dân ở Thạch Linh, Thạch Hà, Hà Tĩnh, nay là Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh. Ông bà Phan Văn (bố), Trương Thị Lữ (mẹ) đã mất. Gia đình có sáu anh chị em, hiện chỉ còn chị cả Phan Thị Phùng, 90 tuổi; sống ở miền Nam; em út là Phan Văn Hương, sau căn bệnh xuất huyết não, lúc nhớ lúc quên. Ở tuổi 86, đã trải qua bao nhiêu tao đoạn của cuộc đời, bà Võ Thị Lan không còn minh mẫn để nhớ lại tường tận những biến cố đã trải qua trong cuộc đời gần một thế kỷ. Con gái Phan Thị Huệ, lúc bố lên đường nhập ngũ mới ba tháng tuổi, nên ký ức về bố cũng nhạt nhòa.

Liệt sĩ - nhà giáo Phan Văn Mỹ.
Ảnh: Gia đình cung cấp

- Thưa bà, ông bà quen nhau, yêu nhau lúc nào? Có kỷ niệm nào đáng nhớ? Tôi khơi gợi.

Bà Võ Thị Lan trầm ngâm một lát, rồi chậm rãi:

- Tôi với ông ấy cùng tuổi, cùng sinh hoạt thanh niên trong cùng một địa phương, cho nên biết mặt biết tên, biết cả tính nết hiền lành, điềm đạm của ông ấy. Ông ấy là *"cây"* bóng chuyền của chi đoàn. Học xong lớp 7, ông ấy được gửi đi học Sư phạm ở

Đồng Hới, Quảng Bình. Tôi nhớ loáng thoáng là hơn một năm, ông về dạy ở trường cấp 2 Thạch Việt, cách nhà bảy, tám cây số. Nên, khi gia đình dạm hỏi, cha mẹ tôi đồng ý, chứ đâu phải yêu đương phức tạp như bây giờ.

- Ông bà cưới nhau thời gian nào?

- Năm 1957. Lúc ấy ông đi học Sư phạm. Năm 1960, ông ấy về dạy cấp 2 ở Thạch Việt, Thạch Hà.

Về dạy học cách nhà 7 km, nhưng thầy giáo Phan Văn Mỹ ở nội trú, vài tuần mới về nhà một lần. Theo bà Lan, mỗi lần về nhà, ông nhà cũng giúp bà những công việc vặt trong gia đình. "*Sau khi kết hôn, bố mẹ chồng cắt đất, dựng cho vợ chồng tôi túp nhà tre, lợp tranh cọ, tường đất (rơm trộn bùn trát lên róng)*". Bà Lan nhớ lại.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ : Phan Văn Mỹ

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam
Nguyên quán: xã Thạch Linh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước
ngày 30 tháng 8 năm 1972

Hà Nội, ngày 14 tháng 1 năm 2011
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số: 118/TTg
Ngày 22 tháng 3 năm 1974

Nguyễn Tấn Dũng

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Để hiểu thêm những năm tháng dạy học ở trường cấp 2 Thạch Việt của nhà giáo Phan Văn Mỹ, tôi tìm đến nhà thầy Bùi Thân (NGND, 96 tuổi). Sống gần trọn thế kỷ, nhưng thầy Bùi Thân vẫn khỏe mạnh, minh mẫn. Đây là nhà giáo uy tín, có nhiều đóng góp xuất sắc cho GD Hà Tĩnh. Ngay ở tuổi 96, thầy vẫn trăn trở về Chương trình GDPT 2018, những vấn đề *"nóng"* của GD. Vì vậy, khi tôi hỏi về thầy giáo- liệt sĩ Phan Văn Mỹ, thầy hào hứng ngay.

Văn Lê:

Thưa thầy, có phải thầy từng công tác với thầy giáo Phan Văn Mỹ ở trường cấp 2 Thạch Việt không ạ?

NGND Bùi Thân:

Đúng! Anh Mỹ về Thạch Việt trước tôi. Năm 1961, tôi mới về. Lý do thế này. Vào những năm 60, Cẩm Bình và Bắc Lý là lá cờ đầu của ngành GD cả nước. Còn nhớ, lúc ấy, anh Bùi Tú Thịnh -Trưởng Phòng GD huyện muốn xây dựng một trường kiểu mẫu ở Thạch Hà. Trường cấp 2 Thạch Việt được lựa chọn. Lúc ấy, trường có 13 lớp, con em của 6 xã Bắc Thạch Hà. Tôi đang dạy ở Thạch Tân, với lại có ba năm làm chuyên viên phụ trách chuyên môn của Ty GD Hà Tĩnh; thời ông Lê Sỹ Nghĩa làm Trưởng ty, nên đồng chí Trưởng phòng trao đổi muốn tôi về cấp 2 Thạch Việt công tác, xây dựng tổ chuyên môn Xã hội.

Những năm đó, trường chỉ có 2 tổ: Tổ Tự nhiên và Tổ Xã hội. Cơ cấu lãnh đạo gồm Hiệu trưởng, dưới là Tổ trưởng, không có Hiệu phó. Tôi được phân công phụ trách Tổ Xã hội, còn tổ Tự nhiên do thầy Vũ Ngọc Thược đảm nhiệm. Thầy Phan Văn Mỹ, sinh hoạt trong Tổ Xã hội.

Tổ Xã hội, năm 1963 được vinh danh là Tổ Lao động xã hội chủ nghĩa. Ảnh: Thầy Bùi Thân cung cấp. Trong ảnh: Hàng đứng từ phải sang là các thầy (cô): Lê Thị Ba, Trần Văn Mỹ, Trương Khánh Chuyên, Nguyễn Thanh Bình, Trần Huy Tiếp, Trần văn Nhàn, Lê Đình Thanh. Hàng ngồi (từ phải sang): Bùi Thân (tổ trưởng), Trần Văn Thi, cô Lan (cấp dưỡng) cùng mấy em bé con cô.

Còn nhớ năm học 1961-1962, với vai trò phụ trách Tổ Xã hội, việc đầu tiên tôi làm là tìm hiểu tổ viên, xây dựng phương án phân công hợp lý nhất, vừa phù hợp với GV, vừa đảm bảo quyền lợi học sinh. Năm đó, tôi chú ý đặc biệt lớp 7 vì là lớp cuối cấp. Có ba thầy giáo được giao nhiệm vụ dạy Văn cho các lớp cuối cấp, trong đó thầy Phan Văn Mỹ, được phân công dạy Văn lớp 7B… Năm 1963, Tổ Xã hội được công nhận là Tổ lao động xã hội chủ nghĩa.

Văn Lê:

Ấn tượng của thầy về thầy giáo Phan Văn Mỹ?

NGND Bùi Thân:

Thầy Phan Văn Mỹ, giáo viên trẻ, nhưng vững vàng chuyên môn. Thầy lại được sống trong tập thể GV là những *"cây đa, cây đề"*, nên không chỉ học trong sách vở, học thầy mà còn được học bạn. Có thể nói phong trào *"hai tốt"* đã dấy lên tinh thần tự học, tự rèn luyện. Học bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu. Anh em GV trong tổ chuyên môn, gặp nhau là bàn về chuyên môn, bình một câu thơ hay, gỡ một điển tích khó, tranh luận về một thuật ngữ chuyên môn hay một chi tiết trong truyện đến cách ra đề kiểm tra, đề thi học sinh giỏi hoặc chấm, chữa bài cho học sinh… Những vấn đề chuyên môn không chỉ được trao đổi, tranh luận trong họp nhóm, họp tổ, sau dự giờ thao giảng mà nga cả giữa giờ giải lao, hay thậm chí cả khi lên tập đoàn ăn cơm. Những lúc như vậy, Phan Văn Mỹ luôn chăm chú lắng nghe, học hỏi và dần dần tham gia ngày càng sôi nổi vào các hoạt động chuyên môn.

Văn Lê:

Đáng nhớ nhất là hoạt động nào thưa thầy?

NGND Bùi Thân:

Ngoại khóa và thực hành. Phong trào hoạt động chuyên môn của trường chúng tôi đã lan tỏa ra cả Ty GD. Vì vậy, nhiều chuyên đề chuyên môn Ty lựa chọn Trường để tổ chức. Anh em GV tích cực tham gia chuyên đề, trong đó có thầy giáo trẻ Phan Văn Mỹ.

Mũi HS giỏi cũng được đầu tư. Thầy Phan Văn Mỹ là người xông xáo và tâm huyết. Còn nhớ, ngày đó, HS Lê Quán Tần không chỉ giỏi các môn tự nhiên mà các môn xã hội cũng nổi trội. Thầy Phan Văn Mỹ đã chủ động giới thiệu, cấp tư liệu, thậm chí trực tiếp chở học sinh Lê Quán Tần vào Thị xã Hà Tĩnh nghe nhà thơ Việt Phương nói chuyện văn học, rồi lại chở em Tần về nhà. Những dự đoán của thầy Mỹ về tương lai của Lê Quán Tần sau này đều đúng cả!

Thầy Phan Văn Mỹ cũng là thành viên tích cực tham gia xây dựng vườn Địa lý của trường. Vườn Địa lý được Đài khí tượng Hà Tĩnh tài trợ về máy móc thiết bị, tư vấn về kỹ thuật đo nắng, đo gió, đo mưa. Vườn Địa lý có 2 phần: Phần Thiên văn do thầy Phan Văn Mỹ và Trần Huy Tiếp phụ trách. Những thông số kỹ thuật được thầy Mỹ, thầy Tiếp chỉ đạo, hướng dẫn học sinh, kiểm tra thường xuyên nên tương đối chính xác, trở thành thông số góp phần dự báo thời tiết trong khu vực. Còn phần vườn trong đó có địa đồ Tổ quốc do tôi trực tiếp phụ trách, xây dựng, đã góp phần tạo cảm hứng để gắn kiến thức địa lý với thực tiễn, kết nối trang sách với trang đời, nhà trường với cuộc sống. Nhiều đồng nghiệp ở các trường khác đã đến tham quan, học tập, nhân rộng mô hình vườn địa lý cũng như hoạt động chuyên môn của nhà trường.

Văn Lê:

Những từ như nhiệt tình, tâm huyết chưa nói hết được phong trào *"hai tốt"* của trường. Phải là từ MÁU LỬA. Rất máu lửa.

NGND Bùi Thân:

Đúng vậy! Chúng tôi cùng ăn tập đoàn, cùng ở tập thể. Gia đình GV nào cũng khó khăn. Thầy Mỹ và các thầy khác ăn tập

đoàn còn được nguyên suất, còn tôi, phải mang con học lớp 1 đến ở, vì ở nhà khó khăn quá. Hai bố con chia nhau một suất cơm tập đoàn, mà sao vẫn đủ năng lượng *"máu lửa"* với nghề. Thầy Mỹ dạy với tôi gần hai năm, cuối năm 1963, thầy viết đơn tình nguyện gia nhập quân đội. Tổ, Nhà trường liên hoan tiễn thầy đi. Thời đó, khí thế hừng hực. Ngày tòng quân như ngày hội…

Tôi ở lại trường cấp 2 Thạch Việt 2 năm nữa. Chiến tranh, mỗi người cuốn theo công việc. Chúng tôi không nhận được tin từ thầy Mỹ. Mãi sau này, mới biết Phan văn Mỹ hy sinh. Anh em giáo viên và học sinh như Lê Quán Tần, Nguyễn Viết Dưỡng đã đến gia đình chia buồn, thắp nhang tưởng nhớ người thầy, người đồng nghiệp đã hy sinh.

Cho đến thời điểm hiện nay, nhiều đồng nghiệp dạy học cùng tôi những năm 60 đã về phía bên kia. Thời gian vô thủy vô chung. Cuộc sống thật vô thường.

Văn Lê:

Thầy vừa nhắc đến thời gian. Thời gian thật nghiệt ngã. Nghề dạy học là nghề một giờ 45 phút. Đời người bao nhiêu 45 phút như vậy?

NGND Bùi Thân:

Thời công nghệ, máy tính là vật bất ly thân với GV hiện nay. Thời tôi, thầy nào có cái đồng hồ là *"oai"* lắm! Tôi có cái đồng hồ Giơ ne vơ, Thụy Sĩ *"xịn xò"*. Nhân đợt tập huấn, anh em đến xem, trầm trồ ghê lắm. Thầy Phan Văn Mỹ hồi đó cũng "*thắt lưng, buộc bụng*" sắm cái đồng hồ, để lên lớp cho đúng giờ.

Kỷ vật còn lại: Chiếc đồng hồ

Tôi hỏi bà Võ Thị Lan: *"Những năm gia nhập quân ngũ, thầy Phan Văn Mỹ có gửi thư về không?"*, bà Lan buồn rầu nhìn ra ngõ rồi nhỏ nhẹ: *"Trước lúc nhập ngũ, nhà tôi về có nói, rồi an ủi tôi, đi hai năm sẽ về với mẹ con. Tôi cảm thấy bất yên. Thời điểm ấy, tôi mới sinh cháu Huệ 3 tháng tuổi. Bố ra đi, nó chưa biết gì. Tội nghiệp. Rồi nhà tôi đi một mạch. Hai năm, chẳng thấy về. Ba năm. Tôi bấm đốt ngón tay chờ. Mười một năm sau, mỏi mòn chờ đợi, mẹ con tôi không có niềm vui đón chồng, cha về sum họp mà nhận về "Giấy báo tử" vào năm 1973. Hai năm sau, đất nước thống nhất. Suốt trong thời gian dài ấy, một mình tôi đằng đẵng chờ chồng, nuôi hai con nhỏ, chăm bố mẹ già"*. Bà Võ Thị Lan dàn dụa nước mắt.

"Tôi cũng không biết chồng tôi mất ở đâu. Tất cả thông tin mẹ con tôi biết về chồng và cha là hy sinh ngày 20/8/1972 trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước". Nhờ Bằng Tổ quốc ghi công mà được biết thêm ông nhà là Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam. Những năm 80, tôi và con cái có đi tìm thi hài, nhưng giờ tôi cũng đã "gần đất xa trời", chẳng còn cơ hội tìm được hài cốt chồng nữa. Thật xót xa ". Bà Võ Thị Lan nức nở.

"Thưa bà, vậy còn kỷ vật nào của nhà giáo - liệt sĩ Phan Văn Mỹ không"? Tôi hỏi. Vén áo, lau nước mắt, bà Lan sực nhớ: *"Ngày báo tử, đơn vị có bàn giao một số di vật, trong đó có bộ quần áo lính đã sờn và chiếc đồng hồ. Bộ quần áo, qua nhiều lần di chuyển đã mất, hiện còn chiếc đồng hồ"*. Nói xong, bà Lan vịn tường, chống gậy đứng dậy, đến bên bàn thờ lấy hộp nhỏ, run run đưa cho tôi. Một tay tôi đón lấy hộp đựng đồng hồ, một tay dìu bà ngồi xuống. Đoạn tôi cẩn trọng mở hộp. Chiếc đồng hồ còn nguyên

vẹn cả quai. Vỏ đồng hồ đã xỉn màu, nhưng quai đồng hồ vẫn sáng. *"Có phải đây là chiếc đồng hồ mà NGND Bùi Thân nói với tôi?"*. Tôi thầm nghĩ. Tôi chăm chú quan sát chi tiết. Đây là chiếc đồng hồ ORENT, quai CITIZENT bấm. Chất liệu inox. Những năm 60 mà mua được đồng hồ này, quả là *"đáng nể"*, tôi nghĩ vậy. Tôi nhìn vào mặt đồng hồ. Những chiếc kim đã ngừng chạy. Đồng hồ dừng lại ở con số 3 h 40 phút 45 giây. Tôi hỏi bà Lan: *"Bà biết, ông nhà mua đồng hồ lúc nào không?"*. Bà Lan nhỏ nhẹ: *"Khi ông ấy đi dạy, có lẽ 1959 hay 1960 gì đấy!?"*.

Kỷ vật còn lại: Chiếc đồng hồ ORENT. Ảnh: Văn Lê

Để có được chiếc đồng hồ này, thầy giáo Phan Văn Mỹ đã tiết kiệm mấy tháng lương. *"Thầy Mỹ nhà giáo chuẩn mực, vào ra lớp không chậm một phút. Tất cả công việc họp hành hay sinh hoạt gì của trường, của tổ, thầy cũng đến trước vài phút, không bao giờ chậm giờ"*. NGND Bùi Thân xác nhận.

Bà Võ Thị Lan thắp hương trước bàn thờ chồng. Ảnh: Văn Lê

Chiếc đồng hồ ngừng chạy, cũng như trái tim nhà giáo - liệt sĩ ngừng đập. Tôi đặt đồng hồ lên lòng bàn tay. Kỳ lạ, đồng hồ bằng kim loại mà sao không có cảm giác lạnh lẽo? Có còn hay không hơi ấm từ những vân tay, khi ngày xưa mỗi lần lên giây cót? Có còn hay không mồ hôi, da thịt, cả nhịp đập tích tắc của kim cũng như nhịp đập của con tim? Tôi mường tượng tâm trạng, ý nghĩ của thầy giáo Phan Văn Mỹ mỗi giờ lên lớp nhìn đồng hồ, và bắt gặp không chỉ ánh mắt lo lắng, bồn chồn mà cả ánh mắt dào dạt tin yêu, niềm vui nữa. Ôi, 15 phút kiểm tra đã hết, 45 phút kiểm tra đã hết, giờ thi đã hết; những bài thi liên quan đến số phận của mỗi học trò, thì mỗi phút và chiếc đồng hồ trên tay thầy giáo Phan Văn Mỹ nói nhiều điều mà tôi chưa thể nào đọc hết được.

Thầy giáo - liệt sĩ Phan Văn Mỹ, mãi mãi tuổi 33. Đồng hồ mãi mãi dừng lại ở khoảnh khắc 3h40 phút 45 giây. Nhưng cuộc sống thì không dừng lại, cũng như vẻ đẹp, linh hồn thầy giáo - liệt sĩ Phan Văn Mỹ vẫn tiếp tục hóa thân, sinh sôi trên quê hương, đất nước này.

Hà Tĩnh ngày 15/7/2025

Nguyễn Phi Nhân
Nguyễn Hữu Phẩm
Nguyễn Đình Phước
Trần Huy Quang
Võ Đình Quế
Lê Văn Sen
Võ Tiến Hưởng
Nguyễn Tiến Thanh

KHẮC KHOẢI TIẾNG CHIM TỪ QUY

"Một tình yêu như cánh chim từ quy bay đi tìm nhau/Một tình yêu như bão giông khát khao đến bên nhau giữa đạn bom/Đi tìm nhau suốt chiều dài đất nước/ Đi tìm nhau giữa hai đầu trận đánh/ Đi tìm nhau để mãi mãi không về/"[1]

Hai năm sau, biết tin chồng ở Đồng Hới Quảng Bình, một lần nữa, cô như con chim từ quy lặn lội qua những "chảo lửa, túi bom", những cung đường khu Bốn ác liệt tìm chồng. Khao khát có với nhau đứa con, cô quyết tìm đến được đơn vị của chồng. Nhưng tiếc thay, lần này, đơn vị của chồng vừa chuyển vào B lúc 12 h đêm qua. Nghe nhân dân kể, mà cô đứng như trời trồng. Nhìn vết xe lăn bánh còn nguyên trên đất, nhìn lên trời chim bay lẻ bạn, nhìn trước mặt, điệp điệp trùng trùng núi non xa khuất, cô kêu lên như tiếng từ quy khắc khoải.

Cây nhãn

Mới sáng sớm, nắng hè đã nhóm lửa. Tôi và nhà giáo Chu Trọng Quýnh tìm đến xóm Lòi (nay thuộc thôn Gia Ngãi 1, xã

---

[1] *Miền xa thẳm - Ca khúc của NS Đức Trịnh.*

Thạch Long, Thạch Hà), hỏi thăm nhà bà Nguyễn Thị Hương-em gái nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Phi Nhân (1950-1975). Ông cụ láng giềng ân cần chỉ đường cho chúng tôi. Bước vào ngõ, ấn tượng của chúng tôi là căn nhà được bao bọc bởi cây xanh. Mảnh vườn được bàn tay bà Hương chăm sóc đầy hoa trái.

Tôi hỏi: *"Trong vườn cây lưu niên nay, có cây nào liệt sĩ Nguyễn Phi Nhân trồng, còn lại không?"*.

Bà Hương đưa chúng tôi ra sau nhà: *"Đây, cây nhãn lồng này là do cậu (anh trai Nguyễn Phi Nhân) trồng; còn bụi tre kia có từ thời bố mẹ. Cả vườn này, chỉ còn cây tre, cây nhãn thôi là chứng nhân lịch sử!"*.

Tôi nhìn bao quát quanh vườn, nhìn khóm tre vẫn còn mơn mởn xanh tốt và đặc biệt bị hút vào cây nhãn. Cây nhãn hai nhánh, tán xum xuê bóng rợp cả mái nhà. Đang tháng 6, những chùm nhãn lúc lỉu, quả đã bằng ngón tay út. Đây là giống nhãn lồng, quả to, cùi dày, ngọt, mọng nước.

Được biết, năm 1966, tốt nghiệp cấp 2, Nguyễn Phi Nhân đầu đơn vào sư phạm 7+3 (ở Sơn Trà, Hương Sơn). Bác Thông (chủ nhà trọ) tặng Nhân cây nhãn giống này. *"Còn nhớ, hè năm 1967, anh về nghỉ, mang theo cây nhãn thân bé như chiếc đũa, đùm trong mo cau, rồi đem trồng ở vườn. Kỳ lạ, cây nhãn xanh tốt, 5 năm sau thì cho quả. Tính đến nay cây nhãn đã 58 năm rồi"*. Bà Hương trao đổi.

Hơn nửa thế kỷ, kỳ lạ cây nhãn anh Nguyễn Phi Nhân trồng không sâu bọ phá hoại. Mưa nắng, lốc xoáy, bão xô, cây vẫn trụ vững giữa vườn… Cuối Xuân, nhãn đơm hoa, hương thơm ngào ngạt. Ong, bướm bay về tìm hoa lấy mật. Tháng Tám *"rám trái bưởi"*, nhãn chín tách cùi, tỏa hương thơm ngọt ngào. *"Nhìn cây nhãn, tôi nhớ anh quặn lòng. Thương đứt ruột.*

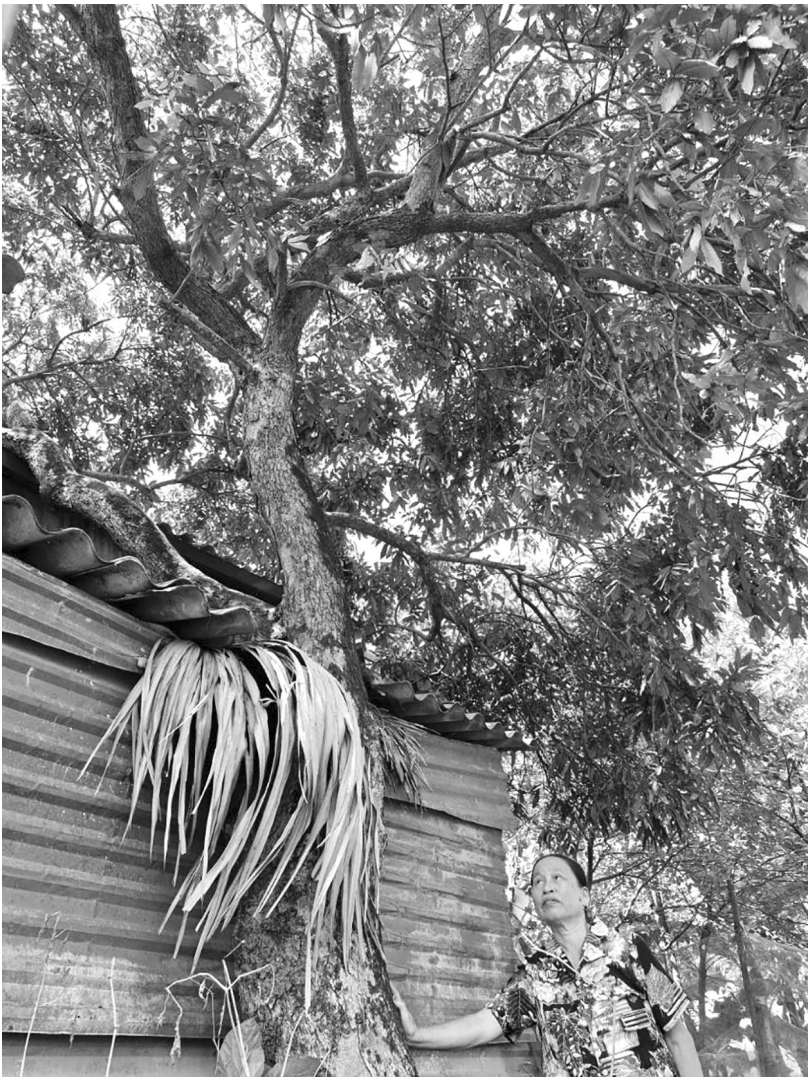

Nhìn nhãn, thương anh đứt ruột. Mùa nhãn, mà anh chẳng thể về ăn. Ảnh: Văn Lê

Lúc anh ở nhà, nhãn chưa ra quả. Bây giờ nhãn ngon ngọt, anh chẳng còn được hưởng. Tôi đàn bà, chẳng thể lồng. Mùa quả chín, chập choạng lũ dơi đánh hơi cũng bay về. Khi lũ dơi bay về, là quả chín muồi, tôi thu hoạch chỉ được một phần dưới thấp, phần

trên cao ngon nhất lại là làm thức ăn cho dơi và chim. Mùa quả nào tôi cũng ngắt, đơm đầy dâng lên tổ tiên, cha mẹ và anh trai". Bà Hương kể.

"Một tình yêu như cánh chim từ quy…"

Trong rừng, chim từ quy sống từng đôi, như hình với bóng. Chuyện kể rằng: Có đôi trai gái yêu nhau tha thiết. Họ nguyện trăm năm kết tóc xe tơ, đi cùng trời cuối đất. Nhưng cha mẹ ngăn cấm. Họ không đến được với nhau. Không đoàn tụ khi sống, chết họ biến thành chim từ quy. Con trống ở núi bên này, con mái ở núi bên kia, khắc khoải gọi nhau suốt đêm. Khi mặt trời lên, đôi chim tìm được nhau. Nội dung câu chuyện đã tạo cảm hứng cho nhạc sĩ Đức Trịnh hoàn thành ca khúc: **"Miền xa thẳm"** viết về tình yêu đôi lứa trong chiến tranh: *"Một tình yêu như cánh chim từ quy bay đi tìm nhau/Một tình yêu như bão giông khát khao đến bên nhau giữa đạn bom/Đi tìm nhau suốt chiều dài đất nước/ Đi tìm nhau giữa hai đầu trận đánh/ Đi tìm nhau để mãi mãi không về/"*.

Câu chuyện và ca khúc vận vào thân phận nhà giáo Nguyễn Phi Nhân và Nguyễn Thị Lan.

Theo thông tin từ bà Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Phi Nhân và Nguyễn Thị Lan đến với nhau khi anh về dạy học tại trường cấp 2 Thạch Long. Tuổi đôi mươi nhiệt tình, thầy giáo Nguyễn Phi Nhân sẵn sàng, tiên phong có mặt nơi khó khăn, gian khổ nhất. Thầy cùng nhà trường đào hào, đắp lũy, sơ tán trường đến nơi an toàn, bảo đảm tính mạng cho thầy và trò. Thầy giáo Nguyễn Phi Nhân lại là Bí thư Đoàn TN xã năng động, xông xáo, cùng BGH trường và lãnh đạo địa phương tổ chức được hoạt

động thanh niên "*Ba sẵn sàng*" trong thời chiến hiệu quả. Với những đóng góp xuất sắc, thầy giáo Nguyễn Phi Nhân sớm được đứng trong hàng ngũ Đảng.

Phải lòng thầy giáo trẻ say mê lý tưởng, cô Nguyễn Thị Lan đem lòng yêu thương. Năm 1968, cô Lan tham gia đơn vị thanh niên xung phong. Thầy giáo ở hậu phương, người yêu ra trận. Người yêu là một trong những **"Cô gái Lam Hồng"** *"đi thông đường", "cho những chuyến xe qua"*. Đầu năm 1971, hai người tổ chức lễ thành hôn. Lúc ấy, cô TNXP Lan đang cùng đơn vị phục vụ tuyến đường 1 A, 8A, ở Thị xã Hồng Lĩnh; một trong những trọng điểm đánh phá ác liệt của máy bay Mỹ.

Đám cưới thời chiến được tổ chức đơn giản ở quê. Hai người bên nhau được ba ngày. Nguyễn Thị Lan trở về đơn vị, có mặt trên các cung đường ác liệt.

Ngày 04/1/1975, thầy giáo Nguyễn Phi Nhân làm đơn tình nguyện gia nhập quân ngũ. Tạm biệt cha mẹ, tạm biệt mái trường, đồng nghiệp, học sinh thân yêu, Nguyễn Phi Nhân khoác ba lô lên đường. Hai năm sau, thầy giáo đã là Trung đội trưởng thuộc Trung đoàn 270, Sư đoàn 341 sông Lam. Ngày thầy Nguyễn Phi Nhân lên đường, vợ trẻ Nguyễn Thị Lan đang cùng đồng đội lăn lộn trên tuyến đường Trường Sơn, không thể về được chia tay chồng.

Biết chồng là cán bộ khung huấn luyện đóng ở Hương Sơn, cô Nguyễn Thị Lan xin phép đơn vị, bất chấp bom đạn, lặn lội đi tìm chồng ở miền núi Hương Sơn. Tiếc thay, khi cô tìm được đến nơi đóng quân, thì chồng cô đã cùng đơn vị hành quân vào phía trong. Có phải đôi chim từ quy lại vận vào vợ chồng cô!?

Hai năm sau, biết tin chồng ở Đồng Hới Quảng Bình, một lần nữa, cô như con chim từ quy lặn lội qua những *"chảo lửa, túi bom"*, những cung đường khu Bốn ác liệt tìm chồng. Khao khát có với nhau đứa con, cô quyết tìm đến được đơn vị của chồng. Nhưng tiếc thay, lần này, đơn vị của chồng vừa chuyển vào B lúc 12 h đêm qua. Nghe nhân dân kể mà cô đứng như trời trồng. Nhìn dấu xe lăn bánh còn nguyên vẹn trên đất, nhìn lên trời chim bay lẻ bạn, nhìn trước mặt, điệp điệp trùng trùng núi non xa khuất, cô kêu lên như tiếng từ quy khắc khoải. Và lần này, chồng cô; thầy giáo Nguyễn Phi Nhân đã cùng đơn vị đi ra tiền tuyến, đối mặt với trận chiến khốc liệt *"quyết tử cho tổ quốc quyết sinh"*.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ Nguyễn Phi Nhân

Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước

ngày 10 tháng 4 năm 1975

Hà nội, ngày 6 tháng 11 năm 1975

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 487 T.Tg

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT S

I TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Sau này cô được biết, chồng cô và đơn vị được biên chế vào Quân đoàn 4; lực lượng chủ lực tham gia chiến dịch Xuân Lộc 12 ngày đêm, tung đòn quyết định làm bật "*cánh cửa thép*" Long Khánh, mở cửa cho quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn. Ngày 10/4/1975, Nguyễn Phi Nhân và đơn vị thọc sâu vào thị xã Long Khánh. Quân địch một mất một còn chống trả quyết liệt. Nguyễn Phi Nhân đã ngã xuống ở cửa ngõ Sài Gòn. Hai mươi ngày sau (30/4/1975), miền Nam hoàn toàn được giải phóng. Tiếc thay, Nguyễn Phi Nhân và các Liệt sĩ không được chứng kiến phút giây vỡ òa niềm vui vô biên, bất tận ấy. Nhưng máu xương của anh và đồng đội đã góp phần viết nên những trang sử vàng chói lọi của dân tộc.

Máu chảy về tim

Hai năm sau ngày nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Phi Nhân hy sinh, gia đình mới nhận được giấy báo tử. Tỉnh đội, Huyện đội, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, nhà trường đã làm lễ truy điệu cho anh. Bà Trần Thị Đôi - mẹ liệt sĩ, bị sốc và không qua khỏi. Ông Nguyễn Phi Đạt từ đó mang bệnh nội tâm. Năm 1990, ông bị ngã gẫy xương đùi, con gái Nguyễn Thị Hương tận tụy, săn sóc cha.

Vợ chồng ông bà Nguyễn Phi Đạt (1902-1995), Trần Thị Đôi (1904-1977) sinh được 4 con (ba gái, một trai). Nguyễn Phi Nhân là con trai thứ ba. Hai chị gái: Nguyễn Thị Châu (sinh 1938) lấy chồng, mưu sinh ở Quảng Bình và chị hai Nguyễn Thị Tam (sinh 1946) mưu sinh ở Đắk Lắk. Em út Nguyễn Thị Hương ở quê, lấy chồng "*nửa đường đứt gánh*", về săn sóc cha bệnh tật kinh niên. Hiện bà Nguyễn Thị Hương là người thờ cúng tổ tiên, cha mẹ và hương khói cho anh trai liệt sĩ Nguyễn Phi Nhân.

Trước bàn thờ tổ tiên và anh trai, bà Hương đã kể cho chúng tôi nghe hành trình vất vả, nhưng vẫn rất may mắn của bà. Theo bà Hương, anh trai là nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Phi Nhân được an táng tại nghĩa trang Long Khánh, Đồng Nai. Tại nghĩa trang có 42 mộ chưa xác định được danh tính.

Năm 2019, Sư 341 cùng với đội tìm kiếm thi hài liệt sĩ, lấy danh tính, tra cứu quê quán, cử người đến tận từng địa phương để xác định danh tính liệt sĩ theo AND. *"Trong 42 mẫu, chỉ có duy nhất một mẫu anh trai tôi có AND trùng khớp với tôi. Đúng là số "độc đắc"*. Bà Hương lật đật mở khóa, lấy trong hòm cho tôi xem **"Thông báo kết quả giám định Gen hài cốt liệt sĩ"** của Hội hỗ trợ gia đình liệt sĩ Việt Nam. *Thông báo mang số 250/TB-HHTGDLS đề ngày 16/1/2020.*

Thông báo ghi: "Căn cứ kết quả phân tích giám định gen hài cốt liệt sĩ của Viện Công nghệ ADN và Phân tích Di truyền, Công văn số 61/NCC-HSTTLS ngày 13/1/2020 của Cục Người có công "V/v thông báo kết quả giám định AND xác định hài cốt liệt sĩ" bàn giao cho Hội hỗ trợ gia đình liệt sĩ Việt Nam ngày 13 tháng 1 năm 2020.

Hội Hỗ trợ gia đình liệt sĩ Việt Nam thông báo cho bà Nguyễn Thị Hương; Nguyên quán và thường trú tại thôn Gia Ngãi 1, xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, là người yêu cầu giám định gen hài cốt liệt sĩ Nguyễn Phi Nhân.

Đơn vị phân tích: Viện Công nghệ AND và Phân tích Di truyền. Mẫu phân tích: Mẫu hài cốt lấy từ mộ số 13, hàng 11, lô 5A (ký hiệu NCC 3588) NTLS TP. Long Khánh tỉnh Đồng Nai và mẫu tóc, móng tay của bà Nguyễn Thị Hương (em gái liệt sĩ), ký hiệu LK 28 GL). Ngày gửi mẫu đi giám định: 16/9/2019. Kết quả: Viện

*Công nghệ AND và Phân tích Di truyền xác nhận AND tách từ mẫu hài cốt đã phân tích có **liên quan huyết thống** theo dòng mẹ với AND tách từ mẫu tóc, móng tay của bà Nguyễn Thị Hương, là em gái liệt sĩ Nguyễn Phi Nhân.*

HỘI HỖ TRỢ GIA ĐÌNH LIỆT SĨ VIỆT NAM

Số: 250/ TB – HTGĐLS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 0 1 năm 2020

THÔNG BÁO
Kết quả giám định Gen hài cốt liệt sĩ

Căn cứ kết quả phân tích giám định gen hài cốt liệt sĩ của Viện Công nghệ ADN và Phân tích Di truyền, Công văn số 61/NCC-HSTTLS ngày 13/01/2020 của Cục Người có công "*V/v thông báo kết quả giám định AND xác định hài cốt liệt sĩ*" bàn giao cho Hội Hỗ trợ gia đình liệt sĩ (HTGĐLS) Việt Nam ngày 13 tháng 01 năm 2020.

Hội HTGĐLS Việt Nam thông báo cho Bà **Nguyễn Thị Hương**

Nguyên quán và thường trú: Thôn Gia Ngải 1, xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, là người yêu cầu giám định gen hài cốt liệt sĩ **Nguyễn Phi Nhân.**

Đơn vị phân tích: Viện Công nghệ ADN và Phân tích Di truyền .

Mẫu phân tích: Mẫu hài cốt lấy từ mộ số 13, hàng 11, lô 5A (ký hiệu NCC3588), NTLS TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai và mẫu tóc, móng tay của bà Nguyễn Thị Hương (em gái liệt sĩ), ký hiệu LK28 GL)

Ngày gửi mẫu đi giám định: 16/9/2019.

Kết quả: Viện Công nghệ ADN và Phân tích Di truyền xác nhận ADN tách từ mẫu hài cốt đã phân tích ***có liên quan huyết thống*** theo dòng mẹ với ADN tách từ mẫu tóc, móng tay của bà Nguyễn Thị Hương, là em gái liệt sĩ Nguyễn Phi Nhân.

Như vậy, mẫu hài cốt lấy từ mộ số 13, hàng 11, lô 5A, NTLS TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai là mộ của liệt sĩ **Nguyễn Phi Nhân.**

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- GĐLS;
- Lưu: Ban CS;

HỘI HỖ TRỢ GIA ĐÌNH LIỆT SĨ VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH

Trung tướng Lê Văn Hân

Mẫu hài cốt lấy từ mộ số 13, hàng 11, lô 5A NTLS TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai là mộ của liệt sĩ Nguyễn Phi Nhân

Khó mà nói hết niềm vui của bà Nguyễn Thị Hương:

"Đúng
là vui trào nước mắt, bác ạ! Máu lại chảy về tim!".

Đầu tháng 7 năm 2020, bà Hương hoàn tất thủ tục, cùng người nhà đưa thi hài anh trai từ nghĩa trang LS TP. Long Khánh về an táng tại nghĩa trang LS núi Nài (Thành phố Hà Tĩnh). Bốn mươi lăm năm, máu lại chảy về tim!

Tôi và thầy Chu Văn Quýnh bị cuốn hút theo câu chuyện mà quên đã 12 giờ trưa. Thắp hương cho LS. Nguyễn Phi Nhân, chụp thêm ảnh tư liệu, chúng tôi chào bà Hương ra về. Màu xanh khu vườn, đặc biệt cây nhãn ám ảnh chúng tôi mãi. Nhưng điều kỳ lạ, là giữa trưa Thạch Long, tôi vẫn nghe lúc gần, lúc xa chim từ quy vẫn khắc khoải kêu. Giữa nắng rát, gió Lào, tiếng kêu như lửa đốt.

Hà Tĩnh 28/6/2025

VỊN VÀO CON CHỮ ĐỨNG DẬY

Đã hơn nửa thế kỷ trôi qua, nhưng hình ảnh nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Hữu Phẩm (1943-1970) vẫn không phai nhoà trong trái tim vợ ông - bà Nguyễn Thị Luận, con gái Nguyễn Thị Hội, cũng như trong ký ức bạn bè, đồng nghiệp.

Tuổi thơ cay đắng

Nguyễn Hữu Phẩm sinh ra trong gia đình nông dân ở vùng quê nghèo Bình Lý, Thạch Hà, Hà Tĩnh (nay là xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh).

Năm 1955, bà Trần Thị Tuất mất. Ông Nguyễn Hữu Thạch góa vợ *"gà trống nuôi con"*. Tình cảnh của ông Thạch lại thêm khốn khó, bởi năm đứa con đều còn nhỏ. Người con lớn là Nguyễn Hữu Phẩm mới 12 tuổi. Đứa út Nguyễn Thị Vân mới sáu tháng tuổi. Nhà nghèo, cơm chẳng có, nói chi đến sữa cho con trẻ, nên bé Vân xanh xao, còi cọc là tất yếu. Một năm sau, năm 1956, ông Nguyễn Hữu Thạch cũng ra đi, bỏ lại năm đứa con thơ dại. Năm đứa trẻ mồ côi cả bố mẹ, tao tác, bơ vơ. Trong tình cảnh ấy, Nguyễn Hữu Phẩm không chỉ là anh cả mà còn thay bố, mẹ gánh vác việc chăm lo cho đàn em thơ dại. Hoàn cảnh nghiệt ngã này đã

hình thành nét tính cách lầm lì, ít nói, nhưng quyết đoán, tự lập, năng động, tháo vát của Nguyễn Hữu Phẩm.

Khi năm đứa trẻ đang gồng mình quá sức để vượt qua khốn khó, thì một *"bà Tiên"* xuất hiện. *"Bà Tiên"* ấy là o/ cô Nguyễn Thị Tuyết - người phụ nữ góa chồng, vì cảm thương tình cảnh năm đứa cháu côi cút, đã trở về Bình Lý cáng đáng việc nhà cho anh em Nguyễn Hữu Phẩm.

Nhưng niềm vui *"ngắn chẳng tầy gang"*. Năm 1965, ba quả bom của máy bay Mỹ ném vào vườn nhà. Nhà cháy. Vườn thành hố bom. Cô Nguyễn Thị Tuyết bị sát hại. Năm anh em tiễn cô về nơi an nghỉ cuối cùng, nước mắt như mưa!

Nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Hữu Phẩm
Ảnh gia đình cung cấp

Từ đây, năm anh em, mất cha mẹ, mất người thân, mất nhà, ly tán, tá túc ở nhà bà con anh em. Nhớ về những năm tháng tận cùng xót xa ấy, ông Nguyễn Hữu Diên (em liệt sĩ, giáo viên về hưu) xót xa: *"Cho đến bây giờ tôi chẳng thể nào quên được những năm tháng tận cùng cay đắng ấy. Chúng tôi không chỉ thiếu vật chất mà thiếu tình cảm cha mẹ. Có bà o/cô để nương tựa, cũng chết vì bom Mỹ. Nhưng anh em chúng tôi đã đùm bọc, cắn răng, trằng mắt, sống để đi qua những năm tháng gian lao khó nhọc ấy! Cho đến giờ tôi vẫn nhớ mãi câu nói của anh Nguyễn Hữu Phẩm răn dạy các em: Khó khăn thế này, chứ khó khăn nữa cũng cố gắng giắt túi mấy chữ mà làm cần câu cơm. Càng đói, càng khổ, càng cùng đường, càng phải học. Chết cũng phải học. Vịn con chữ mà đứng dậy!"*.

Một sáng đầu thu, tôi tìm đường đến gặp gỡ ông Nguyễn Hữu Diên, em trai nhà giáo- liệt sĩ Nguyễn Hữu Phẩm. Tôi hỏi ông Diên*:"Năm anh em ông đã đi qua cay đắng, khổ đau bằng cách nào?"*. Trầm ngâm một lúc, ông Diên chậm rãi*: "Lúc khổ đau, anh em tôi vịn con chữ mà đứng dậy". "Nghĩa là anh em ông đến trường?". "Vâng! Chúng tôi đến lớp, đến trường. Anh Phẩm xong lớp 7 vào lớp sư phạm cấp tốc, ra nghề có lương để nuôi em. Còn tôi liều học lên cấp 3. Khi ấy cấp 3 ở Thạch Xuân. Tôi trọ ở nhà bà con trên đó và khốn khó như thế nào cũng không bỏ học"*.

Đi theo nghiệp chữ, Nguyễn Hữu Diên vào ĐHSP Vinh, tiếp tục con đường dạy học của anh. Sau khi anh trai hy sinh, Nguyễn Hữu Diên nhập ngũ quyết trả thù cho anh. Năm 1975, ra quân, Nguyễn Hữu Diên hoàn thành chương trình cử nhân sư phạm. Ra trường, anh dạy học và nay đã hưu trí. *"Những đồng bạc lương của anh trai Nguyễn Hữu Phẩm và tấm gương tự học của anh*

thôi thúc chúng tôi, vực anh em chúng tôi đứng dậy, nên người". Ông Diên xúc động nói.

Cưới đêm và tân hôn ngoài... bờ ruộng

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, bà Nguyễn Thị Luận chẳng thể nào nào quên được những kỷ niệm với người chồng thương yêu.

Bà Nguyễn Thị Luận:

Cho đến giờ tôi vẫn không hiểu được răng(sao) ông ấy lại cưới tui(tôi) mần (làm) vợ? Ông ấy đẹp trai, hiền lành, đức độ, nổi tiếng dạy giỏi mà tui (tôi) thì chỉ học bổ túc xóa mù, làm ruộng, suốt ngày lăn lộn với đồng áng, dân công mô cũng xung phong, đắp đê, thủy lợi, giao thông, đào hầm mô cũng có mặt. Ngài (người) đen thui, mà răng ông ấy hỏi làm vợ?

Văn Lê:

Người phụ nữ nào cũng đẹp, chỉ có điều là đàn ông có nhìn ra không thôi. Chắc ông nhà nhìn ra vẻ đẹp của bà. Với lại, vợ chồng cũng là do duyên số.

Bà Nguyễn Thị Luận:

Có lẽ như vậy! Năm 1962, thầy giáo Nguyễn Hữu Phẩm về dạy học ở Thạch Hội, ở trọ trong nhà tui. Gia đình dành cho thầy gian ngoài. Thầy ngủ và soạn bài ở đó. Còn sinh hoạt như người trong nhà. Gia đình ăn chi (gì), thầy ăn nấy. Suốt ngày thầy ở trường. Từ năm 1964, chiến tranh lan rộng ra cả nước. Thạch Hội quê biển, nên pháo địch câu vào thường xuyên. Đã có phụ huynh, học sinh bị thương hoặc chết. Cuộc sống thích ứng với chiến tranh. Đi dạy về, thầy giáo cũng chẳng đi đâu. Có lẽ thấy tôi siêng năng, chịu khó, hợp với hoàn cảnh gia đình thầy, nên thầy ngỏ lời chăng?

Bà Nguyễn Thị Luận - vợ liệt sĩ Nguyễn Hữu Phẩm
Ảnh: Văn Lê

Văn Lê:

Thế hai người tổ chức lễ thành hôn khi nào?

Bà Nguyễn Thị Luận:

Gia đình nhà tui không còn bố mẹ, nên lễ hỏi chỉ có vài người. Chiến tranh, đi lễ hỏi như vạc đi ăn đêm. Từ Thạch Bình vào Thạch Hội, cuốc bộ 12 km, mất gần 3 tiếng. Nhà nghèo, nên sính lễ đơn giản lắm. Tội nhất là hai o cắp mấy bó chè đến Trạm

thuế thì bị tịch thu. Hồi đó, làm ăn Hợp tác xã, buôn bán cấm ngặt nghèo lắm!

Văn Lê:

Nghe bà kể cười ra nước mắt! Lễ xong, bao giờ ông bà về chung nhà?

Bà Nguyễn Thị Luận:

Năm đó luôn (1967). Chiến tranh nên đưa dâu cũng đi trong đêm. Anh em nhà ngoại đưa dâu lên Thạch Bình, náo nức để được đi xem máy cày, vì Hợp tác xã Thạch Bình ngày ấy là đơn vị cơ giới hóa nông nghiệp. Nhưng khi lên, máy bay thả pháo sáng, ném bom cầu Phủ, nên đưa dâu xong là sơ tán, về luôn, nỏ (chẳng) thiết tha coi ngó (xem chi) nữa!

Văn Lê:

Không mâm bàn à?

Bà Nguyễn Thị Luận:

Cũng sơ sơ. Một túp nhà tre, lợp tranh, vách đất. Sau khi bom Mỹ bỏ cháy nhà, bà con anh em và Hợp tác chùm cho túp lều tranh. Mấy anh em ở với nhau. Giường nằm cũng bằng tre. Chật chội lắm. Nỏ (không) có nơi tiếp khách.

Văn Lê:

Đám cưới như thế này, tôi đã đọc đâu đó trong truyện Nam Cao, và bây giờ qua lời kể của bà.

Bà Nguyễn Thị Luận:

Sau khi nhà gái về, vợ chồng tôi chẳng biết nên ra sao. Mấy anh em trong một gian phòng. Nhà có sắm giường cưới bằng gỗ.

Em út chen chúc giường tre. Nhưng không có chi (gì) che chắn. Vợ chồng tôi cứ ngồi như vậy. Không thắp đèn, sợ máy bay. Chờ em út ngủ hết, vào giường nằm. Nhưng sợ lộ. Run run. Nằm co ro, ngoảnh lưng vào nhau. Tôi không dám ho he. Hai vợ chồng cứ quần áo cánh như vậy. Sáng mai vét trong thùng còn lon gạo, nấu cháo, 6 anh chị em liên hoan vui vẻ với nhau.

Văn Lê:

Rứa là không có đêm tân hôn. Mần răng anh chị có con với nhau?

Bà Nguyễn Thị Luận

Nói thật là chúng tôi ra bờ ruộng! Và sau khi ông ấy về Thạch Hội, chúng tôi lại ra bờ biển Thạch Hội. Con gái đầu lòng và duy nhất của chúng tôi, ông ấy đặt tên là Hội (Nguyễn Thị Hội) có nguyên do từ đó!

Năm 1968, tổng tiến công, lệnh tổng động viên, thầy giáo Nguyễn Hữu Phẩm lên đường nhập ngũ. Lúc ấy, con gái Nguyễn Thị Hội vừa tròn ba tháng tuổi. *"Ông ấy đi một thời gian, trên đường vào chiến trường, đơn vị nghỉ gần Thạch Bình, ông ấy đưa thủ trưởng ghé qua thăm nhà. Thấy tình cảnh gia đình quá khốn khổ, vợ trẻ, con thơ, Thủ trưởng cám cảnh vô cùng, phá lệ cho ông nhà ở nhà với vợ con thêm ngày, rồi vào đơn vị sau. Ông ấy hỏi tôi: "Nhà có tiền mua vé xe không?". Tôi thật thà: "Không! Nhưng anh lo chi, để em đi vay hàng xóm cho. Anh cứ ở nhà với mẹ con!". Tôi qua vài nhà hàng xóm vay, nhưng ai cũng nghèo. Thương vợ, anh ấy buồn bã, lặng lẽ không nói gì, ôm con hôn, nước mắt chảy lên má, rồi, vội vàng theo xe đơn vị. Anh ấy đi, rồi chẳng bao giờ về với mẹ con tôi nữa. Tôi xót xa, ân hận vô cùng"*. Bà Luận khóc nức nở.

Theo giới thiệu của NGND Bùi Thân (CGC) tôi tìm gặp thầy Mai Xuân Tương (Thạch Đài, Thạch Hà, Hà Tĩnh). Thầy Mai Xuân Tương cho biết: *"Năm 1967, ra trường tôi về dạy cấp 1 Thạch Hội. Anh Nguyễn Hữu Phẩm đã về trước đó. Chúng tôi dạy với nhau được một năm. Năm 1968 có lệnh tổng động viên, trường chúng tôi có ba anh em xung phong lên đường nhập ngũ: Tôi, thầy Nguyễn Hữu Phẩm và thầy Phạm Sanh (quê Thạch Trị, Thạch Hà). Chúng tôi nhập ngũ cùng ngày 28/6/1968 và cùng ở C3, D5, E 341, QK 4. Sau khi huấn luyện với nhau, tôi ra Thanh Hóa học Hạ sĩ quan, còn Nguyễn Hữu Phẩm, Phạm Sanh chuyển sang đơn vị khác".*

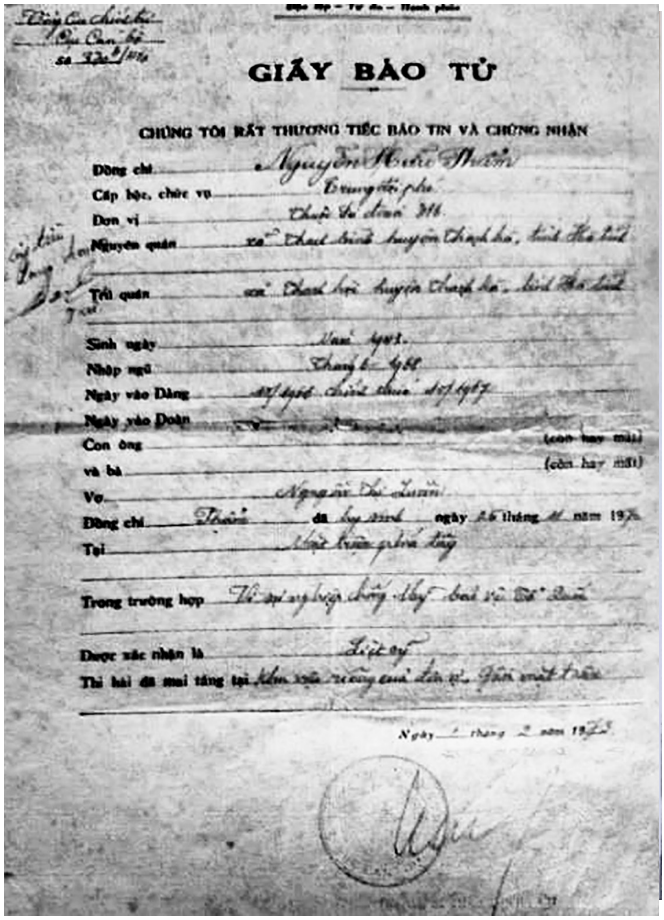

GIẤY BÁO TỬ

CHÚNG TÔI RẤT THƯƠNG TIẾC BÁO TIN VÀ CHỨNG NHẬN

Đồng chí

Cấp bậc, chức vụ

Đơn vị

Nguyên quán

Trú quán

Sinh ngày

Nhập ngũ

Ngày vào Đảng

Ngày vào Đoàn

Con ông (còn hay mất)

và bà (còn hay mất)

Vợ

Đồng chí đã ngày tháng năm 197

Tại

Trong trường hợp

Được xác nhận là

Thi hài đã mai táng tại

Ngày tháng năm 197

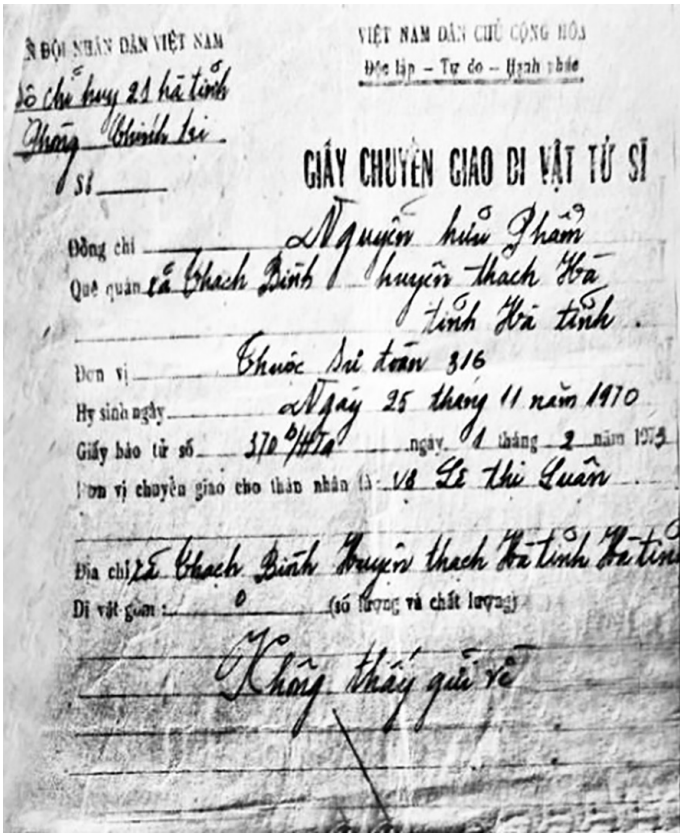

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
Bộ chỉ huy 21 tỉnh Thanh Hóa
Chính trị
Số: ____

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHUYỂN GIAO DI VẬT TỬ SĨ

Đồng chí: Nguyễn Hữu Phẩm
Quê quán: Xã Thạch Bình huyện Thạch Hà tỉnh Hà Tĩnh.
Đơn vị: Thuộc Sư đoàn 316
Hy sinh ngày: Ngày 25 tháng 11 năm 1970
Giấy báo tử số: 370/HC ngày 1 tháng 2 năm 1971
Đơn vị chuyển giao cho thân nhân là: Vũ Lê thị Quân
Địa chỉ: Xã Thạch Bình huyện Thạch Hà tỉnh Hà Tĩnh
Di vật gồm: 0 (số lượng và chất lượng)
Không thấy gửi về

Chúng tôi đã tìm nhiều địa chỉ, liên hệ để tìm kiếm thông tin những năm tháng trong quân ngũ của thầy giáo Nguyễn Hữu Phẩm. Nhưng thật là khó khăn. Bà Nguyễn Thị Luận (vợ) không có thông tin gì thêm, ngoài những thông tin trên Giấy báo tử và Bằng Tổ quốc ghi công và những tấm Huân, Huy chương. Với những đóng góp to lớn, Nguyễn Hữu Phẩm không chỉ được Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương kháng chiến mà còn được Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ghi công: *"đã cống hiến sức lực trí tuệ của mình vào sự nghiệp giải phóng, bảo vệ, xây dựng nước Lào. Công lao của đồng chí đã đã được ghi nhận tại sổ vàng liệt sĩ của đất nước Lào"*.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN
HẠNG Ba

Liệt sĩ Nguyễn Hữu Phẩm
Xã Thạch Bình, huyện Thạch Hà, tỉnh Nghệ Tĩnh
Đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

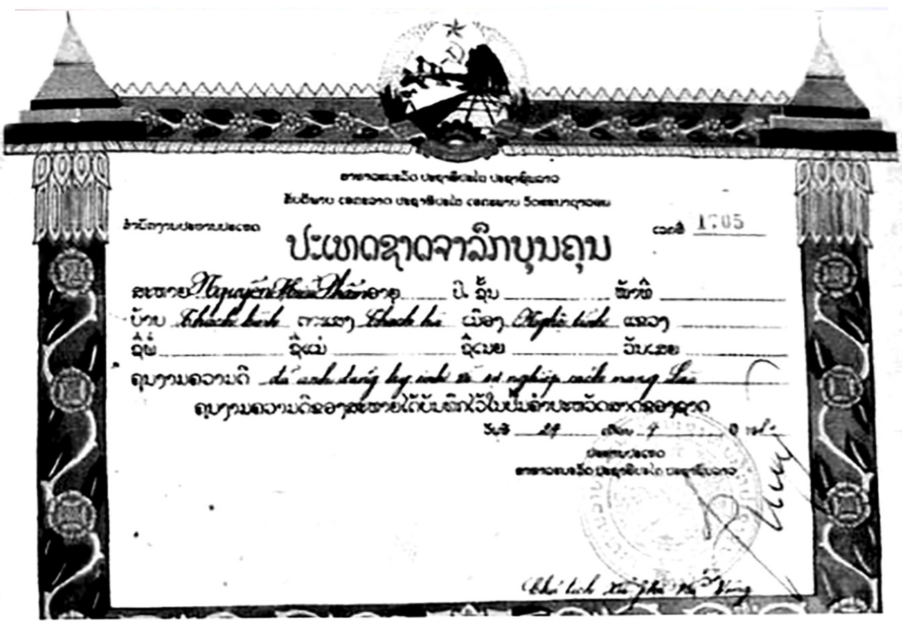

ປະຫວັດຊາດຈາລຶກບຸນຄຸນ

1705

Nguyễn Hữu Phẩm

Thạch Bình — Thạch Hà — Nghệ Tĩnh

đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng Lào

Tư liệu nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Hữu Phẩm.
Ảnh: Văn Lê

Giấy báo tử ký ngày 1/2/1972 cho biết: Nhà giáo Nguyễn Hữu Phẩm hy sinh ngày 25/11/1970 tại mặt trận phía Tây. Chức vụ: Trung đội phó, sư 361.

Sau khi nhận được Giấy báo tử, vợ con, các em đã không quản khó khăn, gian khổ tìm kiếm mộ phần của nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Hữu Phẩm, nhưng không có kết quả. Gia đình đã chuyển sang tìm kiếm bằng con đường tâm linh. Ông Nguyễn Hữu Diên còn lưu giữ tài liệu ghi chép hành trình tìm kiếm mộ anh trai, nhưng có điều gì đó riêng tư nên ông chưa sẵn lòng chia sẻ. Hiện tại gia đình đã cất bốc phần mộ tìm kiếm bằng con đường tâm linh, an táng tại nghĩa trang quê nhà.

Tôi biết, nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Hữu Phẩm và gia đình đã trải qua những năm tháng tận cùng khổ đau, xa xót của cuộc đời. Nhưng tận cùng khổ đau, họ đã VỊN CON CHỮ mà đứng dậy. Những con chữ được tôi trong đau khổ, viết bằng máu, nước mắt và ngời sáng trí tuệ, tâm linh.

Hà Tĩnh ngày mưa bão 25/8/2025

YÊN GIẤC NGÀN THU
ĐẤT MẸ QUÊ CHA

Sinh ra lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo đông con, tuổi thơ của Nguyễn Đình Phước vô cùng lam lũ. Sáng đến trường, chiều ra đồng, khi thì chăn trâu cắt cỏ, khi thì bắt cua, bắt tép, mót khoai, đào rau má, đỡ đần được phần nào cho bố mẹ.

Những người em ruột, nhớ thương anh mình trào nước mắt.*"Đến bữa, mẹ đổ nồi khoai ra, củ to, anh nhường phần các em hết, còn lại phần mình là những củ khoai chạc mà thôi"*. Bà Nguyễn Thị Bổn (em gái út) rơm rớm nước mắt.

Có thể nói tuổi thơ của Phước gắn với đồng chua nước mặn và nhất là núi Cao Vọng, dãy Hoành Sơn. Ký ức tuổi thơ của mấy anh chị em Phước gắn liền với núi. Mùa sim, lên núi hái sim, đuổi cào cào đá. Mùa quả móc chín đen, lên chân núi hái những chùm móc lúc lỉu, bỏ miệng nhuộm đen cả răng môi.

Vất vả, nhưng bù lại, Phước sáng dạ, học đâu, biết đó. Tốt nghiệp lớp 7, Phước đầu đơn vào lớp sư phạm cấp tốc. Ra trường, Phước được phân công dạy học ở cấp 1 Kỳ Lợi. Sau một năm, Phòng GD điều động Phước về cấp 1 Kỳ Trinh.

Năm 1964, thầy giáo phải lòng cô thôn nữ Nguyễn Thị Thưởm và cuối năm hai người đã về chung một nhà.

Đầu năm 1965, Phước gia nhập quân ngũ. Tiễn chồng lên đường, người vợ trẻ lưu luyến, bịn rịn, giắt vào ba lô chồng cái gương nhỏ và cái lược sừng. Tháng 12/1966, thầy giáo- chiến sĩ Nguyễn Đình Phước hy sinh tại chiến trường Phù Cát, Bình Định. Đấy là bấy nhiêu thông tin ít ỏi mà gia đình, người thân, đồng nghiệp biết, chia sẻ.

Ngày xưa, Kỳ Trinh quê của Phước nghèo. Nông dân chủ yếu làm ruộng, mà ruộng lại chua mặn. Chính trong gian khó ấy, Phước càng gắn bó, càng yêu quê da diết. Ước mong của Phước sau khi đất nước thống nhất là được trở về Kỳ Trinh, tiếp tục dạy cho các thế hệ học sinh, để các em có điều kiện hòa nhập, góp phần xây dựng quê hương, đất nước. Nhưng ước mơ ấy giản dị ấy đã không thành.

VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ Nguyễn Đình Phước

Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước

ngày 20 tháng 12 năm 1966

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phạm Văn Đồng

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Bốn em của Phước (một trai, ba gái) đều vào Nam tìm *"miền đất hứa"*, thoát nghèo. Em gái Nguyễn Thị Chon, Nguyễn Thị Bổn vào sinh cơ lập nghiệp ở Bình Phước, em Nguyễn Thị Quyết tìm đến Gia Lai, em trai Nguyễn Tiến Tâm mưu sinh ở Vũng Tàu.

Năm 1973, bố LS Phước mất. Mộ an táng tại Kỳ Ninh; quê nhà. Mười ba năm sau (1986), mẹ chuyển vào Vũng Tàu sinh sống với gia đình con trai Nguyễn Tiến Tâm. Nhà cửa, vườn tược, bán cho người khác. Bà qua đời, an táng tại Vũng Tàu. Các em ruột thịt đều xa xứ. Vợ LS. Phước *"đi bước nữa"*. Phần thờ tự, hương khói tổ tiên do em trai Nguyễn Tiến Tâm đảm nhận… *"Nhưng qua tâm linh, chúng tôi biết được bác Nguyễn Đình Phước muốn theo cháu về quê Kỳ Trinh. Cho nên, chúng tôi đã ủy quyền cho cháu"*. Ông Nguyễn Tiến Tâm trao đổi qua điện thoại.

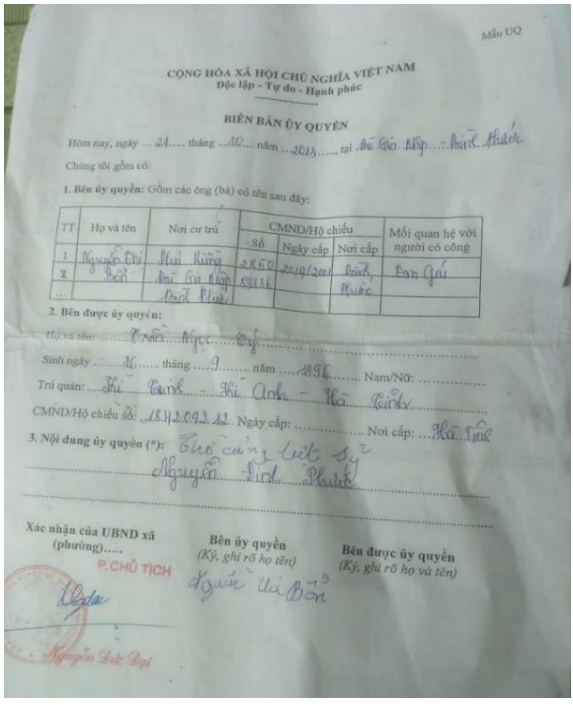

Mẫu UQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày 21 tháng 10 năm 2013 tại Thị Gia Nghĩa - Bình Phước

Chúng tôi gồm có:

1. Bên ủy quyền: Gồm các ông (bà) có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Nơi cư trú	CMND/Hộ chiếu			Mối quan hệ với người có công
			Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
1	Nguyễn Thị Bổn	Thị Trấn	2850	2019/2001	Bình Phước	Em Gái
2		Thị Gia Nghĩa	89126			
...		Bình Phước				

2. Bên được ủy quyền:

Họ và tên: Trần Ngọc Tý

Sinh ngày 26 tháng 9 năm 1996 Nam/Nữ:

Trú quán: Thị Trinh - Thị Anh - Hà Tĩnh

CMND/Hộ chiếu số: 184209212 Ngày cấp: Nơi cấp: Hà Tĩnh

3. Nội dung ủy quyền (*): Thờ cúng liệt sỹ Nguyễn Đình Phước

Xác nhận của UBND xã (phường)…. P.CHỦ TỊCH Nguyễn Đức Đại

Bên ủy quyền (Ký, ghi rõ họ tên) Nguyễn Thị Bổn

Bên được ủy quyền (Ký, ghi rõ họ và tên)

Biên bản ủy quyền do gia đình cung cấp

Cháu mà ông Nguyễn Tiến Tâm nhắc đến là Trần Ngọc Tý (sinh năm 1996), gọi nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Đình Phước là ông ngoại. Trần Ngọc Tý con vợ chồng Trần Đình Trọng (sinh năm 1974) và Nguyễn Thị Duyệt (sinh năm 1972). Duyệt con bà Nguyễn Thị Chon (em gái NG-LS Phước). Duyệt gọi LS Phước bằng cậu. Sinh sống, lập nghiệp tại Bình Phước, Duyệt ốm đau kinh niên, nên vợ chồng, con cái trở về quê cũ Kỳ Trinh.

Ngày 02/10/2013, tại Bùi Gia Mập, Bình Phước, Nguyễn Thị Bổn (em gái) đã ủy quyền cho cháu ngoại Trần Ngọc Tý; sinh ngày 26/9/1996 thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn Đình Phước.

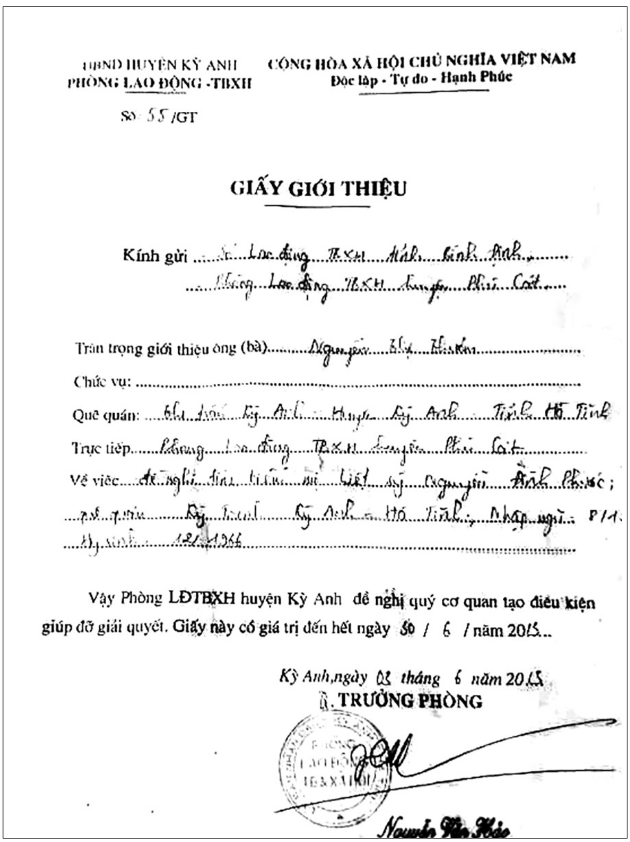

UBND HUYỆN KỲ ANH
PHÒNG LAO ĐỘNG -TBXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 55/GT

GIẤY GIỚI THIỆU

Kính gửi: Sở Lao động TBXH tỉnh Bình Định
Phòng Lao động TBXH huyện Phù Cát

Trân trọng giới thiệu ông (bà): Nguyễn Thị [illegible]
Chức vụ:
Quê quán: [illegible] Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
Trực tiếp: Phòng Lao động TBXH huyện Phù Cát
Về việc: đề nghị tìm kiếm mộ liệt sĩ Nguyễn Đình Phước; [illegible] Kỳ Trinh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh; Nhập ngũ [illegible] Năm sinh [illegible]

Vậy Phòng LĐTBXH huyện Kỳ Anh đề nghị quý cơ quan tạo điều kiện giúp đỡ giải quyết. Giấy này có giá trị đến hết ngày 30 / 6 / năm 2015.

Kỳ Anh, ngày 03 tháng 6 năm 2015
K. TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Hảo

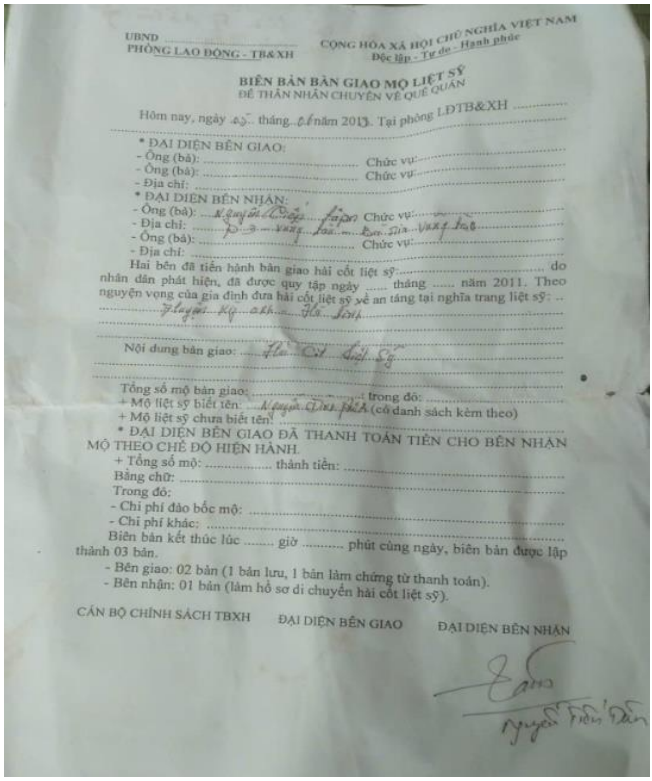

UBND
PHÒNG LAO ĐỘNG - TB&XH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO MỘ LIỆT SỸ
ĐỂ THÂN NHÂN CHUYỂN VỀ QUÊ QUÁN

Hôm nay, ngày 25 tháng 06 năm 2013. Tại phòng LĐTB&XH .....

* ĐẠI DIỆN BÊN GIAO:
- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....
- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....
- Địa chỉ: .....

* ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN:
- Ông (bà): Nguyễn Tiến Tâm Chức vụ: .....
- Địa chỉ: Bình Phước
- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....
- Địa chỉ: .....

Hai bên đã tiến hành bàn giao hài cốt liệt sỹ ..... do nhân dân phát hiện, đã được quy tập ngày ..... tháng ..... năm 2011. Theo nguyện vọng của gia đình đưa hài cốt liệt sỹ về an táng tại nghĩa trang liệt sỹ: ..
Huyện Kỳ Anh Hà Tĩnh

Nội dung bàn giao: Hài Cốt Liệt Sỹ

Tổng số mộ bàn giao: ..... trong đó: .....
+ Mộ liệt sỹ biết tên: Nguyễn Đình Phước (có danh sách kèm theo)
+ Mộ liệt sỹ chưa biết tên: .....
* ĐẠI DIỆN BÊN GIAO ĐÃ THANH TOÁN TIỀN CHO BÊN NHẬN MỘ THEO CHẾ ĐỘ HIỆN HÀNH.
+ Tổng số mộ: ..... thành tiền: .....
Bằng chữ: .....
Trong đó:
- Chi phí đào bốc mộ: .....
- Chi phí khác: .....

Biên bản kết thúc lúc ..... giờ ..... phút cùng ngày, biên bản được lập thành 03 bản.
- Bên giao: 02 bản (1 bản lưu, 1 bản làm chứng từ thanh toán).
- Bên nhận: 01 bản (làm hồ sơ di chuyển hài cốt liệt sỹ).

CÁN BỘ CHÍNH SÁCH TBXH | ĐẠI DIỆN BÊN GIAO | ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Nguyễn Tiến Tâm

Giấy giới thiệu và Biên bản bàn giao mộ liệt sĩ do gia đình cung cấp

Được biết, ngày 20/6/2013, Phòng LĐ-TB và XH huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh đã cấp Giấy giới thiệu số 55/GT cho bà Nguyễn Thị Thưởm (Thị trấn Kỳ Anh) trực tiếp đến Phòng LĐTB&XH huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định *"tìm kiếm mộ Liệt sĩ Nguyễn Đình Phước; nhập ngũ tháng 8/1964; hy sinh tháng 12/1966"*. Người vợ dù xuất giá vẫn nặng lòng với chồng cũ *"thân gái dặm trường"* cùng bên nội lặn lội vào Nam tìm hài cốt.

Sau đó, ông Nguyễn Tiến Tâm đã tiến hành hoàn tất các thủ tục cất bốc hài cốt anh trai là Liệt sĩ Nguyễn Đình Phước từ Nghĩa trang L.S. Bùi Gia Mập, Bình Phước về an táng tại nghĩa

trang Liệt sĩ Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh, thỏa ước nguyện của người quá cố được yên giấc ngàn thu trên mảnh đất quê hương, xứ sở…

Tôi đã cùng thầy giáo Nguyễn Giảng tìm đến gia đình cháu Trần Ngọc Tý (sinh 1996), người được ủy quyền thờ cúng liệt sĩ. Sau khi tu nghiệp ở trường Cao đẳng Điện Công nghiệp, tháng 3/2024, Tý đã sang Nhật Bản mưu sinh. Thành thử, Tý chỉ là người đứng tên hoàn tất thủ tục, còn hiện tại người thờ cúng Liệt sĩ Phước là vợ chồng ông bà Nguyễn Thị Duyệt, ông Trần Đình Trọng (gọi LS Phước bằng cậu).

Đoán được có điều gì khúc mắc, chúng tôi gạn hỏi thì được biết, mảnh đất vợ chồng bà Duyệt dựng nhà chưa hoàn tất thủ tục pháp lý. Sau khi nghiên cứu các văn bản viết tay để lại cũng như nghe lời kể của người thân, được biết, từ Bình Phước về quê, ông bà Duyệt mua mảnh đất hoang (vốn là đất ruộng) của ông Nguyễn Mỹ, xóm Cồn Quán, Kỳ Trinh. *"Tôi mua mảnh đất đó 50 triệu. Ông Mỹ có viết cho giấy cầm tay, có xác nhận của UBND xã Kỳ Trinh thời đó"*. Bà Duyệt kể.

Tôi xem kỹ giấy tờ thật sự thấy chưa đủ thủ tục pháp lý và tư vấn cho gia đình cách làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu đất. Nhưng đây là câu chuyện dài dòng, nhưng vì liên quan đến thân phận của nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Đình Phước nên không thể không quan tâm.

Thắp nén nhang cho nhà giáo - liệt sĩ, trên đường ra về, lòng tôi ngổn ngang trăm nỗi, mà nói thế nào cũng không phải. Cho đến khi gõ những dòng này, tôi nghĩ mình phải làm một điều gì đó cho nhà giáo - liệt sĩ để ông có thể thanh thản yên giấc ngàn thu nơi chín suối.

Hà Tĩnh 8/6/2025

NGƯỜI TRUYỀN LỬA CHO HỌC TRÒ

Ông Trần Huy Diệu (1920-1995) và bà Nguyễn Thị Nhụ (1921-2010) ở làng Phúc Hội, xã Thuận Lộc, huyện Can Lộc và nay là Thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh sinh được 6 người con (4 trai, 2 gái), Trần Huy Quang (nhà giáo - liệt sĩ) là con thứ 2.

Trong quá trình đi tìm tư liệu để viết về nhà giáo - liệt sĩ Trần Huy Quang, chúng tôi đã tìm đến quê quán, gặp gỡ người thân, bạn bè, học sinh của ông. Khi gặp anh cả Trần Huy Tập (sinh 1940, hiện là cán bộ hưu trí, trú tại xã Hà Huy Tập, Hà Tĩnh). Vì hậu Covid, anh bị mất trí nhớ. Chúng tôi gặp anh Trần Huy Tuấn (sinh năm 1950), thương binh; di chứng xuất huyết não phải phẫu thuật 3 lần nên cũng không nhớ gì. Người trẻ nhất là em út Trần Huy Tùng (sinh năm 1957) đã qua đời vì tai nạn giao thông. Em gái, bà Trần Thị Minh Lai (sinh 1953) hiện cư trú tại Đà Nẵng. May mắn cho chúng tôi gặp được bà Trần Thị Minh Huấn (sinh 1947; GV hưu trí) còn minh mẫn, bà đã kể cho tôi nghe nhiều câu chuyện về thời thơ ấu của nhà giáo- liệt sĩ Trần Huy Quang.

Hai lần đi ở

Trong ký ức của bà Trần Thị Minh Huấn, chị em bà không có tuổi thơ. *"Một tuổi thơ cay đắng. Ba anh em tôi: anh Tập, tôi và Quang phải đi ở chạy miệng (nghĩa là nhà đông miệng ăn quá, phải đi ở chạy bớt miệng ăn). Lần thứ nhất, chúng tôi chạy miệng ra Nghi Xuân. Ba anh em, tôi đến Xuân Thành, 2 anh em trai đến Xuân Giang. Tôi ở nhà cố Hội Tư. Anh Tập ở nhà cố Vượng, còn em Quang thì ở nhà ông Hỉ. Chừng một hai năm chi đó. Thời buổi cơm cao gạo kém, được nhà người ta cho ở đã bảy mươi phúc rồi. Cho nên việc chi cũng làm, toàn là những việc vặt vãnh không tên. Lần thứ 2, anh Tập đi ở tận Thạch Thanh, Thạch Hà, còn em Quang ở nhà ông Lãm, xóm Thuận Sơn, Thuận Lộc"*. Bà Huấn nhớ lại.

Trả lời câu hỏi: *"Tại sao chị em bà lại phải đi ở như vậy!?"* bà Trần Thị Minh Huấn thẳng thắn: *""Một mình mẹ tôi bươi cào không đủ nuôi cả nhà. Năm 1954, nhà tôi bị quy địa chủ. Cha đang làm ở Sở GD, mất việc. Đến một nơi, chẳng ai có thể cưu mang nỗi cả nhà, nên tản ra, mỗi người một nơi, một việc, cố làm sao qua khỏi đận ngặt nghèo ấy. Cha tôi về, ruộng không, đi nhủi tận đồng Cổng Khánh, Xuân Lĩnh, Nghi Xuân. Mẹ phận đàn bà nhưng vẫn "vác rạ vô rừng" lên Hương Sơn chặt nứa, cánh bè, về bán kiếm gạo"*.

Sau khi Chính phủ *"sửa sai cải cách"*, ông Trần Huy Diệu trở lại làm việc. Sáu anh chị em được đến trường. *"Tôi 10 tuổi mới vào lớp 1. Toán tính nhẩm nhanh, cửu chương thuộc làu, chỉ khổ chưa biết mặt chữ. Vì muộn học, nên mẹ phải khai sinh cho tôi sút đi 4 tuổi"*. Bà Huấn chia sẻ.

Nhưng khó khăn của gia đình chưa thể vơi đi một sớm một chiều, cho nên những năm tháng học cấp 2 ở trường Lam Kiều,

Song Lộc, Trần Huy Quang *"vừa làm vừa học"*. Học lớp 5, 6 mà đã thạo cày bừa hết đồng Ngãi đến đồng Trùa, còn chăn trâu, cắt cỏ là việc thường ngày. Kỷ niệm, nhớ nhất của chị em Trần Huy Quang là ngày 28 Tết, lên rú Hồng Lĩnh cắt cỏ cho trâu. Cuối đông hanh hao, cỏ cháy héo khô, chưa kịp xanh non. Hai chị em chạy loanh quanh khắp núi. Đến trưa vẫn chưa có cỏ mà cắt, bèn trụt xuống mái núi gần khe suối. Cắt được cỏ đã 3 giờ chiều. Đói hoa mắt! Chị em hái trái rừng lót dạ. Lăn lóc về đến nhà vừa chập choạng. Mẹ tá hỏa đi tìm.

Chân dung nhà giáo - liệt sĩ Trần Huy Quang
Ảnh: Gia đình cung cấp

Ra trường, Trần Huy Quang được phân công về trường cấp 2 Cẩm Nhượng; một vùng quê miền biển ở huyện Cẩm Xuyên. *"Năm đầu tiên nhận lương, Quang mua cho tôi không phải một mà hai tấm vải may áo. Lần đầu tiên trong đời tôi được tặng quà quý. Đến bây giờ, tôi vẫn nhớ như in, giây phút Quang dúi vào tay tôi tấm vải bọc trong báo. Hôm ấy là chiều thứ 7, Quang từ Cẩm Nhượng về nhà!"*. Bà Huấn rưng rưng xúc động.

"Truyền lửa cho học sinh"

Trong ký ức của nhiều học sinh cấp 2 Cẩm Nhượng, Cẩm Xuyên, thầy giáo Trần Huy Quang là thầy giáo trẻ rất đặc biệt. Giỏi chuyên môn, yêu trò, yêu nghề, thầy không chỉ cháy mình trên bục giảng mà còn hết mình hướng dẫn học sinh học nhóm, học ở nhà.

Đã hơn 60 năm trôi qua mà Luật sư Trần Hữu Huỳnh (nguyên là học sinh lớp 5B, trường cấp 2 Cẩm Nhượng; học sinh cũ của thầy Trần Huy Quang) vẫn giữ nguyên vẹn những kỷ niệm với thầy giáo cũ. Sau 60 năm, Luật sư Trần Hữu Huỳnh tìm đến nhà thầy giáo cũ ở Thuận Lộc, Hồng Lĩnh thắp nén nhang tưởng nhớ thầy giáo-liệt sĩ và ấn tượng mãi hình ảnh thầy giáo trẻ đã *"truyền lửa"* cho học sinh. Cứ sáng sớm từ 4h30 đến 5h, những tiếng hô 1, 2, 3, 4 của thầy và trò đã *"náo loạn"* xóm làng ven biển, thức tỉnh ý thức rèn luyện sức khỏe, mang đến một sinh khí mới cho vùng đất này. Luật sư Trần Hữu Huỳnh nhớ lại: *"Ngày xưa chưa có điện, thầy giáo bọn tui (chúng tôi) lấy tin trên báo rồi hai đứa một nhóm leo lên cổng nhà dân, đứa này cầm đèn dầu hỏa cháy leo lét soi cho đứa kia đọc, mỏi mồm(miệng) lại đổi vai, tối nào cũng choe chóe giọng trẻ vang các xóm. Bọn nhóc*

11-12 tuổi trở thành đội tuyên truyền viên mẫn cán mà hiệu quả chắc chẳng được bao nhiêu. Tuy nhiên với chúng tôi, được đi đọc tin, đứa nào cũng hào hứng, tưởng mình VIP lắm, nhờ thế mà tự tin hẳn. Sau này làm việc phản biện, tui nghĩ, hạt giống tự tin, rất có thể được thầy gieo từ những ngày thơ ấu đó".

Hơn 60 năm, người học trò lớp 5B do thầy Trần Huy Quang chủ nhiệm, tìm đến từ đường, kính cẩn nghiêng mình tưởng nhớ thầy giáo đã hy sinh. Ảnh: Nhân vật đồng ý cho tác giả sử dụng

Chia sẻ những kỷ niệm về người thầy, Luật sư Trần Hữu Huỳnh nhớ mãi dịp nghỉ hè năm 1963, trên một chiếc thuyền thúng tròng trành, bốn thầy trò bồng bềnh ra đảo Bớc. Lên đảo, thầy trò khám phá những điều kỳ lạ và bắt được hơn 10 con dơi.

Nhưng trên đường trở về thì gặp sự cố: *"Khi còn cách bờ khoảng một cây số, nắng to, trò lớn chèo, mồ hôi tuôn đầy mình. Bỗng "ùm" một phát, anh ấy nhảy xuống biển, thuyền thúng mất thăng bằng, úp nghiêng lơ lửng trôi trên biển. Quần áo, dơi nổi lềnh bềnh. Ba thầy trò bơi bập bõm, khua tay đạp chân lia lịa, cố nổi lên mà xung quanh chẳng thấy thuyền đâu. Tưởng chết đuối đến nơi, khi đã can hơi sức, bỗng nhiên như một phép màu, trò lớn kêu to: "Có thuyền, có thuyền". Xa xa, một con thuyền buồm quay ngược, kịp cứu cả bốn thầy trò. Trên thuyền thúng bơi vào, mặt thầy da tái xanh nhưng tuyệt nhiên, thầy không nỡ mắng trò lớn một lời nào, tui phục thầy hiền quá. Vụ ấy không ai chết đuối, nhưng rồi mười năm sau thầy và trò lớn đã hy sinh ở chiến trường".*

Trong hành trình sưu tầm tư liệu về liệt sĩ, khó khăn lớn nhất là những hiện vật, bằng chứng liên quan đến liệt sĩ không còn lại bao nhiêu. Vì vậy, khi bắt gặp lời phê trong học bạ của thầy Trần Huy Quang dành cho học sinh Trần Hữu Huỳnh, trong tôi dâng trào bao nhiêu cảm xúc khó tả. Hơn 60 năm đã qua, mà người học trò lớp 5B ngày ấy vẫn nâng niu, gìn giữ được cuốn học bạ năm nào! Giấy đã úa màu, mực đã phai, nhưng nét chữ mềm mại, chân phương vẫn cho thấy một *"nét chữ, nét người"* hiền lành, cẩn trọng của thầy. Không phải ngẫu nhiên mà tôi dừng lại rất lâu, đọc đi đọc lại nhiều lần, liên tưởng, nghĩ về đức làm thầy, đạo làm trò cũng như nghĩ về cái mất và cái còn; cái nhất thời và vĩnh cửu...

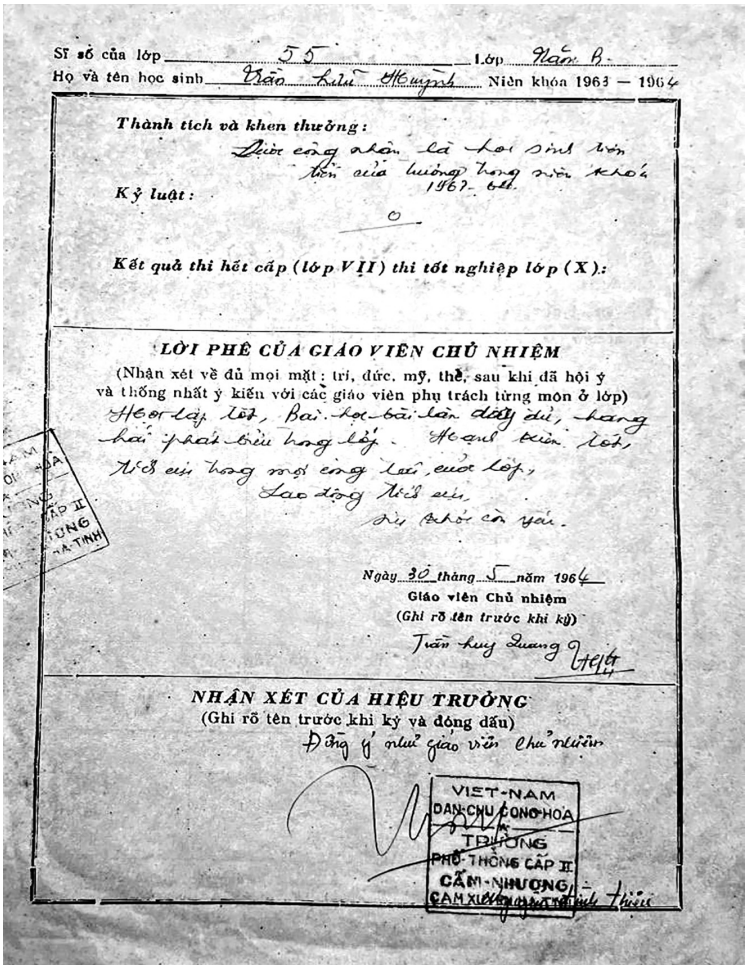

Sĩ số của lớp 55 Lớp Năm B.
Họ và tên học sinh Trần Hữu Huỳnh Niên khóa 1963 — 1964

Thành tích và khen thưởng:
Được công nhận là học sinh tiên tiến của trường trong niên khóa 1967-68.

Kỷ luật:
0

Kết quả thi hết cấp (lớp VII) thi tốt nghiệp lớp (X):

LỜI PHÊ CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
(Nhận xét về đủ mọi mặt: trí, đức, mỹ, thể, sau khi đã hội ý và thống nhất ý kiến với các giáo viên phụ trách từng môn ở lớp)
Học lập tốt, Bài học bài làm đầy đủ, hăng hái phát biểu trong lớp. Hạnh kiểm tốt, tích cực trong mọi công tác, cuộc lớp, Lao động tích cực, sức khỏe còn yếu.

Ngày 30 tháng 5 năm 1964
Giáo viên Chủ nhiệm
(Ghi rõ tên trước khi ký)
Trần Huy Quang

NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
(Ghi rõ tên trước khi ký và đóng dấu)
Đồng ý như giáo viên chủ nhiệm

VIỆT-NAM DÂN-CHỦ CỘNG-HÒA
TRƯỜNG PHỔ-THÔNG CẤP II CẨM-NHƯỢNG
CẨM XUYÊN

Lời phê học bạ của thầy Trần Huy Quang với học sinh Trần Hữu Huỳnh. Tư liệu do T.S. Trần Hữu Huỳnh cung cấp

"Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh"

Cho đến bây giờ, người thân, bạn bè, học sinh không còn nhớ rõ thầy Trần Huy Quang lên đường nhập ngũ cụ thể thời gian nào. Bà Trần Minh Huấn xác nhận năm 1972, thầy giáo Trần Huy Quang gia nhập quân ngũ. Nhưng ngày, tháng cụ thể

bà không rõ. *"Thời gian ở quân ngũ, em có gửi thư về, chỉ nói là ở chiến trường B3. Em quan tâm sức khỏe bố mẹ, hỏi thăm từng người trong gia đình và động viên tôi chăm sóc bố mẹ thay em. Cuối thư, em hẹn ngày đất nước thống nhất, gia đình sẽ sum họp. Nhận thư, tôi chưa kịp viết thư gửi cho em thì đã nhận tin sét đánh em hy sinh!"*. Bà Huấn xót xa.

Luật sư Trần Hữu Huỳnh (học sinh cũ của thầy) kể rằng: *"Năm tui 16 tuổi, học lớp 9/10, nằm mơ thấy thầy đi bộ đội, hy sinh ở chiến trường; nửa đêm tỉnh dậy mà thấy nước mắt đầm đìa, ngẩn ngơ nhớ thầy, sáng ra không dám kể với ai chuyện dễ coi là "mít ướt"*. Có lẽ trò có *"thần giao cách cảm"* với thầy nên mới linh nghiệm như vậy!

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ : Trần Huy Quang

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam
Nguyên quán: xã Thuận Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước
ngày 12 tháng 5 năm 1973

Hà nội, ngày 26 tháng 12 năm 2013
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Nguyễn Tấn Dũng

Quyết định số: 318/TTg
Ngày 20 tháng 6 năm 1974
Bằng số NB 207 /CL

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Những thông tin về quá trình chiến đấu, hy sinh của thầy, đến nay không ai nắm rõ. Chỉ còn đôi dòng ghi vắn tắt trong Bằng **Tổ quốc ghi công:**, chức vụ: Trung đội trưởng; Ngày hy sinh: 12/5/1973. Thế nhưng, ngọn lửa mà thầy giáo - liệt sĩ Trần Huy Quang đã thắp lên, cứ lan tỏa, cháy mãi, sáng mãi trong lòng bao thế hệ học trò.

Hà Tĩnh ngày 8/7/2025

CÁI ROI NGÀY ẤY

Cái roi ngày ấy, bây giờ vẫn đau[1]

Sau một thời gian nhờ thầy Trần Đình Sửu và thầy Võ Đức Đại (nguyên trưởng Phòng GD Can Lộc) khâu nối, chúng tôi đã gặp được bà Ngô Thị Thống (vợ liệt sĩ), bà Võ Thị Thanh (con gái cả LS Võ Đình Quế) tại nhà riêng ở Tổ dân phố Sơn Thịnh, xã Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. May mắn hơn là vợ và con liệt sĩ không chỉ lưu giữ trong ký ức những kỷ niệm về chồng, về cha mình mà còn giữ được ít ỏi tư liệu quan trọng về nhà giáo - liệt sĩ Võ Đình Quế (1934-1969), giúp chúng ta có thêm hình ảnh chân thực về ông.

Một đi không trở lại

Nhà giáo - liệt sĩ Võ Đình Quế còn có tên gọi khác là Võ Tá Quế (1934-1969), sinh ra trong gia đình nông dân ở thôn Nam Thịnh, xã Tiến Lộc, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh, nay là tổ dân phố Sơn Thịnh, xã Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Bố là Võ Tá Đạt (quê Hương Sơn). Mẹ là bà Nguyễn Thị Đường (quê Tiến Lộc, Can Lộc).

---

[1] *Bài thơ Cái roi ngày ấy - Đinh Phạm Thái.*

Nhà giáo - liệt sĩ Võ Đình Quế
Ảnh: do thầy Võ Đức Đại (CGC) cung cấp

Theo lời kể của thầy Trần Đình Sửu (Hội CGC Can Lộc) ông Võ Tá Đạt có vợ và 2 con (hai trai, hai gái). Vợ cả mất, ông phải duyên bà Nguyễn Thị Đường và sinh ra Võ Tá Quế (còn gọi là Võ Đình Quế).

Võ Đình Quế không chỉ sáng dạ mà khéo tay hay làm. Mặc dầu gia đình khó khăn, nhưng ông bà Đạt - Đường vẫn cho con chút vốn chữ nghĩa để làm người. Năng động, xông xáo lại đam mê văn nghệ, Võ Đình Quế là thủ lĩnh công tác Đoàn ở xã Tiến

Lộc. *"Tôi mê ông ấy hát hay, diễn kịch giỏi, nên nhiều đêm xem biểu diễn rồi sau tham gia vào đội văn nghệ. Ông ở Nam Thịnh, tôi Bắc Sơn, cùng xã, cùng sinh hoạt thanh niên. Sau này ông đi học nghề sư phạm, về dạy ở Tân Lộc. Ông dạy giỏi thì tôi chỉ nghe đồn, còn cái tài đóng cối xay đất và bưng trống của ông thì tôi tận mắt chứng kiến"*. Bà Thống nhớ lại.

Được biết, bà Thống sinh ra trong gia đình nông dân nghèo có 10 người con, nuôi 9. Thầy giáo Quế đã đến giúp gia đình bà đóng cối xay. Để đóng cối xay, ngoài kỹ năng đan lát, mộc, còn phải có kỹ năng nề khéo léo mới có thể làm ra được cối xay khả dụng. Thầy chẻ nứa, chẻ tre, chuốt nan, cuộn vành, đóng giàn, chuốt ngõng, nhồi đất, công đoạn nào cũng điêu luyện, hơn người. Đặc biệt, thớt trên, thớt dưới liền khít, không vênh lệch, lúa xay mười hạt như một, không bị vỡ nát. *"Không phải bố mẹ tôi mà gia đình nông dân nào cũng khâm phục thầy. Thầy đi làm không lấy tiền, giúp đỡ là chủ yếu. Gia đình nào không sẵn nguyên liệu, thầy chỉ lấy tiền nguyên liệu. Đã tài lại còn có đức. Không mê mới là lạ!"*. Bà Thống cởi mở.

Tuổi thanh niên hăm hở, cô Thống xung phong đi dân công hỏa tuyến. Ngày đi, đêm nghỉ. Băng đèo, băng suối. Vai gánh, lưng mang. Sau bốn tháng dân công lên Thoọng Pẹ, trở về, thầy giáo Quế tổ chức thành hôn với cô Thống. Đám cưới nghèo nơi làng quê tràn trề hạnh phúc. Thầy Quế sáng đến trường, Chủ nhật giúp vợ cày cuốc. *"Có lần đụn cây rơm, thế nào đánh rơi mất khâu đồng đeo tay kỷ niệm. Ông nhà rủ hết cả cây rơm tìm bằng được rồi mới xây lại cây rơm! Tính khí ông ấy đã làm chi cũng quyết làm bằng được!"*. Bà Thống kể.

Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân năm 1968, đang là giáo viên trường cấp 1 Thụ Lộc, thầy giáo Võ Đình Quế xung phong lên đường nhập ngũ. Bà Võ Thị Thanh nhớ lại: *"Tôi còn nhớ, khi cha khoác ba lô ra ngõ để lên xe, tôi hái quả chanh đưa cho em út Võ Tá Bình (chưa đến 2 tuổi). Bình vừa chạy, vừa bò theo cha. Cha ngoái lại, bế em đi một đoạn rồi hòa vào đoàn quân. Cha trao em Bình cho tôi. Tôi ôm em. Bình khóc tru tréo đòi đi theo cha. Tôi phải vất vả lắm mới dỗ được nó. Đó là lần cuối cùng chị em tôi dõi theo hình cha đi khuất vào đoàn quân"*. Bà Võ Thị Thanh kể.

Bà Ngô Thị Thống ngậm ngùi: *"Thời gian ông nhà đi bộ đội, tôi chỉ biết láng máng là ông ở mặt trận phía Tây. Trong thời gian đó, chẳng có thư từ, chẳng có thông tin chi trơn. Ông đi một mạch, đến khi báo tử, mọi thông tin chúng tôi được biết qua tờ giấy mỏng manh đó!"*.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ : Võ Đình Quế

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam
Nguyên quán: xã Tiến Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước
ngày 28 tháng 3 năm 1969

Hà nội, ngày 11 tháng 6 năm 2008
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số: 100/TTg
Ngày 29 tháng 4 năm 1971
Bằng số AK 877 /CL

Nguyễn Tấn Dũng

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Xong, bà giục con gái Võ Thị Thanh mở rương lấy tờ **"Giấy báo tử"** đưa cho tôi. Thời gian trôi qua, màu giấy đã úa vàng, chữ mực xanh đã phai, nhưng chúng tôi vẫn đọc được những thông tin quan trọng về nhà giáo - liệt sĩ Võ Đình Quế. *"Liệt sĩ Võ Đình Quế hy sinh ngày 28/3/1969 tại Mặt trận phía Tây; Trong trường hợp: Chiến đấu chống Mỹ, bảo vệ Tổ quốc; Mai táng tại: Mặt trận phía Tây"*. Phía sau **"Giấy báo tử"** có thêm thông tin về vợ, 4 con và *"thời gian từ tháng 6/1968 đến tháng 3 năm 1969 công tác tại miền Tây thuộc Đoàn 968, Quân khu 4"*.

Sau khi cha hy sinh, các con của nhà giáo - liệt sĩ Võ Đình Quế khâu nối, liên hệ với khắp nơi để tìm mộ cha. Họ từng tìm đến các nhà tâm linh cậy nhờ. Theo hướng dẫn của các nhà tâm linh, chị em bà Thanh vất vả tìm đến nghĩa trang liệt sĩ A Lưới (Thừa Thiên- Huế), nhưng tất cả chỉ là hư ảo. Sau đó, họ đã tìm đến thầy Long Kiều (nguyên giáo viên trường cấp 1 Tân Lộc; cùng nhập ngũ, cùng đơn vị với cha) thì biết thêm thông tin, cha chiến đấu dũng cảm, bị thương được đơn vị đưa vào Trạm cứu thương cấp cứu. Trạm cứu thương lúc ấy do Bác sĩ Hiền Ca (quê TP. Huế) làm Trạm trưởng. Qua khâu nối, những người con của thầy giáo-liệt sĩ Võ Tá Quế tìm đến ông Phạm Tiến Lưu (thôn Nam Thịnh; TDP. Hồng Quang, xã Can Lộc hiện nay) là người đỡ đầu B.S. Hiền Ca. Trong lá thư gửi người đỡ đầu, B.S. Hiền Ca cho biết: *" LS Võ Đình Quế hy sinh ngày 26/3/1969. Mộ an táng tại thị xã Mường Mày, tỉnh Atôpơ, CHDCND Lào. Trên mộ có bia để Danh tính; Quê quán; Ngày hy sinh. Bia là miếng sắt cắt từ thùng lương khô"*. Qua thời gian, miếng sắt rỉ sét, hành trình tìm kiếm hài cốt liệt sĩ thật là một hành trình gian truân.

Hai vai gánh vác

Thầy giáo - liệt sĩ Võ Đình Quế hy sinh để lại mẹ già, vợ trẻ và bốn đứa con thơ. Sau khi con mất, bà Nguyễn Thị Đường đau đớn, phát bệnh nội tâm. Người vợ trẻ Ngô Thị Thống vừa chăm mẹ ốm đau, vừa đồng áng, *"bỏ tay mặt, bắt tay trái"* chạy chợ, tần tảo nuôi bốn con nhỏ ăn học. Không có bút mực nào ghi hết được nỗi cực nhọc của người phụ nữ vừa làm mẹ, vừa làm cha, hai vai gánh vác công tư như bà Ngô Thị Thống.

Đỉnh điểm nhất là năm 1972, trong ba ngày, gia đình hứng chịu hai trận bom. Trận đầu bom bi, may bà cháu, mẹ con vào hầm kịp. Nhưng sau 2 ngày, máy bay ném bom sát thương. Ngôi nhà hàng xóm trúng bom tan tành. Ngôi nhà mẹ con bà Thống cũng tan nát. May mà có hầm trong nhà, mẹ con lăn xuống kịp, nên không bị thương vong. *" Bố hy sinh, mất người. Giờ mất cả nhà. Bà cháu, mẹ con phải tá túc nhà bác Võ Tá Lộc. Khổ không nói hết!"*. Bà Thống nhớ lại.

Những năm tháng gian nan ấy, bà Ngô Thị Thống không việc gì không làm: cấy thuê, cuốc mướn, mót lúa, mót khoai, chạy chợ, buôn thúng bán mẹt. *"Thời đó, Tiến Lộc nổi tiếng nghề trồng mía, kéo mật. Tháng 10, khắp làng kéo che, sắc mật. Tôi một gánh, hai nồi đồng, buôn mật. Có khi hai ba giờ sáng ở Tiến Lộc quảy hai nồi mật mía chạy mãi đến Xuân Song, Xuân Liên. Hai vai, hai bàn chân chai sạn. Nhức mỏi nhừ. Về chỉ lấy lá ngải cứu hơ lửa chườm rồi lại quăng quật lăn lóc hết chợ Nghèn, chợ Trù, có khi ra cả chợ cá Diêm Yên, Thịnh Lộc bên chân sóng. Không bán hết mật, thì đổi ruốc mắm. Nhờ ruốc mà nấu cháo rau má, cháo củ chuối cho bà cháu, mẹ con ăn, sống qua ngày đoạn tháng"*. Bà Thống nhớ lại.

Năm 1990, bà nội qua đời, thọ 88 tuổi. Mẹ con bà Ngô Thị Thống lo tang gia, lo mồ yên mả đẹp cho mẹ chồng. *"May mà 4 con của tôi, ngoan ngoãn, hiền lành, siêng năng, chăm học, có nghề nghiệp cả, sống lương thiện, thương mẹ, nhớ cha, đùm bọc lẫn nhau, có những đóng góp cho xã hội. Tôi nghĩ được thế này là nhờ tổ tiên, cha cháu phù hộ độ trì. Ngẫm đi nghĩ lại, mẹ con tôi cũng không phụ lòng nhà tôi rồi!"*. Bà Thống chia sẻ.

Cái roi ngày ấy!

Trong ký ức và nỗi nhớ của bà Võ Thị Thanh, nhà giáo - liệt sĩ Võ Đình Quế là người cha *"thương con không để đâu cho hết, nhưng cũng vô cùng nghiêm khắc"*. *"Đều thương con, nhưng mẹ tôi dễ dãi, chiều lòng, còn cha tôi nghiêm khắc, yêu cầu cao. Ông không chỉ yêu cầu cao trong học tập mà yêu cầu cao trong lao động, ăn ở, đi lại, sinh hoạt. Ông thường xây dựng chuẩn mực để con cái làm theo. Đồ dùng, vật dụng của gia đình, cá nhân phải sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng, theo thứ tự, không để bừa bãi, lộn xộn. Bàn học của chị em tôi cũng được cha phân chia, hướng dẫn nơi để sách vở, bút mực. Ngày ấy viết bút lá tre, mực tím đựng trong lọ, để không cẩn thận là đổ tháo. Tôi cũng đã mấy lần làm đổ mực..."*.

Bà Thanh nhớ lại thời cha dạy ở Tân Lộc, sáng đi trường sớm. Chiều về, cha giúp mẹ việc đồng áng. Tối đến dạy con cái hoc bài. *"Lúc ấy tôi đang học lớp 3. Em Võ Tá Tịnh học lớp 1. Chị em tôi được cha bày cho viết chữ nét đậm, nét nhạt trên bảng kẻ bằng ô vuông. Chữ nào ngay ngắn chữ đó. Có khi cả buổi, chị em chỉ tô mỗi một chữ, tập đi, tập lại khi nào đẹp cha mới bằng lòng. Nhờ cha nghiêm khắc mà việc học hành của chị em tôi có nề nếp và tiến bộ"*.

"Có khi nào bà bị đòn roi không?". Tôi mạnh dạn hỏi. Bà Thanh thẳng thắn: *"Có chứ! Hiếm hoi lắm, cha tôi mới dùng roi vọt. Còn lúc nóng giận, ông chỉ quát nạt thôi! Hồi nhỏ tôi bị hai lần cha quất roi. Lần thứ nhất (lúc ấy tôi đang học lớp 2, 3 chi (gì) đó, tôi nấu chè đỗ đen, nhưng mải chơi chài ngoài nhà, quên mất nồi chè trên bếp, cháy khét. Nghe mùi khét, cha chạy vào bếp, dập lửa kịp thời. Đận ấy, tôi bị mấy roi sau mông.*

Lần thứ 2, cha đèo tôi đi dự liên hoan, Trường cấp 1 Thụ Lộc tổ chức đưa tiễn cha lên đường nhập ngũ. Các thầy cô giáo lưu luyến vây quanh cha chuyện trò, chúc tụng.

Bà Ngô Thị Thống (Vợ LS) và bà Võ Thị Thanh (con gái) nhà giáo - liệt sĩ Võ Đình Quế. Ảnh: Văn Lê

Cảm giác bị bỏ rơi, tôi khóc. Nư lẩy. Cha dỗ mãi không nín. Không giữ được bình tĩnh, cha đã cho tôi hai roi. Nhưng tối hôm đó về, cha ôm tôi, thơm lên tóc, lên má. Chẳng hiểu sao, nước mắt cha dàn dụa".

Dừng một lát, bà Thanh tiếp tục:

"Sau này, lớn lên tôi hiểu cha hơn. Cha tôi bên ngoài lạnh, nhưng trong lòng rất yếu mềm, rất tình cảm. Đối với con cái cũng như đối với học sinh, ông nghiêm khắc, đức tính nghiêm khắc ấy, xuất phát từ tình thương yêu, quý trọng con người. Chị em chúng tôi nên người cũng chính nhờ vào cách giáo dục nghiêm khắc ấy của cha. Cho đến khi, hiểu được cha, thì cha không còn nữa! Ân hận vô cùng!". Bà Thanh xúc động chia sẻ.

Hà Tĩnh ngày 1/7/2025

MỖI NGƯỜI
MỘT CẢNH NGỘ, THÂN PHẬN

Trước ngày thương binh - liệt sĩ, tôi cùng lãnh đạo Sở GD&ĐT Hà Tĩnh, lãnh đạo một số trường trên địa bàn thị xã Kỳ Anh đã đến thắp hương cho các liệt sĩ - nhà giáo...

Mỗi người một cảnh ngộ, một thân phận, nhưng đã anh dũng hy sinh vì độc lập - tự do cho Tổ quốc. Đó là các nhà giáo - liệt sĩ: Võ Tiến Hưởng (1938-1967); Lê Văn Sen (1950-1971); Nguyễn Tiến Thanh (1930-1967).

Hy sinh khi chưa biết mặt con

Về Kỳ Phong, chúng tôi không còn cơ hội đến thắp hương cho nhà giáo - liệt sĩ Võ Tiến Hưởng.

Hỏi thăm gia đình, được biết bố mẹ già đã mất đã lâu. Vợ ông đã *"đi bước nữa"*. Con gái Võ Thị Hương sau thời gian công tác ở Huyện ủy Kỳ Anh, về hưu đã vào Đà Nẵng sinh sống, đã mang theo bàn thờ, di ảnh, bằng Tổ quốc ghi công của bố vào thờ tự.

Thầy Trần Hữu Doãn nối điện thoại với chị Võ Thị Hương để tôi trao đổi trực tiếp. Sau lời giới thiệu, Hương nghẹn ngào: *"Năm 1960, lúc bố lên đường nhập ngũ thì mẹ đang mang thai em. Khi mẹ sinh em, bố đang ở chiến trường. Từ đó đến khi mất, em chưa gặp bố và bố cũng chưa được gặp em"*. Hương nghẹn ngào và chẳng phải ngẫu nhiên mà điện thoại ngắt sóng. Tôi hiểu tâm trạng của người con mồ côi bố từ khi vừa lọt lòng và bỗng dưng liên tưởng có phải Hương là phiên bản bé Thu trong **"Chiếc lược ngà"** của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Giữa câu chuyện thực của Hương và câu chuyện văn học của nhân vật bé Thu có điểm tương đồng là hai đứa bé sinh ra khi bố đang ở chiến trường. Nhưng khác biệt chính là bé Thu còn được gặp bố cho dù cuộc gặp gỡ ấy khó khăn đau đớn biết chừng nào, còn Hương thì không có cơ hội gặp bố trong đời thực! *"Mang dòng máu của bố, em thèm mùi mồ hôi, bàn tay vuốt ve của bố, nhưng điều đó không bao giờ có được. Bạn bè, hàng xóm đều nói em giống bố. Hàng ngày, em nhìn ảnh bố, rồi soi gương nhìn khuôn mặt mình cho đến lúc chẳng nhìn thấy gì nữa"*. Hương nghẹn ngào.

Thầy Giảng trao đổi với thầy Nguyễn Minh Đạo - Hiệu trưởng Trường THCS Kỳ Ninh và thầy Trương Công Sơn - Hiệu trưởng trường Tiểu học Kỳ Ninh rằng: Thầy Hưởng không chỉ là tấm gương tận tụy với học sinh mà còn là tấm gương *"quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh"*. Là con trai duy nhất trong gia đình, đang là giáo viên, được đồng nghiệp, học sinh, phụ huynh yêu mến, thầy Hưởng đã chích máu viết đơn tình nguyện lên đường nhập ngũ. Thầy đã hy sinh hạnh phúc gia đình cho lý tưởng độc lập tự do của Tổ quốc. Tấm gương ấy phải được lan tỏa cho các thế hệ học sinh.

Tiếng sáo thân phận

Bà Nguyễn Thị Huấn (88 tuổi) - Chị dâu nhà giáo - liệt sĩ Lê Văn Sen (1950-1971) mở cửa đón chúng tôi vào nhà. Sau khi xin phép thắp hương cho liệt sĩ Lê Văn Sen, chúng tôi bắt đầu câu chuyện. *"Điều gì khiến bà nhớ chú em liệt sĩ Lê Văn Sen nhất?"*. Tôi hỏi.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ Lê Văn Sen

Trung sĩ quân đội nhân dân Việt Nam

Nguyên quán xã Kỳ ninh, huyện Kỳ anh, tỉnh Hà Tĩnh

Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước

ngày 18 tháng 6 năm 1971

Hà-nội, ngày 9 tháng 10 năm 1975

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phạm Văn Đồng

Quyết định số 475 T.Tgc
Ngày 9 tháng 10 năm 1975
Bằng số pl 693b

TỔ QUỐC GHI CÔNG

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Đưa bàn tay gầy guộc vuốt mớ tóc bạc lòe xòe trước trán, người chị dâu nhắm mắt lắng nghe từ sâu thẳm lòng mình, rồi buông một câu không đầu, không cuối trong hơi thở: *"Tiếng sáo"*. *"Bà vừa nhắc tiếng sáo? Chú Sen biết thổi sáo!?"*. Thầy Nguyễn Minh Đạo (THCS Kỳ Ninh) hỏi.

Chân dung nhà giáo - liệt sĩ Lê Văn Sen.
Ảnh: gia đình cung cấp, Trần Thanh Cần chỉnh sửa

"Không những biết mà thổi lúc khoan, lúc nhặt, lúc trầm, lúc bỗng, não lòng lắm". Bà Huấn nhớ lại.

Tất cả chúng tôi không ai nói gì, đều nhìn ra sân. Tiếng gió thổi hòa với tiếng sóng biển và tiếng xe chạy không thể lấn át được tiếng sáo đang vang lên đâu đó trong tâm hồn mỗi người. Rằng đó là cây sáo trúc, được Sen hong khô, chuốt lá chuối nhẵn thín. Sen không khoét mà dùng dùi sắt nung đỏ trong lửa. Sen đọc tấu rất hay bài dân ca: **"Bèo dạt mây trôi"**. Tiếng sáo như ai oán, vận vào thân phận.

Không ai bảo ai, chúng tôi nghe như nuốt từng lời: Ông Lê Toại kết hôn với bà Lê Thị Dỷ, sinh được bốn trai: Lê Bá Thông, Lê Bá Tâm, Lê Quý Đạt, Lê Xuân Lan. Khi bà Lê Thị Dỷ qua đời, ông Lê Toại *"sang ngang"*, lấy bà Nguyễn Thị Dỵ, sinh được ba con (hai gái, một trai). Hai con gái yểu mệnh, còn con trai út là Lê Văn Sen. Ông Lê Toại mất. Bà Nguyễn Thị Dỵ ở vậy nuôi con. Nhà nghèo, khó khăn chồng chất, nên Lê Văn Sen phải đi ở cho gia đình cố Thắng Hỷ cùng làng. Chăn trâu ngoài đồng, cây sáo là người bạn của Sen. Những lúc buồn vui, Sen gửi hồn mình vào tiếng sáo (Tôi cứ mường tượng tiếng sáo của Sen sao mà giống tiếng sáo của trẻ mồ côi đi ở chăn trâu trong truyện cổ tích!?). Sen sáng dạ, nên cố Thắng Hỷ cho Sen đi học. Lên lớp bốn, chị dâu là bà Nguyễn Thị Huấn xin cố Thắng Hỷ cho Sen về tiếp tục đến trường. Tốt nghiệp lớp 7, Sen đăng ký lớp sư phạm cấp tốc. Ra trường, Sen về dạy tại trường cấp 1 Kỳ Ninh. *"Ngoài giảng dạy, Sen là hạt nhân phong trào văn nghệ. Tiếng sáo của Sen mang lại niềm hưng phấn cho các em học sinh, nhất là những năm chiến tranh, không chỉ khu Bốn là"chảo lửa túi bom, mà cả miền Bắc nở rộ phong trào "tiếng hát, át tiếng bom"*.

Đầu năm 1971, thầy giáo Lê Văn Sen xung phong lên đường nhập ngũ. *"Đêm trước lúc lên đường, trăng sáng lắm, chú ra ngõ, vẫn thổi bài: "Bèo dạt mây trôi". Trong hành trang chú mang theo là cây sáo trúc"*. Bà Huấn kể.

Cuối năm 1971, Lê Văn Sen hy sinh. Năm 1972, gia đình nhận được giấy báo tử.

"Chú hi sinh khi vừa tròn 21 tuổi, chưa có mảnh tình vắt vai". Bà Huấn vén áo lau nước mắt.

Đứng trước bàn thờ hay khi ngồi trong phòng, bước ra sân, ra vườn, ra ngõ, hay trên đường về, trong lòng chúng tôi âm vang tiếng sáo trúc lúc gần, lúc xa, lúc trầm, lúc bỗng. Tiếng sáo ấy không phải là khúc *"bèo dạt mây trôi"* nữa mà như găm vào lòng chúng tôi. Liệt sĩ Sen cũng không còn *"bèo dạt mây trôi"* nữa bởi phần mộ đã được đưa về an táng trang trọng trong nghĩa trang gia tộc.

Bố là người thầy đầu tiên

Nhà giáo - Liệt sĩ Nguyễn Tiến Thanh sinh được ba người con gái. Con gái đầu là Nguyễn Thị Hoa (sinh năm 1958), hiện trú quán tại Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh và hiện tại là người thờ cúng Liệt sĩ Nguyễn Tiến Thanh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ : Nguyễn Tiến Thanh

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam
Quê quán: xã Kỳ Ninh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước
ngày 26 tháng 6 năm 1967

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2024
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Quyết định số: 61/TTg
Ngày 3 tháng 4 năm 1968
Bằng số CM 492 /CL

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Trong ký ức của Hoa, bố Thanh là thầy giáo mẫu mực. *"Bố viết chữ đẹp, khéo tay, hát hay, vẽ giỏi"*. Hoa tự hào.

Đối thoại với chúng tôi, Hoa chỉ nhớ (mang máng) có thời kỳ bố dạy ở cấp 1 Kỳ Ninh và sau đó vào dạy ở Kỳ Lợi. *"Ấn tượng của Hoa về bố lúc nhỏ là gì?"*. Tôi hỏi. Hoa không ngần ngại trả lời: *"Bố dạy cho Hoa cách đánh vần và viết chữ. Bố là thầy giáo đầu tiên của Hoa. Mấy chục năm trôi qua, Hoa chẳng thế nào quên được cái cách mà bố bày cho Hoa nhận mặt chữ: "O tròn như quả trứng gà/ Ô thì đội nón/ Ơ thì mang râu". Bố cầm tay, dạy Hoa từng nét chữ, nét đứng, nét uốn, nét móc; trình tự viết chữ: trái trước phải sau, trên trước dưới sau. Buổi chiều nào bố về, là Hoa lại đòi bố dạy cho học. Nhiều khi phát âm méo cả mồm, viết chữ sái cả tay"*.

TS. Nguyễn Thị Nguyệt - TUV - Giám đốc Sở GD&ĐT Hà Tĩnh tri ân nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Tiến Thanh. Ảnh: Văn Lê

Những năm 60 dạy học ở Kỳ Lợi, nhất là khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, con đường từ nhà (Kỳ Ninh) sang Kỳ Lợi trên dưới 30 km, nhưng phải đi qua những trọng điểm không ngớt bom đạn như bến đò Vịnh (sông Vịnh) hay cầu Hòa Lộc (Kỳ Trinh). Có khi cả tuần Thầy Thanh ở trọ lại nhà dân cạnh trường, cuối tuần mới về nhà.

Trước ngày 27/7/2025, lãnh đạo Sở GD&ĐT đến thăm hỏi gia đình liệt sĩ Nguyễn Tiến Thanh. Trong ảnh. Bên phải: TS Nguyễn Thị Nguyệt-GĐ Sở GD&ĐT; vợ chồng Nguyễn Thị Hoa; thầy Đậu Quang Hồng - Trưởng Phòng PTTH. Bên trái: từ trong ra: thầy Nguyễn Minh Đạo - HT Trường THCS Kỳ Ninh; thầy Hoàng Trọng Nam - Giám đốc GDNN-GDTX thị xã Kỳ Anh. Ảnh: Văn Lê

Cuối năm 1964, thầy giáo Nguyễn Tiến Thanh rời bục giảng, lên đường nhập ngũ. Thầy được biên chế vào đơn vị công binh. Ngày 16/6/1967 Tiến Thanh cùng đồng đội rà phá bom mìn tại khu vực Xuân An (phà Bến Thủy) và anh dũng hy sinh khi đang làm nhiệm vụ.

Ông Trần Văn Xem (sinh năm 1956, chồng chị Nguyễn Thị Hoa) cho biết*: "Sau khi bố mất, đơn vị, dân quân, nhân dân Xuân An mai táng bố tại nghĩa trang Xuân An. Năm 1997, con cháu, gia tộc cất bốc di dời thi hài về nghĩa trang gia đình"*. Còn bà Nguyễn Thị Hoa ngậm ngùi, xa xót: *"Bốn năm bố nhập ngũ, đầu năm 1965, bố có tạt về thăm nhà. Lần đó, mẹ mang thai em út Nguyễn Thị Minh. Thương em chào đời, mồ côi bố!"*.

Hà Tĩnh 25/6/2025

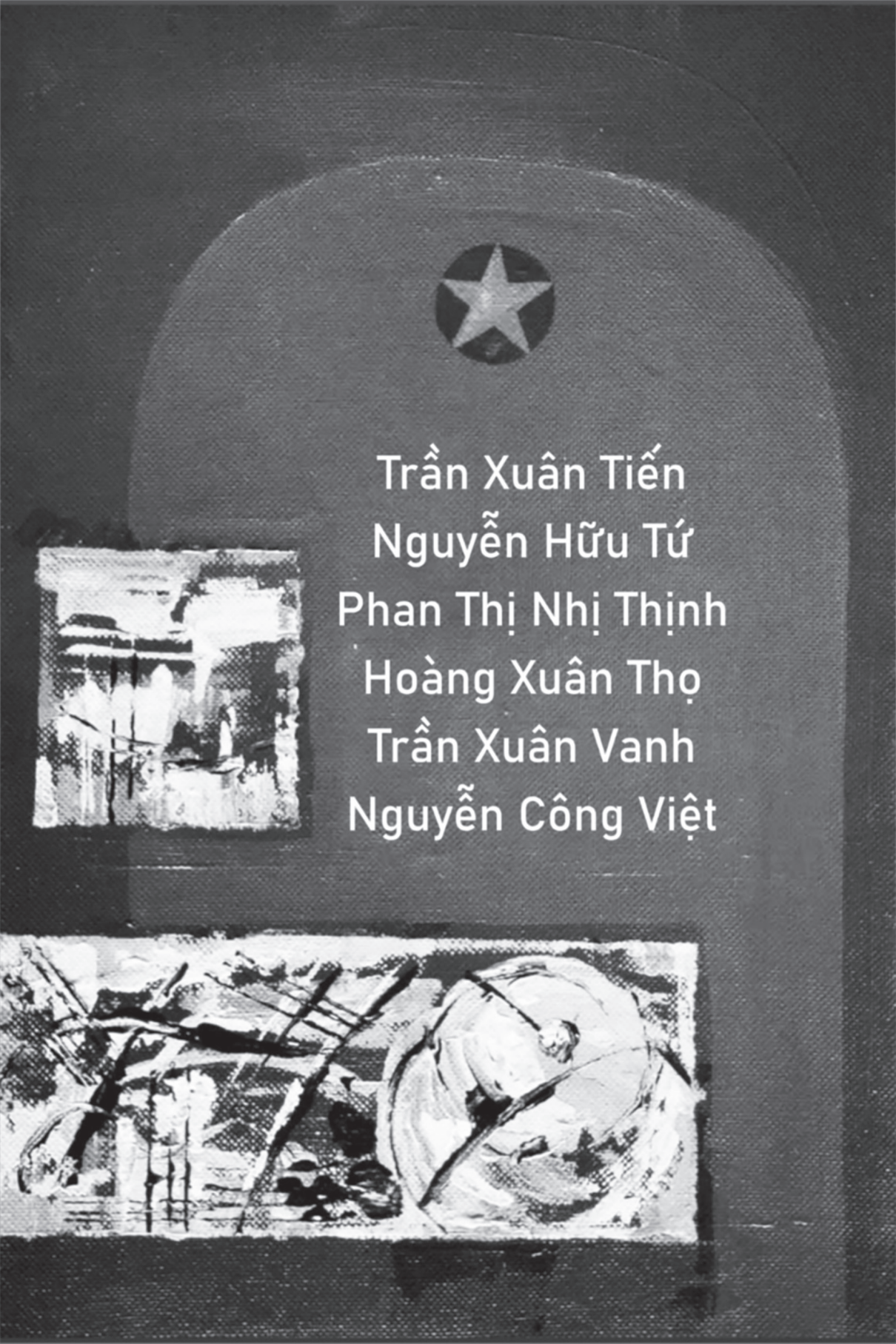
Trần Xuân Tiến
Nguyễn Hữu Tứ
Phan Thị Nhị Thịnh
Hoàng Xuân Thọ
Trần Xuân Vanh
Nguyễn Công Việt

VƯỢT LÊN CHÍNH MÌNH

Thời gian nghiệt ngã. Chiến tranh. Thiên tai, dịch bệnh. Sáu mươi năm đã trôi qua. Những kỷ vật của thầy giáo-liệt sĩ Trần Xuân Tiến (còn có tên gọi Trần Tiến) (1946-1976) hoặc mất mát, thất lạc, hoặc bị tàn phai theo năm tháng... Cho nên, đối với tôi, tấm bằng tốt nghiệp Đại học của thầy mà cô Nguyễn Thị Kim Liên (vợ thầy giáo-liệt sĩ Trần Xuân Tiến) rưng rưng cầm trên tay trao cho tôi xem, chứa đựng một giá trị đặc biệt, vừa thiêng liêng, vừa xúc động.

Từ tấm bằng tốt nghiệp Đại học

Tấm bằng ấy, tôi đọc được không chỉ những con số khô khan về ngày sinh, tháng đẻ: 30/12/1946; về chuyên ngành đào tạo: Hóa học; về khóa học: 1966-1969; về thời gian *"tập trung ba năm"* mà còn cảm nhận được bao nhiêu điều không ghi trong văn bản hành chính. Trên đó, dòng chữ *"Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Vinh căn cứ Quyết đinh công nhận tốt nghiệp số 579/ QĐ ngày 18/8/1969 của Bộ Giáo dục"* để *"cấp bằng tốt nghiệp Đại học"* cho sinh viên Trần Xuân Tiến, vang lên như một dốc mốc thiêng liêng, ghi nhận hành trình tri thức và lý tưởng của thầy!

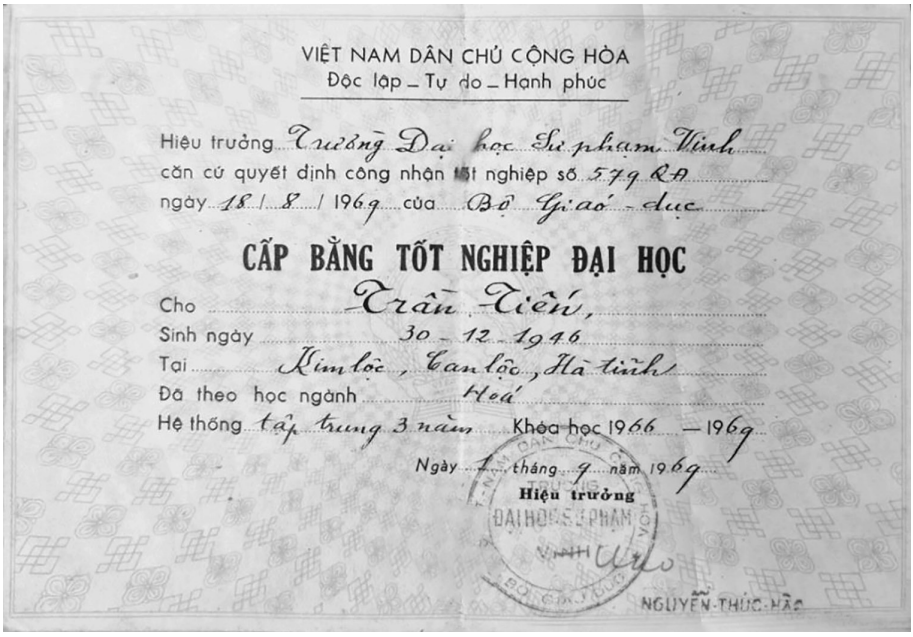

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Vinh
căn cứ quyết định công nhận tốt nghiệp số 579 QĐ
ngày 18 / 8 / 1969 của Bộ Giáo - dục

CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Cho Trần Tiến,
Sinh ngày 30 - 12 - 1946
Tại Kim lộc, Can lộc, Hà tĩnh
Đã theo học ngành Hoá
Hệ thống tập trung 3 năm Khóa học 1966 – 1969

Ngày 1 tháng 9 năm 1969
Hiệu trưởng
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM VINH
NGUYỄN THÚC HÀO

Bằng tốt nghiệp Đại học chính quy của nhà giáo - liệt sĩ Trần Tiến do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Tôi biết khóa học 66-69, là thời gian chiến tranh ác liệt. Trường Đại học Sư phạm Vinh sơ tán tại Thạch Thành; huyện miền núi Thanh Hóa. Sinh viên vào rừng chặt tre đẵn gỗ, đào hào đắp lũy, làm lán để thích ứng với hoàn cảnh chiến tranh. Tôi biết, không chỉ mình sinh viên Trần Xuân Tiến mà tất cả sinh viên phải khắc phục hoàn cảnh khó khăn của thời chiến để hoàn thành chương trình. Để có được tấm bằng của Hiệu trưởng, Tiến cũng như bạn bè đã miệt mài học tập. Thời chiến tranh, ôn thi, ngọn đèn dầu chỉ le lói sáng đủ soi rõ con chữ. Ấy vậy mà, Trần Xuân Tiến nỗ lực vượt lên, đạt kết quả ưu tú.

Chỉ riêng ngày tháng ký tên của Hiệu trưởng Trần Thúc Hào - 1/9/1969 - đã phủ nhận thông tin rằng thầy Trần Xuân Tiến

về công tác tại trường cấp 3 năm 1968. Nếu tính từ năm 1969, khi thầy được phân công về Trường cấp 3 Nghi Xuân, thì thời gian công tác của thầy ở đây kéo dài 6 năm. Trước khi cùng thầy Trần Đình Sửu tìm đến gia đình thầy giáo - liệt sĩ Trần Xuân Tiến, chúng tôi đã về Nghi Xuân tìm gặp thầy Trần Huy Châu; người cùng thời, cùng dạy, cùng được cử biệt phái vào Đắk Lắk sau giải phóng. Nhắc đến đồng nghiệp, thầy Châu xót xa: *"Thương tiếc quá! Thầy Tiến là thầy giáo tài hoa, không chỉ dạy giỏi mà dạy hay. Ấn tượng của tôi khi dự giờ của thầy Tiến không chỉ chữ đẹp, cách trình bày bảng khoa học, giúp học sinh dễ nhớ mà ở cách gắn bài dạy với đời sống. Những hóa chất ngỡ như khô khan trong sách, thầy Tiến đã hướng các em trở về với những chất gần gũi có trong nhà, trong bếp như mắm, muối vv... nên tạo hứng thú học môn Hóa học cho học sinh"*.

Thầy Trần Huy Châu tiếp tục chia sẻ: *"Năm 1965, trường cấp 3 Nghi Xuân thành lập. Tôi là lớp giáo viên có mặt đầu tiên. Đó là những năm chiến tranh, trường sơ tán đến Xuân Mỹ. Tổ Tự nhiên Toán, Lý, Hóa trọ ở nhà ông Hóa; Tổ xã hội trọ ở nhà ông Gia. Thầy Kỷ làm Hiệu trưởng. Buổi đầu mới thành lập, tổ chức Chi bộ gồm trường cấp 2 Nguyễn Du và trường cấp 3 chúng tôi. Năm 1969, thầy Tiến về trường thì tôi được điều động dạy trường Trung cấp Sư phạm ở Hương Sơn. Năm 1972, tôi trở lại cấp 3 Nghi Xuân, cùng tổ bộ môn với thầy Tiến. Nhưng hai năm sau, tôi được điều động biệt phái đi Nam. Thời gian đầu, vào Đăk Lắk, tôi giúp Ủy ban quân quản kiểm kê cơ sở vật chất, tư vấn công tác lưu dung giáo viên, nhất là đội ngũ giáo viên tự nhiên, sau đó, trực tiếp giảng dạy tại trường PTTH Buôn Ma Thuột"*. Thầy Châu kể.

Sau giải phóng, miền Nam đối mặt với bao khó khăn, thách thức. Trước mắt cũng như lâu dài nhiều việc phải làm. Với ngành giáo dục, từng bước thống nhất nền giáo dục từ vĩ mô đến vi mô, từ đường lối chiến lược đến Chương trình, sách giáo khoa. Để vận hành giáo dục sau giải phóng, chúng ta cần bổ sung đội ngũ giáo viên đông đảo. Khóa 13 (1972-1976) Đại học Sư phạm Vinh chúng tôi hầu hết được điều động bổ sung lực lượng cho miền Nam, và tôi biết thầy Trần Xuân Tiến là giáo viên biệt phái bổ sung cho trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lăk. *"Tôi nhớ là nhà tôi ra đi vào tháng 2/1976. Nhà tôi cùng đồng nghiệp tập trung tại Ty Giáo dục Hà Tĩnh rồi lên xe vào Nam công tác. Sau đó, nhà tôi gửi thư về, mẹ con tôi mới biết, nhà tôi vào công tác tại Trường CĐSP Đắk Lắk. Lúc ấy, con trai thứ 2 của chúng tôi là Trần Thanh Thế mới 3 tháng tuổi, con trai đầu Trần Việt Thắng lên 4"*. Cô Nguyễn Thị Kim Liên nhớ lại.

Còn thầy Trần Duy Châu kể*: "Năm 75, tôi vào ĐắK Lắk, năm sau 1976, Tiến cũng vào Đắk Lắk, nhưng hai người ở 2 đơn vị khác nhau. Tôi công tác tại Trường PTTH Buôn Ma Thuột, còn Tiến công tác ở Trường CSĐSP Đắk Lắk, cách nhau một vài cây số, nhưng hiếm khi gặp nhau"*.

Hoàng hôn đẫm máu

Sau năm 1975, ở Đắk Lắk nói riêng, Tây Nguyên nói chung, tình hình trật tự trị an ổn định dần, Fulro đã bị đánh bật khỏi biên giới, nhưng tàn quân còn sót lại. Chúng hoạt động tinh vi, manh động. Được bọn phản động nước ngoài hà hơi, tiếp sức, chúng lập ra nhóm vũ trang phản động lấy tên *"lính Đề ga"* khủng bố, phá hoại, táo tợn hơn là lật đổ chính quyền, thành lập nhà

nước Đề ga. Thầy Trần Xuân Tiến đã bị bọn Fulro sát hại đẫm máu trên đường đi công tác.

Tôi đã có cuộc đối thoại với người thân, đồng nghiệp về cái chết đau đớn của thầy giáo Trần Xuân Tiến.

Văn Lê:

Thưa thầy! Thầy Tiến hy sinh trong hoàn cảnh nào?

Thầy Trần Duy Châu:

Tôi không chứng kiến, nhưng ngày hôm sau nghe anh em kể lại, thầy Tiến hy sinh ở Hàm Tân, Bình Thuận, bọn Fulro đã tàn độc nổ súng sát hại thầy.

Thầy Trần Cừ: (anh con bác thầy Trần Xuân Tiến):

Lúc ấy, tôi đang công tác ở Hương Thủy, thành phố Huế. Khoảng tháng 6/1976, thầy Quán (Thanh Lộc, xã Gia Hanh) và thầy Khoa (Thạch Hà) công tác tại Trường CĐSP Đăk Lắk - đại diện cho Nhà trường mang vòng hoa, tư trang của chú Trần Xuân Tiến về, làm lễ truy điệu, thì tôi có mặt ở đó. Vợ con Tiến lúc ấy vô cùng xót xa, đau đớn. Còn tôi, cố gắng trấn tỉnh để tìm hiểu thông tin. Thầy Quán kể lại như sau: Ngày 16/4/1976, thầy Trần Xuân Tiến được cử vào cơ sở 2 Bộ GD&ĐT tại TP Hồ Chí Minh nhận thiết bị, thí nghiệm cho trường. Thầy lên xe đò. Dọc đường, xe bị hỏng, nên đến đoạn đường rừng Bình Tuy hẻo lánh thuộc huyện Hàm Tân, Bình Phước thì trời vừa chập choạng. Khi xe khách đến khúc cua dưới chân núi, bọn Fulro, lăm lăm súng, chặn xe, gầm thét đuổi hành khách xuống xe. Chú Tiến ngồi hàng ghế trước, mặc áo trắng, quần ống đứng, sơ vin ngay ngắn, vừa bước xuống xe, chúng nổ súng. Chú Trần Xuân

Tiến đổ xuống sóng soài bên vệ đường. Vừa lúc ấy, có đoàn xe quét đèn pha đi sau, lũ khát máu Fulro bỏ chạy… Mặc dầu được cứu chữa, nhưng vết thương quá nặng, chú Tiến đã hy sinh. Thi thể chú Trần Xuân Tiến được an táng ngay chân núi Hàm Tân, Bình Phước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ Trần Xuân Tiến

Đã hy sinh

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phạm Văn Đồng

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA TÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Văn Lê:

Thật xót xa, đau đớn!

(Tất cả chúng tôi, im lặng. Tôi cố hình dung vụ thảm sát đẫm máu vào lúc hoàng hôn khuất sau núi. Ráng chiều đỏ thẫm như máu.)

Văn Lê (phải) và cô Nguyễn Thị Kim Liên (vợ thầy Tiến), cháu Trần Thanh Thế (con thầy Tiến) tại nhà riêng.
Ảnh: Trần Đình Sửu

Văn Lê:

Bây giờ, mộ thầy Trần Xuân Tiến ở đâu?

Cô Nguyễn Thị Kim Liên:

Sau khi nhà tôi mất, chú Trần Xuân Tần có vào thăm mộ. Nhân dịp kỷ niệm ngày thương binh-liệt sĩ 27/7, thi hài chồng tôi được cất bốc vào nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Bình Thuận. Năm 2010, mẹ con, anh em nội ngoại chúng tôi hoàn tất thủ tục chuyển thi hài từ nghiã trang liệt sĩ Bình Thuận về nghĩa trang gia tộc ở Cơn Mướp, xã Kim Lộc, huyện Can Lộc nay là xã Trường Lưu, tỉnh

Hà Tĩnh. Không săn sóc được chồng lúc sống, thì mẹ con tôi hương khói cho chồng lúc về thế giới bên kia. Tôi chỉ mong vong linh chồng tôi siêu thoát!

(*Nói rồi, cô Liên nấc lên nghẹn ngào, xa xót*)

Vượt lên chính mình

Nhà giáo - liệt sĩ Trần Xuân Tiến qua đời, bỏ lại vợ trẻ và hai con thơ dại. Thời điểm đó, con trai đầu lên năm, con thứ mới 13 tháng tuổi. Ở tuổi 27, Cô Nguyễn Thị Kim Liên tuổi 27, trẻ trung, mặn mà vừa mang vẻ đẹp của gái Trường Lưu : *"Xôi nếp cái, gái Trường Lưu"*, vừa mang vẻ đẹp truyền thống gia đình tri thức.

Chân dung nhà giáo - liệt sĩ Trần Xuân Tiến
Ảnh: Gia đình cung cấp

Sinh thời bố cô là Phó Trưởng ty giáo dục Hà Tĩnh. Bố chồng cũng là nhà giáo. Khó khăn lớn nhất của cô giáo Liên không chỉ là đời sống vật chất, nỗi cô đơn, hai vai gánh vác việc trường việc nhà với đồng lương nhà giáo không đủ trang trải cuộc sống mà cô phải đối mặt với chính mình, với những cám dỗ đời thường, những phút mềm lòng mà ở đời mấy ai vượt qua được!?

Chưa hết, hai đứa con trai, mất bố làm sao có thể dạy dỗ nó trưởng thành. Có đặt vào hoàn cảnh người vợ, người mẹ, cô đơn mới có thể chia sẻ và thấm hiểu được, hơn nửa thế kỷ qua, người mẹ, người vợ, người phụ nữ trí tuệ, xinh đẹp đã cắn răng, trằng mắt chiến đấu quyết liệt với chính mình để giữ trọn đạo hiếu với cha mẹ, lòng chung thủy sắt son với chồng và điểm tựa vững vàng cho con cái trưởng thành.

Đối diện với người vợ liệt sĩ ở tuổi *"thất thập cổ lai hy"*, hình hài nhỏ choắt lại, nhưng ánh mắt rực sáng, tự tin, kiêu hãnh. Người đàn bà đã đi qua đau khổ chính mình, chuốt mình lại để con cháu nên người.

Cô Nguyễn Thị Kim Liên có quyền kiêu hãnh vì trưởng thành của con cháu. Con trai đầu Trần Việt Thắng, tiếp tục nối nghiệp ông nội, ông ngoại và bố Tiến. Con trai thứ là chiến sĩ quân đội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, giống bố như lột. Dâu, con, cháu chắt mang gien di truyền dòng máu họ Nguyễn, họ Trần đất Trường Lưu làm rạng danh tổ tiên, dòng họ. Năm cháu (hai trai, ba gái) đã có một cháu trưởng thành, ba cháu đang tu nghiệp ở các trường đại học. Các cháu chăm ngoan, học giỏi. Hẳn rằng nhà giáo - liệt sĩ Trần Xuân Tiến mỉm cười nơi chín suối.

Hà Tĩnh 22/7/2025

CHUYẾN ĐÒ ĐỊNH MỆNH

Có dịp ghé qua Đức Thọ, thế nào tôi cũng trở về bến Tràng. Nơi bến đò xưa giờ đã bắc cầu. Nhưng chẳng hiểu căn nguyên gì mà trên bến đò ngày xưa, phượng vĩ xanh tốt, chớm hè đã bung hoa. Màu đỏ bông phượng nơi đây như giọt máu. Cư dân bên sông kể rằng, cứ hoàng hôn, nhìn mặt sông, loang loáng sắc tím bầm.

Vào đêm khuya 14 hay 30, nhìn trên sông lãng đãng con thuyền như ánh trăng, chở hai người mặc áo trắng ngồi đọc sách, rồi mất hút vào sương khói huyền hoặc…

Đáy bể mò kim

Dòng sông thời gian lặng lẽ trôi qua năm tháng vô cùng nghiệt ngã cuốn chìm không ít sự kiện vào quên lãng. Chiến tranh, thiên tai, địch họa; mưa nắng thiên nhiên cũng như mưa nắng đời người; cuộc đời *"bãi bể nương dâu"*, công tác lưu trữ hồ sơ tổ chức cán bộ không phải lúc nào cũng thuận buồn xuôi gió, nên, tìm kiếm thông tin liệt sĩ là công việc *"đáy bể mò kim"*.

Lần đến trường cũ, cán bộ quản lý, GV cùng thời với liệt sĩ hoặc đã quá cố, hoặc đã chuyển công tác. Hồ sơ lưu giữ không có

gì. Tìm đến Phòng truyền thống, có được chút ít thông tin tên tuổi, thời gian công tác đã quá may mắn. Tìm đến gia đình, người thân đã không còn, nếu có còn cũng nhớ nhớ quên quên. Vì lẽ đó, công tác thu thập thông tin không dễ dàng gì.

Ngày 20/5/2025, sau khi tìm được những thông tin cơ bản về liệt sĩ Nguyễn Hữu Tứ (1942-1967) quê quán Yên Hòa, xã Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên, nguyên GV trường cấp 3 Vĩnh Linh, tôi cùng thầy Tiệp, thầy Doãn đã khâu nối với thầy Đặng Hoài Liệu (Chủ tịch HCGC huyện Cẩm Xuyên), thầy Dương Văn Lâm (nguyên Phó Chánh Thanh tra Sở GD&ĐT Hà Tĩnh) tìm đến gia đình Liệt sĩ Nguyễn Hữu Tứ thắp hương, thu thập thông tin cho bài viết.

Đón chúng tôi là Nguyễn Hữu Tuấn (sinh năm 1989), cháu gọi Liệt sĩ Tứ bằng chú.

Theo Tuấn, ông Nguyễn Hữu Thị (1909-1981) bà Lê Thị Vượng (1908-1990) sinh được 5 người con (4 trai một gái, bố của Nguyễn Hữu Tuấn là con trai cả, Liệt sĩ Nguyễn Hữu Tứ là con trai thứ 4.

Bố mẹ và ba anh em trai đã mất, chỉ còn chị gái Nguyễn Thị Lạc (sinh năm 1938) còn sống ở thôn Minh Hòa, xã Yên Hòa, huyện Cẩm Xuyên.

Cháu Nguyễn Hữu Tuấn hiện nay hương khói cho tổ tiên và chú ruột Liệt sĩ Nguyễn Hữu Tứ. Những kỷ vật về chú ngoài bức ảnh thờ, Bằng Tổ quốc ghi công không có gì khác. Ký ức về chú cũng không nhiều, vì lúc chú mất, Tuấn chưa sinh.

Thắp hương cho liệt sĩ Nguyễn Hữu Tứ và gia tiên họ Nguyễn Hữu, chúng tôi được cháu Tuấn dẫn đường đến nhà cô Nguyễn

Thị Lạc. Bà Lạc con thứ 3, liệt sĩ Tứ con thứ 4. Tôi khấp khởi hy vọng sẽ khai thác được nhiều chi tiết chân thực từ bà chị ruột.

Ở tuổi 83, bà Lạc nhớ nhớ quên quên. Nhắc đến em trai nước mắt bà dàn dụa. Ký ức của bà về đứa em trai ruột thịt đứt nối. Chúng tôi kiên nhẫn, chờ đợi, khơi gợi từ những chi tiết nhỏ nhất để bà Lạc hồi ức về liệt sĩ Nguyễn Hữu Tứ. Và dần dần, qua những tư liệu thu thập được qua nhiều kênh, chân dung liệt sĩ Nguyễn Hữu Tứ đã hiện dần lên.

Chân dung liệt sĩ Nguyễn Hữu Tứ

Nguyễn Hữu Tứ sinh ra trong một gia đình cách mạng. Bố từng giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã. Mẹ phụ trách Hội Phụ nữ xã. Anh trai đầu Nguyễn Tâm Nhuận (1928-1999) nguyên Phó Ty Công an Hà Tĩnh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ : Nguyễn Hữu Tứ

Giáo viên cấp III

Nguyên quán: xã Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh

Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước

ngày 21 tháng 9 năm 1967

Hà Nội, ngày 2 tháng 6 năm 2020
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Quyết định số: 553/TTg
Ngày 13 tháng 12 năm 1973
Bằng số LA 828 /CL

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Trong ký ức của bạn bè cùng thời, Tứ trắng trẻo, thông minh, trầm tính. *"Tui (tôi) học cấp 1, cấp hai với em nó. Lên cấp 3, nhường em học. Tui ở nhà đi làm giúp bố mẹ"*. Bà Lạc nhớ lại.

Lên cấp 3, học tại trường cấp 3 Phan Đình Phùng, Thị xã Hà Tĩnh, Tứ xa gia đình, ở trọ tại xã Thạch Đài. *" Em đi học thuận lợi, vì có anh trai làm ở Ty Công an lo ăn uống cho đến sách vở bút giấy"*. Bà Lạc kể.

Thời gian học cấp 3 Phan Đình Phùng, Tứ được học với các thầy giáo lừng danh. Tứ say mê, có năng khiếu các môn Tự nhiên và ao ước sau này trở thành thầy giáo. Tốt nghiệp lớp 10, Tứ đầu đơn vào ĐHSP Vinh." *Hồi đó, cả xã Yên Hòa chỉ có 2 học sinh đậu vào Đại học. Đó là Tứ và Nguyễn Tế Nhị (con ông Nguyễn Đắc Huỳnh. Nhị đầu đơn vào ĐH Thương mại"*. Thầy Đặng Hoài Liệu (Chủ tịch HCGC) Cẩm Xuyên thông tin.

Tốt nghiệp ĐHSP, Tứ được phân công vào công tác tại trường cấp 3 Vĩnh Linh.

Năm 1964, bị thua to ở miền Nam, đế quốc Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại ra miền Bắc nhằm *"kéo miền Bắc về thời đồ đá cũ"*. Khu Bốn trở thành *"chảo lửa túi bom"*. Nhân dân miền Bắc vừa sản xuất, vừa chiến đấu, với phương châm: *"Giặc đến là đánh, giặc đi là sản xuất"* đã làm phá sản ý đồ quân xâm lược. Ngày 13/7/1967, đế quốc Mỹ đem máy bay B52 rải thảm cày nát Vĩnh Linh. Để bảo toàn lực lượng và tính đến chiến lược lâu dài, một mặt dân quân, du kích, nhân dân Vĩnh Linh tàng ẩn vào địa địa đạo sâu trong lòng đất, một mặt di chuyển các em học sinh đến vùng an toàn như Tân Kỳ, Nghệ An và Thanh Hóa.

Năm đầu tiên về công tác tại trường cấp 3 Vĩnh Linh, thầy Nguyễn Hữu Tứ được giao nhiệm vụ đi tiền trạm để chuẩn bị đưa 400 học sinh tập kết ra Tân Kỳ, Nghệ An.

Từ Vĩnh Linh, qua Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An là trọng điểm đánh phá ác liệt của máy bay Mỹ. Làm sao để đưa được các em học sinh tập kết đến Tân Kỳ một cách an toàn không hề dễ dàng. Gần 500 km, hàng chục trọng điểm không ngớt bom đạn.

Bà Lạc nhớ lại: *"Hôm ấy, khoảng 9 hay 10 giờ sáng, cậu Tứ và một người bạn nữa lai nhau xe đạp về nhà. Sau tôi mới biết, người cùng đi là em Thiện, học sinh lớp 9. Thầy trò to cao như nhau. Hai thầy trò ngủ lại một đêm, sáng mai ăn sáng rồi ra đi, đến chiều, gia đình choáng váng nhận được tin em trai và học trò đã hy sinh"*. Bà Lạc rưng rưng nước mắt.

Trong sổ tay anh trai Nguyễn Tâm Nhuận còn ghi ngày 21/9 dl (tức ngày 18/8 âl) hai thầy trò Nguyễn Hữu Tứ hy sinh trên đường làm nhiệm vụ tại bến đó Tràng (Đức Lạng, Đức Thọ).

Khâu nối nhiều thông tin khác, chúng tôi được biết, năm 1967, dọc sông Lam, sông La, bờ biển, giặc Mỹ thả ngư lôi nhằm ngăn chặn chi viện của hậu phương miền Bắc với miền Nam. Đò Tràng, bến đò ngang sông Ngàn Sâu qua Đức Lạng là địa điểm giặc Mỹ thả ngư lôi.

Tháng Tám, mùa mưa, nước từ Ngàn Trươi, Ngàn Sâu đổ về mênh mông. Xế chiều, hai thầy trò, vác xe đạp lên đò ngang. Trời nổi lốc. Mưa. Nước duềnh lên. Người lái đò không làm chủ được mái chèo. Thuyền trôi vào bãi thủy lôi. Tiếng nổ xé nước.

Thuyền tan tành. Thể xác hai thầy trò và người lái đò hòa vào sông nước. Mãi mãi thầy Tứ tuổi 25 và học sinh Thiện 17 tuổi. *"Võ yên bờ bãi mãi ngàn năm"*.

Người ta nói: *"Thầy giáo là người lái đò… "*. Hình ảnh con thuyền tri thức ám ảnh đi suốt cuộc đời không chỉ riêng tôi. Con thuyền định mệnh trong hoàn cảnh cụ thể của thầy trò Nguyễn Hữu Tứ cho tôi suy ngẫm thêm về biểu tượng con thuyền mà mỗi lần nghĩ về, lòng ta không khỏi bùi ngùi thương nhớ…

Cháu Nguyễn Hữu Tuấn lau nước mắt xót xa: *"Hiện nay, gia tộc đã xây cho ông chú phần mộ trong nghĩa trang, nhưng cũng chỉ là "mộ gió" thôi!"*

Chúng tôi lặng lẽ, nhìn ra ngoài. Như nghĩ ra điều gì, bà Lạc mấp máy đủ mình nghe *"Thương lắm. Răng nỏ về ăn kiệu nà!? Chỉ thương con Cúc!"*.

Tôi khơi gợi *"Sinh thời cậu Tứ thích món gì?"*. Như chợt nhớ ra, bà Lạc khẽ khàng: *"Khoai với cà, kiệu"*. Vâng đấy là món đặc sản của vùng quê bãi ngang.

"Thưa bà, bà vừa nhắc đến Cúc, vậy Cúc là ai?". Tôi hỏi. Phải một lúc, bà Lạc mới sực nhớ ra: *"Người yêu cậu. Cúc con cố Thu"*.

Được biết, mê Tứ học giỏi, lại hiền lành, Cúc đem lòng yêu.

Sau Khi Tứ hy sinh, Cúc năng đi lại, săn sóc, an ủi gia đình bố mẹ người yêu. Khi yêu nhau, Tứ ngỏ lời: *"Anh đi sư phạm và sau này em cũng đi sư phạm. Chúng mình cùng làm nghề lái đò em nhé!"*.

Bà Nguyễn Thị Lạc (chị gái LS Nguyễn Hữu Tứ)
hồi ức về em trai. Ảnh: Văn Lê

Nhớ lời Tứ, Cúc đầu đơn vào sư phạm và trở thành cô giáo[1]. Cúc biết, dẫu Tứ không còn, nhưng trên chuyến đò tri thức, linh hồn anh luôn trở về động viên, chia sẻ, phù hộ độ trì cho đồng nghiệp, học sinh và cho Cúc…

Có dịp ghé qua Đức Thọ, thế nào tôi cũng trở về bến Tràng. Nơi bến đò xưa giờ đã bắc cầu. Nhưng chẳng hiểu căn nguyên gì mà trên bến đò ngày xưa, phượng vĩ xanh tốt, chớm

[1] *Có ý kiến cho rằng cô Cúc không làm nghề dạy học.*

hè đã bung hoa. Màu đỏ bông phượng nơi đây như giọt máu. Cư dân bên sông kể rằng, cứ hoàng hôn, nhìn mặt sông, loang loáng sắc tím bầm.

Vào đêm khuya 14, nhìn trên sông lãng đãng con thuyền như ánh trăng, chở hai người mặc áo trắng ngồi đọc sách, rồi mất hút vào sương khói huyền hoặc…

Hà Tĩnh 22/5/2025

MÃI MÃI TUỔI HAI MƯƠI

Cái chết em, xanh khoảng trời con gái[1]

Hẹn với Đặng Thị Thục (chị dâu cả nhà giáo - liệt sĩ Phan Thị Nhị Thịnh), tôi tìm đến Phù Lưu, Hà Tĩnh nơi cư trú của ông Phan Duy Mỹ và bà Bùi Thị Hiệt (song thân của liệt sĩ Thịnh). Không có người ở, ngôi nhà bỗng hoang vắng. Theo bà Thục: Ông, bà, anh trai vv… đã về phía bên kia. Hiện người thân liệt sĩ Thịnh chỉ còn chị dâu là bà và cô em gái cũng đã chuyển chỗ ở lên thành phố Hà Tĩnh. Công việc thờ phụng, hương khói nửa chuyển về Hà Tĩnh, nữa vẫn để ở đây. Nhà ở để làm nơi thờ tự. Vườn là đất hương hỏa cha ông. Tất cả còn nguyên vẹn.

Nhìn cây, nhớ người...

Bà Thục mở cửa, lau dọn bàn thờ. Tôi rón rén bước vào nhà và chú ý vào nơi thờ tự. Ám ảnh nhất là chân dung nhà giáo - liệt sĩ Phan Thị Nhị Thịnh. Khuôn mặt tròn, trẻ trung, tóc đen, mắt sáng. *"Thương lắm! O/cô mất khi mới 20 tuổi"*. Bà Thục phủi bụi trên ảnh chân dung, rồi nói với tôi. *"O mất năm 1968. Hai năm*

[1] *Trích Khoảng trời hố bom - Lâm Thị Mỹ Dạ.*

sau, tôi mới trở thành chị dâu của o. Tôi biết o qua bố, mẹ, em chồng và bạn bè. Những ngày giỗ o, tôi làm mâm cỗ, được nghe đi nghe lại bao nhiêu câu chuyện cảm động không dứt ra được. O ngoan hiền, yêu thương, nhường nhịn, ít nói, nghe lời anh trai (chồng tôi) răm rắp". Bà Thục kể.

Bà Đặng Thị Thục bên bàn thờ tổ tiên và em chồng Phan Thị Nhị Thịnh. Ảnh: Văn Lê

Khi khói nhang lãng đãng bay lên trần nhà, chúng tôi bước ra sân, ra vườn. Mảnh vườn vuông vắn, còn nhiều cây ăn quả. *" Đất Phù Lưu chua mặn. Cha mẹ tôi làm nông không đủ ăn, xoay ra làm vườn. Vườn không rộng, nhưng thức gì cũng có. Những cây mít, cây nhãn cha tôi trồng đã trên trăm năm. Kỳ lạ là bây giờ vẫn xanh tốt, mùa nào cũng ra hoa đậu quả"*. Bà Thục nói.

Tôi cùng bà bước đến dưới cây nhãn, cây mít. Cây mít thân cao thẳng đứng, vỏ xù xì, nhiều u, cành vẫn lá xum xuê và nhất là vẫn còn năm bảy quả. Đây là cây mít mùa. Kia là mít dai. Giống này, nghe kể cha tôi xin ở người quen Hương Sơn, Hương Khê gì đó. Rồi câu chuyện xoay xung quanh cây mít vì cây mít không chỉ gợi nhớ ông Mỹ, bà Hiệt mà nhớ cô Thịnh. Rằng, nghỉ hè là cô lại đôi quang gánh nhặt cỏ khô, gốc rạ khô dính đất bùn trên bờ ruộng gánh về đắp cho gốc mít, gốc nhãn. Nhờ vậy mà cây bền gốc, năm nào cũng sai quả.

Mít không chỉ là lương thực mà còn là thực phẩm. Mít luộc thay cơm. Bà Hiệt khéo tay chế được nhiều món từ mít. Mít non mắt mèo thì nộm, luộc, xào, hay nấu canh. Mít già thì um. Mít nấu với hến, ngao thì ăn nuốt cả nồi. Ngày xưa, cô Thịnh thỉnh thoảng xách giỏ ra sông bắt cáy về nấu canh mít. Nghiện nhất là món đó. Nghe nói, bà Hiệt tay muối nhút mít có tiếng. Cô Thịnh cũng chịu khó học làm nhưng chưa được bằng bà. *" Vì vậy, nhìn cây mít là nhớ khung cảnh đầm ấm của gia đình, nhớ cha mẹ, chồng, đặc biệt nhớ o Phan Thị Nhị Thịnh"*. Bà Thục vừa nói, vừa nhìn những trái mít trên cành.

Ở đâu, từ mỗi cành cây, ngọn cỏ, cánh cửa, cánh cổng, lối ngõ, mảnh sân đều lưu lại dấu vết của người thân yêu. *"Nghe chồng tôi*

khen o siêng năng. Nhà có o khi nào cũng sạch tinh. Từ bếp ra đến nhà, từ sân ra đến cổng".

Mãi mãi tuổi 20

Mặc dầu có tin bão số 3, nhưng thầy Trần Đình Sửu vẫn hẹn tôi đến nhà thầy Lê Sĩ Noạn (thôn Lồng Lộng, xã Thuần Thiện, huyện Can Lộc mà nay là xã Tùng Lộc tỉnh Hà Tĩnh). Ở tuổi 84, thầy vẫn rắn rỏi, khỏe mạnh, mắt sáng, chỉ có đôi tai hơi lãng. Thầy là người cùng thời, cùng trường với cô giáo-liệt sĩ Phan Thị Nhị Thịnh.

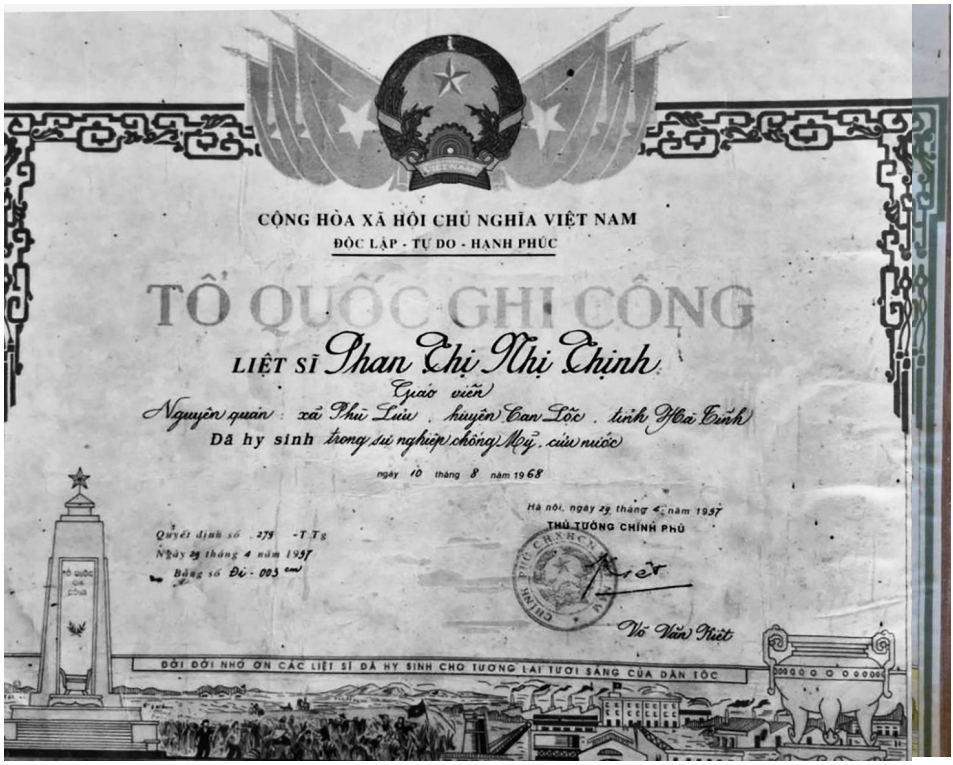
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ Phan Thị Nhị Thịnh

Giáo viên

Nguyên quán: xã Phú Lưu, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh

Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước

ngày 10 tháng 8 năm 1968

Hà nội, ngày 29 tháng 4 năm 1957

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Võ Văn Kiệt

Quyết định số 279 -T Tg

Ngày 29 tháng 4 năm 1957

Bằng số Đi - 003

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Khi ký ức được khơi gợi, thầy Lê Sĩ Noạn cùng chúng tôi nhớ về một thời bom đạn chiến tranh, tuyến đường 1A, đường 8, cầu, phà, trận địa là trọng điểm ác liệt không ngớt bom đạn đến quốc Mỹ rải xuống. Thời chiến, tất cả đều thích ứng với chiến tranh, kể cả giáo dục. Các trường học sơ tán, đắp lũy, đào hầm hào, phân nhỏ các điểm trường để đảm bảo an toàn cho thầy và trò. *"Trường cấp 1 Thiên Lộc chúng tôi cũng sơ tán, mỗi thôn dựng một lán tranh tre nứa lá, đào hào, đắp lũy, làm hầm trú ẩn cho thầy và trò"*. Thầy Noạn kể.

Thầy Lê Sĩ Noạn (trái) hồi ức về cô giáo - liệt sĩ Phan Thị Nhị Thịnh với tác giả. Ảnh: Trần Đình Sửu

Thầy hào hứng khi nhớ về phong trào **"Ba đảm đang"** của phụ nữ, **"Ba sẵn sàng"** của thanh niên, phong trào **"vừa sản xuất vừa chiến đấu"** của công nhân, nông dân. *"Giặc đến là đánh, giặc đi là sản xuất"* để *"thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" "Tất cả cho tiền tuyến"*. Trong hoàn cảnh đó, ưu tiên **"4 tại chỗ"**: *"chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại chỗ; nhân lực tại chỗ; xử lý dứt điểm tại chỗ; thắng lợi tại chỗ". "Vì vậy, nhà trường, bục giảng là pháo đài, nhà giáo là chiến sĩ. Ngoài lên lớp, thầy cô giáo sẵn sàng phục vụ chiến đấu, chuyển lương, tải đạn, lấp hố bom, thông đường vv...việc gì có lợi cho Tổ quốc và nhân dân đều dấn thân. Già cũng xông pha huống chi giáo viên trẻ mới ra trường như cô Thịnh, cô Lưu (Thạch Mỹ, Thạch Hà"*. Thầy Noạn trao đổi.

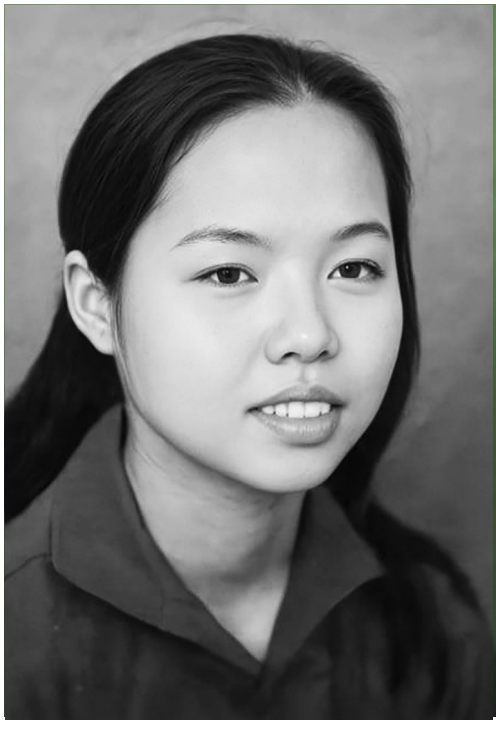

Nhà giáo - liệt sĩ Phan Thị Nhị Thịnh: "Mãi mãi tuổi 20"
Ảnh: Gia đình cung cấp

Sinh năm 1948, năm 1961 tốt nghiệp lớp 7, cô Phan Thị Nhị Thịnh đầu đơn vào sư phạm. Tốt nghiệp ra trường, cô được phân công về Trường cấp 1 Thiên Lộc, nay là trường tiểu học Võ Liêm Sơn, xã Can Lộc, Hà Tĩnh. Tuổi trẻ, cô Thịnh khát khao cống hiến. *"Không có sự kiện nào không có mặt cô Thịnh. Vóc người nhỏ nhắn. Nhanh nhẹn. Tháo vát. Xông xáo. Nhưng âm thầm, lặng lẽ. Và quyết đoán. Tính cách của cô giáo này đã gây ấn tượng mạnh mẽ cho tôi"*. Thầy Noạn khẳng định.

Ngày 10/8/1968, sau trận bom cày nát khu vực cầu Hạ Vàng, giáp ranh giữa hai xã Vượng Lộc và Thiên Lộc, đoạn đường hai bến mố cầu chỗ bị đất vùi, chỗ bị cày tung, gây nghẽn đường. Cầu Hạ Vàng là huyết mạch nối từ Bắc vào Nam, vì vậy cần phải giải phóng, thông đường nhanh. Chính quyền và cơ quan chức năng đã huy động lực lượng tại chỗ, dân quân, nhân dân, trong đó có giáo viên Trường cấp 1 Thiên Lộc. Dụng cụ san đường thô sơ: Quang gánh, ven, cuốc, xe cút kít, ô bi vv... với một tinh thần: *"Máu tim có thể ngừng đập, nhưng mạch máu giao thông phải thông suốt"*. Theo thầy Noạn, hôm đó là thứ 7 ngày 10/8/1968, đang ở thời điểm nghỉ hè, một số giáo viên ở Thiên Lộc không đến trường, trong đó có thầy Noạn. Cô Phan Thị Nhị Thịnh và cô Lưu (Thạch Mỹ, Thạch Hà) dạy cùng trường, cùng ở trọ nhà dân không về nhà. Để nhanh chóng thông đường qua cầu Hạ Vàng, có lệnh điều động lực lượng dân quân, nhân dân tại Thiên Lộc, Vượng Lộc. Cô Thịnh và cô Lưu đã hăng hái cùng dân quân, nhân dân ra hiện trường ngay trong đêm thứ 7 (10/8). Theo bà Đặng Thị Thục, vào khoảng 23h đêm sau khi đã gánh bổi lấp hố bom, hai cô về nghỉ ở nhà dân Thiên Lộc. Máy bay Mỹ oanh tạc, Thịnh nhường cho Lựu vào trong, còn mình chắn ngoài cửa hầm.

Cô Thịnh bị mảnh bom sát thương. Vết thương quá nặng, Phan Thị Nhị Thịnh đã vĩnh biệt gia đình, người thân, học sinh, đồng nghiệp, bạn bè ra đi ở tuổi 20 tràn đầy sức sống, khát vọng. *"Cũng như 10 cô gái Ngã Ba Đồng Lộc, Phan Thị Nhị Thịnh anh dũng hy sinh khi thông đường, đảm bảo huyết mạch giao thông thông suốt. Cô vừa tròn 20, hiến dâng cả tuổi thanh xuân cho Tổ quốc. Chỉ có điều là cô giáo - liệt sĩ Phan Thị Nhị Thịnh còn ít người biết đến. Sự hy sinh của cô âm thầm lặng lẽ, nhưng vô cùng cao đẹp. Tôi hy vọng, những bài viết về nhà giáo - liệt sĩ sẽ góp phần lan tỏa những giá trị cao đẹp, góp phần bồi dưỡng lý tưởng sống cho thế hệ trẻ"*. Thầy Trần Đình Sửu (nguyên trưởng Phòng GD Can Lộc) chia sẻ.

Mây trắng, trời xanh

Cô giáo Phan Thị Nhị Thịnh ra đi vào *"Tháng Tám, mùa thu xanh thẳm"*. Tháng Tám *"Trời mô xanh bằng trời Can Lộc"*. Nắng vàng, trời xanh thẳm, mây trắng bay. Sân trường, tán bàng xanh tỏa bóng. Chỉ chưa đầy một tháng nữa là đến ngày khai giảng. Cô giáo Phan Thị Nhị Thịnh ra đi trước thềm năm học mới. Tiếng trống khai trường năm đó rấm rứt nhớ thương. Đồng nghiệp, học trò, phụ huynh đón năm học mới mà không nguôi nhớ thương cô giáo. Nhìn lên bầu trời Can Lộc, mây trắng bay. Trong những áng mây trắng bay qua Thiên Lộc, áng mây nào là hồn vía của cô trở về trường? Bây giờ, đường qua cầu Hạ Vàng an toàn, hiện đại, dấu tích chiến tranh đã không còn. Nhưng với thế hệ cùng thời, ký ức cầu Hạ Vàng vẫn còn nguyên vẹn. Con đường, mảnh đất quê hương thấm máu bao liệt sĩ hy sinh, trong đó có máu của cô giáo - liệt sĩ Phan Thị Nhị Thịnh. Phần mộ cô được an táng tại nghĩa trang gia tộc Đồng Cộ, xã Phù Lưu, Thạch Hà, nay là xã Phù Lưu, tỉnh Hà Tĩnh.

Hàng năm, trước ngày khai giảng, hay nhân dịp ngày thương binh - liệt sĩ 27/7, đông đảo thầy cô giáo, phụ huynh học sinh Trường Tiểu học Võ Liêm Sơn lại đến thắp hương tưởng nhớ cô giáo - người anh hùng đã hy sinh vì sự nghiệp thống nhất Tổ quốc. Mỗi người, đều có một Phan Thị Nhị Thịnh trong tâm hồn mình. Cô mãi mãi tuổi Hai Mươi. Cô không còn lên bục giảng nữa, nhưng lý tưởng cao đẹp, tấm gương hy sinh thầm lặng của cô mãi mãi là bài học, là ngọn lửa lan tỏa những điều cao đẹp đến bao thế hệ học trò nối tiếp.

Hà Tĩnh 20/7/2025

ĐIỀU KHÓ NÓI TRONG CHIẾN TRANH

Giặc Mỹ nó bắn con/ mà nhằm vào tim Mẹ[1]

Khi làm tư liệu về nhà giáo - liệt sĩ Hoàng Xuân Thọ (1942-1971), chúng tôi được tiếp cận với những bằng cứ hết sức tin cậy. Đó không chỉ là Giấy giới thiệu của cơ quan; Bản lý lịch có chữ ký, dấu xác nhận của cơ quan chủ quản; Hồ sơ Đoàn viên; Hồ sơ đối tượng Đảng mà còn là Thẻ cán bộ và quan trọng hơn là những nhân chứng sống cùng thời với nhà giáo - liệt sĩ Hoàng Xuân Thọ.

Để có được hồ sơ đầy đủ, chúng tôi biết ơn bà Đặng Thị Mai (em dâu liệt sĩ Thọ) đã giữ gìn bảo quản, nhưng đặc biệt biết ơn bà Hoàng Thị Quý, Hoàng Thị Ngọc Lan (hai em gái của liệt sĩ Thọ) đã pôtô, công chứng Hồ sơ ra nhiều bản, lưu giữ hàng chục năm qua. Đây là hồ sơ gốc, chính xác, tin cậy cho chúng ta hình dung đầy đủ quá trình hoạt động, hy sinh anh dũng của nhà giáo- liệt sĩ Hoàng Xuân Thọ.

---

[1] *Thơ Nguyễn Lê.*

2

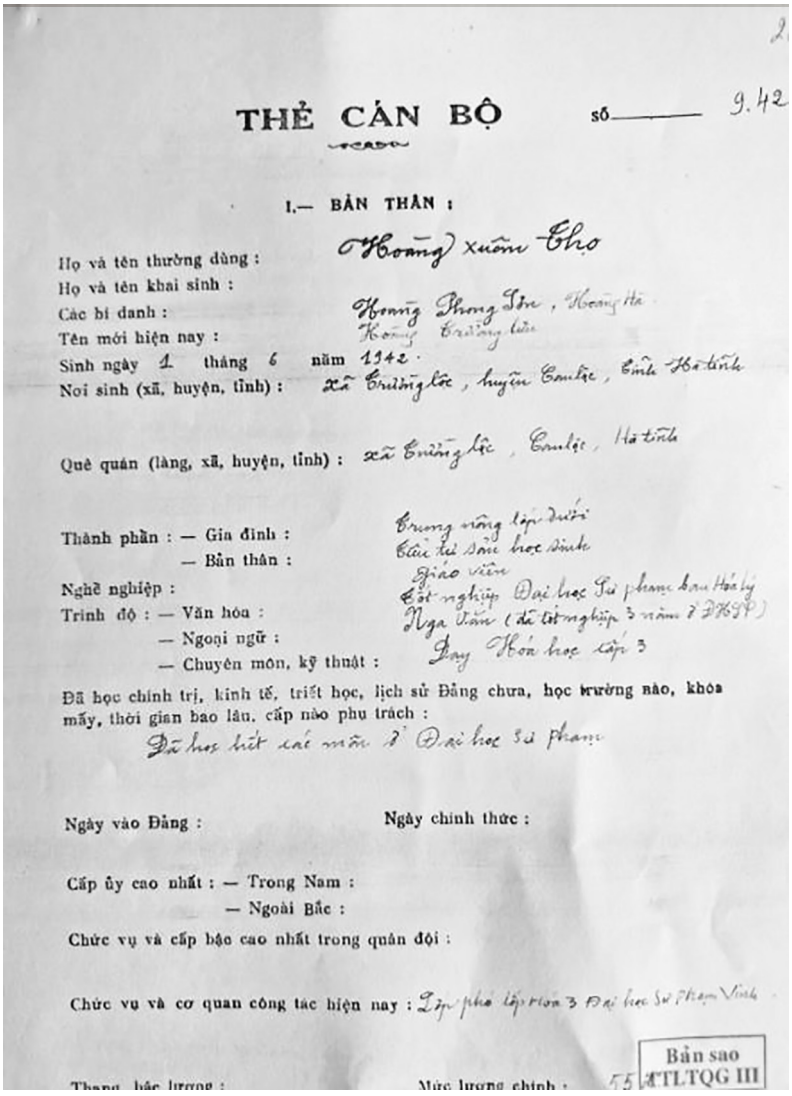

THẺ CÁN BỘ

số 9.42

I.— BẢN THÂN :

Họ và tên thường dùng : Hoàng xuân Thọ

Họ và tên khai sinh :

Các bí danh : Hoàng Phong Sơn, Hoàng Hà

Tên mới hiện nay : Hoàng Trường Lưu

Sinh ngày 1 tháng 6 năm 1942.

Nơi sinh (xã, huyện, tỉnh) : xã Trường lộc, huyện Can lộc, tỉnh Hà tĩnh

Quê quán (làng, xã, huyện, tỉnh) : xã Trường lộc, Can lộc, Hà tĩnh

Thành phần : — Gia đình : Trung nông lớp dưới

— Bản thân : Cầu tư sản học sinh

Nghề nghiệp : Giáo viên

Trình độ : — Văn hóa : Tốt nghiệp Đại học Sư phạm ban Hóa lý

— Ngoại ngữ : Nga Văn (đã tốt nghiệp 3 năm ở ĐHSP)

— Chuyên môn, kỹ thuật : Dạy Hóa học cấp 3

Đã học chính trị, kinh tế, triết học, lịch sử Đảng chưa, học trường nào, khóa mấy, thời gian bao lâu, cấp nào phụ trách :

Đã học hết các môn ở Đại học Sư phạm

Ngày vào Đảng : Ngày chính thức :

Cấp ủy cao nhất : — Trong Nam :

— Ngoài Bắc :

Chức vụ và cấp bậc cao nhất trong quân đội :

Chức vụ và cơ quan công tác hiện nay : Lớp phó lớp Hóa 3 Đại học Sư Phạm Vinh

Thang bậc lương : Mức lương chính : 55

Bản sao
TTLTQG III

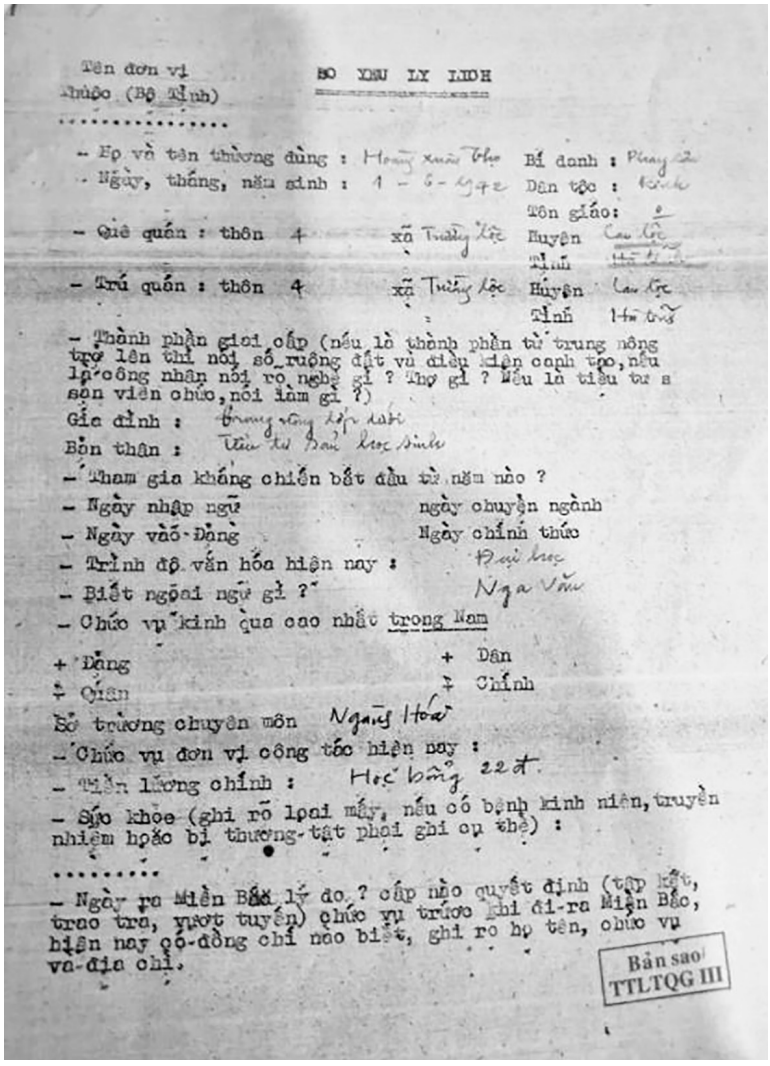

Tên đơn vị
Khuộc (Bộ Tỉnh)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên thường dùng : Hoàng xuân Thọ Bí danh : Phùng Lê
- Ngày, tháng, năm sinh : 1 - 6 - 1942 Dân tộc : Kinh
Tôn giáo:
- Quê quán : thôn 4 xã Trường Lộc Huyện Can Lộc
Tỉnh Hà Tĩnh
- Trú quán : thôn 4 xã Trường Lộc Huyện Can Lộc
Tỉnh Hà Tĩnh
- Thành phần giai cấp (nếu là thành phần từ trung nông trở lên thì nói số ruộng đất và điều kiện canh tác, nếu là công nhân nói rõ nghề gì ? thợ gì ? Nếu là tiểu tư sản viên chức, nói làm gì ?)
Gia đình : Trung nông lớp dưới
Bản thân : Học sinh
- Tham gia kháng chiến bắt đầu từ năm nào ?
- Ngày nhập ngũ ngày chuyển ngành
- Ngày vào Đảng Ngày chính thức
- Trình độ văn hóa hiện nay : Đại học
- Biết ngoại ngữ gì ? Nga Văn
- Chức vụ kinh qua cao nhất trong Nam
+ Đảng + Dân
+ Quân + Chính
Sở trường chuyên môn Ngữ Hóa
- Chức vụ đơn vị công tác hiện nay :
- Tiền lương chính : Học bổng 22đ.
- Sức khỏe (ghi rõ loại mấy, nếu có bệnh kinh niên, truyền nhiễm hoặc bị thương-tật phải ghi cụ thể) :
.....
- Ngày ra Miền Bắc lý do ? cấp nào quyết định (tập kết, trao trả, vượt tuyến) chức vụ trước khi đi ra Miền Bắc, hiện nay có đồng chí nào biết, ghi rõ họ tên, chức vụ và địa chỉ.

Bản sao
TTLTQG III

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Trong **"Thẻ cán bộ"** số: 9423 mang tên Hoàng Xuân Thọ, còn có hai bí danh: Hoàng Phong Sơn, Hoàng Hà và tên mới: Hoàng Trường Lưu. Hoàng Xuân Thọ là tên khai sinh (sinh 01/6/1942), còn tên mới Hoàng Trường Lưu được lấy từ địa danh quê hương. Trường Lưu, Can Lộc - mảnh đất khoa bảng không chỉ nổi tiếng bởi mỹ nhân mà còn rạng ngời bởi truyền thống yêu nước, cách mạng. Khi lấy tên quê hương đặt làm tên mới, phải chăng Hoàng Xuân Thọ đã gửi gắm niềm kiêu hãnh, tấm lòng son sắt với mảnh đất đã sinh thành?

Vì sao Hoàng Xuân Thọ lại mang nhiều bí danh như vậy? Theo Wikipedia **"Bí danh"** *"là (tên gọi bí mật) thường được sử dụng trong hoạt động cho mục đích quân sự hoặc gián điệp"*.

Bí danh của nhà giáo Hoàng Xuân Thọ sẽ gợi mở cho chúng ta về những liên quan thân phận, cuộc đời sau này (chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này sau bài).

Gia đình

Hoàng Xuân Thọ sinh ra trong gia đình yêu nước cách mạng. Bố ông là Hoàng Linh, cán bộ 30-31, sau cách mạng được điều động vào miền Nam. Ông đã từng công tác tại Phòng Dân tộc thiểu số Đắk Lắk, đảm nhận chức vụ Trưởng Ty Kinh tế Đắk Lăk. Năm 1954, tập kết ra Bắc, công tác tại trường Nông- Lâm, Việt Bắc Tuyên Quang. Sau đó chuyển sang Ngân hàng Thái Nguyên, giữ chức vụ Thanh tra. Ông nghỉ hưu tại thôn Văn Khúc, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, Bắc Thái.

Ông Hoàng Linh kết hôn với bà Nguyễn Thị Ba (quê quán: Trường Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh nay là xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh) sinh được ba con (hai trai, một gái), Hoàng Thọ là con trai cả.

Xa xôi, cách trở hai miền, lại chiến tranh, sau khi nhận được thông tin bà Nguyễn Thị Ba ở quê nhà mất, ông Hoàng Linh kết hôn với bà Trần Thị Được; quê ở Phù Cát, Cát Thắng (Bình Định cũ) và sinh được năm con (hai trai, ba gái).

Năm 1953, bà Trần Thị Được cùng con trai Hoàng Xuân Khương (sinh năm 1952) tập kết ra Bắc, làm việc tại Ngân hàng Đại Từ, Bắc Thái. Một năm sau, năm 1954, ông Hoàng Linh cũng lên tàu tập kết ra Bắc.

Năm 1953, khi ra Bắc, bà Trần Thị Được sau khi ổn định công tác đã về Trường Lộc thăm quê nội. Dựa vào Lý lịch tự khai của anh Hoàng Xuân Thọ, từ năm 1950-1959, anh Thọ học phổ thông, từ 1956-1959 học trường cấp 3 Phan Đình Phùng tại Hà Tĩnh. Năm 1960, thi Đại học Sư phạm Vinh, chưa đậu, anh Hoàng Xuân Thọ dạy bổ túc văn hóa tại Quân khu 4. Năm 1961, đậu ĐP SP Vinh, khoa Hóa. Còn hai em Hoàng Xuân Phú và Hoàng Kim Quý ra sinh sống với bố và mẹ hai ở Đại Từ Thái Nguyên. Học tập, trưởng thành cũng từ đó.

Chỉ những dòng chữ khai trung thực trong Lý lịch nhưng hé mở cho chúng ta thấy, gia đình của hai bà ở quê và ở Đại Từ sống tương đối hòa hợp và có trách nhiệm nuôi dạy con cái. Cũng trong Lý lịch, ở dòng *: "Khi cần báo cho ai? Ở đâu?"* thì anh Hoàng Xuân Thọ ghi: *"Báo cho ông Hoàng Linh (bố) về hưu trí thôn Văn Khúc, xã Bình Thuận, Đại Từ, Bắc Thái".*

Theo Hoàng Thị Ngọc Lan, tháng 12/1975, gia đình bà (ba, mẹ, con cháu) chuyển vào Quy Nhơn. *"Lúc ấy, ba tôi vẫn khẳng định với chúng tôi là anh trai (Hoàng Xuân Thọ) còn sống và hoạt động. Còn trong linh cảm của tôi, anh đã hy sinh. Mãi đến sau*

này, chúng tôi mới nhận được tin và giấy báo tử từ ngoài quê, anh Thọ hy sinh ngày 23/3/1971 trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước". Bà Lan trao đổi.

Từ một sinh viên ưu tú đến chiến sĩ anh dũng hy sinh vì Tổ quốc

Khi còn học cấp 3 Phan Đình Phùng, Hoàng Xuân Thọ nổi bật không chỉ với thành tích học tập mà còn với hoạt động tuyên truyền, chủ bút báo lớp. Chính hoạt động xã hội ấy đã giúp Hoàng Xuân Thọ năm đầu chưa đậu ĐHSP Vinh vẫn tự tin trở thành thầy giáo dạy bổ túc văn hóa cho chiến sĩ ở Quân khu 4. Ba năm sinh viên khoa Hóa, Hoàng Xuân Thọ là sinh viên ưu tú, cán bộ lớp hoạt động năng nổ. Năm thứ nhất, anh là lớp phó phụ trách tuyên truyền, báo chí. Năm thứ 2, lớp phó phụ trách học tập và năm thứ 3, lớp phó phụ trách lao động. Ở lĩnh vực, mũi nhọn nào, sinh viên Hoàng Xuân Thọ cũng xông xáo và trải nghiệm. Điều đáng nói, Hoàng Xuân Thọ là đoàn viên ưu tú, từ cảm tình, đối tượng đến đảng viên chính thức, được Chi bộ sinh viên, Đảng bộ ĐH SP Vinh giác ngộ, bồi dưỡng, kết nạp, rèn luyện trưởng thành. Trong **"Bản lý lịch"** tự khai, ở phần: **"Nhận xét của cấp ủy hay Thủ trưởng cơ quan"**, ngày 22/6/1965, ông Nguyễn Chí Linh- Bí thư Đảng ủy ĐHSP Vinh đã phê: *"Lập trường tư tưởng, thái độ công tác tốt. Quan điểm quần chúng tốt. Chưa có người yêu".*

Có thể nói, tuổi trẻ Hoàng Xuân Thọ đã tạo được sự khác biệt so với bạn bè cùng trang lứa. Ngày 10/3/1960, đang học lớp 9 đã được kết nạp đoàn. Thời sinh viên, ba năm học tại khoa Hóa, ĐHSP Vinh, anh liên tục được khen thưởng. *"Năm thứ 1*

được ba lần khen thưởng của Hội Liên hiệp sinh viên, Đoàn trường và BGH Trường ĐHSP Vinh. Năm thứ 2 được hai lần khen thưởng của Nhà trường về thành tích học tập, công tác và tu dưỡng, đạt danh hiệu Sinh viên ưu tú".

Nhà giáo - liệt sĩ Hoàng Xuân Thọ
Ảnh gia đình cung cấp, Trần Thanh Cần chỉnh sửa

Khát khao cống hiến là dấu ấn nổi bật với thanh niên ưu tú Hoàng Xuân Thọ. Trong Lý lịch tự khai anh ghi:*"Tha thiết được vào Nam công tác và vui lòng nhận bất kỳ việc gì cấp trên giao phó"* và chú thích thêm: *"Đi dạy, chiến đấu hay làm công tác tuyên truyền".*

Nguyện vọng của Hoàng Xuân Thọ đã được chấp nhận. Gia nhập quân ngũ, anh được bổ sung cho Trung ương cục miền Nam đóng ở Tây Ninh. Trung ương cục phân công anh về biệt phái tại địa bàn huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Đà (cũ). Sau đó, anh được điều chuyển về Ban Tuyên giáo tỉnh Quảng Đà (Quảng Nam) do ông Đỗ Xuân Ân làm Trưởng ban. Trong thư gửi vợ chồng ông Nguyễn Thanh Tú và bà Hoàng Thị Ngọc Lan ngày 16/12/1997, ông Đỗ Xuân Ân xác nhận: *"Anh Thọ hy sinh tháng 3/1971 là đúng. Đó là trận máy bay HU 14 chụp quân đánh phá chớp nhoáng rồi rút đi."*

Qua lời kể của nhân chứng, được biết, anh Hoàng Xuân Thọ cùng một cán bộ Hội Phụ nữ huyện Tiên Phước trên đường đi công tác xuống địa bàn, đến địa điểm Rập Ku, núi Chúa, bị máy bay phát hiện, xả súng, cả hai hy sinh. *"Sợ bị địch gài mìn, nên chúng tôi đã lấy dây dù lật thi hài đồng đội Hoàng Xuân Thọ rồi khâm liệm, an táng tại vườn chuối nhà ông Lê, Rập Ku, núi Chúa"* (Thư anh Ân viết).

"Người phụ nữ hy sinh cùng anh Hoàng Xuân Thọ có phải là người yêu không?". Tôi hỏi. Bà Hoàng Thị Ngọc Lan (em gái) khẳng định: *"Không! Không! Người yêu anh Thọ là chị Đoàn Thị Thắm, quê Tiên Phước (cán bộ phụ nữ huyện Tiên Phước) đã hy sinh khi làm nhiệm vụ trước đó một năm. Hai anh chị đều hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc!"*.

Chúng ta biết rất ít về những chiến công thầm lặng của nhà giáo - liệt sỹ Hoàng Xuân Thọ. Tuy nhiên, Huân chương Kháng chiến hạng Nhì mà Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng đã ghi nhận những đóng góp to lớn của nhà giáo- liệt sĩ Hoàng Xuân Thọ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ : *Hoàng Xuân Chọ*

Cán bộ tuyên huấn Ban tuyên huấn CT cục Miền Nam
Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước

ngày 23 tháng 3 năm 1971

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2017
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Quyết định số: 100/TTg
Ngày 2 tháng 2 năm 1978
Bằng số ZZ 113 /CL

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG

HUÂN CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN

HẠNG *Nhì*

Liệt sỹ *Hoàng Văn Chọ*
Xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh
Đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Hà nội ngày 01 tháng 11 năm 1985

Nghị quyết số 760.KT/HĐNN ngày 01 tháng 11 năm 1985
VÀO SỔ VÀNG SỐ 2918

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỦ TỊCH

Trường Chinh

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Hành trình tìm mộ anh trai

Qua nhiều lần kết nối, chúng tôi liên lạc được với vợ chồng bà Hoàng Thị Ngọc Lan (em gái liệt sĩ Hoàng Xuân Thọ). Vợ chồng gia đình bà Hoàng Thị Ngọc Lan hiện sinh sống tại Quy Nhơn.

Văn Lê:

Thưa bà, hành trình tìm mộ anh Hoàng Xuân Thọ, bắt đầu từ khi nào?

Bà Hoàng Thị Ngọc Lan:

Cuối năm 1975, gia đình chúng tôi trở lại Quy Nhơn. Năm 1987, ba tôi mất. Trước khi mất, ba vẫn còn niềm tin anh trai tôi còn đi hoạt động. Tôi có nói với ba là anh đã hy sinh. Lời trăng trối của ba với chúng tôi phải cố gắng tìm mộ anh trai. Lời căn dặn của ba như mệnh lệnh, khiến vợ chồng tôi luôn trăn trở, quyết tâm thực hiện. Năm 1992, chúng tôi mới thu xếp để thực hiện kế hoạch. Nói chung là vất vả, gian lao.

Văn Lê:

Bà có thể tóm tắt ngắn gọn hành trình gian nan ấy?

Bà Hoàng Thị Ngọc Lan:

Vâng! Ban đầu, chúng tôi tìm đến con đường tâm linh. Bạn bè tư vấn cho ở Đà Nẵng, Quảng Nam có mấy cơ sở tâm linh... Chúng tôi đã tìm đến. Người đông, phải xếp hàng, nhưng chúng tôi vẫn kiên nhẫn chờ đến lượt mình. Nhưng những thông tin từ thầy tâm linh không có sức thuyết phục, chúng tôi tìm đến con đường khác.

Văn Lê:

Con đường nào, thưa bà?

Bà Hoàng Thị Ngọc Lan:

Lần theo hồ sơ, lý lịch, biết anh Hoàng Xuân Thọ từng công tác tại Trung ương Cục, chúng tôi tìm đến Tây Ninh. Sau nhiều lần tìm kiếm, chúng tôi gặp nhà báo Hoài Nam và được chú hỗ trợ tra cứu và khẳng định từ Bình Định trở vào không thấy danh tính Hoàng Xuân Thọ, vậy khu vực tìm kiếm phải từ Quãng Ngãi trở ra.

Điều này, khơi gợi tôi, nhớ lại có lần nào đó khi ở Đại Từ, Bắc Thái, tôi nghe tin anh công tác tại Quảng Nam. Sau một thời gian tìm kiếm không kết quả, chúng tôi trở về. Sau đó, chồng tôi, anh Nguyễn Thanh Tú quyết định ra Tiên Phước, Quảng Nam, mang theo ảnh anh trai. Tại đây, anh Tú được giới thiệu gặp chú Chính - Bí thư Huyện ủy Tiên Phước và chị Cát - Trưởng Phòng Lao động-Thương binh-Xã hội đã từng hoạt động với anh Thọ, chị nhìn ảnh nhận ra : **"Thọ Bắc! Thọ Bắc"** rồi chị òa khóc nức nở. Mắt xích đầu tiên được kết nối, từ đây, những thông tin về sự hy sinh cũng như phần mộ anh trai sáng rõ dần. Sau đó, chú Chính dùng xe Hon đa chở anh Tú lên Rập Ku, Núi Chúa gặp gia đình ông Lê và biết được hai ngôi mộ đã quy tập về nghĩa trang liệt sĩ xã Tam Dân, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Văn Lê:

Tôi đang có trong tay bản pô tô bức thư anh Đỗ Xuân Ân ở Tam Kỳ gửi Nguyễn Thanh Tú và Hoàng Thị Ngọc Lan ngày 10/12/1997. Anh Đỗ Xuán Ân là ai?

Bà Hoàng Thị Ngọc Lan:

Anh Ân là Trưởng Ban Tuyên giáo tỉnh Quảng Nam. Anh Hoàng Xuân Thọ làm việc với anh Ân. Vâng, bức thư của anh Ân gửi vợ chồng tôi không chỉ xác minh thời gian, địa điểm anh Thọ

hy sinh mà còn nói rõ phần mộ, nơi chôn cất lúc đầu, khi di chuyển và đặc biệt nêu lý do tại sao có những nhầm lẫn. Đọc hết bức thư đó, tất cả sáng rõ. Năm 1997, 10 năm sau khi ba tôi mất, anh Hoàng Xuân Phú ngoài quê cũng vào, chúng tôi quyết định đến tìm đến xã Tam Dân. Tại đây, nhân dân, đặc biệt là những cán bộ đã từng hoạt động với anh Thọ, đã làm hết sức giúp đỡ gia đình tôi. Đến Tam Dân lần này, chúng tôi như trở về quê hương, gia đình, thấu cảm được tình cảm ấm áp mà đồng đội, nhân dân dành cho anh Hoàng Xuân Thọ. Chỉ một thời gian ngắn, phần mộ anh trai được xác định chính xác.

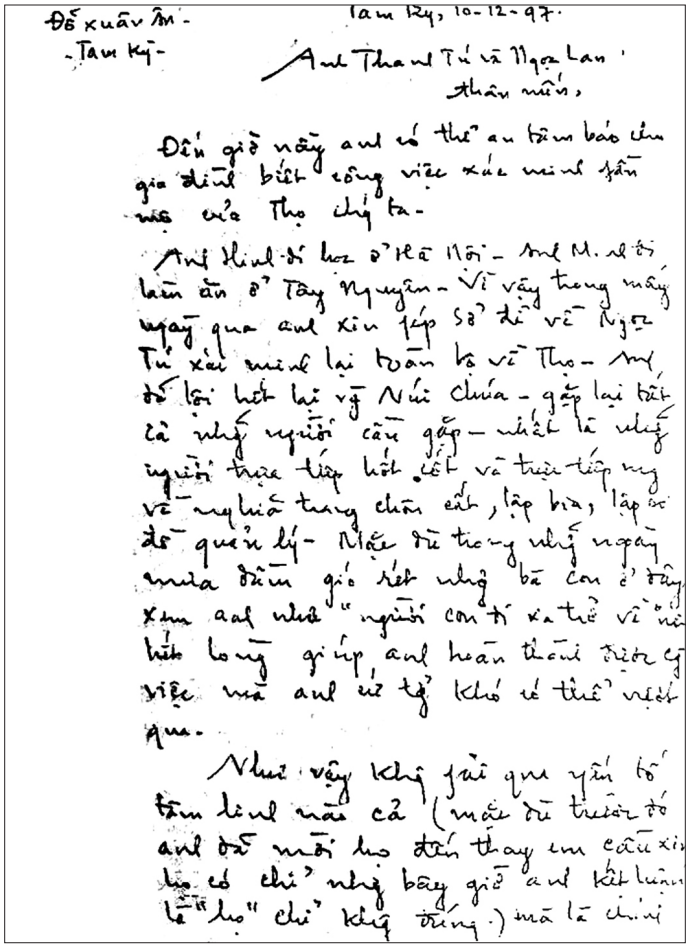

Đỗ xuân Ân -
- Tam Kỳ -

Tam Kỳ, 10-12-97.

Anh Thanh Tú và Ngọc Lan
thân mến,

Đến giờ nầy anh có thể an tâm báo cho gia đình biết công việc xác minh phần mộ của Thọ chú ta.

Anh Hinh đi học ở Hà Nội - anh M. nhà đi làm ăn ở Tây Nguyên - Vì vậy trong mấy ngày qua anh xin fép sở đi về Ngọc Tú xác minh lại toàn bộ về Thọ - anh đã lội hết lại vỡ Núi Chúa - gặp lại tất cả những người cần gặp - nhất là những người trực tiếp hốt cốt và trực tiếp mang về nghĩa trang chôn cất, lập bia, lập sơ đồ quản lý - Mặc dù trong những ngày mưa dầm gió rét nhớ bà con ở đây xem anh như "người con đi xa trở về" nên hết lòng giúp anh hoàn thành được cũng việc mà anh cứ tưởng khó có thể vượt qua.

Như vậy không phải qua yến tố tâm linh nào cả (mặc dù trước đó anh đã mời họ đến thay em cầu xin họ có chỉ nhưng bây giờ anh kết luận là "họ" chỉ không đúng.) mà là chính

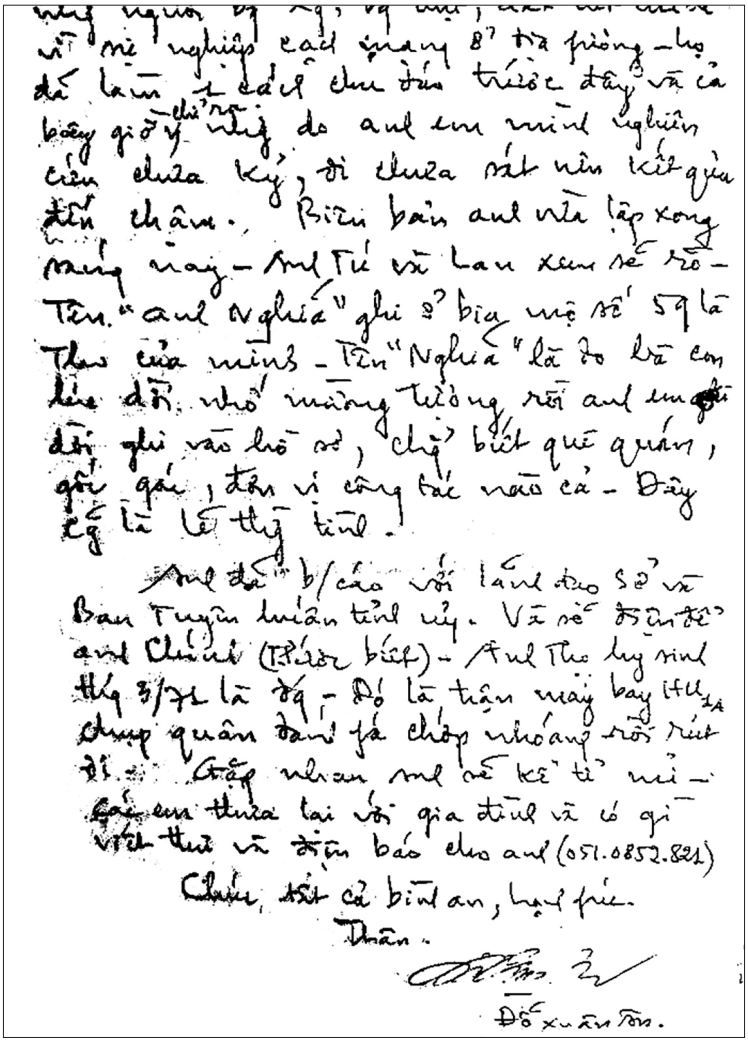

Thư anh Đỗ Xuân Ân gửi Thanh Tú, Ngọc Lan, do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Ngày 20/7/1984, hồ sơ bốc mộ còn lưu lại số 59, hàng 19, khu phía Đông, nay là mộ số 23, hàng số 1 dãy phía Đông.

Ngày 20/12/1997, tại UBND xã Tam Dân, cuộc họp đầy đủ 14 thành viên tham gia do ông Võ Sinh - Bí thư Đảng ủy; Chủ

tịch UBND xã đã biểu quyết 100% cho gia đình bốc mộ nhà giáo - liệt Hoàng Xuân Thọ về quê.

Thi hài nhà giáo - liệt sĩ Hoàng Xuân Thọ được an táng tại nghĩa trang gia tộc xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh.

Điều khó nói trong chiến tranh

Trước ngày thương binh-liệt sĩ 27/7/2025, chúng tôi có mặt tại nhà bà Đặng Thị Mai (sinh năm 1947; vợ ông Hoàng Xuân Phú; em trai liệt sĩ Hoàng Xuân Thọ). Bà Đặng Thị Mai hiện là người thờ cúng tổ tiên, hương khói cho nhà giáo - liệt sĩ Hoàng Xuân Thọ.

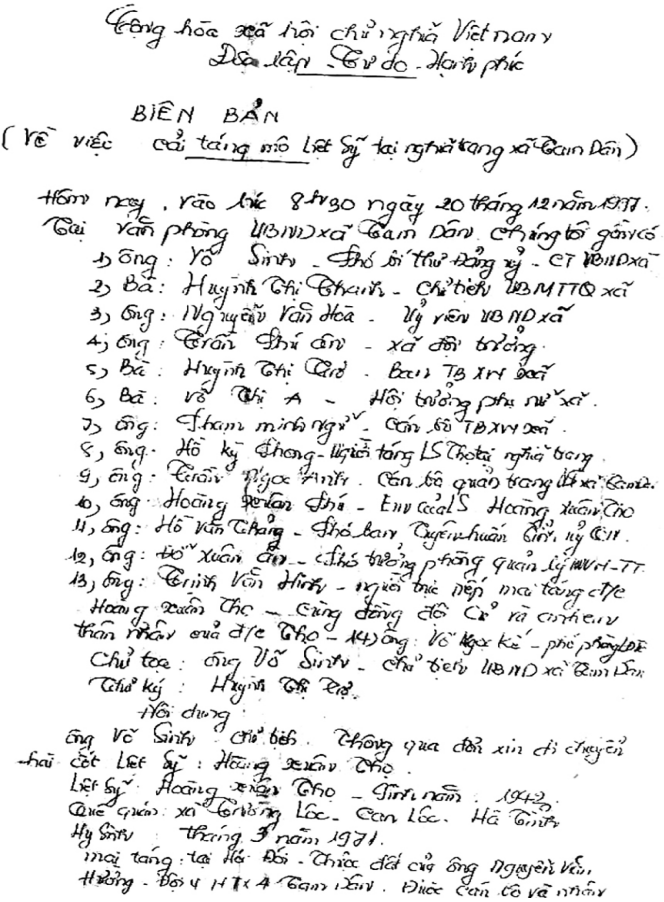

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
(Về việc cải táng mộ Liệt Sỹ tại nghĩa trang xã Tam Dân)

Hôm nay, vào lúc 8h30 ngày 20 tháng 12 năm 1997.
Tại văn phòng UBND xã Tam Dân. Chúng tôi gồm có
1) ông: Võ Sinh - Phó bí thư Đảng ủy - CT UBND xã
2) Bà: Huỳnh Thị Thanh - Chủ tịch UBMTTQ xã
3) ông: Nguyễn Văn Hoà - Ủy viên UBND xã
4) ông: Trần Phú Ân - xã đội trưởng.
5) Bà: Huỳnh Thị Trợ - Ban TBXH xã
6) Bà: Võ Thị A - Hội trưởng phụ nữ xã.
7) ông: Phạm minh Ngữ - Cán bộ TBXH xã.
8) ông: Hồ Kỳ Phong - Người táng LS Thọ tại nghĩa trang.
9) ông: Trần Ngọc Anh - Cán bộ quản trang LS xã Tam Dân.
10) ông: Hoàng Xuân Phú - Em của LS Hoàng Xuân Thọ
11) ông: Hồ Văn Thắng - Phó ban Tuyên huấn Sinh ủy CN.
12) ông: Đỗ Xuân Ân - Phó trưởng phòng quản lý NVH-TT.
13) ông: Trịnh Văn Hình - người trực nếp mai táng d/c Hoàng Xuân Thọ - Cùng đồng đội Cử và anh em thân nhân của d/c Thọ - 14) ông: Võ Ngọc Kế - phó phòng LĐTB
Chủ tọa: ông Võ Sinh - Chủ tịch UBND xã Tam Dân
Thư ký: Huỳnh Thị Trợ.
Nội dung:
ông Võ Sinh Chủ tịch. Thông qua đơn xin di chuyển hài cốt Liệt Sỹ: Hoàng Xuân Thọ.
Liệt Sỹ: Hoàng Xuân Thọ - Tính năm: 1942.
Quê quán: xã Trường Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh
Hy Sinh: tháng 3 năm 1971.
mai táng: tại Hồ Đồi - Thuộc đất của ông Nguyễn Văn Hưởng - Đội 4 HTX 4 Tam Dân. Được cán bộ và nhân

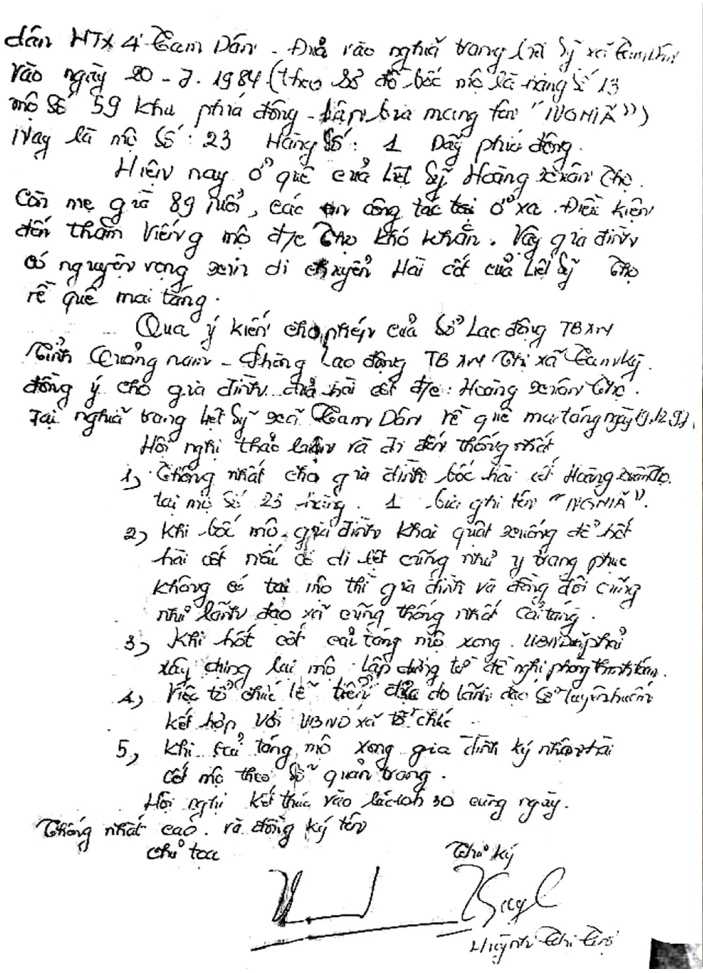

Biên bản của UBND xã Tam Dân về việc cải táng mộ liệt sĩ Hoàng Xuân Thọ. Tư liệu do gia đình cung cấp

Sau khi thắp hương cho liệt sĩ, bà Đặng Thị Mai đã cung cấp đầy đủ tư liệu cá nhân liệt sĩ cho chúng tôi. Câu chuyện của chúng tôi kéo dài quá trưa. **"Thương nhất là chị dâu tôi, chị Ba".** Bà Mai nghẹn ngào dừng câu chuyện giữa chừng. Khi trấn tĩnh lại, bà Mai cho biết, bà Ba đã phát điên khi nghe tin đồn đại rằng con trai Hoàng Xuân Thọ theo địch, phản bội Tổ quốc.

Tin đó như mũi tên độc, xuyên tim người mẹ, khiến bà điên dại. *"May thời gian đó, tôi làm ở Bệnh viện Đa khoa Can Lộc nên mang chị vào viện, chăm sóc, ổn định thần kinh dần"*. Bà Mai trao đổi.

Sau này, có Giấy báo tử về, cán bộ làm lễ truy điệu, mới biết được anh Thọ hy sinh anh dũng tại chiến trường.

Thông tin từ bà Mai khiến tôi vỡ nhẽ ra nguyên nhân tại sao nhà giáo - liệt sĩ Hoàng Xuân Thọ mang nhiều bí danh, cũng vỡ nhẽ ra tại sao bố anh - ông Hoàng Linh vẫn tin rằng con trai ông vẫn đang hoạt động trong lòng địch. Một thanh niên trí thức mang trong mình hoài bão khát vọng, một đảng viên tiên phong, Hoàng Xuân Thọ nhận bất cứ nhiệm vụ gì dẫu nguy hiểm đến tính mạng.

Điều này, một lần nữa cho chúng ta thấu hiểu hy sinh to lớn của những người Mẹ, không chỉ hy sinh giọt máu của mình, mà hy sinh cả danh tiếng vì nhiệm vụ cao cả và bí mật mà Tổ quốc giao phó…

Hà Tĩnh ngày 27/7/2025

TRONG KÝ ỨC CỰU HỌC SINH VÀ ĐỒNG NGHIỆP

Thầy giáo - liệt sĩ Trần Xuân Vanh đã anh dũng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Trong ký ức của đồng nghiệp và học trò, hình ảnh của thầy vẫn luôn vẹn nguyên, không bao giờ phai nhạt.

Dạy học sinh bằng chính tấm gương của mình

Nghĩ về thầy giáo-liệt sĩ Trần Xuân Vanh (1942-1972), thầy giáo Nguyễn Ngọc Giảng không chỉ nhớ về một người thầy phúc hậu mà còn khắc ghi tấm gương một nhà giáo mẫu mực, giản dị, hết lòng vì học sinh thân yêu. *"Lên lớp 2, tôi được thầy Trần Xuân Vanh dạy có mấy tháng, nhưng trong tâm khảm tôi luôn khắc ghi hình ảnh thầy. Hồi đó lên lớp 2 nhưng một số bạn vẫn đọc chưa thông, nhất là những tiếng có vần khó như: uynh, uýc, khúc khuỷu, huyênh hoang vv… thầy đã dừng lại tập đánh vần đến khi nào phát âm chuẩn mới thôi. Những bạn viết chữ chưa đẹp, thầy cho ngồi bàn đầu để dễ dàng uốn nắn. Thầy nhỏ nhẹ, kiên trì, cầm tay uốn học sinh từng nét chữ. Cho nên, từ nét chữ thầy dạy nết người"*. Thầy Giảng nhớ lại.

Chân dung nhà giáo - liệt sĩ Trần Xuân Vanh.
Ảnh gia đình cung cấp

Có một buổi trưa chớm hè, bên bờ biển Kỳ Ninh, tôi chăm chú nghe thầy Giảng say sưa kể về thầy giáo của mình, rằng đó là người thầy hiền khô, chưa bao giờ trách phạt học trò …

Ngày ấy, thầy trò đều khổ. Mùa đông, lạnh thấu xương, ngồi trong lớp học nhà tranh, vách đất, thầy trò môi thâm tím, rét run cầm cập, ấy vậy mà có ngọn lửa ấm nóng từ tình yêu thương của thầy, cho nên thầy say sưa giảng, trò say sưa học.

"Thầy chỉ dạy lớp tôi vài tháng rồi chuyển đi làm công tác khác. Nghe đâu thầy được điều động về Phòng GD. Học sinh chúng tôi nhỏ dại, cũng chẳng chia tay tạm biệt thầy". Thầy Giảng nhỏ nhẹ tiếc nuối.

Mặc dầu thầy dạy không nhiều, nhưng hình ảnh thầy là tấm gương sáng có sức lan tỏa. *"Tôi đầu đơn vào nghề sư phạm cũng do ảnh hưởng từ thầy. Tôi lên đường nhập ngũ, vào đơn vị C23 D75 E84, huấn luyện ngoài Bắc rồi vào B5, tham gia chiến dịch 81 ngày đêm ở Quảng Trị, bị thương rồi chuyển ra bệnh viện 112… tất cả đều theo bước chân thầy. Có một kỷ niệm không bao giờ quên là đơn vị tôi bắn rơi máy bay Mỹ, tôi được tặng Danh hiệu Dũng sĩ bắn máy bay. Tôi muốn dành danh hiệu ấy cho thầy giáo của mình".* Thầy Giảng xúc động.

Chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, giáo dục

Để có thêm thông tin xác thực về nhà giáo-liệt sỹ Trần Xuân Vanh, chúng tôi tìm đến thầy giáo Trần Nguyên Trực -nguyên Trưởng Phòng GD&ĐT huyện Kỳ Anh. Ở tuổi 84, thầy Trực vẫn vô cùng minh mẫn. Nhắc đến thầy giáo Trần Xuân Vanh, thầy Trực lặng đi một lát, rồi xúc động: Đó là một cán bộ giỏi về chuyên môn, tận tụy với công việc. *"Năm 1967, với cương vị Phó Phòng GD&ĐT huyện Kỳ Anh, tôi cùng tập thể lãnh đạo Phòng chỉ đạo vừa phát triển GD, vừa đảm bảo an toàn cho thầy và trò, nhất là trong thời gian chiến tranh diễn ra ác liệt. Nhằm thúc đẩy phong trào xóa mù chữ, Phòng GD Kỳ Anh điều động thầy Vanh về Phòng trực tiếp phụ trách phong trào Bổ túc văn hóa. Chiến tranh, GD phổ thông còn khó khăn, huống chi Bổ túc. Ấy vậy mà từ khi đảm nhận mũi xóa mù, thầy Vanh đã tư vấn, chỉ đạo xây dựng mạng lưới từ*

huyện, xã đến thôn, với "bốn tại chỗ": Lớp tại chỗ, thầy tại chỗ, học tại chỗ, hiệu quả tại chỗ, nên Kỳ Anh nằm trong tốp dẫn đầu phong trào Bổ túc văn hóa".

Câu chuyện xoay xung quanh thầy Vanh đi xóa mù. Những năm 60, đường lên Kỳ Thượng, Kỳ Sơn, Kỳ Lâm vô cùng khó khăn. Bất chấp chiến tranh, mưa bom bão đạn, bất chấp ngày hè nắng lửa, ngày đông mưa lũ, thầy Vanh trèo đèo, lội suối, lưng ba lô, vai bao tượng gạo vắt ngang, đến với vùng núi xa xôi hẻo lánh, bám cơ sở xây dựng, phát triển phong trào. Có khi thầy trực tiếp đứng lớp cho đối tượng 40, 50 tuổi, tận tụy, không bỏ cuộc, nên những địa phương đã được xóa mù không tái mù. *"Thầy Vanh đúng là tấm gương của nhà giáo - chiến sĩ trên mặt trận văn hóa-giáo dục".* Thầy Trực khẳng định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN
HẠNG Nhất
Liệt sỹ Trần Xuân Vanh
Xã Kỳ Hải, huyện Kỳ Anh, tỉnh Nghệ Tĩnh
Đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỦ TỊCH
Trường Chinh

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Đầu năm 1972, Bộ GD&ĐT có chủ trương cử đoàn cán bộ GD chi viện cho miền Nam, thầy Trần Xuân Vanh là một trong những thành viên của đoàn công tác đặc biệt. *"Sau khi tập huấn ở Bộ, tháng 4 năm 1972, thầy Vanh lên đường vào Nam. Một thời gian sau đó, chúng tôi nhận được tin thầy Vanh hy sinh vào tháng 12/1972. Thương tiếc thầy vô cùng"*. Thầy Trực xa xót.

Hành trình tìm mộ

Thầy Trần Xuân Vanh sinh ra lớn lên ở thôn Thắng Lợi, xã Kỳ Ninh. Thời gian dạy ở Kỳ Ninh, thầy Vanh kết hôn với Trần Thị Kim Xuân, cô giái hiền thục nết na ở Kỳ Hải.

Hai vợ chồng sinh được ba con (hai trai, một gái). *"Năm 1972, là năm gia đình chồng chất sự kiện. Tháng 4/1972, bố lên đường vào Nam. Mẹ mang thai em thứ 3. Cuối năm 1972, bố mất "trời nghiêng, núi lở". Cũng vào năm 1972, cơn bão đổ bộ vào Kỳ Ninh, ngôi nhà tranh vách đất bao năm tháng bố mẹ chắt chiu gây dựng bị bão xóa sổ. Mẹ con nhặt nhạnh trong đổ nát vài vật dụng rồi dắt díu nhau về quê ngoại Kỳ Hải nương náu. Đó là năm tháng "họa vô đơn chí" với gia đình cháu"*. Trần Hải Quế (con trai đầu) nhớ lại.

"Bằng cách nào, gia đình Quế vượt qua được khó khăn?". Tôi hỏi. Khó khăn lắm, Quế mới đáp lại*: "Cháu cũng không biết nữa. Mẹ con, bà cháu, đùm bọc nhau mà sống! Anh em chúng cháu thương mẹ, nuôi em nhỏ, xanh xao, vàng vọt, nên bảo ban nhau, giúp mẹ, đỡ đần cho mẹ được chút gì hay chút đó!"*.

Năm 1988, Quế đi bộ đội. Ba năm sau - năm 1991, ra quân, Quế xin vào làm Công ty cà phê. Cũng năm 1991, Quế mang mẹ và hai em vào Kon Tum. Được ông Trần Trung Quý-Giám đốc Công ty cà phê Đắc Uy, Kon Tum giúp đỡ, em trai của Quế được tuyển dụng làm công nhân. Từ đó, gia đình đoàn tụ tại Kon Tum.

Sau khi ổn đinh gia đình ở Kon Tum, Quế thực hiện hành trình tìm mộ bố. Qua điện thoại, tôi hình dung được hành trình vô cùng gian nan, tâm trạng, nỗi lòng của người con hiếu thảo với bố như thế nào!

Ở đời, trong họa có phúc. Trên hành trình đi tìm mộ bố, may mắn là Quế gặp *được thầy Lâm (quê ở Nghi Xuân, Hà Tĩnh) cùng công tác với bố. Thầy Lâm kể lại: "Thầy Trần Xuân Vanh bị sốt rét. Hôm đó, mưa như cầm chình mà trút. Nước duềnh lên lán.*

Anh em tiếp phẩm kết bè đưa thầy đến trạm xá. Đến trạm xá, bị ướt mưa, cảm lạnh, thầy Vanh lên cơn sốt co giật liên tục. Trạm xá không có huyết thanh để chuyền. 5h sáng, Trần Xuân Vanh mất. Thi hài được an táng tại doi đất gần khe, dưới cây săng lẻ. Sau đó, tôi (thầy Lâm) viết tên vào phiến đá, đặt bên phần mộ. Nhưng thời gian trôi đi, chữ trên phiến đá không còn. Hiện nay, mộ được quy tập về nghĩa trang Liệt sĩ Ba Tơ, Quảng Ngãi, nhưng chưa xác định được danh tính".

Trần Hải Quế cho biết: *"Cháu đã đến Phòng TB-LĐ-XH huyện Đức Phổ và được lãnh đạo cho xe đưa đi gặp Trạm xá trưởng trực tiếp điều trị cho bố, xác minh hoàn cảnh bố cháu hy sinh, đúng như thầy Lâm thông tin. Sau đó, cháu ra Hà Nam, theo hướng tâm linh để xác định mộ bố, nhưng cũng chưa có kết quả chính xác. Hiện tại, cháu đang trông chờ kết quả giám định ADN".*

Năm 2024, bà Trần Thị Kim Xuân (vợ liệt sĩ) mất, được an táng tại Kon Tum. Cầu nguyện cho ông bà sẽ đoàn tụ nơi Chín Suối. Và ở nơi đó, có lẽ nhà giáo -liệt sĩ Trần Xuân Vanh sẽ mỉm cười vì đồng nghiệp, học sinh, vợ con, các cháu đã biến đau thương thành sức mạnh, tiếp tục con đường mà thầy đã chọn. "*Thân ngã xuống vì đất đai Tổ quốc/ Hồn bay lên hóa linh khí Quốc gia".*

Hà Tĩnh 1/6/2025

MỘ GIÓ

Mộ gió đây, đất thành xương cốt
Cứ gọi lên là rõ hình hài
Mộ gió đây, cát vun thành da thịt
Mịn màng đi dìu dặt bên trời[1]

Nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Công Việt (1945-1972) là con cả trong gia đình nông dân có 5 người con, ở thôn Thanh Long, xã Thạch Thanh, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh nay là xã Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Vừa làm anh, vừa làm chị, làm Mẹ

Năm 1959, bà Nguyễn Thị Thọ - mẹ Nguyễn Công Việt đột ngột ra đi, ông Nguyễn Công Tích (1915-2009) rơi vào tình cảnh *"gà trống nuôi con"*. Người đàn ông nông dân nghèo xoay xở với năm đứa con, chỉ riêng cái ăn đã vàng mắt. Nhắc đến thời kỳ đau buồn ấy, ông Nguyễn Công Cũng (sinh 1956) buồn bã: *"Năm anh em chúng tôi chẳng có tuổi thơ. Nhưng có lẽ xót xa nhất là mẹ ra đi, lúc em út Nguyễn Công Hộ chưa đầy tuổi. Thương em*

[1] *Trích Mộ gió - Trịnh Công Lộc.*

đói sữa, xanh xao, khóc ngặt nghẽo. Cứ chiều chiều, anh Việt lại na em oặt oẹo khắp làng để xin sữa. Mà xin được bao nhiêu! Nghĩ đến cảnh người anh, na em đi khắp xóm lếch thếch, tôi không thể nào cầm nổi nước mắt". Ông Nguyễn Công Cũng nhớ lại.

Bà Trần Thị Thanh (em dâu, vợ ông Cũng) mỗi lần nghe chồng kể, nước mắt vắn dài.

Chân dung nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Công Việt
Ảnh: Gia đình cung cấp

Bù lại, anh em thương nhau, tự giác quét nhà, rửa bát, bế em đỡ đần cha. Cứ thế, rau cháo qua ngày, mấy anh em cứ vậy mà lớn lên...

Vợ chồng ông Nguyễn Công Cũng dẫn chúng tôi về vườn xưa nhà cũ ở thôn Thanh Long, khi bà Trần Thị Thanh mở cổng, đàn chim đang ăn trái bỗng nghe động, bay vút lên rồi đậu ở lũy tre sau nhà. Tôi và thầy Chu Văn Quýnh bị mê hoặc bởi cây trái vườn nhà: nhãn, ổi, na, bưởi,... thức nào cũng có. Quanh vườn là mít, cây lấy gỗ, tre, đặc biệt hàng chục cây chay, lá xanh mỡ màng, trái bám cành, có quả mơ vàng chín, có quả còn xanh, lúc lỉu. *"Cây sanh này đã trên 100 năm. Còn cây chay hai nhánh này, gốc chính đổ do bão, nhưng kỳ lạ, từ gốc đâm ra hai nhánh, giờ vậm vạp, xanh tốt đến như vậy. Kỳ lạ nhất là vườn nhà tôi hợp với chay. Quanh vườn, chay bao bọc"*. Ông Nguyễn Công Cũng vừa đi, vừa giới thiệu.

Không phải ngẫu nhiên, loanh quanh hết khu vườn, ông lại quấn quýt với cây chay không nỡ rời. *"Là bởi vì, cây chay nhắc lại bao nhiêu kỷ niệm với anh trai Nguyễn Công Việt. Hồi nhỏ, bảnh mắt là anh em đã trèo lên cây chay. Quả chay chua, chỉ ăn vã cho vui miệng, chứ có lấp được dạ dày đâu! Ấy vậy mà, mùa quả chay ngày nào chúng tôi cũng leo. Anh em tôi rơi từ cây như cơm bữa. Hoảng nhất là một lần, tôi đứng dưới cây, chỉ trỏ cho anh quả chín vàng ngoài ngọn. Chiều em, anh leo ra, sẩy chân. May mà tay còn vớ được cành. Người anh treo lủng lẳng. Cha phải dựng thang hỗ trợ cho anh xuống. Đã hơn nửa thế kỷ trôi qua, mà sự việc như vừa mới xảy ra"*. Ông Nguyễn Công Cũng nhớ lại

Nhìn cây, nhớ người. Ảnh: Văn Lê

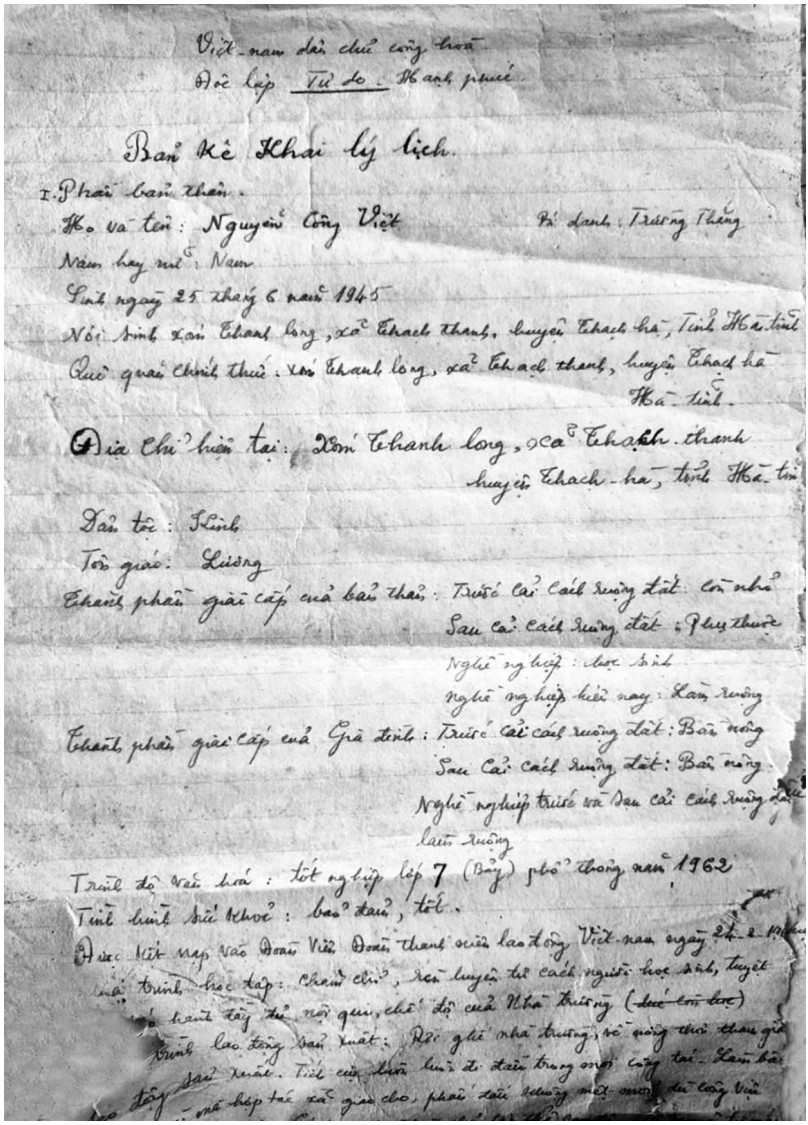

Việt-nam dân chủ cộng hoà
Độc lập Tự do. Hạnh phúc

Bản kê Khai lý lịch.

I. Phần bản thân.

Họ và tên: Nguyễn Công Việt Bí danh: Trường Thắng

Nam hay nữ: Nam

Sinh ngày 25 tháng 6 năm 1945

Nội sinh xóm Thanh long, xã Thạch thanh, huyện Thạch hà, Tỉnh Hà-tĩnh

Quê quán chính thức: xóm Thanh long, xã Thạch thanh, huyện Thạch hà Hà-tĩnh.

Địa chỉ hiện tại: Xóm Thanh long, xã Thạch thanh huyện Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Lương

Thành phần giai cấp của bản thân: Trước cải cách ruộng đất: Còn nhỏ
Sau cải cách ruộng đất: Phụ thuộc
Nghề nghiệp: học sinh
Nghề nghiệp hiện nay: Làm ruộng

Thành phần giai cấp của Gia đình: Trước cải cách ruộng đất: Bần nông
Sau cải cách ruộng đất: Bần nông
Nghề nghiệp trước và sau cải cách ruộng đất làm ruộng

Trình độ văn hoá: tốt nghiệp lớp 7 (Bảy) phổ thông năm 1962

Tình hình sức khoẻ: bảo đảm, tốt.

Được kết nạp vào Đoàn Viên Đoàn thanh niên lao động Việt-nam ngày 24-2-1961

Nhà trình học tập: Chăm chỉ, rèn luyện tư cách người học sinh, tuyệt [illegible] hành tây đủ nội qui, chế độ của Nhà trường (~~[illegible]~~)

[illegible] trình lao động sản xuất: Rời ghế nhà trường, về nông thôn tham gia [illegible] động sản xuất. Tích cực luôn luôn đi đầu trong mọi công tác. Làm bất [illegible] mà hợp tác xã giao cho, phấn đấu không một mọi dù công việc [illegible]

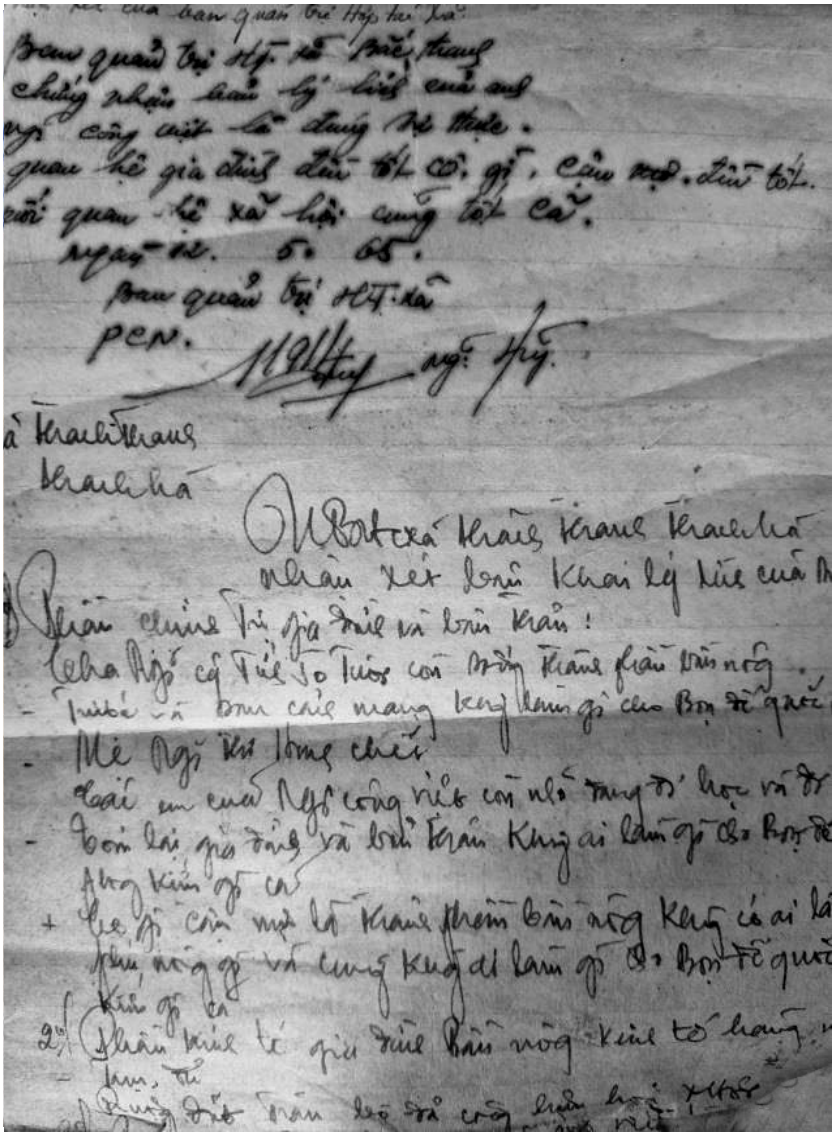

Tư liệu gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Đang miên man với suy nghĩ thì bà Trần Thị Thanh gọi chúng tôi, lễ đã bày biện xong, vào thắp hương cho liệt sĩ Nguyễn Công Việt. Đĩa lương khô là lương thực của bộ đội. Khói thuốc lá đốt lên, quyện với hương trầm, gợi nhớ hương vị vừa xa xôi, vừa gần gũi. Cuối lễ, ông Nguyễn Công Cũng bước chếch sang bên, sửa lại ve áo, rồi lẩm bẩm, lấy ống quyển dựng sau khai tọa. Ống quyển bằng tre, màu nâu luốc. Ông đứng ở góc nhà thờ, nói với chúng tôi: *"Kỷ vật của anh Việt được giữ gìn bảo quản hơn nửa thế kỷ đây!"*. Tôi chăm chú, nóng lòng chờ đợi. Ông Nguyễn Công Cũng nhẹ tay, nghiêng ống, dốc xuống cho những tờ giấy được cuộn tròn từ từ rơi ra. Đoạn ông đặt lên bàn, nhẹ nhàng vuốt từng di vật. Ngoài cùng là Học bạ cấp 1, cấp 2 của Nguyễn Công Việt. Tiếp đến là tờ ghi tên, ghi điểm học sinh. Đơn xin thi vào Trung cấp y sĩ. Bản lý lịch tự thuật viết tay. Giấy giới thiệu sinh hoạt đoàn. Trong cùng là Giấy chứng nhận tốt nghiệp. Bấy nhiêu vật chứng làm sống lại một tuổi thơ gian khổ nhưng đầy nghị lực của Nguyễn Công Việt, mà nếu không có những di vật này, những chuyện kể *"tam sao thất bản"* khó chính xác được.

Nguyễn Công Việt học cấp 1 Thạch Long, học cấp hai Thạch Thượng. Năm học 1961-1962, Nguyễn Công Việt tốt nghiệp lớp 7. Học bạ còn lưu lại bảng điểm tổng kết, lời phê của giáo viên chủ nhiệm. Ba năm cấp 2, Nguyễn Công Việt nỗ lực vượt lên hoàn cảnh để đạt được kết quả học tập khá. Hoạt động nổii bật nhất của anh là hoạt động đội, đoàn thanh niên. Trong Bản lý lịch tự khai có xác nhận của chính quyền địa phương, Nguyễn Công Việt đã được bốn lần khen thưởng, một lần về thành tích học tập, ba lần về hoạt động đoàn đội. Điều này không có gì lạ, bởi vì, ở tuổi 14, Nguyễn Công Việt không chỉ làm anh mà còn

làm chị, làm Mẹ. Mẹ mất, là con cả trong gia đình, Nguyễn Công Việt không chỉ rửa bát quét nhà mà còn giúp cha công việc đồng áng; nghĩa là từ sớm, Nguyễn Công Việt đã tự lập, đã phải *"khôn"* trước tuổi.

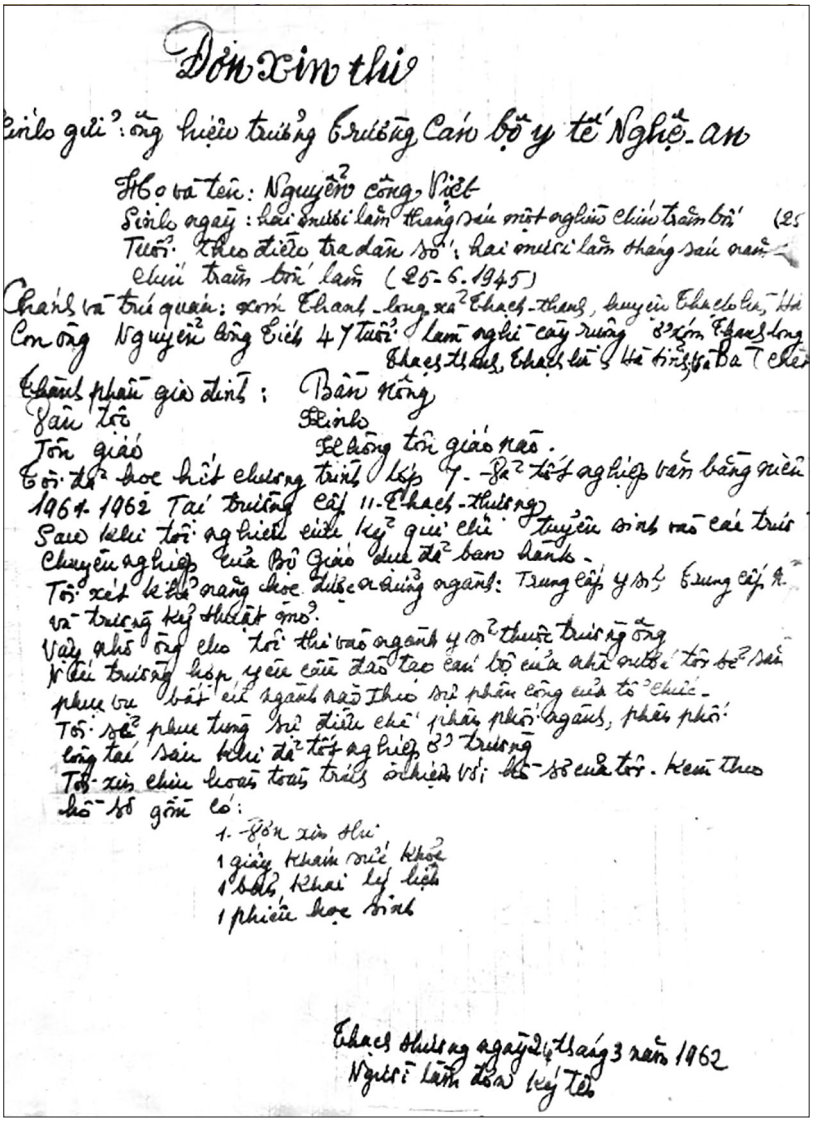

Đơn xin thi

Kính gửi: ông hiệu trưởng Trường Cán bộ y tế Nghệ-an

Họ và tên: Nguyễn công Việt
Sinh ngày: hai mươi lăm tháng sáu một nghìn chín trăm bốn (25
Tuổi theo điều tra dân số: hai mươi lăm tháng sáu năm chín trăm bốn lăm (25-6-1945)
Chánh và trú quán: xóm Thanh-long xã Thạch-thanh, huyện Thạch hà, Hà
Con ông Nguyễn công Tích 47 tuổi làm nghề cày ruộng ở xóm Thanh long Thạch thanh, Thạch hà, Hà tĩnh, và Bà T chết
Thành phần gia đình: Bần nông
Văn tộc Kinh
Tôn giáo Không tôn giáo nào.
Tôi đã học hết chương trình lớp 7 - đã tốt nghiệp văn bằng niên 1961-1962 Tại trường cấp II-Thạch-thương
Sau khi tôi nghiên cứu kỹ qui chế tuyển sinh vào các trường chuyên nghiệp của Bộ Giáo dục đã ban hành.
Tôi xét khả năng học được những ngành: Trung cấp y sĩ, trung cấp ... và trường kỹ thuật mỏ.
Vậy nhờ ông cho tôi thi vào ngành y sĩ thuộc trường ông
Nếu trường hợp yêu cầu đào tạo cán bộ của nhà nước tôi sẽ sẵn phục vụ bất cứ ngành nào theo sự phân công của tổ chức.
Tôi sẽ phục tùng sự điều chế phân phối ngành, phân phối công tác sau khi đã tốt nghiệp ở trường
Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm với hồ sơ của tôi. Kèm theo hồ sơ gồm có:
1. Đơn xin thi
1 giấy khám sức khỏe
1 bản khai lý lịch
1 phiếu học sinh

Thạch thương ngày 24 tháng 3 năm 1962
Người làm đơn ký tên

Tốt nghiệp lớp 7, Nguyễn Công Việt đầu đơn thi vào Trung cấp y sĩ. Nhưng chẳng biết vì lý do gì, sau đó, anh đầu đơn vào sư phạm. Trước khi vào sư phạm, Nguyễn Công Việt làm Thư ký đội sản xuất; Phân đoàn phó thanh niên thôn Bắc Thanh; Ủy viên BCH đoàn Hợp tác xã Bắc Thanh; Ủy viên BCH đoàn xã Thạch Long. Nguyễn Công Việt không nề hà bất cứ việc gì. Công việc gì được giao cũng nỗ lực hoàn thành xuất sắc. Đây là một trong những yếu tố tạo nên tính cách trầm lắng nhưng quyết liệt, nội lực mạnh mẽ của Nguyễn Quốc Việt.

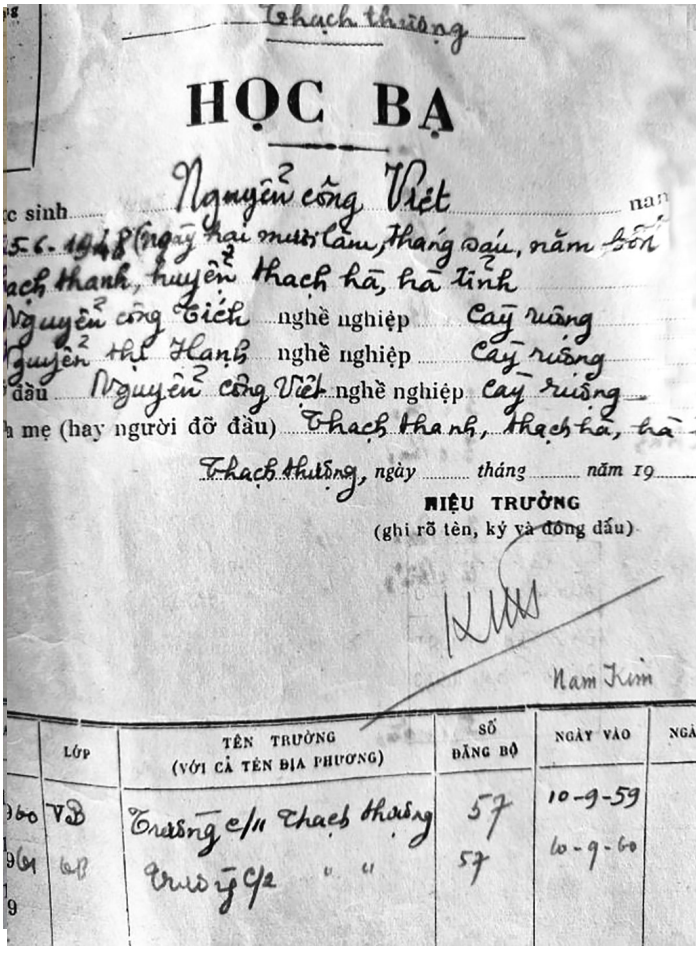

Thạch thượng

HỌC BẠ

...c sinh Nguyễn công Việt nan...
...5-6-1948 (ngày hai mươi lăm, tháng sáu, năm bốn...
...ạch thanh, huyện thạch hà, hà tĩnh
Nguyễn công Tích nghề nghiệp Cày ruộng
Nguyễn thị Hạnh nghề nghiệp Cày ruộng
...đầu Nguyễn công Việt nghề nghiệp Cày ruộng
...a mẹ (hay người đỡ đầu) Thạch thanh, thạch hà, hà...

Thạch thượng, ngày ..... tháng ..... năm 19...

HIỆU TRƯỞNG
(ghi rõ tên, ký và đóng dấu)

Nam Kim

	LỚP	TÊN TRƯỜNG (VỚI CẢ TÊN ĐỊA PHƯƠNG)	SỐ ĐĂNG BỘ	NGÀY VÀO	NGÀ...
...960	VB	Trường c/11 Thạch thượng	57	10-9-59	
...961	VB	Trường c/2 " "	57	10-9-60	
...9					

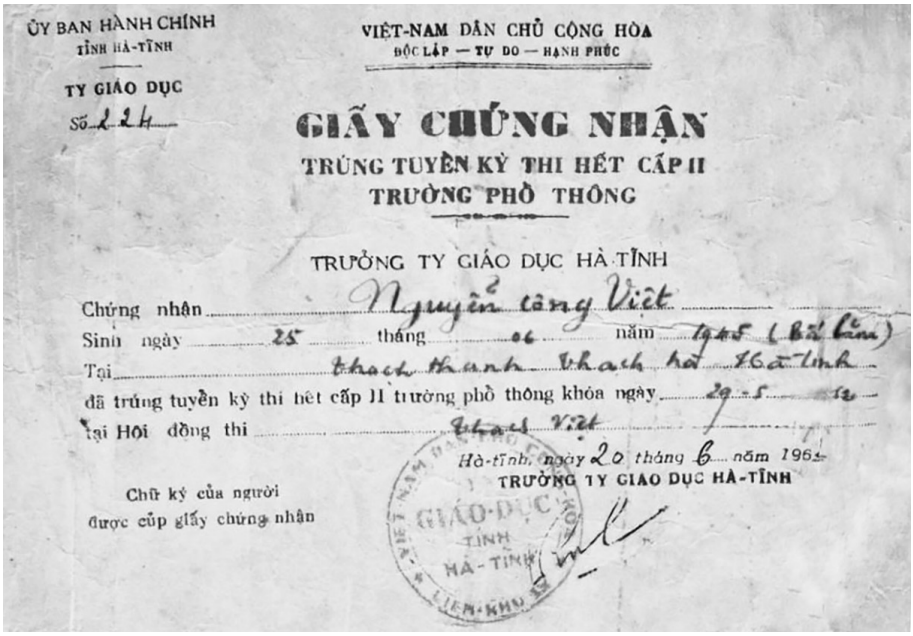

ỦY BAN HÀNH CHÍNH
TỈNH HÀ-TĨNH

TY GIÁO DỤC
Số 224

VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
ĐỘC LẬP — TỰ DO — HẠNH PHÚC

GIẤY CHỨNG NHẬN
TRÚNG TUYỂN KỲ THI HẾT CẤP II
TRƯỜNG PHỔ THÔNG

TRƯỞNG TY GIÁO DỤC HÀ TĨNH

Chứng nhận Nguyễn công Việt
Sinh ngày 25 tháng 06 năm 1945 (Bính Tuất)
Tại thạch thanh thạch hà Hà Tĩnh
đã trúng tuyển kỳ thi hết cấp II trường phổ thông khóa ngày 29-5-62
tại Hội đồng thi thạch Việt

Hà-tĩnh, ngày 20 tháng 6 năm 1962
TRƯỞNG TY GIÁO DỤC HÀ-TĨNH

Chữ ký của người
được cấp giấy chứng nhận

GIÁO-DỤC TỈNH HÀ-TĨNH

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Hy sinh thầm lặng

Qua vợ chồng ông Nguyễn Công Cũng, chúng tôi nối điện thoại với ông Nguyễn Hữu Đàn (sinh ngày 21/3/1934) là đồng đội của nhà giáo- liệt sĩ Nguyễn Công Việt. Ông Nguyễn Hữu Đàn ở thôn Vĩnh An, xã Thạch Vĩnh, huyện Thạch Hà, nay là xã Toàn Lưu, tỉnh Hà Tĩnh.

"Tôi với anh Nguyễn Công Việt nhập ngũ ngày 20/4/1970. Lúc ấy tôi đang là cán bộ Sở Nông nghiệp Hà Tĩnh, anh Việt là giáo viên. Chúng tôi cùng huyện Thạch Hà. Khi đất nước có lệnh tổng động viên, thanh niên lên đường nhập ngũ, Việt đang "trai tơ" còn tôi đã "vợ bìu, con rín", nhưng "có lệnh là đi, tư thế sẵn sàng". Ông Đàn bộc bạch.

Thầy giáo Nguyễn Công Việt và Nguyễn Hữu Đàn được biên chế cùng đơn vị C6K2, QK4, huấn luyện bộ binh tại Cẩm Lạc,

Cẩm Xuyên 6 tháng, sau đó tiếp tục huấn luyện tại Sơn Trường, Hương Sơn 3 tháng. *"Có lẽ có cơ duyên, nên tôi với Việt gắn bó với nhau từ khi nhập ngũ đến khi Việt hy sinh".*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

TỔ QUỐC GHI CÔNG

LIỆT SĨ : Nguyễn Công Việt

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam
Nguyên quán: xã Thạch Thanh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước
ngày 21 tháng 01 năm 1972

Hà nội, ngày 18 tháng 7 năm 2011
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Nguyễn Tấn Dũng

ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CÁC LIỆT SĨ ĐÃ HY SINH CHO TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG CỦA DÂN TỘC

Tư liệu do gia đình cung cấp. Ảnh: Văn Lê

Ông Nguyễn Công Cũng mở ống quyển đựng di vật của em trai liệt sĩ Nguyễn Công Việt. Ảnh: Văn Lê

Sau khi huấn luyện xong, Nguyễn Công Việt và Nguyễn Hữu Đàn được biên chế vào đơn vị C12 E39 F968 đoàn 559 bổ sung cho mặt trận phía Tây. *"Đoàn chúng tôi lên xe vào Quảng Bình, qua cửa khẩu Cha Lo, hành quân sang Nam Lào. Vất vả. Gian truân. Đèo. Suối. Nắng thiêu. Gió Lào đốt. Ấy là mùa hè, còn mùa Đông, rét cắt da, mưa xối xả, ở rừng ẩm ướt. Mưa rừng Lào kinh khủng. Suối đang khô, bỗng ào ào thác nước. Lũ ống, lũ quét"."Chưa đánh đấm gì cả, nhưng đối mặt với thiên nhiên nghiệt ngã đã là một cuộc chiến đấu. Trên đường hành quân, Việt sẵn sàng giúp đỡ đồng đội. Những người bị trượt ngã, chân đau, Việt giúp đồng đội mang ba lô, hay quàng thêm bao gạo".*

Văn Lê:

Sang đó, các anh ăn ở thế nào?

Ông Nguyễn Hữu Đàn:

(Cười) Tất cả ở rừng. *"Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù"*. Ăn rừng, ngủ rừng. Tăng võng, bạt, chuẩn bị cả rồi. Lương khô, gạo rang, bình tông nước. Súng đạn sẵn sàng. Thuốc chống muỗi, vắt, có cả. Gạo có hậu cần lo. Rau rừng Lào thiếu gì. Đầy rừng, đầy suối.

Văn Lê:

Các anh đã tham gia bao nhiêu trận?

Ông Nguyễn Hữu Đàn:

Cũng không nhớ hết đâu! Đơn vị chúng tôi đã tham gia trận Xanavan, đánh cao nguyên Bôlôven. Có những trận ác liệt một mất một còn là trận giải phóng bản Ken nhao. Đơn vị chúng tôi dùng cối 81, 82 tập kích. Địch bị bất ngờ, thương vong nhiều, bỏ chạy. Trận đó, Trung đội của Việt được phân công cảnh giới

vòng ngoài, Trung đội của tôi vòng trong. Khi lũ giặc tháo chạy, Trung đội của Việt đón lõng, tiêu diệt sạch. Anh em phối hợp với nhau rất ăn ý. Trận ấy ta thắng lớn.

Văn Lê:

Ông còn nhớ thầy Nguyễn Công Việt hy sinh trong hoàn cảnh nào không?

Ông Nguyễn Hữu Đàn:

Nhớ chứ. Rất rõ, vì tôi là người trong cuộc. Hôm đó, khoảng 18h chiều, Việt cùng Đại đội trưởng về Tiểu đoàn hội ý. Trên đường trở về, máy bay địch ném bom. Việt bị mảnh bom trúng ngực. Người anh văng xuống suối. Việt đã anh dũng hy sinh trên đường làm nhiệm vụ. Ngay đêm đó, Đại đội cử 4 chiến sĩ gánh Việt về hậu cứ, tổ chức khâm liệm. Tôi cũng có mặt. Nhưng khi mai táng Việt, tôi đã đi công tác. Đại đội vận tải làm công tác hậu cần sư 968 trực tiếp chôn cất thi hài Nguyễn Công Việt.

Văn Lê:

Thế ông còn nhớ địa điểm chôn cất thi hài thầy Việt không?

Ông Nguyễn Hữu Đàn:

Chiến tranh, đi theo tiếng súng. Tôi chỉ nhớ trong rừng, cạnh con suối, chứ rừng nước bạn tôi không biết bản gì. Và hơn nữa thế kỷ rồi anh! Tôi tin đội quy tập hài cốt liệt sĩ Quân khu 4 phối kết hợp với nước bạn đã quy tập hài cốt bao đồng đội, trong đó có Nguyễn Công Việt. Thương xót lắm, anh em ở với nhau cùng đơn vị, buổi chiều còn có nhau, chập choạng mất nhau. Cuộc sống vô thường lắm. Bây giờ tôi may mắn trở về,

nhiều khi nhớ đồng đội, nhớ Nguyễn Công Việt, thương lắm, xót xa lắm, sống chết, vào sinh ra tử có nhau mà giờ âm dương cách biệt. Nhưng *"lực bất tòng tâm"*.

(Ông Đàn nghẹn ngào, xúc động. Tôi cũng không hỏi thêm để ông được lắng lòng lại sau ký ức đau buồn)

Mộ gió

Cũng như bao gia đình liệt sĩ khác, gia đình ông Nguyễn Công Cũng đã cất công tìm mộ anh trai. Ông Cũng, bà Thanh và anh chị em trong gia tộc đã nhờ tâm linh, đã rong ruổi đến các nghĩa trang phía Tây, với hy vọng tìm được mộ anh trai. Nhưng tất cả đang ở phía trước.

Dẫu biết rằng *: "Thác là thể phách, hồn là tinh anh"*, nhưng ai trong cảnh ngộ mới hiểu được nỗi niềm, tâm trạng!

Chưa tìm được thi hài, để an lòng mình, anh chị em, con cháu nội ngoại cùng vợ chồng ông Nguyễn Công Cũng, bà Trần Thị Thanh đã làm ngôi mộ gió cho anh trai. Lấy cành dâu làm xương cốt, đất đai quê hương đắp da thịt, tất cả thủ tục tâm linh được tiến hành với truyền thống *"uống nước nhớ nguồn"*. *"Cũng là một cách an ủi. Cũng là một cách để linh hồn anh có nơi trú ngụ"*. Bà Trần Thị Thanh thì thầm.

Ngày 26/7/2025, trước ngày thương binh - liệt sĩ, tôi và thầy giáo Chu Văn Quýnh cùng vợ chồng ông Cũng bà Thanh ra viếng mộ gió tại nghĩa trang Thạch Thanh xã Thạch Hà.

Buổi sáng tháng 7, trời xanh, mây trắng, nắng vàng. Mộ gió nằm cạnh kênh Vách Nam. Quanh mộ, bãi cỏ gừng tươi tốt, xanh đến nao lòng. Điều kỳ lạ là trên mộ, mọc lên cây hoa dại (tôi chưa

Ông Nguyễn Công Cũng và bà Trần Thị Thanh
bên mộ gió anh trai liệt sĩ Nguyễn Công Việt.
Ảnh: Văn Lê

biết là loài hoa gì) thân cây, nhiều cành, khum khum, lá xanh, nở hoa trắng. Hoa dù, gió phơ phất, những cánh hoa bay theo gió. Tôi khe khẽ đọc bài thơ "**Mộ gió**" của Trịnh Công Lộc:

Mộ gió đây, đất thành xương cốt

Cứ gọi lên là rõ hình hài

Mộ gió đây, cát vun thành da thịt

Mịn màng đi dìu dặt bên trời…

5h sáng ngày 28/7/2025

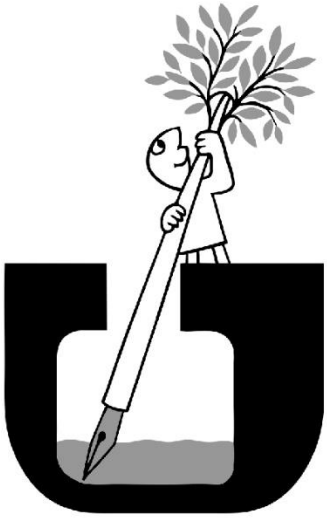

Phản hồi từ độc giả

Đức **Ban**, Nguyễn Thanh **Truyền**, Cao Thị Anh **Tú**, Phan Duy **Nghĩa**, Trịnh Thị **Nga**, Hoàng Hữu **Tùng**, Trần Hữu **Huỳnh**, Đinh Thị **Nguyên**, Dư Lý **Trí**, Nguyễn Minh **Đạo**, Nguyễn Mộng **Thu**

KÝ ỨC PHÁT SÁNG

(Đọc ***Ghi chép về nhà giáo - liệt sĩ*** của Lê Văn Vy, Nxb Đại học Vinh, 2025)

1. Tôi rất tâm đắc với ý nghĩ của nhà thơ Lê Văn Vy ở ghi chép về nhà giáo - liệt sĩ Phan Văn Mỹ: "*…nếu không chớp thời gian để ghi lại những gì có thể, rồi tất cả dần dần trôi vào dĩ vãng. Ký ức chỉ còn là vùng rỗng.*" Có lẽ đó cũng là khởi nguồn, là động lực thôi thúc để tác giả thực hiện cuốn sách giàu ý nghĩa này. Đó không chỉ là thao tác nghề nghiệp, mà là thực thi sứ mệnh lấp những khoảng trống đang lớn dần trong ký ức cộng đồng. Và chính từ ý thức này, *Ghi chép về Nhà giáo - Liệt sĩ* vượt khỏi phạm vi một tập tư liệu tri ân đơn điệu thường thấy để trở thành một công trình nhân văn, nơi sự thật được khôi phục bằng những chứng tích nhỏ bé mà lay động, và nơi người đọc buộc phải soi lại chính mình sau mỗi câu chuyện.

2. Đây là cuốn sách đầy ám ảnh, bởi trước hết, cho ta thấy những phận người vô cùng chân thật. Tác giả không cố dựng nên những "tượng đài" bằng ngôn từ, mà để nhân vật tự bước ra bằng chính đời sống, bằng chính kỷ vật còn được giữ sau bom đạn và thời gian.

Một trong những ám ảnh lớn nhất là câu chuyện về nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Trường Bùi. Là nhà giáo tài hoa ra trận, ngã xuống khi tuổi đời còn xanh, để lại duy nhất một tấm ảnh. Người yêu anh đã xin gia đình mang bức ảnh ấy để phục chế ảnh chân dung, bọc ảnh vào áo, giấu trong rương gỗ. Và rồi, một vụ cháy bất ngờ thiêu rụi khu tập thể trạm xá nông trường Thạch Ngọc, thiêu rụi cả kỷ vật thiêng liêng mà cô gái xem như máu thịt, khiến cô đau như mất đi người yêu lần thứ hai, sau lần thứ nhất là nhận tin báo tử.

Không kém phần ám ảnh là hình ảnh nhà giáo Bùi Đình Chất cõng học trò đi học. Cậu học trò ấy, anh Trần Văn Toản, nhớ lại "*tôi bị nẩy u gót chân, tấy mủ, viêm nhiễm, chẳng thể đến trường được. Mẹ thì bận đi làm. Thầy Chất và thầy Cư cõng tôi về ở cùng các thầy tại khu nội trú. Tôi ăn ở cùng thầy… Thầy đã nghiêng lưng cho tôi ôm vai, mỗi lần lên lớp hay về phòng là thầy xoay người, cúi xuống cho tôi đặt chân lên thềm trước …*". Tác giả chỉ "ghi chép", lặng như hơi thở, mà khơi dậy biết bao rung động!

Đến những lá thư pơ-luya của liệt sĩ Nguyễn Xuân Đông, ta bắt gặp sự thật chiến tranh trong hình hài mong manh nhất. Những dòng chữ nắn nót trên tờ giấy mỏng như khói của nhà giáo - liệt sĩ *"Giấy được một tờ, xin nữa được hai. Không có tờ thứ ba nên con tạm dừng bút."*, với lời bình của người viết "*Bao nhiêu thương nhớ, bao nhiêu tình cảm dồn nén trong mỗi chữ*". Chiến tranh là thiếu thốn, khốc liệt nhưng qua những lá thư ngắn ngủi để lại, ta thấy trong trái tim người thầy ra trận luôn chất chứa tình cảm gia đình, quê hương và tinh thần lạc quan, ý chí chiến đấu, niềm tin thắng lợi sâu sắc.

Ám ảnh khác xuất hiện trong cuốn nhật ký của Lê Quốc Hội: chữ bé, dày, chen chúc, mực phai nước. Không chỉ nội dung, mà hình thức của trang giấy cũng đã cho thấy sự thật về cuộc sống nơi chiến trường. Người viết như đang đua với thời gian, cố "lấp chữ" vào những khoảng trống còn thở được. Đồng đội của nhà giáo - liệt sĩ Lê Quốc Hội hồi tưởng "*Có những lúc,… chúng tôi ngồi lại bên nhau, anh Lê Quốc Hội nói với tôi, hòa bình anh muốn trở về trường tiếp tục sự nghiệp trồng người. Tiếc rằng, anh đã ngã xuống…*".

Đằng sau những câu chuyện về những nhà giáo - liệt sĩ ấy, qua ghi chép của Lê Văn Vy, chúng ta thấy hình ảnh những người phụ nữ như mẹ, vợ, chị em, những người con. Không khóc lóc, không đòi hỏi, họ sống tiếp bằng sự bền bỉ mà không quan tâm có ai chứng kiến hay không. Như bà Võ Thị Xuân, vợ liệt sĩ Bùi Dung, bà lặng lẽ nói khi được hỏi về việc con gái bà tốt nghiệp sư phạm mầm non mà không nộp hồ sơ tuyển dụng để được ưu tiên chế độ con liệt sĩ: *"Tôi tùy cháu, và không muốn liên lụy đến chồng, để ông ấy yên giấc ngàn thu."*. Con dâu của liệt sĩ Bùi Dung cũng có chung quan điểm sống như thế "*Cả làng, cả nước hy sinh vì Tổ quốc chứ riêng gì nhà cháu*".

Ghi chép lại những câu chuyện ấy không phải chỉ để tri ân quá khứ, mà quan trọng hơn, tác giả đặt ra những thông điệp nhân sinh sâu sắc cho hiện tại: Hãy sống tử tế với ký ức, giữ đạo học trong mọi hoàn cảnh và không đánh mất căn cốt con người, dù đời sống có khốc liệt đến đâu. Câu nói của một thầy giáo - liệt sĩ gửi lại em nhỏ, *"chết cũng phải học"*, không phải là khẩu hiệu mà là triết lý sống trong hoàn cảnh hoạn nạn, khó khăn.

3. Để chuyển tải những thông điệp ấy, ở tập sách này, Lê Văn Vị thể hiện nghệ thuật viết ký sự khi người biết cách tiết chế, vận dụng sáng tạo cấu trúc đối thoại và hồi sinh hiện thực bằng những chi tiết giàu sức sống. Ông chọn cách tiếp cận điều tra - đối thoại - kỷ vật. Ở đó, tác giả không đứng ở trung tâm. Ông lùi xuống, để nhân chứng nói, kỷ vật lên tiếng và sự thật tự tìm đường về; ông quan sát con người qua những mảnh chứng tích như chiếc đồng hồ dừng kim, tấm bằng Sư phạm cũ, giấy báo tử, ảnh phai màu, thư úa nước,... Cấu trúc đối thoại được sử dụng nhiều và cách ông đặt câu hỏi, đặt khoảng lặng, để người đối thoại tự hồi cố,… tất cả khiến câu chuyện hiện lên sinh động. Không triết lý hoá, không giảng giải, chỉ gợi mở. Đây chính là hình thức ký sự văn học mà Lê Văn Vị đã "chưng cất" bằng kinh nghiệm làm báo và trực giác nghệ sĩ. Đặc biệt, hình thức "ghi chép" của ông có một khác biệt quan trọng khi ông không chạy theo dữ liệu như sử liệu mà truy tìm đời sống của dữ liệu. Một lá thư không chỉ là văn bản; nó là nhịp thở của người sắp hy sinh. Một bức ảnh không chỉ là hình người, nó là độ bền của ký ức. Một cuốn nhật ký không chỉ là chữ, nó là hành trình chống lại sự lãng quên. Sự tiết chế trong giọng văn, vừa lạnh đủ để sự thật không méo mó, vừa ấm đủ để ký ức được hồi sinh, làm nên sự đặc sắc riêng của cuốn sách.

4. *Ghi chép về Nhà giáo - Liệt sĩ* là cuốn sách được làm với

mục đích giản dị mà cao cả, đưa sự thật trở về đúng vị trí của nó và khi sự thật được kể bằng lòng tôn trọng, nó tự phát sáng. Đó là ánh sáng của những người thầy ra đi khi tuổi đời còn xanh. Ánh sáng của những người phụ nữ lặng lẽ sống tiếp. Và ánh sáng của những kỷ vật nhỏ bé nhưng không bao giờ vì thời gian mà mất đi

giá trị. Đọc cuốn sách này, người ta không chỉ thấy quá khứ; người ta thấy trách nhiệm của hiện tại. Nếu ký ức không được ghi lại, nó sẽ thành "vùng rỗng". Khi ký ức được viết bằng sự tử tế - như Lê Văn Vỵ đã làm - nó trở thành một phần đạo đức của cộng đồng, sống cùng cộng đồng. Và vì vậy, đây không phải chỉ là cuốn sách về những người đã mất. Đây là cuốn sách đánh thức những người đang sống.

NGUYỄN THANH TRUYỀN

(Hiệu trưởng Trường THCS Bình Thịnh
- Xã Đức Thịnh)

GHI CHÉP VỀ NHÀ GIÁO - LIỆT SĨ (TẬP 1) CỦA LÊ VĂN VỴ: HÀNH TRÌNH TRI ÂN VÀ LƯU GIỮ KÝ ỨC

Trong dòng chảy ký ức chiến tranh Việt Nam, hình ảnh người lính được tái hiện đậm nét trong nhiều loại hình nghệ thuật. Tuy nhiên, hình tượng nhà giáo - liệt sĩ, những con người đi giữa hai trận tuyến *"cầm phấn" và "cầm súng"*, lại ít được phản ánh một cách đầy đủ và có hệ thống. Tập sách *Ghi chép về nhà giáo - liệt sĩ (Tập 1)* của nhà giáo - nhà văn Lê Văn Vỵ vừa được ấn hành tại Nhà xuất bản Đại học Vinh vào đầu tháng 11/2025, là một nỗ lực nghiêm túc nhằm lấp đầy khoảng trống này. Cuốn sách không chỉ mang lại nguồn tư liệu quý cho việc nghiên cứu lịch sử ngành giáo dục, mà còn gợi mở nhiều suy tư về nhân cách và giá trị nghề giáo trong bối cảnh xã hội đương đại.

1. Giá trị nổi bật nhất của cuốn sách là tính chân thực của tư liệu. Trong *Lời thưa*, tác giả cho biết ý tưởng biên soạn cuốn sách về nhà giáo - liệt sĩ đã được hình thành từ nhiều năm trước, nhưng phải đến năm 2025 ông mới có điều kiện triển khai. Việc ghi chép sau hơn nửa thế kỷ đặt ra nhiều thách thức về tư liệu:

nhiều hồ sơ đã thất lạc, số lượng nhân chứng còn lại không nhiều, các nguồn thông tin phân tán, không đồng đều về độ tin cậy. Trong bối cảnh đó, quá trình thu thập tư liệu mang tính chất của một công trình điền dã và khảo cứu ký ức, đòi hỏi sự bền bỉ trong từng cuộc điện thoại, từng chuyến đi thực địa, cũng như sự cẩn trọng trong tiếp nhận và xử lý các mẩu hồi ức được cung cấp bởi gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và học trò của các nhà giáo - liệt sĩ. Chính sự kiên trì trong việc chắp nối những mảnh tư liệu rời rạc - từ ký ức cá nhân đến các dấu tích còn sót lại trong lưu trữ, đã giúp tác giả kiến tạo được một bức tranh tư liệu có giá trị về một thế hệ nhà giáo ở Hà Tĩnh tham gia chiến tranh chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Tác giả gọi đó là "một hành trình âm thầm, lặng lẽ", đó cũng là một hành trình nhân văn sâu sắc, đóng góp quan trọng cho việc khôi phục ký ức về nghề giáo trong chiến tranh, một chủ đề vốn khá thiếu vắng trong hệ thống sử liệu hiện hành.

Trong quá trình biên soạn *Ghi chép về nhà giáo - liệt sĩ (Tập 1)*, tác giả chủ yếu dựa vào ba nhóm tư liệu có tính bổ sung lẫn nhau. Nhóm thứ nhất, là hồi ức của thân nhân, đây là nguồn tư liệu giàu chi tiết đời sống và cảm xúc cá nhân, giúp tái dựng bối cảnh gia đình và quá trình trưởng thành của các nhà giáo - liệt sĩ (*Ngọn lửa, Chuyện ít biết về nhà giáo - liệt sĩ Bùi Dung, Những lá thư từ chiến trường, Yêu thương ở lại, Khắc khoải tiếng chim từ quy, Vịn con chữ mà đứng dậy*...). Nhóm thứ hai, gồm ký ức của đồng nghiệp, học trò và đồng đội, tạo nên góc nhìn nghề nghiệp và xã hội, làm rõ phẩm chất sư phạm và tinh thần cống hiến của họ trong môi trường giáo dục và chiến tranh (*Cõng trò đi học, Hóa thân vào phượng vĩ, Kỷ vật vô giá, Người truyền lửa cho học trò,*

Trong ký ức cựu học sinh và đồng nghiệp…). Nhóm thứ ba, là những tư liệu chính thống có khả năng tra cứu hồ sơ lưu trữ, văn bản hành chính, thư từ và giấy tờ liên quan, được sử dụng để kiểm chứng và đối chiếu thông tin (*Những lá thư từ chiến trường, Dạy học để hoạt động cách mạng, Chuyến đò định mệnh, Điều khó nói trong chiến tranh…*). Việc kết hợp linh hoạt ba nguồn tư liệu này, hình thành nên một quy trình "kiểm chứng chéo" nghiêm ngặt, giúp tăng tính xác tín cho từng ghi chép và cho phép tái hiện một giai đoạn lịch sử mà tư liệu chính thống vốn còn khiếm khuyết. Nhờ đó, tập sách vượt ra ngoài phạm vi một văn bản tưởng niệm, trở thành một đóng góp có giá trị cho kho tư liệu về các nhà giáo - liệt sĩ Hà Tĩnh nói riêng và lịch sử giáo dục Việt Nam nói chung.

Tập sách gồm 26 ghi chép về 29 nhà giáo - liệt sĩ, mỗi ghi chép là một lát cắt của cuộc đời một nhà giáo - liệt sĩ từng sống, giảng dạy và chiến đấu trên mảnh đất Hà Tĩnh. Ngay từ nhan đề các bài viết như *Ngọn lửa, Cõng trò đi học, Lấy thân mình che sự sống cho học sinh, Chuyến đò định mệnh, Mộ gió, Khúc vĩ thanh…*,
tác giả đã gợi lên những biểu tượng giàu sức ám gợi về phẩm hạnh, nhân cách và sự hy sinh của người thầy Việt Nam trong chiến tranh. Từ những câu chuyện riêng lẻ, chân dung của 29 nhà giáo - liệt sĩ với tên tuổi, tiểu sử và hoàn cảnh hi sinh cụ thể như Nguyễn Trường Bùi, Bùi Đình Chất, Nguyễn Xuân Đông, Đinh Xuân Giao, Đặng Duy Giáp, Nguyễn Văn Hậu, Trần Xuân Hoạt, Lê Quốc Hội, Trần Ngọc Lượng, Trần Thị Minh, Lê Văn Minh, Hồ Viết Mười, Nguyễn Ngọc Mỹ, Phan Văn Mỹ, Trần Xuân Tiến, Nguyễn Hữu Tứ, Phan Thị Như Thịnh, Hoàng Xuân Thọ, Trần Xuân Vanh, Nguyễn Công Việt… dần hiện lên thành một

bức tranh chung: không gian của ký ức, của tinh thần bất khuất, sự quên mình hi sinh vì lý tưởng. Ở đó, người thầy hiện lên là một chủ thể kép: vừa là người gieo chữ trên bục giảng, vừa là chiến sĩ giữa lửa đạn; vừa sống giản dị, tận tâm, vừa sẵn sàng đối mặt với hiểm nguy để bảo vệ học trò hoặc bước ra chiến trường khi Tổ quốc cần. Chính sự kết tinh giữa trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần công dân ấy, đã khiến tập sách không chỉ dừng lại ở việc phục dựng tiểu sử của những con người bình dị mà phi thường, mà còn kiến tạo một bản anh hùng ca lặng lẽ về nghề dạy học trong chiến tranh, nơi lý tưởng giáo dục hòa quyện với lý tưởng phụng sự quốc gia.

Hướng nghiên cứu chú trọng việc phục dựng lịch sử từ những mảnh tư liệu nhỏ lẻ, không lý tưởng hóa mà khai thác chiều sâu đời thường đã được Lê Văn Vy hết sức chú trọng và vận dụng triệt để ở tập sách này. Đây cũng là một hướng tiếp cận hiện đại, phổ biến trong việc nghiên cứu lịch sử, ký ức.

2. Nhìn từ góc độ văn hoá, các chân dung trong *Ghi chép về nhà giáo - liệt sĩ* cho thấy vị trí đặc biệt của người thầy trong cấu trúc văn hoá Việt Nam, đặc biệt tại Hà Tĩnh - nơi truyền thống hiếu học và tinh thần yêu nước được cộng hưởng, tạo nên một dạng bản sắc địa phương. Dưới cách tiếp cận này, cuốn sách của Lê Văn Vy không chỉ dừng ở việc ghi lại tiểu sử cá nhân, mà còn khắc họa một kiểu mẫu văn hóa, trong đó nghề dạy học được xem như biểu hiện tiêu biểu của tinh thần công dân và trách nhiệm cộng đồng. Dù chiến tranh diễn ra khốc liệt, nhiều thầy cô vẫn kiên trì duy trì lớp học, coi giáo dục là một sứ mệnh không thể trì hoãn. Những câu chuyện như thầy Bùi Đình Chất ở Can Lộc ngày ngày cõng học trò đến lớp (*Cõng trò đi học*), hay thầy

Trần Đức Thiện ở Tiên Điền lấy thân mình che chở học sinh trong giây phút sinh tử (*Lấy thân mình che sự sống cho học sinh*), cùng nhiều trường hợp rời bục giảng để lên đường chiến đấu rồi hy sinh anh dũng… đều hé lộ một khung cảnh văn hóa - xã hội, nơi người thầy giữ vai trò trụ cột đạo đức, là điểm tựa tinh thần cho cả cộng đồng. Ở đó, người thầy không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn là hình mẫu nhân cách, là hiện thân của khí phách và nghĩa tình.

Trong bối cảnh hiện nay, khi nghề giáo đang đối mặt với nhiều biến động giá trị, việc tái hiện những tấm gương nhà giáo - liệt sĩ có ý nghĩa sâu sắc. Nó gợi mở cho người đọc một câu hỏi có tính thời sự: điều gì làm nên giá trị của nghề dạy học trong một xã hội chuyển động nhanh chóng? Bằng cách làm sống lại các ký ức ấy, *Ghi chép về nhà giáo - liệt sĩ* đã vượt ra ngoài khuôn khổ của một tập hồi ký - tư liệu, trở thành một hình thức lưu giữ ký ức cộng đồng, góp phần bồi đắp "văn hóa tưởng niệm" trong xã hội Việt Nam đương đại. Cuốn sách nhắc chúng ta rằng sự phát triển của hôm nay không thể tách rời khỏi những hi sinh lặng thầm của quá khứ; và giá trị nhân văn của tác phẩm nằm ở chỗ giúp độc giả nhận diện lại vai trò bền vững của người thầy trong chiều sâu văn hóa, trong ý thức cộng đồng của người Việt.

3. Trong khi tái hiện chân dung của 29 nhà giáo - liệt sĩ, cuốn sách đồng thời mở ra một không gian trầm mặc của những người ở lại - cha mẹ, vợ con, đồng nghiệp và học trò của họ. Nỗi đau của những người ở lại lặng lẽ, mang sắc thái trầm bền của một cộng đồng đã quen kiên nhẫn chịu đựng và giàu đức hy sinh - phẩm chất thường được xem như đặc trưng văn hóa của con người xứ Nghệ. Từ những những câu chuyện, những kỷ vật

được nâng niu qua nửa thế kỷ (*Chuyện ít biết về nhà giáo - liệt sĩ Bùi Dung, Điều không thể thành có thể, Dạy học để hoạt động cách mạng, Kỷ vật vô giá, Chị em quấn nhau như hình với bóng…*), những lá thư nhuốm màu thời gian (*Những lá thư từ chiến trường*), đến những câu chuyện được kể lại bằng giọng run run của học trò, đồng nghiệp khi mái tóc đã bạc màu thời gian (*Cõng trò đi học, Hoá thân thành phượng vỹ, Thời gian…*)… người đọc cảm nhận rõ chiến tranh không chỉ cướp đi sinh mạng của những người thầy, người cô mà còn để lại những nỗi đớn đau, những khoảng trống dai dẳng, khó khoả lấp trong từng gia đình và mái trường.

Bằng cách lựa chọn lối ghi chép gần với tư liệu sống, Lê Văn Vy đã phục dựng một phần ký ức của cộng đồng, nơi nỗi đau quá khứ và lòng tri ân hiện tại được cộng hưởng, cùng làm sáng rõ vẻ đẹp nhân văn về sự hi sinh. Cách tổ chức tư liệu của tác giả vì thế không chỉ nhằm mục đích hồi cố, mà còn kiến tạo một diễn ngôn về cái đẹp nhân văn của sự hy sinh: những mất mát riêng tư được đặt trong bình diện giá trị chung, nơi nỗi đau được nâng đỡ bởi ý thức cao cả về trách nhiệm lịch sử. Chính sự song hành giữa nỗi đau riêng và giá trị chung ấy khiến cuốn sách không chỉ là một tài liệu lịch sử - giáo dục, mà còn là một thông điệp lặng lẽ nhưng thấm thía về sức mạnh của quá khứ, về vẻ đẹp của lòng hi sinh cao cả của người dân Việt Nam nói chung và người Hà Tĩnh nói riêng vì nền độc lập của dân tộc.

4. Trên bình diện nghệ thuật, *Ghi chép về nhà giáo - liệt sĩ (Tập 1)* không nhằm tạo dựng một tác phẩm văn học theo nghĩa thuần túy. Tuy nhiên, quá trình đọc cho thấy tác phẩm sở hữu một cấu trúc thể loại linh động, có sự kết hợp giữa yếu tố báo chí, ký sự và chân dung văn học.

Lê Văn Vỵ chọn lối kể mạch lạc, tiết chế cảm xúc, ưu tiên độ xác thực hơn sự trữ tình. Dù đối tượng viết là những nhân vật có số phận bi tráng, nhưng tác giả không khai thác khía cạnh bi kịch để tạo hiệu ứng cảm xúc. Ngược lại, ông để tư liệu và lời kể nhân chứng dẫn dắt câu chuyện. Điều này tạo ra một khoảng cách thẩm mỹ cần thiết, giúp tác phẩm giữ được tính trung thực. Ngay cả ở những câu chuyện có khả năng khơi gợi cảm xúc mạnh do tính chất khốc liệt của chiến tranh và mức độ hy sinh mất mát (*Có phải Lượng và Minh về đó không?, Khắc khoải tiếng chim từ quy, Chuyến dò định mệnh, Mộ gió…*), tác giả vẫn giữ một ngòi bút kiểm soát, điềm đạm, không khai thác bi kịch như một chiến lược thẩm mỹ. Chính sự tự hạn chế này đã tạo ra hiệu quả kép: một mặt bảo vệ tính xác tín của tư liệu, mặt khác trao cho người đọc khoảng trống để tự hình thành trải nghiệm cảm xúc - một phương thức gợi hơn là tả, gọi mời hơn là áp đặt.

Mặc dù vậy, nhiều ghi chép trong cuốn sách lại được đặt trong những bối cảnh giàu chi tiết và hình tượng: *Sân trường tranh tre, con đò ngang, buổi chiều gió Lào, khoảnh khắc "phượng vĩ hóa thân" trước mùa thi, một hoàng hôn đỏ lửa sau trận bom…* Các hình ảnh mang tính biểu tượng như *ngọn lửa, phượng vĩ, con đò, cánh thư, tiếng chim từ quy…* được sử dụng với tần suất vừa phải nhưng hiệu quả, tạo nên một không gian thẩm mỹ có chiều sâu, nơi ký ức được "hình tượng hóa" thay vì chỉ được thuật lại. Nhờ đó, tác phẩm vượt ra ngoài tính chất tư liệu thuần túy để trở thành một không gian ký ức giàu sức gợi, nơi cảm xúc lịch sử được khơi dậy không phải bằng sự bi lụy, mà bằng sự lặng lẽ, nghiêm cẩn của ký ức được phục dựng một cách có trách nhiệm.

Tác giả cũng rất thành công trong việc khắc họa đời sống và tính cách riêng của từng nhân vật, tránh sự đồng nhất hóa. Ở từng bài viết, mỗi nhà giáo hiện lên như một số phận, một khí chất, một cách sống riêng. Đó là nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Trường Bùi ở xã Cẩm Trung đa tài, "anh hoa phát tiết", hội tụ nhiều năng khiếu từ học giỏi, sáo hay đến vẽ đẹp, khéo tay (*Ngọn lửa*); thầy Trần Xuân Hoạt ở Cẩm Bình, dạy môn Tự nhiên nhưng làm thơ rất hay và say mê nghiên cứu kỹ thuật, luôn tìm cách đưa tiến bộ khoa học vào sản xuất (*Hoá thân vào phượng vỹ*); thầy Trần Huy Quang ở Hồng Lĩnh với phong cách "cháy hết mình" trên bục giảng để truyền lửa cho học trò (*Người truyền lửa cho học sinh*); là tấm gương hiếu học, bền bỉ vượt lên gian khó của thầy Hồ Viết Mười ở Trường Lưu (*Yêu thương ở lại*); là tình yêu đầy khắc khoải, đợi chờ giữa chiến tranh của vợ chồng nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Phi Nhân và Nguyễn Thị Lan (*Khắc khoải tiếng chim từ quy*); là ý chí, nghị lực của thầy Nguyễn Hữu Phẩm ở Cẩm Bình, "vịn con chữ mà đứng dậy"; là nỗi nghẹn ngào trong câu chuyện nhà giáo - liệt sĩ Võ Tiến Hưởng ở Kỳ Phong, hi sinh khi chưa biết mặt con; hay bức chân dung trên bàn thờ đầy ám ảnh của cô giáo Phan Thị Như Thịnh, với "khuôn mặt tròn, trẻ trung, mắt sáng", ngã xuống khi mới tuổi đôi mươi (*Mãi mãi tuổi 20*) …

Chính sự đa dạng về tính cách, cảnh đời và phẩm chất ấy đã làm nên chiều sâu của cuốn sách, giúp các ghi chép vượt lên khỏi khuôn mẫu minh họa, để trở thành một bộ chân dung có giá trị. Xét từ góc độ thể loại, đây là một tập chân dung - ký sự báo chí, nhưng rất giàu tính biểu tượng, có chiều sâu nhân văn.

Xét về mặt cấu trúc của các bài viết, ở cuốn sách này, mỗi nhân vật được khắc họa qua một chuỗi sự kiện tiêu biểu, được

xác minh bằng nhân chứng, và thường được khép lại bằng một đoạn kết suy tư, mang tính tưởng niệm. Cấu trúc ấy không chỉ đảm bảo tính xác thực mà còn tạo nên một diễn ngôn tưởng niệm, nơi người viết đóng vai trò như một người lưu giữ ký ức cộng đồng.

Tóm lại, trong bối cảnh nghề dạy học đang phải đối diện với nhiều áp lực và những biến động sâu sắc về hệ giá trị, cuốn sách *Ghi chép về nhà giáo - liệt sĩ (Tập 1)* của nhà giáo - nhà văn Lê Văn Vỵ không chỉ là một văn bản hồi cố nhằm phục dựng ký ức, mà còn là tiếng nói đối thoại giàu sức gợi với hiện tại. Cuốn sách nhắc chúng ta rằng lịch sử của dân tộc còn có thêm một mảng màu từ những người thầy cô âm thầm, giản dị, nhưng sẵn sàng gánh vác trách nhiệm công dân đến tận cùng. Những nhà giáo - liệt sĩ ấy đã góp phần viết tiếp lịch sử bằng cả phấn trắng và máu đỏ, bằng những bài giảng còn dang dở, những dự định chưa thành và những ước mơ lặng thầm gửi lại cho các thế hệ sau. Vì vậy, cuốn sách không chỉ khơi dậy lòng tri ân, mà còn mở ra một không gian suy tư về ý nghĩa của nghề dạy học trong thời đại đang chuyển động mạnh mẽ: Điều gì làm nên giá trị bền vững của người thầy? Điều gì làm cho giáo dục tiếp tục giữ vai trò trung tâm trong đời sống văn hóa của một cộng đồng? Chính những câu hỏi ấy đã tạo nên chiều sâu tư tưởng cho tác phẩm và khẳng định giá trị đặc biệt của cuốn sách này.

CAO THỊ ANH TÚ

(Đại học Vinh)

NGỌN LỬA TRI ÂN CỦA NGƯỜI THẦY TÓC BẠC

Trong tiết trời se lạnh của tháng 11 - mùa của tri ân và nhớ ơn thầy cô - cuốn **"Ghi chép về nhà giáo - liệt sĩ"** của nhà giáo, nhà thơ Lê Văn Vụ (bút danh Văn Lê) được xuất bản như một ngọn lửa ấm thắp lên giữa lòng người. Ở tuổi ngoài bảy mươi, ông vẫn lặng lẽ, bền bỉ đi tìm lại dấu chân 29 nhà giáo - liệt sĩ Hà Tĩnh, những con người đã gieo chữ trong gian khó rồi ngã xuống giữa bom đạn, để lại bục giảng dở dang và khát vọng trọn vẹn về Tổ quốc.

Từ cuốn nhật ký hơn sáu mươi năm tuổi, bức thư chiến trường ố vàng, chiếc đồng hồ cũ, đến giấy xét nghiệm gien hay lời kể của những nhân chứng sống, ông đã gom góp từng mảnh ký ức, hồi sinh cả một thế hệ thầy cô "dạy chữ bằng tim, viết bài giảng bằng máu".

Không chỉ là người sưu tầm, Lê Văn Vụ là người giữ hồn tri ân - một nhà giáo già vẫn miệt mài viết như đang tiếp nối sứ mệnh gieo chữ, gieo lòng yêu nước và nhân cách người thầy cho mai sau. Tác phẩm không chỉ tri ân người đã khuất mà còn thức tỉnh người đang sống - để nhớ rằng đằng sau mỗi mái trường

yên bình hôm nay là bóng dáng của bao người thầy đã hóa thành đất nước.

"**Ghi chép về nhà giáo - liệt sĩ**" xứng đáng có mặt trong mỗi thư viện nhà trường, mỗi tủ sách gia đình, mỗi ngôi nhà của người làm giáo dục - như một cuốn sách để đọc bằng mắt, giữ bằng tim và truyền lại bằng lòng biết ơn. Đây không chỉ là một tác phẩm, mà là một di sản tinh thần, một nén hương lòng gửi đến những người thầy bất tử.

PHAN DUY NGHĨA

(Sở GD&ĐT Hà Tĩnh)

NHỮNG TRANG VIẾT CÓ SỨC LAN TỎA MẠNH MẼ...

Nhận điện thoại của nhà giáo - nhà văn Văn Lê nhờ kết nối với gia đình các nhà giáo - liệt sĩ ở Kỳ Ninh và các xã lân cận, tôi và đồng nghiệp triển khai ngay. Nhưng những thông tin của chúng tôi còn đơn giản. Thầy Văn Lê hẹn vào và nhờ đưa đường. Tôi nhận lời.

Đầu tiên, chúng tôi tìm đến gia đình nhà giáo - liệt sĩ Lê Văn Sen (1950-1971), sau khi thu thập chứng cứ, di vật, chúng tôi gặp gỡ bà Nguyễn Thị Huấn (chị dâu liệt sĩ Lê Văn Sen). Ở tuổi 88, bà Huấn lúc nhớ, lúc quê, Văn Lê đã kiên nhẫn, khơi gợi để bà Huấn nhớ lại những kỷ niệm với em trai. Khi nghe bà Huấn kể rằng chú Sen hay thổi sáo, đặc biệt là bài "Bèo dạt mây trôi", nhà văn Văn Lê mắt ngời sáng, vịn vào đó, khơi gợi, xâu chuỗi được hàng loạt thông tin theo trục thời gian.

Cũng như vậy, khi gặp gỡ bà Nguyễn Thị Hoa, con gái nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Tiến Thanh, nhà văn Văn Lê đã căn vặn từng chi tiết: "Hồi nhỏ, bố dạy bà học không? Có dạy phát âm không? Dạy thế nào? Còn nhớ không? Bố tập viết chữ ra sao?" vv… Một cách tiếp cận tư liệu rất cẩn trọng, tường tận, chi tiết.

Khi đến nhà bà Nguyễn Thị Duyệt (Kỳ Trinh; cháu nhà giáo - liệt sĩ Nguyễn Đình Phước (1943-1966), nhà văn Văn Lê không chỉ ghi âm mà còn ghi chép tỉ mỉ từng chi tiết từ lúc nhà giáo Nguyễn Đình Phước đi dạy cho đến khi hy sinh, phần mộ được an táng tại Phú Cát, Bình Định được cất bốc về quê nhà. Văn Lê đã chụp ảnh lưu trữ những tư liệu như Giấy báo tử, Bằng Tổ quốc ghi công, Giấy giới thiệu cất bốc hài cốt Giấy ủy quyền thờ cúng liệt sĩ… Nhưng vẫn chưa an tâm, thầy Văn Lê ngoài liên lạc qua điện thoại còn trở lại gia đình lần nữa trực tiếp xác minh những tư liệu một cách cẩn trọng.

Chúng tôi hoàn toàn chia sẻ với nhà văn trong quá trình làm tư liệu, phải đối mặt với muôn vàn khó khăn. Hầu hết các gia đình liệt sĩ không còn lưu lại được các di vật. Những người ruột thịt: Bố, mẹ, anh, chị, em, vợ lần lượt ra đi. Vì vậy, không tranh thủ làm kịp thời sẽ không còn nhân chứng để khai thác…

Vài ngày sau, chúng tôi lần lượt nhận được các bài viết của nhà văn với đề nghị xem lại có chi tiết nào chưa đúng cần chỉnh sửa, có tư liệu nào cần bổ sung và nhờ chúng tôi đăng lên facebook, kết nối với người thân, gia đình liệt sĩ để họ phản hồi.

Những trang viết ấy đã nhận được phản hồi tích cực, có sức lan tỏa rộng rãi không chỉ trong giáo viên, học sinh mà còn cả trong cộng đồng. Nhiều người chia sẻ rằng khi đọc, mới biết các thầy giáo đã rời bục giảng ra chiến trường hy sinh cho độc lập,tự do Tổ quốc. Các em học sinh tự hào khi biết trường mình có thầy giáo là anh hùng - liệt sĩ. Từ đó, nhà trường đã quan tâm tu sửa, bổ sung, hoàn thiện Phòng truyền thống. Thậm chí một số bà con ở Kỳ Ninh còn bày tỏ mong muốn "Giá như nhà văn

viết về truyền thống yêu nước, truyền thống văn hóa của làng ta, quê ta để con cháu đọc mà hiểu về cha ông, ra sức học hành phấn đấu gìn giữ truyền thống tốt đẹp, xây dựng quê hương, đất nước mạnh giàu…". Tôi đã chuyển ý tưởng ấy đến nhà văn Văn Lê.

NGUYỄN MINH ĐẠO

(Hiệu trưởng Trường THCS Kỳ Ninh)

MỘT NÉN TÂM NHANG THÀNH KÍNH DÂNG LÊN CÁC NHÀ GIÁO - LIỆT SĨ...

Chiến tranh qua đi nhưng nỗi đau thì còn mãi. Trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống Pháp và Mỹ của dân tộc, có biết bao đồng bào chiến sĩ của ta đã ngã xuống. Trong số họ, có những người đang cầm phấn, đứng trên bục giảng. Có người thầy hi sinh khi lên đường nhập ngũ, cầm súng chiến đấu với kẻ thù, nhưng cũng có người thầy hi sinh ngay dưới mái trường, nơi thầy vẫn đang cầm cây thước, bên phấn trắng, bảng đen. Biết ơn, trân trọng và tôn vinh những người thầy ấy, tác giả Lê Văn Vỵ đã tâm huyết và công phu trong hành trình tìm hiểu, sưu tầm, ghi chép để cho ra đời cuốn sách *Ghi chép về thầy giáo - liệt sĩ* ngay tại quê hương Hà Tĩnh của ông. Cuốn sách là bức chân dung về những thầy cô giáo của mảnh đất Hà Tĩnh đã anh dũng đã hi sinh trong cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc.

Ấn tượng đầu tiên của người đọc về cuốn sách chính là sự công phu, tâm huyết, kiên nhẫn và nghiêm túc của tác giả. 29 thầy giáo liệt sĩ trong cuốn sách là 29 câu chuyện đời thực được ghi chép với người thật, việc thật, cứ liệu và dẫn chứng sinh động, xác thực.

Bước vào không gian của cuốn sách, tôi thực sự xúc động, trào dâng lên một lòng xót thương với những người thầy trong thời chiến. Có những câu chuyện mà thế hệ trẻ chúng tôi hôm nay, mặc dù cũng là thầy cô giáo nhưng lần đầu tiên được thấu cảm một cách sâu sắc như thế. Về những điều bình dị và đơn sơ nhưngthiêng liêng và cao cả mà những người đồng nghiệp của mình trong chiến tranh trải qua! Câu chuyện về thầy giáo Nguyễn Công Hoạt khiến tôi xúc động mạnh mẽ. Thầy là một người tài năng, vừa giỏi Toán vừa giỏi thơ phú. Bao thế hệ học sinh ngưỡng mộ kính yêu thầy. Tiếc biết bao khi một tài năng sư phạm như thầy lại hi sinh khi còn quá trẻ, mối tình vừa chớm nở, tài năng đang độ chín, tuổi trẻ của thầy đang xanh tươi như cành phượng vỹ thầy ươm. Một lần sơ tán trường, tìm chỗ học mới cho học trò, thầy trúng bom của Mỹ, máu xương thầy hòa lẫn với mái ngói, với trời xanh… Sự hi sinh của thầy ngay trên mái trường hằng ngày vẫn vọng tiếng thầy giảng bài đã để lại biết bao sự xót xa, tiếc thương. Sống và chết đều gắn bó với mái trường, với sự nghiệp trồng người cao cả… Để rồi hằng năm, học trò trường THCS Cẩm Bình ngày ấy đều về lại mái trường làm giỗ thầy, thắp nén nhang, đọc thơ tri ân người thầy kính yêu của họ.

Cũng có những điều bình dị đơn sơ nhưng lại trở thành điều xa vời với những thầy giáo - chiến sĩ thời đó. Câu chuyện về thầy giáo trẻ Nguyễn Ngọc Mỹ thức tỉnh trong ta về giá trị của hòa bình, và sự sẻ chia đến tận cùng thương cảm với những người lính trong chiến tranh. Thầy giáo Mỹ còn rất trẻ. Dạy học được ít năm thì thầy nhập ngũ. Mối tình duyên vừa nở, sau đám cưới ít ngày thì thầy đi lính. Hai vợ chồng trẻ sống trong nhớ

nhung xa cách. Thời gian họ ở bên nhau quá ngắn ngủi. Có lần trên đường làm nhiệm vụ thầy ghé thăm nhà, nhưng vài tiếng đồng hồ gặp gỡ, không gian riêng tư cho đôi bạn trẻ cũng không có, họ lại chia xa. Và rồi họ chia xa mãi khi thầy bị sốt rét rừng và hi sinh. Họ chưa kịp có con, chưa kịp yêu nhau… Chiến tranh đã trở thành một nhát dao cắt ngang cuộc đời họ. Người vợ trẻ chờ chồng trong vô vọng, chiếc bảng đen năm ấy vẫn còn vương phấn trắng…

Mặc dù viết về một đề tài quen thuộc và gần gũi, nhưng với lối kể chuyện tự nhiên, sinh động, những trang viết trong cuốn sách của tác giả vẫn có sức ám ảnh mạnh mẽ trong tâm trí bạn đọc, để lại sự xúc động khôn nguôi. Cuốn sách như một nén tâm nhang thành kính mà nhà văn kính cẩn dâng lên các thầy giáo - liệt sĩ trong mùa Hiến chương này.

Sau khi đọc sách, tôi cảm thấy lòng mình vững vàng hơn, trách nhiệm hơn với nghề giáo: hãy dạy bằng cả tâm hồn và trách nhiệm, bởi biết bao người đã ngã xuống để hôm nay tiếng trẻ học bài mới được hòa vang cùng với tiếng chim ca lảnh lót dưới mái trường hòa bình. Và tôi chợt nghĩ, người thầy, người cô đang dìu dắt chúng ta học trong thời bình hôm nay có thể không ra trận, nhưng tinh thần "hy sinh vì sự nghiệp trồng người" thì vẫn có sẵn trong mỗi người. Vì vậy, mỗi chúng ta hãy trân trọng việc học, trân trọng người thầy, và khi lớn lên thì hãy nhân rộng giá trị ấy, làm người và làm thầy theo cách mình có thể.

Cuối cùng, xin chúc mừng tác giả Lê Văn Vỵ đã dày công xây dựng một tác phẩm ý nghĩa, một lời tri ân trang trọng khi tháng

11 về, dành cho các nhà giáo - liệt sĩ. Xin chúc cuốn sách sẽ được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt, lan rộng trong các trường học, trong các cuộc hội thảo, trong mỗi gia đình, để chúng ta không bao giờ quên những người đã "gác phấn trắng, bảng đen" để giữ gìn ý chí, lý tưởng cho thế hệ sau.

Hương Sơn
19/11/2025

TRỊNH THỊ NGA

(GV Trường THCS Nguyễn Tuấn Thiện, Hương Sơn)

THÔNG ĐIỆP TỪ CÂU CHUYỆN: "VỊN CON CHỮ MÀ ĐỨNG DẬY"

Chiều 19/11, giữa tiết trời rét, tôi đến nhà thầy - nhà giáo, nhà văn Lê Văn Vỵ để chúc mừng thầy nhân dịp 20 tháng 11. Dẫu thời tiết khắc nghiệt, lòng tôi vẫn ấm áp, bởi mỗi lần được gặp thầy luôn là một lần được tiếp thêm ánh sáng và động lực. Thầy mở cửa đón tôi bằng nụ cười phúc hậu. Thầy bảo đã lâu không gặp, nên khi thấy tôi đứng trước hiên nhà, thầy cảm nhận được niềm vui thật sự. Đối với tôi, điều đó mang ý nghĩa lớn hơn một lời chào. Đó là sự trân quý của một người thầy dành cho học trò, và cũng là bài học đầu tiên trong buổi chiều hôm ấy - bài học về sự chân thành.

Nhiều năm qua, tôi học ở thầy không chỉ tri thức mà là cả cách sống. Thầy tự chăm sóc sức khỏe khoa học, chừng mực trong ăn uống, và đặc biệt là sự bền bỉ trong lao động trí tuệ. Bút lực của thầy luôn dồi dào, cách làm việc của thầy chuẩn mực, tỉ mỉ, kiên trì như một người thợ gìn giữ từng mảng ký ức của quê hương và lịch sử. Ngồi bên thầy, nâng chén trà nóng, thưởng thức vị cam thơm ngọt, tôi cảm nhận sâu sắc sự giản dị mà đầy ấm áp

của tình thầy. Rồi thầy ký tặng tôi tác phẩm: **"Ghi chép về nhà giáo - liệt sĩ"** vừa xuất bản. Đặc biệt, thầy đọc cho tôi nghe câu chuyện thầy giáo - liệt sĩ Nguyễn Hữu Phẩm. Thầy Phẩm mồ côi mẹ lúc 12 tuổi , một năm sau mồ côi bố. Nguyễn Hữu Phẩm đã nuôi 4 em nhỏ, cậu em út khi mẹ mất vừa mới 6 tháng tuổi. Thương các cháu bơ vơ, o (cô) Tuyết về ở với các cháu. Máy bay Mỹ ném bom, nhà cháy, o (cô) Tuyết cũng ra đi, bỏ lại 5 anh em. Từ đây, 5 anh em ly tán. Nhưng trong khổ đau ấy, anh cả Nguyễn Hữu Phẩm cắn răng, trằng mắt không bỏ học và xong lớp 7 anh vào sư phạm, ra trường có lương nuôi 4 em.

Giọng đọc của thầy trầm ấm, truyền cảm, chắc nịch như sức mạnh của chữ nghĩa mà thầy đã gìn giữ cả đời. Thầy dừng lại ở câu chuyện về gia đình liệt sĩ Nguyễn Hữu Phẩm - người thầy đã ngã xuống vì Tổ quốc, để lại cho hậu thế không chỉ tấm gương mà còn là chân lý sâu sắc: *"Khó khăn thế này chứ khó khăn nữa cũng cố mà học. Càng đói, càng khổ, càng phải học để đứng dậy. Vịn vào con chữ mà đứng dậy".* Những lời ấy vang lên giữa căn nhà nhỏ, mà tôi nghe như vọng từ quá khứ chiến tranh gian khổ. Ông Nguyễn Hữu Diên - em ruột liệt sĩ - kể rằng họ thiếu thốn cả vật chất lẫn tình thân; bà o là chỗ dựa duy nhất cũng hy sinh vì bom đạn. Vậy mà giữa đổ nát, anh em họ vẫn siết chặt nhau để sống, để học, để giữ lấy ánh sáng của con chữ. Câu chuyện ấy khiến tôi day dứt. Ngày xưa, giữa bom rơi lửa đạn, người ta vẫn quyết học. Hôm nay, học trò đủ đầy sách vở, đủ đầy phương tiện, nhưng có em lại dễ buông bỏ, dễ chán nản. Cho nên câu chuyện của thầy đâu chỉ hoài niệm về ký ức quá khứ mà hướng

đến tương lai, gửi thông điệp rõ ràng: *Học để sống. Càng khổ đau, càng phải học.* ***Vịn con chữ mà đứng dậy!*** Buổi gặp hôm ấy, chúng tôi còn trò chuyện nhiều điều về nghề viết, về nhân ái, về nhân cách của người cầm bút. Mỗi câu chữ thầy nói đều là một bài học, mỗi chia sẻ của thầy đều giúp tôi trưởng thành thêm một phần. Điều tôi mang trong lòng là sự kính trọng sâu sắc và lòng biết ơn chân thành đối với thầy - một người dành cả cuộc đời để gìn giữ giá trị của chữ nghĩa, của đạo nghề, và của lịch sử giáo dục quê hương. Và trên hết, đó là sự tri ân thiêng liêng đối với những nhà giáo - liệt sĩ đã hy sinh để ngày hôm nay chúng ta được học tập, được sống trong hòa bình, được viết tiếp những trang đời mà họ dang dở.

HOÀNG HỮU TÙNG

(GV Trường PTTH Cẩm Xuyên)

Ghi chép các nhà giáo - liệt sĩ của nhà thơ, nhà báo Lê Văn Vy là một thế giới ký ức phong phú, mang nặng xúc cảm, nơi phẩm cách, số phận con người được tôn vinh, được nuôi dưỡng bằng văn hóa dân tộc trước bao biến cố của lịch sử, xã hội.

Thế giới ký ức ấy có đứt gãy, nhưng liền mạch, được Lê Văn Vy cấu trúc phân tầng. Tầng các nhà giáo liệt sỹ với lẽ sống, tình yêu thương, hoài bão, tinh thần bất khuất, chiến đấu, hy sinh vì lý tưởng. Tầng những người hậu phương cha mẹ, vợ con, người thân thích, đồng nghiệp, học trò nhân ái, thân thương. Tất cả làm nên một một vùng sáng nhân tính, **một không gian mỹ học ký ức đặc trưng.**

Tôi tin, năm 14 tuổi tiễn anh vào chiến trường đánh Mỹ, năm 17 tuổi trái tim tổn thương vì người anh trai thân yêu hy sinh, ký ức buồn đau ấy thao thức trong lòng ông hàng nửa thế kỷ qua. Ký ức ấy cùng bản ngã của một nhà báo đã giúp Lê Văn Vy đi hàng trăm cây số, gặp hàng trăm người thu thập, xây dựng cho mình một nguồn tư liệu văn bản, tư liệu ảnh phong phú, chân thực, cho ông sự nhạy cảm đạo đức sắc sảo để ông rũ tóc xuống bàn mấy tháng trời ròng rã viết bằng tình yêu, nỗi đau, sự ngưỡng mộ… làm nên *Ghi chép các nhà giáo - liệt sĩ;* một cuốn sách độc đáo, nhiều ý nghĩa hiếm hoi trong văn học Việt Nam đương đại…

Nhà văn ĐỨC BAN

… Hơn cả một ghi chép, Lê Văn Vỵ với tư cách là một nhà văn, nhà thơ, ông không những đã dựng lại chân thực một phần chân dung các nhà giáo - liệt sĩ qua cách ghi chép có chọn lọc các chi tiết khá cụ thể, điển hình, giữ lại giọng kể trung thực của các người thân và bằng bút pháp linh hoạt khi thì dẫn câu thơ, lời hát, khi thì chọn các chi tiết sinh động (cây cối trong vườn, con tôm, con cá ngoài ruộng ...) và thỉnh thoảng chen vào là các dòng cảm xúc bột phát rất chân thực, tự nhiên của chính mình, tác giả đã cho bạn đọc thấy chân dung các nhà giáo-liệt sĩ đến với chúng ta kính mà không xa, thương mà không luỵ ...

Luật sư TRẦN HỮU HUỲNH

(84, phố Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội)

…Ngày 27/7/2025, tôi và con cháu đến Trung tâm gọi hồn Quỳnh Lưu làm lễ gọi hồn các vong trong gia tộc, trong đó có cha tôi (nhà giáo - liệt sĩ Đinh Xuân Giao).

Cha tôi hiện lên vui vẻ, khuôn mặt rạng rỡ, hân hoan: "Cha biết rồi! Vừa qua qua cô Yến (nhà giáo Nguyễn Thị Yến - Cựu giáo chức xã Đức Thịnh, Hà Tĩnh), thầy Nguyễn Văn Hưởng (CGC Bình Thịnh, Đức Thọ) đã đưa nhà văn Lê Văn Vy đến gia đình ta thu thập tư liệu để viết về cha. Cha rất mừng là ngôi nhà, bộ bàn ghế mà cha ngồi học, cái bể xây năm 1937 mà cha trữ cá vẫn còn nguyên vẹn. Cha vui vì vợ con, anh em, làng xóm vẫn không quên cha. Bây giờ cha được vào sách: "Anh bước vào trang sách em thơ". Con gửi lời cảm ơn của cha đến cô Yến, thầy Hưởng và Nhà văn. Riêng với Nhà văn tiếp tục phát tâm, viết tiếp về các liệt sĩ. Bạn bè cha dưới này chúc mừng cho cha và họ ước nguyện được bước vào trang sách. Họ sợ nhất là rơi vào quên lãng…".

ĐINH THỊ NGUYÊN

(con gái nhà giáo - liệt sĩ Đinh Xuân Giao;
hiện trú quán tại 143, Giáp Nhất, Thanh Xuân, Hà Nội)

… Bằng bút pháp đa dạng, kết hợp nhuần nhuyễn giữa ghi chép, đối thoại, và hồi ức, tác giả đã làm sống dậy từng chân dung người thầy vừa cầm phấn, vừa cầm súng chiến đấu và ngã xuống đất nước nở hoa độc lập, kết trái tự do.

Cuốn sách không chỉ là tư liệu quý trong giáo dục truyền thống *"Uống nước nhớ nguồn"*, mà còn là nguồn cảm hứng, bài học sống động cho các thế hệ hôm nay và mai sau về lòng yêu nước, trách nhiệm, lý tưởng và phẩm giá con người Việt Nam trong mọi thời đại.

Đồng thời, đây cũng là nghĩa cử tri ân sâu nặng của tác giả gửi đến những đồng nghiệp đã hiến dâng tuổi xuân và mạng sống cho Tổ quốc. Tác phẩm góp phần khơi dậy niềm tự hào, bồi đắp truyền thống yêu nước và thắp lên những giá trị nhân văn cao đẹp trong lòng mỗi người đọc…

DƯ LÝ TRÍ

(Nguyên quyền Chánh Văn phòng,
Sở GD&ĐT Hà Tĩnh)

Xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến nhà văn Lê Văn Vy đã dành nhiều tâm huyết, trí lực và tình cảm để viết nên những trang tư liệu đầy giá trị về các nhà giáo - liệt sĩ, những con người đã dành trọn cuộc đời cho sự nghiệp trồng người và không tiếc máu xương để bảo vệ Tổ quốc.

Những tác phẩm của quý vị không chỉ giúp chúng tôi hiểu hơn về cuộc đời, lý tưởng và sự hy sinh cao đẹp của các thầy cô, mà còn góp phần gìn giữ ký ức lịch sử và lan tỏa tinh thần biết ơn đến thế hệ hôm nay và mai sau.

Xin được bày tỏ lòng trân trọng đối với những đóng góp quý báu của nhà văn Lê Văn Vy

Cảm ơn quý vị đã thắp lên trong lòng gia đình chúng tôi niềm tự hào, sự xúc động và trách nhiệm gìn giữ những giá trị cao đẹp mà các nhà giáo - liệt sĩ đã để lại.

NGUYỄN MỘNG THU

(Con dâu nhà giáo - liệt sĩ Trần Xuân Tiến)

SỨC HẤP DẪN CỦA TÁC PHẨM: "GHI CHÉP VỀ NHÀ GIÁO - LIỆT SĨ"

Tôi tan tiết 5 thì nhận được những dòng tin nhắn của cô Ngọc - Hiệu trưởng kèm hình ảnh cuốn sách "GHI CHÉP VỀ NHÀ GIÁO - LIỆT SĨ". "Cô mới được kí tặng cuốn sách này, em rảnh lúc nào thì qua cô cho mượn về đọc nhé!". Tôi vội vã đi nhanh xuống ngay phòng cô.

Chiều hôm đó, tôi dành nguyên buổi chiều, cẩn thận lật giở từng trang sách. Song mới đọc đến những trang đầu tiên về Nhà giáo - Liệt sĩ Nguyễn Trường Bùi nước mắt tôi đã giàn giụa… Tôi cố nén xúc động và đọc những trang tiếp theo, cho đến khi tôi không thể chịu nổi vì sự ám ảnh và xúc động. Tôi quyết định rời khỏi bàn một lát để bản thân mình điềm tĩnh lại, cảm xúc được cân bằng. Thông thường để đánh dấu trang sách đang đọc giở, không "bo mép" thì tôi gấp đôi trang sách lại. Nhưng lần này, khi chuẩn bị làm việc đó, tôi lại giật ngay tay mình lại, lấy ngay một cuốn sổ và cho vào lòng trang sách đang đọc giở để đánh dấu, bởi tôi không muốn vô tình làm đau những dòng chữ, làm đau người trong chữ.

Chiều 29/12, trời mùa đông mà nắng gắt, trời hanh khô nóng bức. Thế nhưng tôi rời bàn trong cảm giác lạnh nổi hết da gà. Tôi bước qua đường sang nhà bác hàng xóm ngồi một hồi cho

trấn tỉnh lại, rồi trở lại bàn đọc tiếp. Đêm đó tôi khó ngủ. Thao thức chập chờn.

Chiều cuối năm và sang đến 22 giờ, tôi đã đọc hết cuốn sách "GHI CHÉP VỀ NHÀ GIÁO - LIỆT SĨ" của nhà giáo, nhà thơ Lê Văn Vụ. Cuốn sách là những ghi chép chân thực và đầy ám ảnh về 29 nhà giáo - liệt sĩ, đều là những người con của quê hương Hà Tĩnh.

Thầy giáo Lê Văn Vụ với học sinh Trường Tiểu học Bắc Hà, Hà Tĩnh trong buổi ra mắt sách: "GHI CHÉP VỀ NHÀ GIÁO - LIỆT SĨ"

Những cung bậc cảm xúc tôi đã trải qua khi đọc cuốn sách: Bị cuốn hút bởi từng số phận. Xúc động đến rơi nước mắt, có khi cảm xúc không kiềm chế được phải trấn tĩnh lại bằng cách rời khỏi bàn. Trong bản thân dâng lên một niềm cảm phục, trân quý vô cùng những tấm gương nhà giáo - liệt sĩ và cả những thân nhân của họ. Tiếc thương, đau xót và ám ảnh khôn nguôi về sự

hi sinh của các thầy. Tôi thấy mình như được gột rửa, tẩy mờ các ý nghĩ ích kỉ trong bản thân mình, khi đứng trước những hành xử cao cả của những người thầy-người lính trong trang sách. Cuốn sách đã thật sự chạm đến trái tim tôi.

Tôi bắt đầu ngẫm nghĩ về cuộc đời 29 người thầy trong cuốn sách. Mỗi người có một cảnh ngộ, số phận riêng; đến với nghề giáo trong những hoàn cảnh khác nhau và hi sinh trong những tình huống khác nhau. Có những người thầy ra đi khi chưa mất đi nụ hôn đầu, có người thầy ra đi khi chưa kịp nhìn thấy đứa con của mình cất tiếng chào đời, nhưng tất cả họ đều đã sống một cuộc đời chung - cuộc đời của một dân tộc đang trải qua cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Họ đã hóa thân vào nước, vào đất, vào cây và hóa thân vào lòng những người ở lại, trở thành nỗi nhớ khôn nguôi.

Thầy giáo Lê Văn Vỵ tại Lễ ra mắt sách:
"GHI CHÉP VỀ NHÀ GIÁO - LIỆT SĨ"

Tôi thật sự không thể tưởng tượng được những gì họ đã phải trải qua khi nỗi đau mất đi người thân của mình. Bây giờ thì tôi đã hiểu những người từng đi qua những năm tháng ác liệt của chiến tranh, từng trải qua cảnh mưa bom bão đạn, từng phải sống trong cái thời mà sự sống và cái chết quá đỗi mong manh. Tất cả họ đều vô cùng điềm tĩnh, thản nhiên với những khó khăn của cuộc sống thời bình. Những ai đã từng đi qua chiến tranh, trải qua những nỗi đau mất mát đều chọn một cuộc sống thật khiêm nhường đến lặng lẽ. Vì với họ những gì khó khăn nhất, đau đớn nhất họ đã nếm trải trong cuộc đời của quá khứ.

Tôi bắt đầu nghĩ về sức hấp dẫn của nghệ thuật viết kí của nhà văn Lê Văn Vy. Trước khi tôi biết đến thầy với danh xưng nhà văn, nhà báo, tôi từng biết đến thầy với vai trò là một nhà giáo dạy văn như tôi từng chia sẻ. Ở chương trình Ngữ văn 2018, các bài học được thiết kế theo đặc trưng của thể loại. Ở thể loại kí được học ở chương trình lớp 11 và 12 đều ở bài 7 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). Ngữ văn 11 của sách Kết nối tri thức, học sinh và giáo viên được học thể loại truyện kí với tác phẩm "Và tôi vẫn muốn mẹ" của nhà văn Xveclana người Bêlarut. Bà được nhận giải thưởng Nobenl văn học với tác phẩm cũng ở thể loại phi hư cấu "Chiến tranh không có khuôn mặt phụ nữ". Khi cùng học sinh tìm hiểu về truyện kí "Và tôi vẫn muốn mẹ", chúng tôi cảm nhận được nỗi đau mất mát về Chiến tranh thế giới thứ II gây ra. Và nỗi đau này khi được khúc xạ qua kí ức của trẻ em, nhân vật chính từng nếm trải và chịu đựng chiến sự tàn khốc của chiến tranh. Chiến tranh đã cướp đi tuổi thơ êm đềm, gia đình đủ đầy hạnh phúc, chiến tranh ập đến đã biến kì nghỉ hè thú vị của những đứa trẻ thành khoảnh khắc chia xa mãi mãi. Tôi nhận ra "GHI CHÉP VỀ NHÀ GIÁO - LIỆT SĨ" có sức hấp dẫn kì lạ. Đặc trưng của kí đặc biệt là thể loại truyện kí, hồi kí, nhật kí, phóng sự tính phi hư cấu đậm nét. Nhưng để làm nên sức hấp dẫn của những trang viết mang tính thông tin, và việc

dùng nghệ thuật liệt kê, tái hiện sự thật không rơi vào nhàm chán đòi hỏi bản lĩnh của người cầm bút vô cùng lớn. Lê Văn Vỵ có cách tiếp cận, xử lý tư liệu một cách chuyên nghiệp. Với kinh nghiệm của người cầm bút đoạt được nhiều giải thưởng trong các cuộc thi Bút ký - Phóng sự, Lê Văn Vỵ đã công phu đi tìm những chứng cứ xác thực. Thời gian nghiệt ngã trôi đi. Chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh khiến cho công tác lưu trữ hồ sơ của gia đình cũng như cơ quan gặp muôn vàn khó khăn. Ấy vậy nhưng qua những bức thư còn lưu lại, qua cuốn sổ Nhật ký, qua chiếc đồng hồ Orient cũng như những kỷ vật ít ỏi, Lê Văn Vỵ đã nghiền ngẫm, nhìn đa chiều, soi thấu đáy tâm can làm hiện hình lên cuộc sống, tính cách, số phận của người đã hy sinh.

Mặt khác, tác giả đã lăn lộn "đến từng ngõ, gõ từng nhà" gặp gỡ những nhân chứng sống, người lưu giữ ký ức của đồng nghiệp, đồng đội để phỏng vấn, trao đổi, làm rõ những góc khuất qua hồi tưởng với cách lựa chọn ghi chép lại cuộc đối thoại, phỏng vấn khiến cho tính chân thực của thông tin tư liệu vô cùng đáng tin cậy. Với cách tiếp cận đó, Lê Văn Vỵ đã vượt qua được muôn vàn khó khăn khi khai thác mảng đề tại này! Khi hồi ức được tái hiện từ các nhân chứng bắt đầu hiện ra, cũng là lúc người viết lập tức lùi lại phía sau để cho nhân vật chính được hiện ra rõ ràng mồn một, chân thực và sống động. Điều đặc biệt nhất trong cách viết kí của nhà văn có bút danh Văn Lê là cách ông tạo dựng kết thúc cho mỗi trang viết về các nhân vật vừa tự nhiên, nhưng có sức gợi lớn. Tôi gọi đó là sức gợi đầy ám ảnh, gợi lên trong lòng người đọc nhiều xúc cảm vừa tiếc thương vừa mang nỗi buồn man mác. Có cái gì đó diệu vợi, khó tả như cảm giác một con người đa cảm dạo một mình trên biển vắng vào một chiều mùa đông!

Giá trị lớn nhất của "GHI CHÉP VỀ NHÀ GIÁO - LIỆT SĨ" mang đến đó chính là bài học về sự thức ngộ, những bài học về

thực hành cuộc sống cho người đọc. Hành trình sống dù ngắn ngủi của những người thầy - người lính, nhưng di sản giá trị sống, chất lượng sống và sự cống hiến mà họ để lại đã có ý nghĩa thức tỉnh con người hôm nay, mở ra nhiều suy ngẫm về sứ mệnh của chính mình, về nhân cách và cách ứng xử với nghề, với học trò, với đồng nghiệp, với cuộc đời của những người làm nghề dạy học như thế hệ chúng tôi hôm nay!

Tặng sách và quà cho thân nhân gia đình nhà giáo - liệt sĩ

Tôi nghĩ: Tác phẩm "GHI CHÉP VỀ NHÀ GIÁO - LIỆT SĨ" cần được trở thành tài liệu học tập của nội dung chương trình Giáo dục địa phương Hà Tĩnh. Và những ghi chép trong cuốn sách sẽ trở thành tác phẩm thuộc phần đọc mở rộng của chương trình Ngữ văn 11, 12 khi học Bài 7 về thể loại kí.

Nhìn hành trình, những bước chân rông ruổi của thầy làm tôi nhớ đến Tử Trường (Tư Mã Thiên) nhà văn, nhà viết sử kí nổi tiếng của Trung Quốc và cả M.S. Ba-sô - người được mệnh danh là đạo sư của thơ Haiku ở Nhật Bản, với hành trình phiêu lãng khắp xứ sở Phù Tang để làm thơ.

Xin được bày tỏ sự ngưỡng mộ, lòng biết ơn và lời chúc nhiều sức khỏe tới nhà văn, nhà giáo Lê Văn Vỵ. Hy vọng ấn phẩm ý nghĩa, đáng trân quý này sẽ đến với đông đảo bạn đọc toàn quốc. Mong chờ, đón đợi các tập tiếp theo.

Đức Thọ, 3/1/2026

TRẦN THỊ NGUYỆT

(Giáo viên Ngữ văn, Trường THPT Đức Thọ, Hà Tĩnh)

Ghi chép về

NHÀ GIÁO – LIỆT SĨ

Nguyễn Trường **Bùi**
Bùi Đình **Chất**
Bùi **Dung**
Nguyễn Xuân **Đông**
Đinh Xuân **Giao**
Đặng Duy **Giáp**
Nguyễn Văn **Hậu**
Trần Xuân **Hoạt**
Lê Quốc **Hội**
Trần Ngọc **Lượng**
Trần Thị **Minh**
Lê Văn **Minh**
Hồ Viết **Mười**
Nguyễn Ngọc **Mỹ**
Phan Văn **Mỹ**

Nguyễn Phi **Nhân**
Nguyễn Hữu **Phẩm**
Nguyễn Đình **Phước**
Trần Huy **Quang**
Võ Đình **Quế**
Lê Văn **Sen**
Võ Tiến **Hưởng**
Nguyễn Tiến **Thanh**
Trần Xuân **Tiến**
Nguyễn Hữu **Tứ**
Phan Thị Nhị **Thịnh**
Hoàng Xuân **Thọ**
Trần Xuân **Vanh**
Nguyễn Công **Việt**

ISBN: 978-632-629-099-8